

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MAI ĐỨC THẮNG

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2020

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MAI ĐỨC THẮNG

**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM**

Ngành: Quản lý giáo dục

Mã số: 9140114

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS.TS Phan Văn Kha**
- 2. PGS.TS Nguyễn Thị Thanh Huyền**

THÁI NGUYÊN - 2020

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kì công trình nào khác.

Tác giả luận án

Mai Đức Thắng

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
MỤC LỤC	ii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ	v
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	3
7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	4
8. Câu hỏi nghiên cứu	6
9. Các luận điểm bảo vệ	7
10. Đóng góp của luận án	7
11. Cấu trúc của luận án	8
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	9
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề	9
1.1.1. Những nghiên cứu về đạo đức và giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông	9
1.1.2. Những nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm và giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông	13
1.1.3. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông	16
1.2. Một số khái niệm	18
1.2.1. Đạo đức, giáo dục đạo đức	18
1.2.2. Trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm	21

1.2.3. Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	24
1.2.4. Quản lý, Quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	24
1.3. Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông.....	26
1.3.1. Đặc điểm của học sinh trung học phổ thông.....	26
1.3.2. Đặc trưng của hoạt động trải nghiệm trong trường trung học phổ thông	30
1.3.3. Ưu thế của giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	31
1.3.4. Mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	32
1.3.5. Nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	33
1.3.6. Phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	35
1.3.7. Hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	39
1.3.8. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	44
1.4. Nội dung quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông.....	48
1.4.1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông.....	48
1.4.2. Tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	50
1.4.3. Chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	52
1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	53
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông.....	55
1.5.1. Những yếu tố chủ quan	55
1.5.2. Các yếu tố khách quan	56
Kết luận chương 1	60

Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG	
QUA 61HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG	
HỌC PHỔ THÔNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM.....	61
2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng.....	61
2.1.1. Mục đích khảo sát	61
2.1.2. Đối tượng khảo sát.....	61
2.1.3. Nội dung.....	61
2.1.4. Phương pháp khảo sát	61
2.1.5. Cách thức xử lý kết quả khảo sát và thang điểm đánh giá.....	62
2.2. Khái quát về khách thể và địa bàn nghiên cứu	63
2.2.1. Khái quát về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.....	63
2.2.2. Khái quát về các trường khảo sát.....	65
2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	69
2.3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.....	69
2.3.2. Thực trạng nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	70
2.3.3. Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	76
2.3.4. Thực trạng các hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	79
2.3.5. Thực trạng các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	82
2.3.6. Thực trạng kết quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	88
2.4. Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	99
2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	99
2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	102

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT huyện vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	104
2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng, kinh tế trọng điểm phía Nam	107
2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	110
2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam....	113
2.6.1. Kết quả đạt được	113
2.6.2. Tồn tại, hạn chế.....	114
2.6.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế.....	114
Kết luận chương 2	116
Chương 3. 117	
BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG	
QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG	
HỌC PHỔ THÔNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM... 117	
3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp.....	117
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu giáo dục trung học phổ thông	117
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ	117
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với vùng, miền	118
3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả.....	119
3.2. Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.....	120
3.2.1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	120
2.2.2. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông liên cấp	125
2.2.3. Phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông	130

2.2.4. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	134
2.2.5. Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh trung học phổ thông.....	136
2.2.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh	138
3.3. Môi quan hệ giữa các biện pháp	142
3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp đề xuất.....	143
3.5. Thử nghiệm sư phạm biện pháp quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	147
3.5.1. Mục đích thử nghiệm.....	147
3.5.2. Đối tượng và địa bàn.....	148
3.5.3. Nội dung thực nghiệm	148
3.5.4. Thời gian tiến hành thử nghiệm.....	148
3.5.5. Tiến hành thử nghiệm	148
3.5.6. Kết quả thử nghiệm và thảo luận	151
Kết luận chương 3	160
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....	161
1. Kết luận.....	161
2. Khuyến nghị.....	163
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ	164
TÀI LIỆU THAM KHẢO	165
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL	: Cán bộ quản lý
CMHS	: Cha mẹ học sinh
GD	: Giáo dục
GDĐĐ	: Giáo dục đạo đức
GV	: Giáo viên
ĐTNCSHCM	: Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
HĐTN	: Hoạt động trải nghiệm
HS	: Học sinh
HĐGDNGLL	: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp
THCS	: Trung học cơ sở
THPT	: Trung học phổ thông
TB	: Trung bình
KTTĐPN	: Kinh tế trọng điểm phía Nam
KT, ĐG	: Kiểm tra, đánh giá
QL	: Quản lý

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT Vùng KTTĐPN	69
Bảng 2.2.	Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng KTTĐPN	71
Bảng 2.3.	Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng KTTĐPN	77
Bảng 2.4.	Thực trạng các hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	80
Bảng 2.5.	Đánh giá của CBQL, GV về vai trò của các lực lượng tham gia GDĐĐ thông HĐTN cho HS THPT	83
Bảng 2.6a.	Đánh giá của CBQL về thực trạng kiến thức, kỹ năng GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT của GV các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN	86
Bảng 2.6b.	Tự đánh giá của GV về năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT của bản thân (mẫu khách thể 450).....	87
Bảng 2.7.	Đánh giá của CBQL, GV và phụ huynh HS về những biểu hiện đạo đức của HS THPT vùng KTTĐPN.....	89
Bảng 2.8.	Tự đánh giá của học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam về những biểu hiện đạo đức của bản thân	96
Bảng 2.9.	Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh các trường trong 3 năm học.....	99
Bảng 2.10.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.....	100
Bảng 2.11.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT	103
Bảng 2.12.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT vùng KTTĐ	105
Bảng 2.13.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT..	108
Bảng 2.14.	Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	111

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Hình 1.1.	Vai trò của giáo viên trong giáo dục đạo đức thông hoạt động trải nghiệm (theo mô hình của Kolb).....	46
Hình 3.1.	Biểu kết quả chấm điểm kế hoạch một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	151
Hình 3.2.	Đồ thị tần suất kết quả trước - sau thực nghiệm.....	152
Hình 3.3.	Đồ thị tần suất hội tụ tiến kết quả trước - sau thực nghiệm	152

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đạo đức là một tập hợp các quan niệm xã hội mang tính nguyên tắc, chuẩn mực, chi phối thái độ và hành vi của con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đạo đức được biểu hiện ở nhận thức, thái độ và hành vi mà con người thực hiện trong quá trình sống. Là hệ thống các chuẩn mực xã hội được chuyển hóa trong đời sống cá nhân và thể hiện trong hoạt động, lao động và các mối quan hệ xã hội mà cá nhân đó thực hiện.

Trong những năm qua, đất nước ta chuyển mình trong công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện, chúng ta có nhiều thành tựu to lớn rất đáng tự hào về phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục. Tuy nhiên, mặt trái của cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống, phẩm chất, đạo đức nhân cách của mỗi cá nhân, đặc biệt là đối tượng học sinh bậc THPT, lứa tuổi đầu thanh niên. Những hiện tượng học sinh vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội như vô lễ với thầy, cô, gây gổ đánh nhau, thiếu tôn trọng ban bè; Chây lười trong học tập; thiếu trung thực trong kiểm tra, thi cử; Nói tục, chửi bậy, hút thuốc lá, vi phạm nội quy nhà trường, vi phạm tác phong, nề nếp của HS; vi phạm về trật tự an toàn giao thông; Sống lười biếng, ỉ lại, đua đòi, thực dụng, thiếu trách nhiệm với gia đình và những người thân trong gia đình, sa đà vào những tệ nạn xã hội, yêu đương và có quan hệ tình dục sớm thậm chí vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng.

Vì thế, vấn đề giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm. Trong Điều 2 Luật Giáo dục năm 2019, của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã xác định: “Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế” [30].

Trong nhà trường phổ thông, giáo dục đạo đức là nhiệm vụ quan trọng, có tính chất nền tảng. Để thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức học sinh, nhà trường phổ thông có thể thông qua nhiều con đường: thông qua hoạt động dạy học, thông qua sinh hoạt tập thể, hoạt động xã hội, hoạt động trải nghiệm, thông qua quá trình tự tu dưỡng, rèn luyện của mỗi cá nhân học sinh,... Trong những con đường giáo dục trên, thông qua hoạt động trải nghiệm là con đường có ưu thế, mang lại nhiều hiệu quả.

Bởi, thông qua hoạt động trải nghiệm học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau với tư cách là chủ thể của hoạt động, các em mạnh dạn, tự tin được bày tỏ ý kiến, trao đổi, thể hiện quan điểm của mình. Qua hoạt động trải nghiệm các em vận dụng kiến thức, những hiểu biết, áp dụng giải quyết các vấn đề trong thực tiễn, từ đó nhận thức của các em được nâng lên, giúp các em biết phân biệt được bản chất của vấn đề, của sự vật hiện tượng, đồng thời hình thành ở các em thái độ, hành vi phù hợp chuẩn mực xã hội, chuẩn mực đạo đức.

Mặc dù thừa nhận ý nghĩa và vai trò quan trọng của giáo dục đạo đức bằng hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông, nhưng đáng tiếc trong nhiều năm qua thì hoạt động này vẫn chưa được coi trọng. Đa số nhà trường phổ thông chỉ thiên về mục tiêu “trí dục” (tức là luyện “tài”) với thời khóa biểu học tập dày đặc các môn học phục vụ cho việc thi tuyển là chủ yếu. Một số trường đã từng bước thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh nhưng hoạt động này vẫn chưa thường xuyên và đồng bộ, chưa mang lại nhiều hiệu quả. Do đó, đổi mới giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông vẫn đề cần được quan tâm trong mỗi nhà trường.

Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là nơi tập trung số lượng các khu công nghiệp lớn và thu hút nhiều dự án đầu tư nước ngoài lớn nhất cả nước, trong đó TP Hồ Chí Minh đóng vai trò đầu tàu. Trong tương lai không xa, với tốc độ đô thị hóa nhanh chóng, đây sẽ là vùng đô thị lớn có qui mô khu vực, thậm chí cả trên thế giới. Là nơi tập trung các siêu thị, trung tâm thương mại lớn của các tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới. Song song với sự phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế ở các tỉnh này, thì ảnh hưởng mặt trái của cơ chế thị trường và những tiêu cực của xã hội cũng đang ngày càng tác động đến sự phát triển của học sinh phổ thông, đặc biệt là học sinh THPT ở các trường phổ thông dân lập vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tình trạng học sinh có biểu hiện vi phạm chuẩn mực đạo đức, tình trạng bạo lực học đường của học sinh THPT có chiều hướng ngày một gia tăng, hiện tượng học sinh sa đà vào các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, lô đề, nghiện game, online, học sinh có quan hệ tình dục trước hôn, dẫn đến tình trạng nạo phá thai, hiện tượng học sinh vi phạm luật giao thông, vi phạm pháp luật... ngày càng nhiều, điều này là bài toán cấp thiết đặt ra cho mỗi giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong công tác giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT.

Từ những lý do trên chúng tôi lựa chọn đề tài ***“Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam”*** cho công trình nghiên cứu của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

4. Giả thuyết khoa học

Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh thông THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nếu tổ chức thực hiện theo hệ thống các chủ đề HĐTN phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, với đội ngũ giáo viên có năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN; xây dựng được môi trường giáo dục phù hợp, khuyến khích học sinh tự tu dưỡng, rèn luyện; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục thì sẽ nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tổ chức khảo nghiệm và thử nghiệm các biện pháp.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

Giới hạn về nội dung: Đề tài đi sâu nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT thông qua hoạt động trải nghiệm của Hiệu trưởng các trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Giới hạn về đối tượng khảo sát: Tổ chức khảo sát trên CBQL, GV, phụ huynh HS và HS THPT ở 09 trường phổ thông liên cấp tiểu học, THCS & THPT (đây là các

trường tư thục có nhiều cấp học (còn gọi là trường phổ thông liên cấp) nằm trong các doanh nghiệp tư nhân) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Dương.

Tổ chức thực nghiệm trên đối tượng là CBQL, GV chủ nhiệm của Trường phổ thông liên cấp Tiểu học, THCS và THPT Trương Vĩnh Ký (Quận 11 - thành phố Hồ Chí Minh).

Thời gian nghiên cứu, khảo sát từ năm 2017 đến năm 2019.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận nghiên cứu

- Tiếp cận chuẩn đầu ra:

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận chuẩn đầu ra để phân tích làm rõ mục tiêu của quản giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm là hướng đến đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 về hình thành cho học sinh 5 phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; trung thực và 10 năng lực.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới cũng xác định rõ, yêu cầu cần đạt được của Hoạt động trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp ở bậc THPT là: Góp phần bồi dưỡng ở học sinh 5 phẩm chất chủ yếu: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; trung thực. Góp phần hình thành phát triển ở học sinh 3 năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Hình thành và phát triển 3 năng lực đặc thù của HĐTN gồm: năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực định hướng nghề nghiệp. Căn cứ vào chuẩn đầu ra trên cơ sở đó tác giả luận án xây dựng nội dung và biện pháp QL hoạt động GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT phù hợp, khả thi của đề tài.

- Tiếp cận quá trình:

Luận án sử dụng phương pháp tiếp cận quá trình để phân tích các quá trình quản lý hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động GD đạo đức, từ đó xác định được nội dung của quản lý hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường THPT, phân tích thực trạng thực hiện các nội dung quản lý, đồng thời đề xuất các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT phù hợp.

Tiếp cận chức năng quản lý:

Tiếp cận theo các chức năng quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra - đánh giá được gắn liền với tiếp cận theo các thành tố của quá trình giáo dục. Đó là hai tiếp cận cơ bản để xác định toàn bộ khung lý luận của luận án nghiên cứu, từ đó định

hướng nghiên cứu cho các phần tiếp theo về quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh ở trường THPT. Trong đó, chức năng lập kế hoạch sẽ định hướng toàn bộ hoạt động giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm cho học sinh; chức năng tổ chức hướng tới toàn bộ các hoạt động trong trường đều được thúc đẩy để góp phần giáo dục đạo đức cho học sinh; chức năng chỉ đạo triển khai được gắn liền với toàn bộ các thành tố của quá trình giáo dục; chức năng kiểm tra - đánh giá hướng toàn bộ các hoạt động giáo dục của nhà trường vào kết quả cuối cùng “*kết quả đầu ra*” về giáo dục đạo đức cần đạt được ở mỗi học sinh, giúp học sinh không chỉ được trang bị tri thức về chuẩn mực đạo đức mà còn biết sử dụng những tri thức được tiếp thu để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra bởi giáo dục đạo đức cho học sinh chỉ thực sự có ý nghĩa khi học sinh vận dụng chúng một cách hiệu quả trong cuộc sống, biểu hiện bởi những hành vi phù hợp với chuẩn mực xã hội, góp phần tích cực vào việc phát triển nhân cách cá nhân phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay.

- *Tiếp cận hoạt động – nhân cách*: Nhân cách của mỗi cá nhân được hình thành và phát triển thông qua hoạt động và được bộc lộ thông qua hoạt động. Khi tham gia vào các hoạt động, HS được thể hiện nhận thức, thái độ, hành vi của mình, đồng thời có thể điều chỉnh được hành vi của bản thân cho phù hợp, đó là cơ sở để phát triển toàn diện nhân cách. Vì vậy giáo dục đạo đức cho HS THPT thông qua hoạt động trải nghiệm chính là thông qua tổ chức các hoạt động phong phú đa dạng, để học sinh được tham gia, được thực hiện các hoạt động cụ thể, qua đó học sinh có nhận thức, thái độ, hành vi đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Cách tiếp cận văn hóa: Văn hóa ở mỗi vùng, miền, địa phương là khác nhau, tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm phải phù hợp với văn hóa, truyền thống, phong tục tập quán của từng vùng miền, từng địa phương.

7.2. Các phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lí luận gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp, phân loại và hệ thống hóa các tài liệu lí luận ở trong và ngoài nước về giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức, trải nghiệm và giáo dục thông qua trải nghiệm, đặc điểm nhận thức và hoạt động của học sinh nhằm xây dựng cơ sở lí luận cho đề tài.

7.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Chúng tôi sử dụng 03 mẫu phiếu để điều tra trên đối tượng là cán bộ quản lý nhà trường, giáo viên, phụ huynh học sinh THPT

để tìm hiểu về thực trạng giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS THPT ở 09 trường phổ thông có nhiều cấp học vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Phương pháp đàm thoại: Tiến hành trò chuyện với cán bộ quản lý nhà trường, giáo viên và học sinh để tìm hiểu về thực trạng giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức các trường phổ thông dân lập vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- Phương pháp quan sát: Quan sát học sinh tham gia vào các hoạt động trải nghiệm, qua đó đánh giá thực trạng về hứng thú, ý thức, thái độ, hành vi của HS, đó là cơ sở để giáo dục đạo đức và hành vi đạo đức của học sinh phù hợp với yêu cầu xã hội.

- Phương pháp chuyên gia:

Sử dụng phương pháp này để trưng cầu ý kiến các chuyên gia, các nhà quản lý giáo dục về tính cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà luận án đề xuất.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm:

Thông qua thực nghiệm để xem xét tính khả thi, tính hiệu quả của các biện pháp được đề xuất từ đó chứng minh tính đúng đắn của giả thuyết khoa học.

7.3. Các phương pháp hỗ trợ

Sử dụng toán thống kê và phần mềm MS.Exel và SPSS 22.0 để xử lý kết quả điều tra và kết quả khảo nghiệm, thực nghiệm sư phạm.

8. Câu hỏi nghiên cứu

1. Giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức cho HS THPT có vai trò như thế nào đối với sự phát triển toàn diện nhân cách học sinh THPT trong bối cảnh hiện nay.

2. Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT gồm những nội dung gì? Có những yếu tố nào ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT?

3. Hiện nay giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã được thực hiện và quản lý ra sao? Có những khó khăn gì đòi hỏi phải giải quyết để làm tốt hơn hoạt động này?

4. Có những biện pháp nào để quản lý hiệu quả hơn việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay?

9. Các luận điểm bảo vệ

1. Giáo dục đạo đức cho học sinh THPT có thể thực hiện thông qua nhiều con đường khác nhau. Trong đó hoạt động trải nghiệm là con đường có ưu thế, mang lại nhiều hiệu quả trong giáo dục toàn diện nhân cách cho học sinh, phù hợp với bối cảnh xã hội hiện nay.

2. Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong bối cảnh hiện nay hiệu quả chưa cao là do quản lý hoạt động giáo dục này trong các trường phổ thông còn nhiều hạn chế, bất cập từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

3. Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam sẽ đạt kết quả tốt nếu xây dựng được hệ thống các chủ đề HĐTN và môi trường giáo dục phù hợp; có đội ngũ GV, các lực lượng giáo dục liên quan được đào tạo và bồi dưỡng đầy đủ về kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN và có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

10. Đóng góp của luận án

10.1. Về lý luận

Làm rõ ưu thế của hoạt động trải nghiệm trong giáo dục đạo đức cho học sinh THPT và những vấn đề cơ bản về giáo dục đạo đức cho học sinh THPT thông qua hoạt động trải nghiệm và quản lý hoạt động này trong bối cảnh hiện nay.

10.2. Về thực tiễn

- Đánh giá được thực trạng giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và chỉ ra được những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động này.

- Đề xuất được các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

- Là tài liệu tham khảo cho cán bộ quản lý, giáo viên trường THPT trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm. Là tài liệu tham khảo hữu ích cho học viên, NCS chuyên ngành Giáo dục và Quản lý giáo dục.

11. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và khuyến nghị, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 3 chương:

- **Chương 1.** Cơ sở lí luận về quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông.

- **Chương 2.** Thực trạng quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

- **Chương 3.** Biện pháp quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về đạo đức và giáo dục đạo đức cho học sinh trung học phổ thông

Mỗi cộng đồng trên thế giới đều có những qui tắc, chuẩn mực đạo đức riêng. Do có sự khác biệt về giá trị đạo đức giữa các cộng đồng trên thế giới nên vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh trong trường học ở các cộng đồng khác nhau cũng được nhìn nhận, đánh giá dưới nhiều quan điểm khác nhau.

Dawson (1994) trong bài viết “Moral Education: A Review of Constructivist Theory and Research” (Giáo dục đạo đức: Một tổng quan về lý thuyết và nghiên cứu của nhà phát triển) [83] đã trình bày tổng quan nhất về những nghiên cứu và lý thuyết phát triển đạo đức trên thế giới, và đánh giá những ảnh hưởng của nó đối với giáo dục đạo đức. Trong đó, tác giả đặc biệt nhấn mạnh ảnh hưởng của môi trường giáo dục đối với sự phát triển đạo đức của thể hệ trẻ. Những môi trường giáo dục mà trong đó thúc đẩy sự phát triển đạo đức của học sinh phải bao gồm một sự kết hợp giữa hành động đạo đức và sự phản ánh, tức là trải nghiệm (làm và suy ngẫm).

Năm 1996, bản “Tuyên ngôn giáo dục nhân cách” (Character Education Manifesto) ở Đại học Boston, Mỹ [94] đã tạo ra ảnh hưởng lớn đối với vấn đề giáo dục đạo đức trên thế giới. Tuyên ngôn chỉ ra rằng, việc ban thẩm quyền về giáo dục đạo đức cho giáo viên và nhà trường, việc khôi phục giá trị đạo đức trong chương trình học thông qua làm sáng tỏ giá trị và thảo luận về các tình huống song đề về đạo đức đã không còn phù hợp, không tăng cường được nhân cách và hành vi của học sinh. Các giáo viên và nhà trường không thể nhận trách nhiệm một mình về những vấn đề đạo đức của học sinh như vấn đề bạo lực gia tăng, hoạt động tình dục sớm, tự tử,... mà gia đình và cộng đồng phải chia sẻ với nhau nhiệm vụ này. Do vậy, bản tuyên ngôn công nhận hàng loạt nguyên tắc hướng dẫn cải cách giáo dục nhân cách gồm: 1/ Giáo dục theo nghĩa đầy đủ nhất là một doanh nghiệp đạo đức (một nỗ lực liên tục để hướng dẫn học sinh theo đuổi điều gì là tốt, là có giá trị); 2/ Cha mẹ là nhà giáo dục chính của con mình và nhà trường nên xây dựng mối quan hệ hợp tác với gia đình; 3/ Giáo dục nhân cách là phát triển các “đức tính” (Virtue) - những thói quen và khuynh hướng để chịu trách nhiệm và trưởng thành; 4/ Giáo viên, Hiệu trưởng là trung tâm của doanh nghiệp này và phải được giáo dục, tuyển chọn và khuyến khích với sứ mệnh này; 5/ Giáo dục nhân cách không phải là một khóa học đơn nhất, nó là cuộc sống học đường, do đó trường học phải là một “cộng đồng nhân đức” (Communities

of Virtue); 6/ Cộng đồng nhân loại có một tài nguyên trí tuệ đạo đức có thể được tìm thấy trong những câu chuyện hay, các tác phẩm nghệ thuật, văn chương, lịch sử, tiểu sử...; 7/ Học sinh cần nhận ra rằng rèn luyện nhân cách của mình là nhiệm vụ thiết yếu và đòi hỏi của cuộc sống.

Trong cuốn sách nổi tiếng trên thế giới về giáo dục đạo đức có tên “Taking Religion Seriously Across the Curriculum” (tạm dịch: Nhận lấy tôn giáo nghiêm túc qua chương trình đào tạo) của Nord, W. A., & Haynes, C. C. (1998) [99]. Trong đó, nhóm tác giả trình bày riêng một chương về giáo dục đạo đức (Chapter 9: Moral Education). Nhóm tác giả cho rằng, giáo dục đạo đức trong trường học có hai nhiệm vụ quan trọng là: 1/ Xã hội hóa đạo đức (Moral Socialization) - xã hội hóa trẻ em trong những hành vi đạo đức, nuôi dưỡng ở thế hệ trẻ những đức tính và giá trị để trở thành những người tốt; 2/ Cung cấp cho học sinh những thông tin, tài nguyên trí tuệ để giúp họ đưa ra các phán xét có trách nhiệm về những vấn đề khó khăn có tầm quan trọng đạo đức. Để hỗ trợ cho giáo viên trong giảng dạy nhằm thực hiện được cả hai nhiệm vụ nêu trên, Nord & Haynes đã đưa ra một phác thảo ngắn hình ảnh về một lý thuyết về giáo dục đạo đức (Theory of moral education) gồm các nét chính: 1/ Trường học phải giúp phát triển những con người tốt (trung thực, có trách nhiệm và tôn trọng nhau); 2/ Yêu nước; 3/ Nền giáo dục dân chủ (nuôi dưỡng sự hiểu biết và tự phán xét về những xung đột); 4/ Hình thức giáo dục đạo đức phù hợp với sự trưởng thành của học sinh; 5/ Sự lựa chọn những vấn đề đạo đức cấp bách của giáo viên. Tuy chưa đưa ra được một lý thuyết cụ thể, nhưng phác thảo của Nord & Haynes là có đóng góp hết sức quan trọng đối với một nền giáo dục đạo đức theo hướng tiến bộ.

Wilson (2000) trong bài viết “Methodology and Moral Education” (Phương pháp luận và giáo dục đạo đức) [109] đã đưa ra lập luận về một thủ tục cho giáo dục đạo đức gồm 5 bước: 1/ Xác định ý nghĩa, vùng ảnh hưởng của đạo đức; 2/ Thiết lập những hoạt động để mang lại hiệu quả tốt; 3/ Xây dựng các phương pháp đánh giá thực tế; 4/ Thử nghiệm các phương pháp giáo dục đạo đức; 5/ Đưa ra các khuyến nghị thực tiễn. Kết quả nghiên cứu của Wilson rất hữu ích cho giáo viên, nhà nghiên cứu để định hướng, lựa chọn phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh.

Devine (2006) trong bài viết “What is moral education” (Giáo dục đạo đức là gì) đã lập luận [84]: Đạo đức là luôn thay đổi theo sự phát triển của xã hội, nó ảnh hưởng đến nội dung đạo đức, quá trình đạo đức và cuối cùng là giáo dục đạo đức như một vòng xoắn không bao giờ kết thúc cùng với sự thay đổi của cuộc sống. Tôn giáo được ví như người bảo vệ tuyệt vời nhất cho sự ổn định của đời sống đạo đức trong nhiều thế kỉ để phân định rõ ràng giữa đúng và sai. Những giá trị đạo đức vẫn luôn thay đổi cùng với tiến bộ đời sống xã hội, những lí tưởng cũ chỉ có thể tồn tại cho đến nay trước khi con người gặp phải một tình thế mới. Những tình thế mới (như những khám phá của Copernicus, Darwin, Einstein và những người khác) làm giác ngộ giá trị đạo

đức của con người, nhưng tôn giáo thường chống lại sự thay đổi, dùng quyền lực để gây ảnh hưởng đối với nội dung đạo đức của con người, vì vậy nó làm chậm lại sự tiến bộ của giá trị đạo đức, và xem đạo đức như tôn giáo dường như đã trở thành lỗi thời. Devine cho rằng, giáo dục đạo đức phải là sự hiểu biết các qui tắc đạo đức và biết về những gì mình sẽ làm khi đối diện với tình thế của cuộc sống, họ có thể cần sự giúp đỡ nhưng không bị trói buộc. Sự giúp đỡ có thể đến từ cha mẹ, giáo viên nhưng cuối cùng học sinh phải trở thành “nhà giáo dục đạo đức” (Moral educator) của chính mình.

Cuốn sách: “Đạo đức học” của tác giả G.Bandzeladze [dẫn theo 16], đã phân tích và luận giải về vai trò của đạo đức, làm sáng tỏ nhiều hiện tượng đạo đức xã hội cũng như mối quan hệ giữa đạo đức với “tính người” của con người. Trong đó, ông nhấn mạnh đến đặc trưng của đạo đức: “Đạo đức của con người là năng lực phục vụ một cách tự giác và tự do những người khác và xã hội” Và ông coi “đạo đức là hệ thống những chuẩn mực biểu hiện sự quan tâm tự nguyện tự giác của những con người trong quan hệ với nhau và trong quan hệ với xã hội nói chung”. Căn cứ vào sự phân tích quan hệ giữa đạo đức và chính trị, pháp lý, nghệ thuật,... G.Bandzeladze chỉ rõ những đặc điểm cụ thể của nội dung đạo đức, từ đó khẳng định: đạo đức là đặc trưng bản tính của con người, chỉ con người mới có đạo đức, do đó nó không thể không phản ánh những đặc trưng của bản tính người (hiểu theo nghĩa bản chất tiêu biểu và tốt đẹp nhất của con người). Theo ông, đạo đức bắt nguồn từ chỗ con người quan hệ với người khác như quan hệ với chính mình. Trong quan hệ với mình, con người không thể nào tư lợi thì trong quan hệ đạo đức với người khác, con người cũng không thể tư lợi. Do đó, đặc trưng cơ bản nhất, bản chất nhất của đạo đức là “chí công vô tư”; “Bản chất của đạo đức là sự quan tâm tự giác của những con người đến lợi ích của nhau, đến lợi ích của xã hội. Khác với hành động bản năng của loài vật, hành vi đạo đức là ở chỗ: sự quan tâm tự giác đến hạnh phúc của những người khác có tính chất tự nguyện” [dẫn theo 16].

Những quan niệm hiện đại về đạo đức và giáo dục đạo đức ở Việt Nam được bắt nguồn từ những tư tưởng về đạo đức của Hồ Chí Minh [37], [38]. Bác nhấn mạnh những nét đạo đức căn bản nhất của cán bộ cách mạng là: Nhân - Nghĩa - Trí - Dũng - Liêm; hay đối với người lao động là: Cần - Kiệm - Liêm - Chính. Bác cho rằng, những nét đạo đức này thì phải trải qua đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Bác xem đạo đức là một nguyên lý phải theo trong quan hệ giữa người với người, tức là nó tồn tại ở mặt khách quan và chủ quan. Muốn xây dựng đạo đức mới thì phải: 1/ Tu dưỡng đạo đức bền bỉ thông qua thực tiễn cách mạng; 2/ Nói đi đôi với việc làm; 3/ Đấu tranh với những hiện tượng phi đạo đức.

Lê Trọng Ân (2004) khi nghiên cứu về “Quan điểm của V.I.Lênin về đạo đức và văn hóa của giai cấp công nhân” [3] cũng nhấn mạnh, đạo đức không phải là cái gì đó nảy sinh hư vô, chúng có nguồn gốc khách quan và chủ quan xác định. Về nguồn gốc

khách quan thì thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân đã tạo ra một nội dung khách quan của đạo đức cộng sản; về nguồn gốc chủ quan thì những nội dung khách quan nói trên tất yếu phải được biểu hiện dưới ý thức chủ quan của những người tham gia vào thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân, đó chính là tư tưởng và hành vi đạo đức do chính họ tạo nên. Khi giai cấp công nhân tổ chức và tập hợp nhau lại, khi đấu tranh thì phải “tự giáo dục mình” và đồng thời cũng “giáo dục” cho những người tham gia; mặt khác, họ phải “tự rèn luyện mình” trong hoàn cảnh để trở thành người cộng sản. Như vậy có nghĩa là giai cấp công nhân đã thực hiện một “quá trình giáo dục đạo đức cộng sản thống nhất giữa ý thức đạo đức và thực tiễn đạo đức”.

Trong “Giáo trình đạo đức học” tác giả Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ [dẫn theo 77], đề cập đến vai trò, chức năng của đạo đức đối với sự phát triển của xã hội, vấn đề giáo dục đạo đức được đặt ra từ rất sớm trong lịch sử và luôn được mọi giai cấp, mọi xã hội, mọi thời đại quan tâm. Đặc biệt, trong điều kiện đổi mới đất nước ta hiện nay, việc giáo dục lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, sống bằng lao động của chính mình, có ý thức bảo vệ thành quả của lao động, chăm lo lợi ích của cộng đồng, tránh lối sống ích kỷ, thực dụng, ăn bám, dối trá, chạy theo đồng tiền bất chính có vai trò quan trọng.

Tác giả Nguyễn Trọng Chuân, Nguyễn Văn Phúc trong công trình “Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay” [14], đã chỉ rõ mặt tích cực của nền kinh tế thị trường là đã tạo ra những điều kiện tối ưu cho sự phát triển, song mặt khác kinh tế thị trường đã có những tác động tiêu cực nhất định tới các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực đạo đức. Vì vậy, để lý giải rõ những vấn đề đạo đức nảy sinh trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, cần phải thấy rõ vai trò của đạo đức với tư cách là động lực tinh thần của sự phát triển kinh tế - xã hội, để từ đó xây dựng đạo đức phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tác phẩm “Mấy vấn đề về đạo đức học mácxít và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Nguyễn Thế Kiệt [51], đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề về đạo đức như: Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, quy luật vận động và phát triển của đạo đức; Đạo đức mới, vai trò và các nguyên tắc của đạo đức mới (đạo đức xã hội chủ nghĩa); Xây dựng đạo đức mới trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu về đạo đức thì vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông cũng được nhiều tác giả quan tâm và làm sáng tỏ dưới nhiều góc độ, cách tiếp cận khác nhau.

Dưới góc độ triết học, tác giả Trần Minh Đoàn đã bàn về giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay, trong đó tác giả nhấn mạnh đến phương hướng giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh phải được

đặt trong bối cảnh và yêu cầu mới [16]. Tương đồng với quan điểm này, Đỗ Tuyết Bảo (2011) bàn về tác động của đổi mới xã hội (đặc biệt là kinh tế thị trường, dân chủ hóa giáo dục) đối với giáo dục đạo đức cho học sinh THCS tại TP Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, trong đó đáng chú ý nhất là giải pháp tăng cường hoạt động thực hành đạo đức trong môi trường thực tiễn [5].

Dưới góc độ giáo dục, tác giả Nguyễn Tùng Lâm bàn về phối hợp các phương pháp giáo dục nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về đạo đức của học sinh THPT Hà Nội hiện nay, trong đó đáng chú ý là việc tăng cường tổ chức hoạt động tập thể, hoạt động xã hội phù hợp với hoàn cảnh tâm sinh lý học sinh phổ thông, kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường theo chủ đề “dạy con nên người” [29]. Nguyễn Xuân Thanh đề cập đến vấn đề giáo dục lòng nhân nghĩa cho học sinh THPT trong giai đoạn hiện nay [56], trong đó tác giả đề cao biện pháp đa dạng hóa các loại hình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp nhằm giáo dục lòng nhân ái cho học sinh như: Thanh niên tình nguyện, tham quan, du lịch, cắm trại, văn hóa văn nghệ chào mừng ngày 3/2, 26/3, 20/11... Tác giả Vũ Minh Tuấn cũng nhấn mạnh đến giáo dục hành vi đạo đức cho học sinh các lớp 4 và 5 qua hoạt động ngoại khóa [70]. Tác giả Hà Thị Kim Linh bàn về sử dụng trò chơi dân gian nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học miền núi Đông Bắc, trong đó tác giả nhấn mạnh về sử dụng trò chơi dân gian trong hoạt động ngoài giờ lên lớp trong giáo dục đạo đức cho học sinh [34].

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến vấn đề đạo đức và việc giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông bằng các con đường khác nhau, như thông qua tổ chức trò chơi dân gian, thông qua tăng cường cho học sinh tham gia vào các hoạt động thực tiễn; thông qua việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội... Những công trình này đã đạt được những kết quả nhất định, làm sáng tỏ thêm lý luận và thực tiễn về giáo dục đạo đức cho học sinh. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu đề cập một cách có hệ thống đến giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm cho đối tượng là học sinh THPT trường dân lập trong bối cảnh hiện nay.

1.1.2. Những nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm và giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông

Các nhà giáo dục có nhiều cách tiếp cận, xu hướng khác nhau khi nghiên cứu về hoạt động trải nghiệm. Vygotsky thì sử dụng khái niệm “Vùng cận phát triển” (Zone of Proximal Development) để chỉ một khu vực nằm giữa năng lực giải quyết vấn đề trong quá khứ (dạng tiềm năng hay kinh nghiệm đã có) và năng lực giải quyết các vấn đề mới (mục tiêu/ kết quả), và khái niệm “Nâng đỡ vừa sức” (Instructional Scaffolding) để chỉ sự hỗ trợ nhất định của một người có kinh nghiệm hơn (thường là giáo viên) nhằm giúp người học sử dụng kinh nghiệm đã có để đạt được mục tiêu học tập. Kurt Lewin thì sử dụng khái niệm “Nhóm đào tạo” (Tgroup hoặc Training group)

để hình thành nên các nhóm học tập năng động, sáng tạo nhằm chia sẻ kinh nghiệm/giá trị và học hỏi lẫn nhau giữa các thành viên, và khái niệm “Đào tạo thực nghiệm” (Laboratory Training) để nhấn mạnh vai trò của thực hành như là phương pháp để học tập lí thuyết một cách sinh động nhằm đem lại sự thống nhất giữa lí thuyết và thực hành. Dewey với tư tưởng lãng mạn, tập trung mô tả mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và giáo dục, kinh nghiệm và giáo dục chi phối đến mọi khía cạnh của giáo dục [85]. Ông cho rằng, người học (từ nhà trẻ cho đến đại học) không phải là ngôi nhà trống rỗng chờ đợi được làm đầy kiến thức, mà thay vào đó, họ nhận thức dựa trên thực tế thông qua tư duy lí luận bằng những hoạt động trải nghiệm. Jean Piaget sử dụng khái niệm “đồng hóa” (Assimilation) và “điều ứng” (Accommodation) để giải thích con đường phát triển nhận thức trong từng giai đoạn phát triển của một con người. Ông cho rằng, con người xây dựng sự hiểu biết về thế giới xung quanh, sau đó trải nghiệm sự khác biệt giữa những gì chúng đã biết và những gì chúng khám phá trong môi trường xung quanh. Vì không có một quan điểm tiếp cận chung nên các nhà giáo dục gặp rất nhiều khó khăn khi vận dụng các lí thuyết học tập này vào trong giáo dục.

Tổng kết và kế thừa rất tinh tế những thành tựu nghiên cứu của Vygotsky, John Dewey [15], Kurt Lewin, Jean Piaget về hoạt động trải nghiệm, Kolb đã phát triển một “lí thuyết học tập trải nghiệm” (Experiential Learning Theory) xuất bản năm 1984 để mô tả toàn diện quá trình học tập của con người [90]. Trong lí thuyết của mình, Kolb cho rằng, bản chất của học tập là một quá trình, trong đó kiến thức được tạo ra từ việc sửa đổi kinh nghiệm. Quá trình này liên tục diễn ra khi con người sử dụng kinh nghiệm đã có để tương tác với hoàn cảnh sống. Trung tâm trong lí thuyết học tập của Kolb là một mô hình học tập trải nghiệm mô tả toàn diện quá trình sửa đổi kinh nghiệm của con người, hay chính là mô hình học tập mô tả toàn diện những hoạt động trải nghiệm mà con người cần phải trải qua để học tập. Sau này, Kolb và các cộng sự vẫn liên tục nghiên cứu mở rộng lí thuyết học tập trải nghiệm để phát triển những hướng nghiên cứu mới như: Phong cách học tập (Learning style), Không gian học tập (Learning space), Nhà giáo dục về trải nghiệm (Experiential Educator)... [91]; [92]; [93]. Ngày nay, lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb ngày càng có ảnh hưởng lớn trong giáo dục, nó được rất nhiều nhà giáo dục ủng hộ, nghiên cứu và phát triển trong từng lĩnh vực giáo dục cụ thể.

Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm (Experiential Education) được ra đời trên cơ sở vận dụng các nguyên tắc lí luận về học tập trải nghiệm vào trong lĩnh vực sư phạm học (Pedagogy) để cải thiện, nâng cao hiệu quả dạy học và học tập. Trong đó, lí thuyết học tập trải nghiệm của Kolb đóng vai trò trung tâm, chi phối mọi khía cạnh của sư phạm học.

Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm bước thêm một bước tiến mạnh mẽ hơn khi vào năm 2002, tại Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về phát triển bền

vững, chương trình “Dạy và học vì một tương lai bền vững” đã được UNESCO thông qua, trong đó nội dung về “Giáo dục thông qua học tập trải nghiệm” được giới thiệu, phổ biến và phát triển sâu rộng cho giáo viên [107]. Ngày nay, giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm đang tiếp tục phát triển và hình thành mạng lưới rộng lớn với những cá nhân, tổ chức giáo dục, trường học trên toàn thế giới ứng dụng. UNESCO cũng nhìn nhận giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm như là một triển vọng tốt cho giáo dục toàn cầu trong nhiều thập kỉ tới.

Ở Việt Nam hoạt động trải nghiệm (trước đây gọi còn gọi là Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp) đã có nhiều công trình nghiên cứu đề cập đến.

Trước đây, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được Bộ GD-ĐT đưa vào chương trình phân ban thí điểm THPT năm học 2002 - 2003 đáp ứng cho việc triển khai Nghị quyết số 40 2000 QH10 của Quốc hội và Chỉ thị số 14 2001 CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông; và tiếp tục được triển khai cuốn chiếu bằng chương trình phân ban đại trà với tất cả các trường THPT từ năm học 2006 - 2007 cho đến nay. Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới sau 2018 [13], hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được gọi với một tên mới là Hoạt động trải nghiệm đối với bậc tiểu học, và là hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp đối với bậc trung học. Đây là hoạt động bắt buộc và là một trong những hình thức giáo dục gắn lý thuyết với thực hành và thông qua đó hình thành và phát triển kĩ năng sống cho học sinh các cấp.

Nghiên cứu về lĩnh vực này đã có nhiều công trình đề cập tới:

Luận án tiến sĩ “Các biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh THPT” của Nguyễn Thị Thành đã phân tích ý nghĩa của HĐGDNGLL trong việc gắn kết nhà trường với cuộc sống xã hội, tạo điều kiện giúp học sinh hình thành, phát triển giá trị, kĩ năng sống đáp ứng yêu cầu của hội nhập Quốc tế. Luận án đã đề xuất một số biện pháp tổ chức HĐGDNGLL cho học sinh THPT nhằm tăng cường hiệu quả giáo dục cho học sinh như nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục; nâng cao năng lực đội ngũ tổ chức; phát huy vai trò của chủ thể học sinh; biện pháp thi đua; đầu tư các điều kiện và cơ sở vật chất, xã hội hóa giáo dục; đa dạng hoá các loại hình hoạt động và các hình thức tổ chức; biện pháp xây dựng quy trình tổ chức các dạng hoạt động [57].

“Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam” của tác giả Đỗ Ngọc Thống đã nghiên cứu về vai trò của hoạt động trải nghiệm và việc tổ chức hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục cho học sinh phổ thông. Nghiên cứu đã chỉ ra cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm sẽ góp phần phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh. Nghiên cứu về “Hoạt động trải nghiệm sáng tạo - Góc nhìn từ lý thuyết *học từ trải nghiệm*” của tác giả Đinh Thị Kim Thoa

đã nêu được cơ sở tâm lý trong tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh và những biện pháp giáo dục cần thực hiện trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh hiện nay. “Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới” của tác giả Lê Huy Hoàng; “Tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm sáng tạo - giải pháp phát huy năng lực người học” của tác giả Nguyễn Thị Thu Hoài. Như vậy các nghiên cứu khoa học về lý luận và thực tiễn đều chỉ ra rằng phải tổ chức các hoạt động để học sinh được tham gia từ đó có môi trường thể hiện những kiến thức khoa học và khái quát thành kinh nghiệm thực tiễn cho bản thân để có thể sống và sống tốt trong bối cảnh hiện nay. Trong các công trình nghiên cứu ở trên, các tác giả đã tập trung làm sáng tỏ các vấn đề về vị trí, mục tiêu, nội dung, các hình thức tổ chức và phân tích điểm mạnh, cách triển khai tổ chức các hoạt động trải nghiệm ở các nước trên thế giới, từ đó rút ra các bài học vận dụng vào điều kiện Việt Nam.

1.1.3. Những nghiên cứu về quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông

Trong cuốn sách nổi tiếng của Watson (2008) “Handbook of moral and character education” (tạm dịch: Giáo dục đạo đức và nhân cách) [98], tác giả đưa ra bốn thành phần cần thiết để quản lý lớp học nhằm hỗ trợ phát triển đạo đức cho học sinh là: 1/Mối quan hệ ấm áp, tin cậy và nuôi dưỡng giữa giáo viên và học sinh; 2/Xây dựng một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc và dân chủ; 3/Cung cấp cơ hội thảo luận và suy nghĩ về các giá trị đạo đức; 4/Kỹ thuật kiểm soát, hướng dẫn và phản ứng với những sai lầm. Để đạt được điều này không phải là điều dễ dàng, nó đòi hỏi một giáo viên đủ tốt để quản lý lớp học, chắc chắn đó không phải là những giáo viên chỉ sử dụng quyền uy, kêu gọi thật to sự chú ý, thậm chí bắt nạt học trò. Nó đòi hỏi một giáo viên có đủ tình yêu thương, chăm sóc, quan tâm học trò để thiết lập mối quan hệ tin tưởng giữa thầy - trò. Cho đến nay, nghiên cứu này của Watson được xem như một trong những nền tảng quan trọng cho những thảo luận về quản lý giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ.

Zhanjun Ma (2010) [84] khi nghiên cứu vấn đề xây dựng giáo dục đạo đức trong các trường học hiện nay ở Trung Quốc cho rằng, cần phải xây dựng cơ chế quản lý giáo dục đạo đức với trọng tâm kích thích, tạo ra sự sáng tạo của giáo dục đạo đức, tìm kiếm các phương pháp cơ bản cho sự phát triển mới của đạo đức, xây dựng ba hệ thống chính về quản lý giáo dục đạo đức trong các trường học gồm: 1/Hệ thống nhóm giáo dục đạo đức; 2/ Hệ thống nội dung giáo dục đạo đức; 3/Hệ thống mạng lưới giáo dục đạo đức. Từ đó hoàn thiện các phương thức giáo dục đạo đức theo hướng phát triển tính độc lập của học sinh kết hợp với sự chia sẻ giữa tất cả mọi người, và mô hình giáo dục đạo đức mới với sự kết hợp của trường học, gia đình và xã hội.

Gang, L. I. U., & Qing, L. I. U. (2016) [86] cho rằng, cuộc sống thực tế phong phú và đầy màu sắc tốt đẹp xung quanh học sinh chính là phương tiện cho các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh, và quản lý giáo dục đạo đức là kiểu quản lý giáo dục mang tính nhân văn, đó là quản lý một môi trường giáo dục cởi mở, quản lý một cuộc sống thực tế phong phú và đầy màu sắc của học sinh. Trong môi trường ấy, học sinh được trải nghiệm, được hướng dẫn để đi đến một quan điểm “đúng/sai”, “tốt/kém”, “đẹp/xấu” về cuộc sống và liên tục cải thiện nhân cách. Giáo viên phải đóng vai trò chủ động hướng dẫn học sinh bước vào cuộc sống thực tế, tạo điều kiện để họ thể hiện khả năng của mình.

Ở Việt Nam Một quản lý giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cũng đã được các nhà nghiên cứu đề cập tới: Tác giả Nguyễn Thị Hoàng Anh (2011) với luận án tiến sĩ khoa học giáo dục chuyên ngành Quản lý giáo dục *Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm trong giai đoạn hiện nay* đã phân tích sâu về thực trạng đạo đức và công tác giáo dục đạo đức của sinh viên trong các trường đại học sư phạm. Luận án cũng đã đề xuất mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên với 8 biện pháp triển khai nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam [2].

Luận án: *Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam* của tác giả Nguyễn Anh Tuấn, 2008 [71]; Luận án “Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo hướng xã hội hóa ở trường THPT Thành phố Hồ Chí Minh” của Phạm Thị Lệ Nhân (2015). Trên cơ sở phân tích vấn đề lý luận về HĐGDNGLL theo hướng xã hội hóa và quản lý HĐGDNGLL theo hướng xã hội hóa ở trường THPT và phân tích thực trạng quản lý HĐGDNGLL ở các trường THPT tại Thành phố Hồ Chí Minh, luận án đã đề xuất 7 biện pháp quản lý HĐGDNGLL theo hướng xã hội hóa ở trường THPT [43]. Luận án “Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh các trường Trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục” của Phạm Thị Nga năm 2016 [45], đã xác định tầm quan trọng của hoạt động giáo dục và quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, vai trò nòng cốt của nhà trường trong tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và trong việc lôi cuốn cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội vào hoạt động này cũng như đã đề xuất 6 biện pháp bao quát hết các chức năng quản lý, kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, xuyên suốt mọi hoạt động trong trường.

Nghiên cứu tổng quan cho thấy, các tác giả đều thừa nhận vai trò quan trọng giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm như trò chơi, tham quan, hoạt động ngoại khóa, xử lý tình huống, phân tích câu chuyện. Hầu hết các nghiên cứu này đều tập trung bàn luận về các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua

hoạt động trải nghiệm cụ thể, và cũng nhiều đề tài bàn luận về quản lí giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông, nhưng chưa có đề tài nào đề cập đến quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh đổi mới hiện nay. Đây là vấn đề còn thiếu trong cả lí luận và thực tiễn, và đề tài này sẽ làm sáng tỏ vấn đề.

1.2. Một số khái niệm

1.2.1. Đạo đức, giáo dục đạo đức

1.2.1.1. Đạo đức

Thuật ngữ đạo đức được hình thành từ khoảng thế kỉ IV trước Công nguyên và gắn với tên tuổi của nhà tư tưởng vĩ đại Aristot (384 - 342 TCN). Ông quan niệm rằng: đạo đức là những chuẩn mực chung chung nhằm điều chỉnh hành vi con người với xã hội.

Tác giả I.A Ilina tiếp cận khái niệm đạo đức với tư cách là những tiêu chuẩn, những qui tắc xã hội, những chuẩn mực và qui tắc hành vi của con người quyết định nghĩa vụ, thái độ của con người đối với con người, con người đối với xã hội [72]. Tác giả đã đề cập đến hai vấn đề: Thứ nhất, những tiêu chuẩn đạo đức, qui tắc đạo đức bên ngoài phản ánh những yêu cầu của xã hội đề ra đối với sự hình thành và phát triển con người, điều chỉnh thái độ, hành vi giữa con người với con người, con người - thế giới đồ vật xung quanh, với công việc và với chính bản thân họ trong quá trình sống. Thứ hai, những tiêu chuẩn đạo đức, qui tắc đạo đức bên ngoài này lại được xác định trong mối quan hệ với hệ thống những động cơ bên trong của con người.

Tác giả Phạm Minh Hạc quan niệm: *“đạo đức theo nghĩa hẹp là luân lý, những quy định, những chuẩn mực ứng xử trong quan hệ của con người. Nhưng bên trong điều kiện hiện nay, chính quan hệ của học sinh cũng đã mở rộng và đạo đức bao gồm những quy định, những chuẩn mực ứng xử của học sinh với con người, với công việc và với bản thân, kể cả với thiên nhiên và môi trường sống. Theo nghĩa rộng, khái niệm đạo đức liên quan chặt chẽ với phạm trù chính trị, pháp luật, lối sống, đạo đức là thành phần cơ bản của nhân cách, phản ánh bộ mặt nhân cách của một cá nhân đã được xã hội hoá, đạo đức được biểu hiện ở cuộc sống tinh thần lành mạnh, trong sáng, ở hành động giải quyết hợp lý, có hiệu quả những mâu thuẫn”* [18].

Tác giả Phạm Viết Vượng cho rằng: *“Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong mối quan hệ của con người với con người”* [76; tr. 170-171].

Tác giả Đặng Thành Hưng cho rằng: *“Đạo đức là hệ giá trị được xã hội hoặc cộng đồng nhất định thừa nhận và được quy định thành chuẩn mực chung, có chức năng và tác dụng thực tế điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội có liên quan đến việc xử lí những phạm trù Thiện và Ác, Tốt và Xấu giữa con người và con người, giữa con người và tự nhiên, giữa cộng đồng và cá nhân, giữa cá nhân và cá nhân, tồn tại và phát triển ở*

đời sống xã hội và đời sống cá nhân dưới ảnh hưởng lịch sử của truyền thống và thành tựu kinh tế - xã hội mới mẽ trong phát triển của cộng đồng đó” [24; tr5].

Theo Phạm Minh Hạc: *“Đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, tập hợp những nguyên tắc, qui tắc, chuẩn mực xã hội, nhằm điều chỉnh cách đánh giá, hành vi ứng xử của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, sức mạnh truyền thống và sức mạnh dân tộc” [18].*

Tác giả Hà Thế Ngữ khẳng định: *“Đạo đức nảy sinh từ nhu cầu của xã hội điều hoà và thống nhất các mâu thuẫn giữa lợi ích chung và lợi ích riêng nhằm xây dựng trật tự xã hội, khả năng phát triển của xã hội và cá nhân. Để giải quyết được mâu thuẫn đó, một trong những phương thức của xã hội là đề ra các yêu cầu dưới dạng những chuẩn mực giá trị, được mọi người công nhận và được củng cố bằng sức mạnh của phong tục tập quán, dư luận xã hội, bằng lương tâm con người đó là các chuẩn mực đạo đức” [46].*

Tác giả Hà Nhật Thăng khẳng định *“Đạo đức cá nhân là một hệ thống chuẩn mực đạo đức được mỗi cá nhân lựa chọn, xác lập theo nguyện vọng, mong muốn của mình. Đạo đức cá nhân là sự tổng hợp chuẩn mực đạo đức của một nhóm xã hội, của một cộng đồng, dân tộc và nguyện vọng riêng về các giá trị phù hợp với quyền lợi của cá nhân” [73; tr.79].*

Như vậy phạm trù đạo đức được tiếp cận dưới góc độ là một yếu tố thành phần thuộc nhân cách con người, được thể hiện trong chính cuộc sống, trong hoạt động của con người đồng thời cũng là yếu tố mà những người xung quanh nhìn nhận để đánh giá con người như một nhân cách. Thực tế không tồn tại phạm trù đạo đức cá nhân thuần túy mà là sự giao thoa của nhiều chuẩn mực đạo đức, một phần bị chế ước bởi những giá trị dân tộc, giá trị của thời đại, một phần chịu sự ảnh hưởng trực tiếp của các chuẩn mực đạo đức của nhóm, của cộng đồng xã hội mà họ thường xuyên giao lưu, hoạt động vì những quyền lợi kinh tế, tâm lí, tình cảm,... đồng thời mỗi cá nhân lại không thể sống tách rời khỏi gia đình, hàng xóm, láng giềng,... Là một sản phẩm của tồn tại xã hội, đạo đức cũng không ngừng biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội.

Các quan niệm của các tác giả nêu trên về cách biểu đạt có thể khác nhau, nhưng đều có những điểm chung, cho rằng đạo đức thuộc phạm trù hình thái ý thức xã hội, bao hàm trong đó những quy định mang tính nguyên tắc, chuẩn mực mà tất cả mọi người phải tuân thủ khi tham gia vào các mối quan hệ xã hội, nhờ đó mang lại cho cá nhân những giá trị sống nhất định.

Từ phân tích trên, có thể khẳng định rằng: *đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, bao gồm một hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực xã hội, nhờ đó con người tự giác đánh giá và điều chỉnh hành vi của mình trong các quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc của con người và sự tiến bộ xã hội.*

1.2.1.2. Giáo dục đạo đức

Cho đến nay, có nhiều nhà nghiên cứu đã đưa ra khái niệm GDĐĐ trong các công trình nghiên cứu của mình.

Theo Macarenko: *“Giáo dục đạo đức có nghĩa là rèn luyện những phẩm chất tốt cho học sinh (tính trung thực, tính thật thà, thái độ tận tâm, tình thần trách nhiệm, thức kỷ luật, lòng yêu thích học tập, thái độ XHCN đối với ngợi lao động, chủ nghĩa yêu nước) và trên cơ sở đó uốn nắn những sai sót của chúng”* [dẫn theo 16]. Đây là một khái niệm rất cụ thể, dễ hiểu song chưa mang tính khái quát cao.

Tác giả Phan Thanh Long và các cộng sự: *“Giáo dục đạo đức là những tác động sư phạm một cách có mục đích, có hệ thống và có kế hoạch của nhà giáo dục tới người được giáo dục (học sinh) để bồi dưỡng cho họ những phẩm chất đạo đức (chuẩn mực hành vi đạo đức) phù hợp với yêu cầu của xã hội”* [31; tr.94].

Tác giả Phạm Viết Vượng cho rằng: *“Giáo dục đạo đức là quá trình tác động hình thành cho học sinh ý thức, tình cảm, niềm tin và thói quen hành vi đạo đức, thể hiện trong cuộc sống hằng ngày đối với gia đình, cộng đồng, làng xóm, với bạn bè tập thể”* [76; tr.302].

Như vậy, từ những quan niệm trên chúng ta thấy, các tác giả đều thống nhất cho rằng GDĐĐ là quá trình hình thành cho con người những quan điểm, những chuẩn mực đạo đức cơ bản của xã hội. Nhờ đó con người có khả năng lựa chọn, đánh giá đúng đắn các hiện tượng đạo đức xã hội cũng như tự đánh giá suy nghĩ về hành vi của bản thân mình, vì thế, công tác GDĐĐ góp phần vào việc hình thành, phát triển nhân cách con người mới phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Về bản chất, giáo dục đạo đức là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài xã hội đối với cá nhân, thành những đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục trong nhà trường. Bản chất của giáo dục đạo đức chính là ở chỗ nhà giáo dục khơi dậy trong học sinh của mình sự khát khao vươn tới lý tưởng, vươn tới những gì cần phải đạt được.

Quá trình giáo dục đạo đức là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của nhà giáo dục nhằm biến những yêu cầu, chuẩn mực, giá trị đạo đức xã hội thành những phẩm chất, giá trị đạo đức của cá nhân.

Giáo dục đạo đức từ xưa đến nay không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển cá nhân của mỗi con người mà còn có ý nghĩa to lớn đối với gia đình, nhà trường, và toàn xã hội.

Trước hết, giáo dục đạo đức góp phần gìn giữ kỉ cương ổn định lâu dài của xã hội, đồng thời thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội. Mặt khác, xã hội ổn định là tiền đề, là cơ sở để đạo đức xã hội phát triển. Muốn vậy, giáo dục đạo đức phải là một nhiệm vụ quan trọng trong các nhà trường cũng như trong toàn xã hội. Muốn học được đạo đức không phải chỉ thông qua những bài giảng lý thuyết về luân lí, về chuẩn mực

hay nhưng qui tắc mà người học phải được học qua những hành động thực tiễn trong cuộc sống cá nhân, cuộc sống với cộng đồng, trong các mối quan hệ xã hội, mỗi quan hệ với môi trường và mỗi quan hệ với chính mình. Giáo dục đạo đức quan trọng nhất là phải giúp người học hình thành tính tự giác, ý chí bền bỉ, bản lĩnh tự giáo dục vào niềm tin vào cái thiện, cái tốt. Như vậy, giáo dục đạo đức phải tác động vào đủ cả 3 mặt của ý thức con người đó là mặt nhận thức (là hiểu được các chuẩn mực, các qui tắc...), có thái độ lựa chọn đúng đắn, phù hợp và quan trọng là phải hình thành được hành vi đạo đức đúng trong các mối quan hệ xã hội. Hành vi đạo đức không phải một sớm một chiều người học có được ngay mà nó cần có thời gian, có tình huống để người học trải nghiệm và được sự cổ vũ, sự đồng tình, khích lệ của những người xung quanh, của cộng đồng, của xã hội để cá nhân hiểu được giá trị tốt đẹp của hành vi phù hợp.

GDĐĐ cho học sinh trong trường phổ thông là một bộ phận của quá trình giáo dục tổng thể, có mối quan hệ biện chứng với các quá trình bộ phận khác như giáo dục trí tuệ, giáo dục thẩm mỹ, giáo dục thể chất, giáo dục lao động, giáo dục hướng nghiệp... giúp cho học sinh hình thành và phát triển nhân cách toàn diện. GDĐĐ cho học sinh là giáo dục lòng trung thành với Đảng, hiếu với dân, yêu quê hương, đất nước, có lòng vị tha, có lòng nhân ái, cần cù, liêm khiết chính trị, đó là đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Từ những phân tích trên, GDĐĐ được hiểu như sau: *Giáo dục đạo đức là quá trình sư phạm, được tổ chức có mục đích, có kế hoạch, thông qua hoạt động và giao lưu giữa nhà giáo dục và đối tượng giáo dục (học sinh) nhằm hình thành cho đối tượng giáo dục ý thức, tình cảm, niềm tin và thói quen hành vi đạo đức cần thiết trên cơ sở phù hợp với những chuẩn mực đạo đức xã hội.*

1.2.2. Trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm

1.2.2.1. Trải nghiệm

Theo Từ điển Tiếng Việt của tác giả Hoàng Phê: *“Trải có nghĩa là đã từng qua, từng biết, từng chịu đựng; còn nghiệm có nghĩa là kinh qua thực tế nhận thấy điều nào đó là đúng”* [50].

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, *“Trải nghiệm theo nghĩa chung nhất là bất kì một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận (cùng với tri thức, ý thức...) trong đời sống tâm lí của từng người. Theo nghĩa hẹp hơn, chuyên biệt hơn của tâm lí học, là những tín hiệu bên trong, nhờ đó nghĩa của các sự kiện đang diễn ra đối với cá nhân được ý thức, chuyển thành ý riêng của cá nhân, góp phần lựa chọn tự giác các động cơ cần thiết, điều chỉnh hành vi của cá nhân”* [68].

Có thể hiểu một cách đơn giản, trải nghiệm là những gì con người đã kinh qua thực tế, từng biết, từng chịu. Nói đến trải nghiệm là nói đến hoạt động của con người,

con người từng trải, biết và hiểu qua sách vở, nhà trường, từ thực tế cuộc sống, có nhiều kinh nghiệm sống. Quá trình trải nghiệm sẽ giúp con người thu được những kiến thức và kinh nghiệm sống riêng cho bản thân, từ đó hình thành phẩm chất và năng lực. Như vậy, trải nghiệm chính là những tồn tại khách quan tác động vào giác quan của con người, tạo ra cảm giác, tri giác, biểu tượng, con người cảm thấy có tác động đó và cảm nhận nó một cách rõ nét, để lại ấn tượng sâu đậm, rút ra bài học, vận dụng vào thực tiễn đời sống, hình thành nên các thái độ giá trị.

Nhà triết học vĩ đại người Nga Solovyev V.S. quan niệm: trải nghiệm là kiến thức kinh nghiệm thực tế, là thể thống nhất bao gồm kiến thức và kỹ năng. Trải nghiệm là kết quả của sự tương tác giữa con người và thế giới, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Trong các nghiên cứu tâm lý học, kinh nghiệm thường được coi là năng lực của cá nhân, ví dụ, Platonov K.K. nhận định: trải nghiệm cũng như sự tích lũy của hiểu biết và năng lực (cá nhân, nhóm) hình thành trong quá trình hoạt động, đào tạo và giáo dục, trong đó tổng hợp những kiến thức, kỹ năng, khả năng và thói quen.

Dưới góc độ của tâm lý học giáo dục, A. N. Leontiev đã giải quyết được vấn đề trải nghiệm của nhân loại: *“Trong cuộc đời mình, con người đã đồng hóa kinh nghiệm của nhân loại, kinh nghiệm của những thế hệ trước. Nó diễn ra dưới hình thức nắm vững kiến thức và ở mức độ làm chủ kiến thức”* [dẫn theo 28].

Trong các tài liệu sư phạm học, lý thuyết về trải nghiệm trở thành đối tượng nghiên cứu. Trải nghiệm dưới góc nhìn sư phạm được hiểu theo một vài ý nghĩa sau:

- Trải nghiệm trong đào tạo là một hệ thống kiến thức và kỹ năng có được trong quá trình giáo dục và đào tạo chính quy.
- Trải nghiệm là kiến thức, kỹ năng mà trẻ nhận được bên ngoài các cơ sở giáo dục: thông qua sự giao tiếp với nhau, với người lớn, hay qua những tài liệu tham khảo không được giảng dạy trong nhà trường...
- Trải nghiệm (qua thực nghiệm, thử nghiệm) là một trong những phương pháp đào tạo, trong điều kiện thực tế hay lý thuyết nhất định, để thiết lập hoặc minh họa cho một quan điểm lý luận cụ thể.
- Kinh nghiệm giảng dạy là hệ thống các phương pháp đào tạo được giáo viên đúc kết và cải thiện dần trong quá trình làm việc thực tế của mình.

Từ những quan niệm trên, trong phạm vi nghiên cứu của luận án xác định: *Trải nghiệm là quá trình nhận thức, tương tác, trực tiếp với đối tượng, qua đó, chủ thể học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, tiếp thu, tích lũy những kinh nghiệm cho bản thân và hoàn thiện các kỹ năng trong cuộc sống.*

1.2.2.2. Hoạt động trải nghiệm

Có nhiều quan niệm khác nhau về hoạt động trải nghiệm.

Theo tác giả Đinh Thị Kim Thoa “Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, từng cá nhân học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống ở nhà trường cũng như ngoài xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình [63].

Theo tác giả Bùi Ngọc Diệp: Hoạt động trải nghiệm là một biểu hiện của hoạt động giáo dục đang tồn tại trong chương trình giáo dục hiện hành. Hoạt động trải nghiệm là hoạt động mang tính xã hội, thực tiễn đến với môi trường giáo dục trong nhà trường để học sinh tự chủ trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thực hiện được phẩm chất, năng lực, nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị; nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển của bản thân: bổ trợ cho và cùng với các hoạt động (dạy học trong chương trình giáo dục thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo dục. Hoạt động này nhấn mạnh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức thực hiện một cách linh hoạt sáng tạo.

Tác giả Lê Huy Hoàng lại cho rằng: hoạt động trải nghiệm là hoạt động xã hội, thực tiễn giúp học sinh tự chủ trải nghiệm trong tập thể, qua đó hình thành và thể hiện phẩm chất năng lực; nhận ra năng khiếu, sở thích, đam mê, bộc lộ và điều chỉnh cá tính, giá trị, nhận ra chính mình cũng như khuynh hướng phát triển bản thân; bổ trợ và cùng với các hoạt động dạy học trong chương trình giáo dục thực hiện tốt nhất mục tiêu giáo dục. Hoạt động này nhấn mạnh sự trải nghiệm, thúc đẩy năng lực sáng tạo của người học và được tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo [dẫn theo 28].

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018: Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12; Trong đó học sinh dựa trên sự tổng hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực giáo dục và nhóm kỹ năng khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình và tham gia hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù [13].

Từ những quan niệm trên có thể thấy, dù được diễn đạt bằng những cách khác nhau nhưng các tác giả đều thống nhất, coi hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, được tổ chức theo phương thức trải nghiệm nhằm góp phần phát triển toàn diện nhân cách học sinh. Trong HĐTN, HS đóng vai trò chủ thể, tích cực, chủ động tham gia vào hoạt động, dưới sự tổ chức, hướng dẫn của giáo viên. Thông qua hoạt động trải nghiệm HS có cơ hội được tiếp xúc trực tiếp với đối tượng cần tìm, hiểu và có cơ hội biểu đạt thông tin thu nhận được dưới nhiều dạng thức khác nhau, HS có cơ hội

được học tập ở nhiều không gian khác nhau. Thông qua hoạt động trải nghiệm học sinh có cơ hội củng cố, mở rộng vốn kinh nghiệm, sự hiểu biết của bản thân, qua đó có củng cố niềm tin vào sự hiểu biết, điều chỉnh nhận thức, hành vi, hình thành phẩm chất, năng lực cá nhân phù hợp với mục tiêu giáo dục.

Với cách hiểu như trên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án xác định:

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục, trong đó, dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó học hỏi, tiếp thu, tích lũy những kinh nghiệm, điều chỉnh nhận thức thái độ, hành vi, phát triển phẩm chất, năng lực của bản thân phù hợp với mục tiêu giáo dục.

1.2.3. Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Từ những quan niệm về giáo dục đạo đức và hoạt động trải nghiệm, có thể thấy, trong quá trình giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm dưới vai trò chủ đạo của giáo viên, giáo viên tạo ra môi trường hoạt động phù hợp, hỗ trợ, khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động, sinh là chủ động, tích cực tham gia hoạt động thông qua việc trực tiếp tham gia vào các hoạt động cụ thể, học sinh có những trải nghiệm thực tiễn cả về hành vi và cảm xúc, cùng với vốn tri thức và kinh nghiệm của bản thân, từ đó sẽ có những phân tích, đánh giá hiện thực khách quan, có những thay đổi của bản thân, hình thành tri thức đạo đức, tình cảm, hành vi và thói quen đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội. Đây chính là sự khác biệt giữa giáo dục đạo đức theo lý thuyết hàn lâm và giáo dục thông qua trải nghiệm.

Theo cách hiểu trên, trong phạm vi nghiên cứu, luận án xác định:

Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm là quá trình được tổ chức có mục đích, có kế hoạch trong đó dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, đối tượng giáo dục được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó hình thành và phát triển ý thức, tình cảm, niềm tin và hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với mục tiêu giáo dục.

1.2.4. Quản lý, Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

1.2.4.1. Quản lý

Có nhiều quan niệm khác nhau về quản lý:

Theo K.Marx: "*Quản lý là lao động điều khiển lao động*". K. Marx đã viết: "*Bất cứ lao động hay lao động chung nào mà tiến hành trên một quy mô lớn đều yêu cầu phải có một sự chỉ đạo để điều hoà những hoạt động cá nhân... Một nhạc sĩ độc tấu thì điều khiển lấy mình, nhưng một dàn nhạc thì phải có nhạc trưởng*" [65].

Frederick Winslow Taylor (1856 - 1915) là nhà thực hành quản lý khoa học về lao động đã đưa ra định nghĩa: "*Quản lý là biết được chính xác điều bạn muốn người khác làm và sau đó hiểu được rằng họ đã hoàn thành công việc một cách tốt nhất*" [dẫn theo 43].

Harold Koontz thì lại khẳng định: *"Quản lý là một hoạt động thiết yếu, nó đảm bảo phối hợp những nỗ lực hoạt động cá nhân nhằm đạt được các mục đích của tổ chức. Mục tiêu của quản lý là hình thành một môi trường mà trong đó con người có thể đạt được các mục đích của tổ chức với thời gian, tiền bạc, vật chất và sự bất mãn cá nhân ít nhất"* [dẫn theo 43].

Tác giả Nguyễn Ngọc Quang cho rằng: *"Quản lý là tác động có mục đích có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể những người lao động nói chung là khách thể quản lý, nhằm thực hiện được mục tiêu dự kiến"* [36].

Theo tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc: *"Quản lý là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý trong một tổ chức nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức"* [32].

Quản lý về cơ bản là tác động lên con người để họ làm những điều bổ ích và có lợi cho tổ chức. Vì thế để quản lý tốt trước tiên phải hiểu sâu sắc về đối tượng sau đó là đào tạo về cách thức tác động đến con người.

Theo tác giả Bùi Văn Quân [36], các nghiên cứu về quản lý có thể được khái quát theo những khuynh hướng như sau:

Thứ nhất, nghiên cứu quản lý theo quan điểm của điều khiển học và lý thuyết hệ thống. Theo đó, quản lý là một quá trình điều khiển, là chức năng của những hệ có tổ chức với bản chất khác nhau (sinh học, xã hội, kỹ thuật...) nó bảo toàn cấu trúc, duy trì chế độ hoạt động của các hệ đó. Quản lý là tác động hợp quy luật khách quan, làm cho hệ vận động, vận hành và phát triển.

Thứ hai, nghiên cứu quản lý với tư cách là một hoạt động, một lao động tất yếu trong các tổ chức của con người. Theo đó, "Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý (người quản lý hay tổ chức quản lý) lên đối tượng quản lý về các mặt chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế... bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp, các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển đối tượng"; "Quản lý là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý trong tổ chức, làm cho tổ chức đó vận hành và đạt được mục đích của tổ chức".

Thứ ba, nghiên cứu quản lý với tư cách là một quá trình trong đó các chức năng quản lý được thực hiện trong sự tương tác lẫn nhau. Theo hướng này, "Quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các công việc của các thành viên thuộc một hệ thống đơn vị và việc sử dụng các nguồn lực phù hợp để đạt được các mục đích xác định"; "Quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra"...

Trong khuôn khổ luận án, khái niệm quản lý được xác định như sau:

Quản lý là quá trình tiến hành những hoạt động khai thác, lựa chọn, tổ chức và thực hiện các nguồn lực, các tác động của chủ thể quản lý đến đối tượng quản lý nhằm thực hiện các mục tiêu dự kiến.

1.2.4.2. Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Trong nhà trường phổ thông, giáo dục đạo đức là nhiệm vụ quan trọng có tính chất nền tảng. Thông qua giáo dục đạo đức, giúp học sinh nhận thức được các quy tắc, chuẩn mực đạo đức, từ đó hình thành xúc cảm tình cảm tích cực đối với các chuẩn mực đạo đức, và có hành vi, thói quen đạo đức phù hợp. Giáo dục đạo đức có thể thực hiện thông qua việc tích hợp lồng ghép trong các môn học, thông qua việc thực hiện các quy định của nhà trường, thông qua việc tuyên truyền, qua các tấm gương người tốt, việc tốt... tuy nhiên thông qua việc cho học sinh tham gia vào các hoạt động, để học sinh được trải nghiệm, cảm nhận, từ đó nhận thức đúng, sai, biết tự rút kinh nghiệm, điều chỉnh hành vi của bản thân cho phù hợp, đây là con đường mang lại hiệu quả.

Để thực hiện có hiệu quả hoạt động này, việc quản lý khoa học, phù hợp cũng là vấn đề quan trọng. Qua cách phân tích về quản lý và giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm. Tác giả luận án quan niệm: *Quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm là những tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý nhằm khai thác, lựa chọn, tổ chức và thực hiện các nguồn lực theo kế hoạch chủ động và phù hợp với quy luật khách quan để học sinh được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau của đời sống với tư cách là chủ thể của hoạt động, qua đó hình thành và phát triển ý thức, tình cảm, niềm tin và hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với mục tiêu giáo dục.*

1.3. Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

1.3.1. Đặc điểm của học sinh trung học phổ thông

Học sinh trung học phổ thông (còn gọi là thanh niên học sinh) bao gồm những em có độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi. Đó là những học sinh đang theo học từ lớp 10 đến lớp 12 ở các trường trung học phổ thông. Lứa tuổi này có một vị trí đặc biệt quan trọng trong các thời kỳ phát triển của trẻ em. Sự phát triển của các em thể hiện ở các mặt sau:

a. Sự phát triển về thể chất

Lứa tuổi này các em đã hoàn thiện về cơ bản và có sự cân đối giữa các bộ phận trong cơ thể: chiều cao, trọng lượng, hệ xương, hệ cơ. Hoạt động của hệ tim mạch ở trạng thái bình thường, không còn mất cân đối như ở tuổi thiếu niên. Sự phát triển của hệ thần kinh có những thay đổi quan trọng do cấu trúc bên trong của não phức tạp và các chức năng của não phát triển. Cấu trúc của tế bào bán cầu đại não có những đặc điểm như trong cấu trúc tế bào não của người lớn. Hai quá trình thần kinh cơ bản là hưng phấn và ức chế đã cân bằng nhau. Số lượng dây thần kinh liên hợp tăng lên, liên

kết các phần khác nhau của vỏ não lại. Đặc điểm phát triển thể chất của học sinh THPT tạo tiền quan trọng cho việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức, hoạt động trải nghiệm cho các em.

b. Sự phát triển về tâm lý

- Sự hình thành và phát triển thế giới quan

Thế giới quan của thanh niên HS là thế giới quan khoa học, nó thể hiện tính hệ thống, tính toàn vẹn, tính nhất quán và khái quát ở mức độ cao. HS THPT thường quan tâm đến những mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội, giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa tình cảm và nghĩa vụ, giữa truyền thống và tương lai. Ở nhiều học sinh, thế giới quan đã có tính hiệu lực cao, nó biến thành niềm tin, thành khát vọng, thành những hành động cụ thể. Nhiều em có cách xử sự đúng, có lẽ sống cao thượng và đẹp đẽ. Bên cạnh đó vẫn còn một số thanh niên HS có những quan niệm lệch lạc về cuộc sống, có lối sống không lành mạnh, sống thụ động, ích kỷ, đánh giá quá cao sự hưởng thụ, tư tưởng sống gấp, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo tham gia vào các nhóm có hành vi vi phạm pháp luật, chuẩn mực đạo đức, xã hội hoặc các tệ nạn xã hội... Trong giáo dục và phối hợp giáo dục đạo đức cho HS THPT, đặc điểm thế giới quan của các em là yếu tố mà các lực lượng giáo dục cần đặc biệt quan tâm.

- Sự phát triển của tự ý thức và khả năng tự giáo dục

Tự ý thức là một đặc điểm nổi bật, chủ yếu và quan trọng, nó có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển nhân cách của thanh niên mới lớn. HS THPT có nhu cầu tìm hiểu và đánh giá những đặc điểm tâm lý của mình theo quan điểm về mục đích cuộc sống và hoài bão của mình. Chính điều này khiến các em quan tâm sâu sắc tới đời sống tâm lý, phẩm chất, nhân cách và năng lực riêng.

Sự tự ý thức của HS THPT xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống và hoạt động - địa vị mới mẻ trong tập thể, những quan hệ mới với thế giới xung quanh buộc thanh niên mới lớn phải ý thức được những đặc điểm nhân cách của mình. Các em hay ghi nhật ký/viết blog, status, so sánh mình với nhân vật mà họ coi là tấm gương (thanh niên thường chú ý đối chiếu mình với động cơ và rung động của họ nhiều hơn là với cử chỉ, hành vi của họ như ở thiếu niên). Các em không chỉ nhận thức về cái tôi của mình trong hiện tại như thiếu niên mà còn nhận thức về vị trí của mình trong xã hội, trong tương lai; có thể hiểu rõ những phẩm chất phức tạp, biểu hiện những quan hệ nhiều mặt của nhân cách (tinh thần trách nhiệm, lòng tự trọng, tình cảm nghĩa vụ...); không chỉ đánh giá những cử chỉ, hành vi riêng lẻ, từng thuộc tính riêng biệt mà biết đánh giá nhân cách mình nói chung trong toàn bộ những thuộc tính nhân cách; không chỉ có nhu cầu đánh giá, mà còn có khả năng đánh giá sâu sắc và tốt hơn thiếu niên về những phẩm chất, mặt mạnh, mặt yếu của những người cùng sống, của chính mình. Cùng với sự phát triển tự ý thức thì tự giáo dục, tự tu dưỡng cũng khá phát triển ở lứa tuổi thanh niên HS. Tự tu dưỡng diễn ra thường

xuyên đã trở thành một quá trình rèn luyện toàn diện về các mặt. Đây là điều kiện thuận lợi cho các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục và phối hợp giáo dục đạo đức cho HS THPT.

- Đời sống tình cảm của học sinh trung học phổ thông

Tình cảm của học sinh THPT phong phú, đa dạng, phức tạp, sâu sắc, mạnh mẽ và bền vững hơn ở thiếu niên rất nhiều.

Học sinh THPT rất giàu cảm xúc, giàu tâm trạng và tâm trạng đã mang tính ổn định. Các em bắt đầu có những rung động sâu sắc đối với những quan hệ trong gia đình, ở nhà trường, trong sinh hoạt xã hội; nhạy cảm với những rung động của người khác và có những đáp ứng xúc cảm mạnh mẽ đối với những nhân vật trong văn học, với cái đẹp trong nghệ thuật, trong cảnh tự nhiên.

Học sinh THPT thích phân tích tình cảm của mình và tình cảm của người khác, đặc biệt là biểu lộ tình cảm của mình một cách kín đáo, biết che giấu những rung động và lựa chọn những hình thức đối xử phù hợp tế nhị. Nhiều HS THPT thể hiện sự khát khao, niềm say mê với cuộc sống. Tình cảm của thanh niên HS đã được xây dựng trên cơ sở lý tính rất rõ ràng. Các em rất khát khao tình bạn, tình bạn chiếm vị trí quan trọng trong đời sống tình cảm của các em, song các em vẫn thận trọng khi chọn bạn. Tình bạn của thanh niên HS được gắn bó chặt chẽ với lý tưởng.

Tình yêu của HS THPT: Đây là tình cảm nam nữ xuất hiện lần đầu ở các em. Tính chất của tình yêu, cách thức ứng xử của HS đang yêu phụ thuộc rất nhiều vào bối cảnh xã hội mà HS đang sống. Tuy nhiên, những biểu hiện cơ bản về mặt tâm lý thường xuất hiện ở những học sinh đang yêu như: quan tâm, muốn được ở bên cạnh, giúp đỡ người yêu, vị tha, độ lượng, dễ dàng bỏ qua hoặc chấp nhận sai lầm, khuyết điểm của người yêu, thậm chí có em sẵn sàng làm mọi việc để hài lòng người yêu... Ngày nay, sự biến đổi sâu sắc về mọi mặt của đời sống xã hội cũng ảnh hưởng tới tình yêu của HS THPT. Các em bạo dạn hơn trong việc công khai và thể hiện tình cảm với người yêu của mình. Bên cạnh đó, nhiều HS THPT đã quan hệ tình dục mà kiến thức về lĩnh vực này còn hạn chế khiến cho tình trạng nạo phá thai không còn là hiếm ở lứa tuổi vị thành niên. Tình yêu của thanh niên HS là vấn đề nhạy cảm, đòi hỏi người lớn, các lực lượng giáo dục cần khéo léo, tế nhị trong quá trình tác động, giáo dục các em về vấn đề này.

- Sự lựa chọn nghề

Khi chọn nghề, HS THPT bị chi phối bởi nhiều yếu tố: Những yếu tố bên trong, còn gọi là động cơ bên trong như: hứng thú, nguyện vọng và khả năng học tập của họ; Những yếu tố bên ngoài, còn gọi là động cơ bên ngoài như: dư luận xã hội, lời khuyên của những người thân hoặc bởi năng lực và uy tín của các thầy cô giáo. Ngoài ra, khi chọn nghề thanh niên bị chi phối bởi những đặc điểm giới tính và sức

khỏe cùng với sự tác động của những điều kiện xã hội ở địa phương. Khi đã có xu hướng nghề nghiệp thì thanh niên học sinh thường dành toàn bộ sự tập trung, hứng thú cho các môn học có liên quan đến ngành, nghề tương lai mà họ đã chọn. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng học lệch ở học sinh trung học phổ thông.

- Đặc điểm ý chí

Ở lứa tuổi HS THPT, các phẩm chất ý chí được bộc lộ rõ ràng. Cường độ ý chí phát triển ở mức độ cao, thể hiện ở cả việc đấu tranh động cơ để kiềm chế, thay đổi bản thân và sự nỗ lực vượt khó. HS biết đặt mục đích của hoạt động để phấn đấu và quyết tâm, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, thử thách để đạt được mục đích đó. Tính đạo đức của các hành động ý chí cũng thể hiện rõ ràng. Bên cạnh đó, vẫn còn những HS không xác định mục tiêu của cuộc sống để hướng tới tương lai, thụ động chờ đợi, ỷ lại vào người khác hoặc dễ dàng bị các nhóm bạn xấu dụ dỗ, lôi kéo, thực hiện các hành vi tiêu cực bất chấp các chuẩn mực đạo đức, xã hội nhưng các em lại cho rằng đó là bản lĩnh, là chí khí. Điều này đòi hỏi các lực lượng giáo dục cần quan tâm đặc biệt trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm để giáo dục đạo đức cho các em.

- Định hướng giá trị

Định hướng giá trị là thái độ, sự lựa chọn của cá nhân đối với các giá trị vật chất hay tinh thần có ý nghĩa đối với cá nhân, được cá nhân nhận thức và hướng tới. Để hình thành định hướng giá trị, con người cần có hệ thống những hiểu biết về thế giới xung quanh và những trải nghiệm nhất định trong các quan hệ xã hội. Ở lứa tuổi học sinh THPT, định hướng giá trị được hình thành nhanh chóng, bộc lộ rõ nét và có ảnh hưởng lớn đến đời sống của học sinh. Trong quá trình tương tác với các vai xã hội, nhận biết các quan hệ và các giá trị trong đời sống xã hội, các giá trị ở học sinh trung học phổ thông được hình thành và củng cố. Các giá trị ở học sinh THPT có thể tích cực hoặc tiêu cực do hạn chế về vốn sống, về nhận thức... Định hướng giá trị ở học sinh THPT được thể hiện thông qua hoạt động và các mối quan hệ cơ bản của các em. Trong quá trình giáo dục đạo đức, cho học sinh THPT không thể không chú ý tới định hướng giá trị ở lứa tuổi này.

- Tính tích cực xã hội

Do sự thay đổi của vị thế xã hội, các quan hệ xã hội được mở rộng, tính tích cực xã hội của học sinh THPT phát triển mạnh mẽ, được thể hiện trong các nhóm xã hội mà học sinh tham gia. Tính tích cực xã hội của học sinh hiểu theo nghĩa rộng có thể theo chiều hướng tích cực hoặc tiêu cực. Nó có thể được thể hiện trong các hoạt động thúc đẩy sự phát triển của xã hội, ủng hộ xã hội như hiến máu nhân đạo, bảo vệ môi trường, từ thiện hoặc nguy cơ đối với xã hội như các tệ nạn xã hội, những hành vi càn quấy, vi phạm trật tự, an toàn xã hội...

1.3.2. Đặc trưng của hoạt động trải nghiệm trong trường trung học phổ thông

Trong chương trình giáo dục phổ thông mới, hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12; ở tiểu học được gọi là Hoạt động trải nghiệm, ở trung học cơ sở và trung học phổ thông được gọi là Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện. Hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi. Thông qua hoạt động này, những kinh nghiệm đã trải qua chuyển hoá thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai.

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp góp phần hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và các năng lực đặc thù cho học sinh; nội dung hoạt động được xây dựng dựa trên các mối quan hệ của cá nhân học sinh với bản thân, với xã hội, với tự nhiên và với nghề nghiệp.

Trong trường THPT, HĐTN cùng với hoạt động dạy học trên lớp tạo thành tính chỉnh thể và toàn vẹn của chương trình giáo dục. HĐTN cũng là phương tiện chủ yếu của giáo dục đạo đức, giáo dục phát triển toàn diện nhân cách cho HS. Đây là những hoạt động được thực hiện bởi HS; do HS là chủ thể dưới vai trò định hướng, chỉ đạo, điều khiển của nhà giáo dục. HĐTN tạo nên sự thống nhất giữa giáo dục và dạy học, giữa giáo dục trong nhà trường và giáo dục ngoài nhà trường.

Đặc trưng cơ bản của HĐTN trong nhà trường THPT việc góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông. Cụ thể:

Thứ nhất: Bổ sung, củng cố và hoàn thiện kiến thức chuyên ngành; nâng cao trình độ nhận thức chung của HS đối với các vấn đề của cuộc sống, đồng thời có điều kiện thoả mãn nhu cầu nhận thức về các lĩnh vực HS quan tâm, phục vụ cho sự phát triển phẩm chất, năng lực của bản thân, định hướng chính trị, xã hội, tăng cường hiểu biết của HS về giá trị truyền thống của dân tộc, những giá trị tốt đẹp của nhân loại; giúp HS có những hiểu biết về các vấn đề mang tính thời đại. Từ đó, giúp HS hình thành ý thức công dân, phẩm chất, năng lực đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông

Thứ hai: Giúp HS phát triển những năng lực như: Năng lực tự chủ: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực định hướng nghề nghiệp. Đây là những năng lực rất cần thiết cho con người trong xã hội, đặc biệt là với học sinh THPT khi đứng trước “ngưỡng cửa cuộc đời”.

Thứ ba: Giáo dục ý thức, thái độ và tình cảm phù hợp với hệ giá trị bản sắc của dân tộc, gắn với những yêu cầu về phẩm chất của người công dân, giáo dục lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, mong muốn làm đẹp thêm truyền thống của nhà trường, quê hương, đất nước; bồi dưỡng cho HS những tình cảm đạo đức trong sáng; biết tỏ thái độ đúng đắn trước những vấn đề của cuộc sống, biết yêu quý, trân trọng các giá trị tốt đẹp, biết chịu trách nhiệm về hành vi của bản thân; đấu tranh tích cực với những biểu hiện sai trái, tiêu cực.

Với tính chất là một phương tiện giáo dục, HĐTN là một bộ phận, một loại hình hoạt động có sức ảnh hưởng sâu và lan tỏa mạnh mẽ đối với các dạng hoạt động khác của HS như học tập, nghiên cứu khoa học, hoạt động xã hội...

Từ những đặc trưng cơ bản trên, tổ chức HĐTN cho HS cần xác định mục tiêu, nội dung, cách thức phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục của trường THPT. Đảm bảo vừa hỗ trợ và phục vụ trực tiếp, vừa có tác dụng phát triển các mục tiêu và nội dung giáo dục trong nhà trường PT. Trong xu thế phát triển của giáo dục phổ thông, chương trình phổ thông xây dựng với mục tiêu chuyển từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực thì tổ chức các HĐTN phù hợp càng có vai trò quan trọng; HĐTN sẽ tăng cường thời lượng cho HS được tham gia vào các hoạt động, được thực hành, qua đó đáp ứng yêu cầu thiết thực để phát triển phẩm chất, năng lực đáp ứng mục tiêu giáo dục nói chung, mục tiêu giáo dục đạo đức cho học sinh nói riêng.

1.3.3. Ưu thế của giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ban hành ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục, xác định mục tiêu HĐTN, HN ở bậc trung học phổ thông là: giúp học sinh phát triển các phẩm chất, năng lực đã được hình thành ở cấp tiểu học và cấp trung học cơ sở. Kết thúc giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp, học sinh có khả năng thích ứng với các điều kiện sống, học tập và làm việc khác nhau; thích ứng với những thay đổi của xã hội hiện đại; có khả năng tổ chức cuộc sống, công việc và quản lý bản thân; có khả năng phát triển hứng thú nghề nghiệp và ra quyết định lựa chọn được nghề nghiệp tương lai; xây dựng được kế hoạch rèn luyện đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp và trở thành người công dân có ích. Với mục tiêu như vậy, nên sử dụng HĐTN như một phương tiện để giáo dục đạo đức cho học sinh THPT có nhiều ưu thế:

Thứ nhất: Xét theo cấu trúc các mục tiêu và nhiệm vụ cần đạt trong hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng thì các mục tiêu giáo dục của hoạt động trải nghiệm đều có tính bao trùm lên yêu cầu giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông (giáo dục *nhận thức* về các giá trị đạo đức, giáo dục *thái độ, tình cảm, động cơ tích cực* trong tiếp biến các chuẩn mực đạo đức, giáo dục *hành vi và thói quen* ứng xử phù hợp với chuẩn mực đạo đức). Vì thế, việc xác định chính xác các mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục đạo đức sẽ dễ thực hiện được trong tổ chức hoạt động trải nghiệm.

Thứ hai: xét về mặt lý luận cũng như thực tiễn, giáo dục đạo đức là một trong những nội dung quan trọng của HĐTN. Để thực hiện được nội dung này trong tổ chức HĐTN thì các trường THPT có thể xây dựng các chuyên đề độc lập về giáo dục đạo đức hoặc xây dựng thành chương trình HĐTN với tính phong phú và đa dạng về nội dung, có tính xuyên suốt trong các tháng, trong học kỳ, năm học và lồng ghép những nội dung giáo dục đạo đức vào những nội dung ưu thế khác của hoạt động để thực hiện.

Thứ ba: Giáo dục đạo đức thông qua tổ chức HĐTN cho HS là gắn hoạt động của HS với các phương pháp, hình thức thể hiện sinh động trong thực tiễn như tham quan, diễn đàn, hội thi, thực tế, hội trại, hội chợ văn hoá... Tính phong phú, đa dạng của HĐTN vừa thể hiện nội dung giá trị giáo dục, vừa hướng tới hiện đại (hình thức thể hiện) làm cho các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung giáo dục đạo đức trở nên dễ dàng thực hiện và dễ đạt kết quả cao.

Thứ tư: Xuất phát từ chương trình giáo dục và đặc điểm nhân cách lứa tuổi HS THPT, tổ chức HĐTN hợp lý vừa thỏa mãn các nhu cầu chính đáng, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả thời gian ngoài giờ học trên lớp giúp HS phát triển nhân cách vừa tạo những sân chơi lành mạnh, tạo môi trường trải nghiệm và thể hiện tích cực có tác dụng hạn chế ảnh hưởng tiêu cực từ mặt trái của nền kinh tế thị trường đang xâm nhập mạnh mẽ vào các giảng đường hiện nay. Bên cạnh đó, HĐTN với tính chất là hoạt động tập thể nếu được tổ chức tốt sẽ huy động được các nguồn lực giáo dục trong và ngoài nhà trường; là điều kiện và môi trường giáo dục tốt cho HS.

Thứ năm: HĐTN là hoạt động đoàn thể, với tính tổ chức, tính kỷ luật, tính tập thể cao. Giáo dục đạo đức cho HS qua tổ chức HĐTN còn hình thành cho HS năng lực tổ chức HĐGD, năng lực thích ứng, năng lực đánh giá, năng lực tự hoàn thiện cũng như một số kỹ năng cần thiết khác như kỹ năng giao tiếp, ứng xử; kỹ năng lựa chọn và giáo dục các giá trị văn hóa trong xã hội, quần chúng và học sinh. Đây là những năng lực cần thiết giúp cho HS tự tin và thành công trong cuộc sống.

Qua sự phân tích trên cho thấy: HĐTN trong nhà trường THPT là một con đường, phương tiện khả thi trong giáo dục đạo đức cho học sinh.

1.3.4. Mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Điều 29, Luật Giáo dục năm 2019, đã nêu rõ: Mục tiêu giáo dục phổ thông “nhằm phát triển toàn diện cho người học về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa và trách nhiệm công dân; chuẩn bị cho người học tiếp tục học chương trình giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp hoặc tham gia lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Mục tiêu GDĐĐ cho học sinh THPT là nhằm hình thành và phát triển ở học sinh THPT ý thức, thái độ, tình cảm, niềm tin đạo đức, tạo lập được những thói quen hành vi đạo đức phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện nay, cụ thể như sau:

1. Cung cấp cho học sinh tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức... Giúp học sinh THPT hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay, phù hợp với lứa tuổi THPT trong các mối quan hệ của các em với bản thân, với mọi người, với công việc, cộng đồng, đất nước... và hiểu được sự cần thiết của việc tuân thủ các chuẩn mực đó.

2. Giúp học sinh THPT có xúc cảm, tình cảm tích cực, thái độ phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay: tự trọng, tự tin vào bản thân có trách nhiệm với hành động của mình; sống yêu thương, tôn trọng mọi người; mong muốn đem lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người. Tôn trọng những giá trị đạo đức truyền thống phù hợp với thời đại, tôn trọng những qui định của pháp luật. Tin tưởng vào cái thiện, cái tốt, đồng tình và ủng hộ trước những hành vi đạo đức tốt đẹp; phê phán, phản đối những hành vi đi ngược lại với chuẩn mực đạo đức; thể hiện được tình yêu thương, tôn trọng người thân, thầy cô, bạn bè, người lớn trong xã hội; có nguyện vọng tạo dựng niềm vui, hạnh phúc cho những người xung quanh. Luôn luôn có ý thức tự hoàn thiện nhân cách bản thân; nói không với bạo lực học đường.

3. Hình thành và phát triển ở học sinh hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với các chuẩn mực xã hội quy định. Giúp cho học sinh THPT tham gia tích cực các hoạt động thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc: tôn sư trọng đạo, tương thân, tương ái giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; thực hiện nghiêm túc qui định của pháp luật; giải quyết tốt những mâu thuẫn, xung đột với người khác theo yêu cầu của chuẩn mực xã hội; ứng xử đúng mực với bạn bè, thầy cô và người lớn tuổi; tự ứng phó được với những tình huống của cuộc sống hiện đại. Từ đó, học sinh phát triển được thói quen hành vi đạo đức tương đối bền vững trong các mối quan hệ xã hội và với chính bản thân họ.

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông ở Việt Nam hiện nay, giáo dục đạo đức giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục cho học sinh ý thức và hành vi công dân. Giáo dục đạo đức được thực hiện thông qua tất cả các môn học và thông qua hoạt động trải nghiệm.

1.3.5. Nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Chuẩn đầu ra của Chương trình giáo dục phổ thông sau 2018 (Ban hành kèm theo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018) [13] xác định sau khi học xong chương trình giáo dục phổ thông học sinh cần đạt được 5 phẩm chất (yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; trung thực) và 10 năng lực.

Trong Chương trình giáo dục phổ thông mới cũng xác định rõ, yêu cầu cần đạt được của Hoạt động trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp ở bậc THPT là: Góp phần

bồi dưỡng ở học sinh 5 phẩm chất chủ yếu: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm; trung thực. Góp phần hình thành phát triển ở học sinh 3 năng lực chung: năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; Hình thành và phát triển 3 năng lực đặc thù của HDTN gồm: năng lực thích ứng với cuộc sống; năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; năng lực định hướng nghề nghiệp.

Căn cứ vào mục tiêu của giáo dục bậc THPT, căn cứ vào chuẩn đầu ra về 5 phẩm chất cần hình thành, phát triển cho học sinh phổ thông, vào những yêu cầu cần đạt được của HDTN ở trường THPT và đặc điểm của học sinh THPT trong giai đoạn hiện nay, chúng tôi xác định nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THPT hiện nay gồm:

1.3.5.1. Giáo dục lòng yêu nước

- Giúp học sinh hiểu và có lòng tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.
- Biết thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước.
- Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

1.3.5.2. Giáo dục lòng nhân ái

- Giáo dục học sinh biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người.
- Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện.
- Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người.
- Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh.

1.3.5.3. Giáo dục tính chăm chỉ

- Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.
 - Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động.
- Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

1.3.5.4. Giáo dục tính trung thực

- Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải.
- Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.
- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.

1.3.5.5. Giáo dục tính trách nhiệm

* Trách nhiệm với bản thân:

- Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.
- Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân.

* Trách nhiệm với gia đình

- Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.

- Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.

- * Trách nhiệm với nhà trường và xã hội

- Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật.

- Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.

- * Trách nhiệm với môi trường sống

- Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên.

- Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Các nội dung giáo dục đạo đức trên được thực hiện thông qua các hoạt động trải nghiệm hướng vào 04 lĩnh vực: Hoạt động phát triển cá nhân, Hoạt động lao động, Hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng, Hoạt động giáo dục hướng nghiệp.

Bốn lĩnh vực hoạt động này được thực hiện thông qua bốn loại hình chủ yếu: Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề và Hoạt động câu lạc bộ.

Ở trường trung học phổ thông, chương trình HĐTN tập trung nhiều hơn vào các hoạt động xã hội và phục vụ cộng đồng; hoạt động hướng nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động phát triển cá nhân, hoạt động lao động vẫn được tiếp tục triển khai để phát triển các phẩm chất và năng lực của học sinh.

1.3.6. Phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Phương pháp GDĐĐ là cách thức tác động của nhà giáo dục lên đối tượng giáo dục nhằm đạt được mục tiêu GDĐĐ hay nói cách khác là nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức và những kỹ năng ứng xử tốt trong các mối quan hệ, từ đó hình thành và phát triển nhân cách cho HS.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài luận án, với cách tiếp cận giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm, vì vậy các phương pháp cần hướng vào:

- Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh; làm cho mỗi học sinh đều sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực;

- Tạo điều kiện cho học sinh trải nghiệm thông qua các hoạt động tìm tòi, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm đã có vào thực tiễn, qua đó hình thành, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm.

- Giúp học sinh có nhận thức đúng về sự vật hiện tượng khách quan, biết phân tích, khái quát hoá, đánh giá chính xác những gì trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm,

kiến thức và kỹ năng mới, củng cố niềm tin, hoặc có sự điều chỉnh thái độ, hành vi của bản thân cho phù hợp.

Từ định hướng đó, theo chúng tôi, để GDĐĐ cho HS THPT thông qua hoạt động trải nghiệm nhà giáo dục có thể sử dụng các phương pháp sau:

** Phương pháp giảng giải*

Trong quá trình tổ chức HĐTN cho học sinh, muốn học sinh hiểu, nắm rõ được cách thức hoạt động, bên cạnh việc hướng dẫn, làm mẫu cho học sinh thì giáo viên cần giảng giải cho học sinh hiểu rõ bản chất của vấn đề, nội dung, ý nghĩa hoạt động. Qua giảng giải giáo viên dùng lời nói để giải thích, chứng minh các chuẩn mực đạo đức đã được qui định, nhằm giúp cho học sinh hiểu và nắm được ý nghĩa, nội dung, qui tắc thực hiện các chuẩn mực này. Thông qua quá trình giảng giải giáo viên giúp hình thành niềm tin ở học sinh về các chuẩn mực đạo đức quy định, giúp học sinh tránh được các tình trạng hiểu biết không đầy đủ hay hiểu máy móc, hình thức về các chuẩn mực đạo đức dẫn đến những hành vi tương ứng không tự giác.

** Phương pháp nêu gương*

Nêu gương là phương pháp dùng những tấm gương sáng của các cá nhân hoặc của tập thể để kích thích học sinh học tập và làm theo. Phương pháp nêu gương có thể dùng những tấm gương tốt để học sinh học tập và gương xấu để tránh những hành vi tương tự.

Nêu gương tốt (chính diện) nhằm giúp học sinh khắc phục những khó khăn gặp phải của bản thân, học tập và làm theo gương tốt, hướng vào những hành vi tích cực (làm việc thiện): học sinh học giỏi, giúp đỡ bạn, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, luôn có trách nhiệm, nhiệt tình trong các hoạt động, “học sinh nghèo vượt khó”, “các nhà doanh nghiệp trẻ”, lao động giỏi, dũng cảm hy sinh vì nước vì dân,...

Nêu gương xấu (gương phản diện) nhằm giúp học sinh phân tích, tránh hành vi tương tự: lười học, chơi bời lêu lổng, cờ bạc rượu chè, ăn cắp, gây gỗ, ăn nói vô lễ, chôn thuế...

Qua nêu gương, nhà giáo dục sẽ giúp học sinh phát triển năng lực phê phán, đánh giá được hành vi của người khác và rút ra những kết luận bổ ích. Học sinh biết học những gương tốt đồng thời biết tránh gương xấu trong cuộc sống và các hoạt động thực tiễn. Qua việc phân tích, đánh giá của nhà giáo dục về những tấm gương sẽ giúp học sinh hình thành niềm tin về các chuẩn mực đạo đức và mong muốn có những hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức quy định.

** Phương pháp giao việc*

Giao việc là phương pháp mà nhà giáo dục lôi cuốn học sinh vào các hoạt động đa dạng với những công việc nhất định, với những nghĩa vụ cá nhân và xã hội nhất định mà học sinh phải hoàn thành. Qua thực hiện công việc, hoạt động được giao học sinh sẽ hình thành những hành vi, thói quen phù hợp với các yêu cầu công việc được

giao, yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức quy định và được thể hiện những kinh nghiệm ứng xử của mình trong mối quan hệ, hoạt động đa dạng.

Yêu cầu thực hiện phương pháp giao việc: Trước khi giao việc, nhà giáo dục cần giúp người học ý thức đầy đủ về ý nghĩa xã hội và ý nghĩa cá nhân của công việc phải làm và kích thích họ tự giác, tích cực hoạt động thực hiện công việc được giao. Nhà giáo dục đưa ra những yêu cầu cụ thể mà học sinh phải hoàn thành và giúp họ định hướng đúng đắn toàn bộ chuỗi hành động phải hoàn thành.

** Phương pháp tập luyện*

Tập luyện là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hiện một cách đều đặn và có kế hoạch các hoạt động nhất định, nhằm biến những hành động đó thành những thói quen ứng xử ở học sinh. Người được giáo dục tổ chức môi trường hoạt động thực tiễn để học sinh trải nghiệm, củng cố, phát triển ở học sinh niềm tin đối với các chuẩn mực đạo đức và biến ý thức cá nhân về các chuẩn mực đạo đức thành những hành vi tương ứng ở học sinh. Học sinh có môi trường hoạt động thực tiễn để lặp đi lặp lại các hành vi hoạt động theo quy trình xác định trên cơ sở đó tạo lập thành những thói quen hành vi ứng xử tương ứng ở các em, đảm bảo tính bền vững của hành vi ứng xử phù hợp với các chuẩn mực đạo đức quy định ở học sinh.

Với phương pháp này, nhà giáo dục cần giúp cho học sinh nắm được quy tắc hành vi và hình dung rõ hành vi đó cần thực hiện như thế nào để giúp họ có thể định hướng cho việc thực hiện hành vi qua tập luyện.

** Phương pháp rèn luyện*

Rèn luyện là phương pháp tổ chức cho học sinh được thể hiện, trải nghiệm sáng tạo về ý thức, xúc cảm, tình cảm, hành vi của mình về các chuẩn mực đạo đức trong những tình huống đa dạng của cuộc sống, qua đó hình thành và củng cố, phát triển được những hành vi phù hợp với các chuẩn mực đạo đức đã quy định.

Thông qua những tình huống, hoạt động mới, đa dạng của cuộc sống thực, học sinh được trải nghiệm là những quyết định do chính mình đưa ra và chịu trách nhiệm với những quyết định đó. Từ đó nhận ra mình là ai, những phù hợp và chưa phù hợp để điều chỉnh bản thân đáp ứng yêu cầu của chuẩn mực đạo đức. Chính trong quá trình “thâm nhập” vào những tình huống mới, đa dạng của cuộc sống, học sinh phải tiến hành cuộc đấu tranh động cơ để tự xác định động cơ đúng đắn, định hướng cho hoạt động nhằm giải quyết đúng đắn những tình huống đó. Điều đó sẽ giúp cho ý thức về các chuẩn mực đạo đức ở người được giáo dục được khắc sâu, phát triển đảm bảo những hành vi, hoạt động tương ứng mang tính tự giác, bền vững cao và hình thành thói quen hành vi tương ứng ở họ. Quá trình được trải nghiệm, lặp đi lặp lại những hành vi đó trong những tình huống khác nhau của cuộc sống thực sẽ giúp học sinh biến những hành vi đó trở thành thói quen bền vững.

** Phương pháp khen thưởng*

Khen thưởng là phương pháp biểu thị sự đồng tình, sự đánh giá tích cực của nhà giáo dục đối với thái độ, hành vi ứng xử của học sinh trong những tình huống nhất định nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đặt ra. Khen thưởng là cách thức để khẳng định hành vi của học sinh là đúng đắn, phù hợp với các chuẩn mực đạo đức đã quy định đối với học sinh. Qua việc khen thưởng sẽ giúp học sinh tự khẳng định những hành vi tốt của mình, củng cố và phát triển niềm tin đối với các chuẩn mực đạo đức có liên quan đến những hành vi tốt mà mình đã thực hiện. Khen thưởng sẽ kích thích học sinh duy trì, phát triển những hành vi tích cực đồng thời tránh được những hành vi tiêu cực không phù hợp các chuẩn mực đạo đức.

** Phương pháp trách phạt*

Trách phạt là phương pháp biểu thị sự không đồng tình, sự phản đối, sự phê phán những hành vi sai trái của học sinh so với các chuẩn mực đạo đức quy định. Trách phạt sẽ buộc học sinh mắc lỗi trong ứng xử phải ngừng ngay hành vi sai trái một cách tự giác, nâng cao ý thức tự kìm chế trong tương lai không tái phạm nữa mà trái lại có những hành vi đúng đắn, tích cực phù hợp với các chuẩn mực đạo đức quy định. Tạo cơ hội nhắc nhở những học sinh khác không vi phạm các chuẩn mực đạo đức, không rơi vào những hành vi sai trái như người bị trách phạt.

Phương pháp trách phạt phải đảm bảo các yêu cầu: Nhà giáo dục phải thận trọng xem xét đánh giá những hành vi sai lệch của học sinh, cũng như đưa ra những quyết định về mức độ, hình thức trách phạt sao cho đúng đắn, chính xác và thoả đáng.

** Phương pháp thi đua*

Thi đua là phương pháp thông qua các phong trào hoạt động tập thể nhằm kích thích khuynh hướng tự khẳng định ở học sinh, thúc đẩy họ đua tài gắng sức, hăng hái nỗ lực vươn lên ở vị trí hàng đầu và lôi cuốn những người khác cùng tiến lên giành thành tích cá nhân hay tập thể cao nhất.

Phong trào thi đua có thể tổ chức trong các hoạt động, lao động, vệ sinh trường lớp, văn hóa văn nghệ, thể dục, thể thao... của tập thể các lớp, các câu lạc bộ ở nhà trường...

Thi đua kích thích nhu cầu khẳng định bản thân của học sinh. Học sinh sẽ nỗ lực hết mình tham gia vào quá trình hoạt động thi đua để giành thắng lợi cao nhất trên cơ sở đó đạt được các mục tiêu giáo dục đặt ra. Thi đua tạo môi trường hoạt động tích cực và hiệu quả của học sinh tham gia trên cơ sở đó mục tiêu giáo dục đạt được hiệu quả cao. Trong hoạt động thi đua, với sự nỗ lực hết mình của người tham gia, học sinh sẽ tự nhận thức, đánh giá được bản thân mình trên cơ sở đó có sự điều chỉnh kịp thời đối với bản thân.

Mỗi phương pháp GDĐĐ nói trên đều có những ưu và nhược điểm nhất định trong quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh, tuy nhiên ưu điểm nổi bật là hướng vào khuyến khích sự phát triển năng lực nhận thức các vấn đề về đạo đức ở học sinh

và vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống. Tuy nhiên, việc vận dụng các phương pháp trên như thế nào để phát huy những ưu điểm, khắc phục những tồn tại hạn chế, tùy thuộc vào năng lực của giáo viên, trình độ nhận thức của học sinh, vào điều kiện cụ thể của mỗi nhà trường, phụ thuộc vào thời gian tổ chức hoạt động trải nghiệm...

1.3.7. Hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Xu hướng hiện đại về các hình thức giáo dục nói chung và giáo dục đạo đức nói riêng phải gồm 4 đặc trưng cốt lõi sau [25]:

- Tính khám phá: Phải kết nối học sinh đến một cộng đồng nhân đức để học hỏi, theo đuổi các mục tiêu và giải quyết các tình huống đạo đức của đời sống cộng đồng.

- Tính nghiên cứu: Giúp học sinh biết cách tìm tòi các qui tắc đạo đức, rèn luyện tư duy phản biện để giải quyết các vấn đề đạo đức nảy sinh trong đời sống cộng đồng, từ đó thúc đẩy quá trình tự giáo dục đạo đức của bản thân, khả năng học tập suốt đời.

- Tính thể nghiệm: Tạo điều kiện cho học sinh được thể hiện qua các hành vi đạo đức trong các tình huống cụ thể, từ đó học kiểm nghiệm được các chuẩn mực, qui tắc đạo đức đã học được.

- Tính thực hành - lao động: Cho phép học sinh có những trải nghiệm trong thực tế đời sống cộng đồng, gắn với các mối quan hệ xã hội nơi họ sinh sống, phát triển các mối quan hệ liên cá nhân.

Hơn nữa về bản chất, nhận thức của một học sinh về những giá trị đạo đức được xây dựng dựa trên sự trải nghiệm của họ thông thường có bốn nhóm hoạt động trải nghiệm, cụ thể như sau:

- *Trải nghiệm về tình cảm đạo đức (Moral feeling)*: Là những trải nghiệm có được từ năm giác quan, được tạo ra thông qua các trải nghiệm về thị giác, khứu giác, xúc giác, vị giác và thính giác.

- *Trải nghiệm về quan sát phản ánh đạo đức (Moral watching)*: Là sự phản ánh tâm trạng liên kết học sinh với một đối tượng trải nghiệm được thực hiện thông qua những cảm xúc mạnh mẽ của niềm tin, ý chí, quan điểm cá nhân về việc tham gia vào sự kiện, đối tượng.

- *Trải nghiệm về suy nghĩ đạo đức (Moral thinking)*: Là những trải nghiệm tạo ra giá trị đạo đức cho học sinh thông qua những suy nghĩ một cách sáng tạo.

- *Trải nghiệm về hành vi đạo đức (Moral doing)*: Là những trải nghiệm có được, tác động thông qua hành vi và lối sống, giá trị đạo đức tạo cho học sinh chính là sự thay đổi về lối sống.

Từ quan niệm trên luận án xác định, GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT có thể thông qua các nhóm hình thức tổ chức sau đây:

1.3.7.1. Hình thức có tính khám phá

Các hình thức có tính khám phá là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm với thế giới tự nhiên, trải nghiệm thực tế cuộc sống và công việc, giúp học sinh khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh... và mang lại những cảm xúc tích cực, tình yêu quê hương đất nước... Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động tham quan, dã ngoại, thực địa, xử lý tình huống...

** Tham quan, dã ngoại*

Tham quan, dã ngoại là một hình thức tổ chức học tập thực tế hấp dẫn đối với học sinh THPT. Mục đích của tham quan, dã ngoại là để các em học sinh được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy... ở xa nơi các em đang sống, học tập, giúp các em có được những kinh nghiệm thực tế, có thêm những hiểu biết về quê hương đất nước, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em.

Nội dung tham quan, dã ngoại có tính giáo dục tổng hợp đối với học sinh như: giáo dục lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử, truyền thống của Đảng, của Đoàn THCS Hồ Chí Minh. Giáo dục lòng tự hào dân tộc. Giúp các em hiểu và biết chủ động tích cực tham gia và vận động người khác tham gia vào các hoạt động bảo vệ, phát huy các giá trị, các di sản văn hoá của quê hương đất nước, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng bảo vệ Tổ quốc, đồng thời giáo dục tinh thần trách nhiệm cho HS (trách nhiệm với xã hội, quê hương đất nước, với môi trường sống...). Các lĩnh vực tham quan, dã ngoại có thể được tổ chức ở nhà trường phổ thông trình công cộng, nhà máy, xí nghiệp; Tham quan các cơ sở sản xuất, làng nghề; Tham quan các Viện bảo tàng; Danh lam, thắng cảnh, di tích, lịch sử; Dã ngoại theo các chủ đề học tập; Dã ngoại theo các hoạt động nhân đạo...

** Trải nghiệm thực địa:* Hình thức trải nghiệm thực địa giúp cho HS quan sát các mối quan hệ trong môi trường tự nhiên và quan hệ giữa hoạt động của con người và môi trường thực địa. Thông qua trải nghiệm thực địa giáo dục cho HS lòng yêu quê hương đất nước, ý thức, trách nhiệm của bản thân học sinh trong việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

1.3.7.2. Hình thức có tính thể nghiệm, tương tác

Các hình thức có tính thể nghiệm, tương tác là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh giao lưu và thể nghiệm ý tưởng như hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân như tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, hội thảo, giao lưu, hội thi, triển lãm,...

**) Tổ chức trò chơi*

Trò chơi là một loại hình hoạt động giải trí, thư giãn; là món ăn tinh thần nhiều bổ ích và không thể thiếu được trong cuộc sống con người nói chung, đối với học sinh THPT nói riêng. Trò chơi là hình thức tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi”.

Trò chơi có thể được sử dụng trong nhiều tình huống khác nhau của HĐTN như làm quen, khởi động, dẫn nhập vào nội dung học tập, cung cấp và tiếp nhận tri thức; đánh giá kết quả, rèn luyện các kỹ năng và củng cố những tri thức đã được tiếp nhận,... Trò chơi giúp phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho học sinh; tạo được bầu không khí thân thiện; tạo cho các em tác phong nhanh nhẹn, qua đó giáo dục học sinh có tinh thần đoàn kết, hỗ trợ nhau trong hoạt động...

**) Tổ chức diễn đàn*

Diễn đàn là một hình thức tổ chức hoạt động được sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của học sinh thông qua việc các em trực tiếp, chủ động bày tỏ ý kiến của mình với đồng đẳng bạn bè, nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ và những người lớn khác có liên quan. Diễn đàn là một trong những hình thức tổ chức mang lại hiệu quả giáo dục thiết thực. Thông qua diễn đàn, học sinh có cơ hội bày tỏ suy nghĩ, ý kiến, quan niệm hay những câu hỏi, đề xuất của mình về một vấn đề nào đó có liên quan đến nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của các em. Đây cũng là dịp để các em biết lắng nghe ý kiến, học tập lẫn nhau. Qua các diễn đàn, thầy cô giáo, cha mẹ học sinh và những người lớn có liên quan nắm bắt được những băn khoăn, lo lắng và mong đợi của các em về bạn bè, thầy cô, nhà trường và gia đình,... tăng cường cơ hội giao lưu giữa người lớn và HS, giữa HS với HS. Đồng thời qua đó giáo dục cho HS ý thức trách nhiệm đối với bản thân, đối với việc làm của mình, đối với gia đình, cộng đồng xã hội

**) Sân khấu tương tác*

Sân khấu tương tác (hay sân khấu diễn đàn) là một hình thức nghệ thuật tương tác dựa trên hoạt động diễn kịch, trong đó vở kịch chỉ có phần mở đầu đưa ra tình huống, phần còn lại được sáng tạo bởi những người tham gia. Phần trình diễn chính là một cuộc chia sẻ, thảo luận giữa những người thực hiện và khán giả, trong đó đề cao tính tương tác hay sự tham gia của khán giả..

Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để học sinh đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kỳ nội dung nào của cuộc sống. Thông qua sân khấu tương tác, sự tham gia của học sinh được tăng cường và thúc đẩy, tạo cơ hội cho học sinh rèn luyện những kỹ năng như: kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống,...

**) Hội thi/ cuộc thi*

Hội thi/cuộc thi là một trong những hình thức tổ chức hoạt động hấp dẫn, lôi cuốn học sinh và đạt hiệu quả cao trong việc tập hợp, giáo dục, rèn luyện và định hướng giá trị cho tuổi trẻ, đặc biệt là học sinh THPT. Hội thi mang tính chất thi đua giữa các cá nhân, nhóm hoặc tập thể luôn hoạt động tích cực để vươn lên đạt được mục tiêu mong muốn thông qua việc tìm ra người/đội thắng cuộc.

Mục đích tổ chức hội thi/cuộc thi nhằm lôi cuốn học sinh tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; đáp ứng nhu cầu về vui chơi giải trí cho học sinh; thu hút tài năng và sự sáng tạo của học sinh; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của học sinh, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập, tính trách nhiệm đối với hoạt động học tập của bản thân, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức. Giáo dục tinh thần đoàn kết, tinh thần tập thể. Hội thi/cuộc thi có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi vẽ, thi viết, thi tìm hiểu, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi thời trang, thi kể chuyện, thi sáng tác bài hát, hội thi thời trang, hội thi học sinh thanh lịch,... có nội dung giáo dục về một chủ đề nào đó.

**) Tổ chức sự kiện*

Tổ chức sự kiện trong nhà trường phổ thông là một hoạt động tạo cơ hội cho học sinh được thể hiện những ý tưởng, khả năng sáng tạo của mình, thể hiện năng lực tổ chức hoạt động, thực hiện và kiểm tra giám sát hoạt động. Thông qua hoạt động tổ chức sự kiện học sinh được rèn luyện tính tỉ mỉ, tính năng động, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, có khả năng thiết lập mối quan hệ tốt, khả năng tổ chức, làm việc theo nhóm. Khi tham gia tổ chức sự kiện học sinh sẽ thể hiện được sức bền cũng như khả năng chịu được áp lực cao của mình. Ngoài ra, các em còn phải biết cách xoay xở và ứng phó trong mọi tình huống bất kì xảy đến.

**) Hoạt động giao lưu*

Giao lưu là một hình thức tổ chức giáo dục nhằm tạo ra các điều kiện cần thiết để cho học sinh được tiếp xúc, trò chuyện và trao đổi thông tin với những nhân vật điển hình trong các lĩnh vực hoạt động nào đó.

Qua đó, hoạt động giao lưu nhằm giáo dục học sinh có tình cảm và thái độ phù hợp, biết tự đánh giá được điểm mạnh, yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn để vươn lên trong học tập. Đồng thời giúp học sinh hiểu và quan tâm đến mối quan hệ hài hoà với những người khác. Hiểu và tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người, tôn trọng sự khác biệt về nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng về văn hoá cá nhân. Có ý thức học hỏi, có quyết tâm, có định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Có được những lời khuyên đúng đắn để vươn lên trong học tập, rèn luyện và hoàn thiện nhân cách.

1.3.7.3. Hình thức có tính cống hiến

Các hình thức có tính cống hiến là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động chiến dịch tình nguyện, nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội...

**) Hoạt động chiến dịch tình nguyện*

Hoạt động chiến dịch tình nguyện là hình thức tổ chức không chỉ tác động đến học sinh mà tới cả các thành viên cộng đồng. Nhờ các hoạt động này, học sinh có cơ hội khẳng định mình trong cộng đồng, qua đó hình thành và phát triển ý thức “mình vì mọi người, mọi người vì mình”. Việc học sinh tham gia các hoạt động chiến dịch tình nguyện nhằm tăng cường sự hiểu biết và sự quan tâm của học sinh đối với các vấn đề xã hội như vấn đề môi trường, an toàn giao thông, an toàn xã hội, vì sự phát triển cộng đồng... giúp học sinh có ý thức hành động vì cộng đồng; phục vụ cộng đồng. Giáo dục tinh thần trách nhiệm ở học sinh, trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội, trách nhiệm với môi trường sống. Tập dượt cho học sinh tham gia giải quyết những vấn đề xã hội; phát triển ở học sinh một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng đánh giá và kỹ năng ra quyết định.

**) Hoạt động nhân đạo*

Hoạt động nhân đạo là hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm của học sinh trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thông qua hoạt động nhân đạo, học sinh biết thêm những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo, trẻ em mồ côi, người tàn tật, khuyết tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, những đối tượng dễ bị tổn thương trong cuộc sống,... để kịp thời giúp đỡ, giúp họ từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Hoạt động nhân đạo giúp các em học sinh được chia sẻ những suy nghĩ, tình cảm và giá trị vật chất của mình với những thành viên trong cộng đồng, giúp các em biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó giáo dục các giá trị đạo đức cho học sinh như: lòng nhân ái, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm, tiết kiệm, hạnh phúc,...

1.3.7.4. Hình thức có tính nghiên cứu

Các hình thức có tính nghiên cứu là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho học sinh tham gia các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học nhờ cảm hứng từ những trải nghiệm thực tế, qua đó đề xuất những biện pháp giải quyết vấn đề một cách khoa học. Nhóm hình thức tổ chức này bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, câu lạc bộ, báo cáo trình diễn, nghiên cứu khoa học kỹ thuật,...

**) Hoạt động câu lạc bộ*

Câu lạc bộ là hình thức hoạt động của những nhóm học sinh cùng sở thích, nhu cầu, năng khiếu,... dưới sự định hướng của những nhà giáo dục nhằm tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các học sinh với nhau và giữa học sinh với thầy cô giáo, với những người lớn khác. Hoạt động của CLB tạo cơ hội để học sinh được chia sẻ những kiến thức, hiểu biết của mình về các lĩnh vực mà các em quan tâm, qua đó phát triển các kỹ năng của học sinh như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe và biểu đạt ý kiến, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng viết bài, kỹ năng chụp ảnh, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề,... giáo dục cho các em những phẩm chất đạo đức như tính trung thực, tính chăm chỉ, ham học hỏi, học sinh biết tự đánh giá điểm mạnh, yếu của bản thân, từ đó có ý thức xây dựng kế hoạch học tập, có ý chí vượt qua khó khăn, vươn lên trong học tập... Thông qua hoạt động của các CLB, nhà giáo dục hiểu và quan tâm hơn đến nhu cầu, nguyện vọng mục đích chính đáng của các em. Giúp HS biết em chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động trong thực tiễn, hình thành và phát triển các hành vi đạo đức phù hợp.

** Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật*

Nghiên cứu khoa học là quá trình nhận thức khoa học, là hoạt động trí tuệ đặc thù bằng những phương pháp nghiên cứu nhất định để tìm ra một cách chính xác và có mục đích những điều mà con người chưa biết đến hoặc biết chưa đầy đủ, tức là tạo ra sản phẩm mới dưới dạng tri thức mới về nhận thức hoặc phương pháp. Trải nghiệm thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học là sân chơi bổ ích giúp các em áp dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống, học đi đôi với hành; tiếp cận, làm quen với phương pháp, kỹ năng nghiên cứu khoa học, tạo đà cho các bậc học tiếp theo; Qua hoạt động trải nghiệm này tạo sự tự tin, tìm tòi và sáng tạo; rèn luyện cách làm việc tự lực, làm việc nhóm, tính tích cực, chủ động, hứng thú trong học tập và sinh hoạt. Giáo dục tính trung thực, tính chăm chỉ, tinh thần trách nhiệm trong mọi hoạt động. Trải nghiệm thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học còn là quá trình phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh ở một số môn học có liên quan.

1.3.8. Các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

Lực lượng GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT đề cập đến những chủ thể tham gia GDĐĐ cho học sinh ở các trường THPT. Đây là nhân tố có ảnh hưởng rất quan trọng đến chất lượng của quá trình GDĐĐ.

Lực lượng GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh ở các trường THPT bao gồm:

- Lực lượng giáo dục trong nhà trường: Cán bộ quản lý, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Hội phụ huynh, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà

trường. Đây là lực lượng gắn kết thường xuyên và liên tục với học sinh THPT tại các nhà trường và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả GDĐĐ cho các em. Cụ thể:

+ CBQL, GV chủ nhiệm, GV bộ môn là những người được đào tạo chuyên sâu về cả chuyên môn và nghiệp vụ, giữ vai trò chủ đạo trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT ở các nhà trường.

+ Hội phụ huynh, tổ chức Đoàn thanh niên cùng với CBQL, GV của nhà trường tham gia vào việc tổ chức các HĐTN cho học sinh, đồng thời có những yêu cầu mang tính giáo dục cho học sinh, phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình học sinh THPT giải quyết các yêu cầu một cách thường xuyên.

- Lực lượng giáo dục trong gia đình: Ông bà, cha mẹ và người thân có nhân cách tích cực trong gia đình học sinh. Đây là lực lượng có mối quan hệ gắn kết đặc biệt với học sinh THPT - gắn kết bằng tình máu mủ. Do đó, những tác động của họ có ảnh hưởng sâu sắc và mang lại hiệu quả thiết thực trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT.

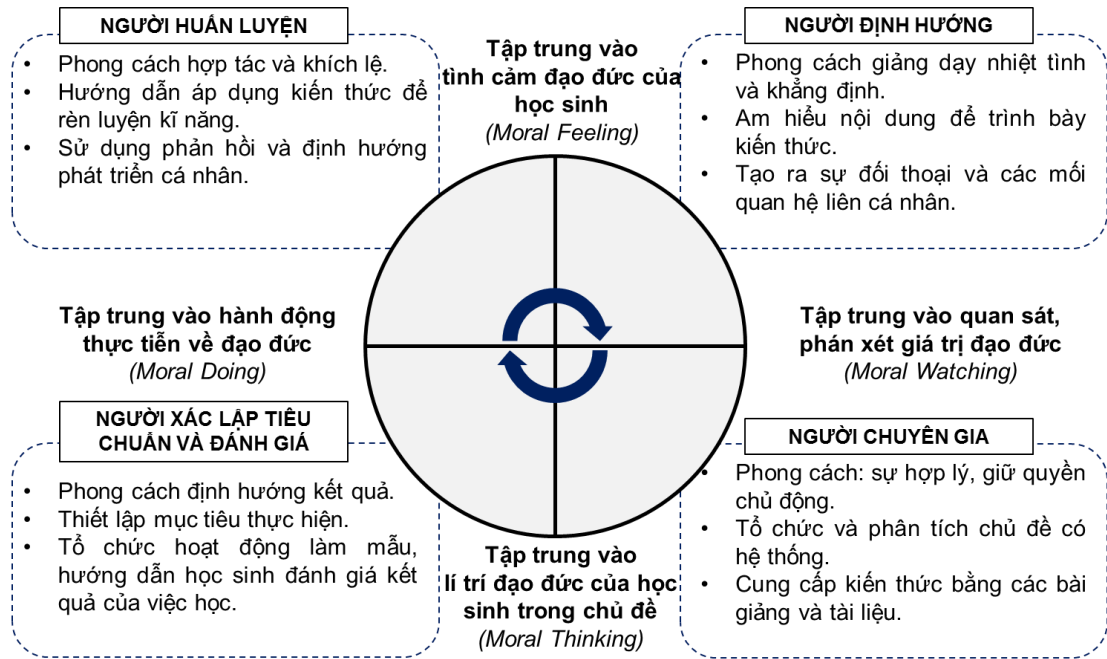
- Lực lượng giáo dục trong xã hội: Cán bộ các cấp ủy Đảng, cán bộ chính quyền địa phương, cán bộ Hội cựu chiến binh, cán bộ Hội khuyến học, cán bộ Hội phụ nữ, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất ở địa phương nơi trường đóng. Đây là lực lượng có đóng góp không nhỏ đối với quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT ở các nhà trường. Bởi lẽ, các lực lượng này vừa tham gia trực tiếp vào quá trình GDĐĐ cho học sinh, vừa cung ứng những nguồn lực thiết yếu phục vụ cho quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh.

Trong các lực lượng trên, lực lượng giáo dục trong các nhà trường, đặc biệt là đội ngũ giáo viên, GVCN lớp và tổ chức Đoàn TNCSHCM là lực lượng giữ vai trò chủ đạo trong quá trình GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.

Vai trò của các lực lượng giáo dục này được thể hiện như sau:

** Vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn*

Trong quá trình giáo dục HS, GV luôn đóng vai trò chủ đạo. GV là người định hướng và tổ chức, dẫn dắt HS tham gia vào các hoạt động. Vai trò của GV trong tổ chức hoạt động giáo dục nói chung và GDĐĐ cho học sinh nói riêng được thể hiện như sau: 1/ Người định hướng; 2/ Người chuyên gia; 3/ Người xác lập tiêu chuẩn và đánh giá; 4/ Người huấn luyện [92], [93].



Hình 1.1. Vai trò của giáo viên trong giáo dục đạo đức thông hoạt động trải nghiệm (theo mô hình của Kolb)

Mỗi vai trò này được cụ thể như sau:

Vai trò người định hướng (Facilitator): Các hành vi của giáo viên có chức năng giúp học sinh thực hiện các hoạt động tìm tòi, phát hiện. Giáo viên sử dụng các hoạt động về kinh nghiệm cụ thể để khai thác tình cảm đạo đức và quan sát phân xét đạo đức để giúp học sinh liên hệ với kinh nghiệm, trải nghiệm trong đời sống đạo đức của họ, suy ngẫm về nó và đúc rút ra bài học. Giáo viên cần giữ phong cách nhiệt tình và khẳng định, đưa ra những ý kiến, lời khuyên để giúp học sinh nhận ra lợi ích và động lực của việc học.

Vai trò người chuyên gia (Subject Expert): Các hành vi của giáo viên có chức năng giúp học sinh thực hiện các hoạt động biến đổi, xử lý. Giáo viên sử dụng các hoạt động về quan sát phản ánh và khái niệm hóa trừu tượng để giúp học sinh tổ chức và kết nối sự phân xét giá trị đạo đức của họ với những tri thức đạo đức của bài học/chủ đề nhằm phát triển lý trí đạo đức. Giáo viên nên giữ quyền chủ động trong lớp học, sử dụng các ví dụ, thảo luận, khuyến khích phê phán và xây dựng lý trí đạo đức cho học sinh bằng những dẫn chứng, tài liệu, bài giảng...

Vai trò người xác lập tiêu chuẩn và đánh giá (Standard Setter & Evaluator): Các hành vi dạy học của giáo viên có chức năng giúp học sinh thực hiện các hoạt động ứng dụng, củng cố các giá trị đạo đức. Giáo viên sử dụng các hoạt động về khái niệm hóa trừu tượng và thử nghiệm tích cực để giúp học sinh áp dụng lý trí đạo đức vào những hành động đạo đức trong thực tế. Giáo viên cần giám sát chặt chẽ chất lượng thực hiện của học sinh theo các tiêu chuẩn đã xác lập và cung cấp các phản hồi để

củng cố. Giáo viên giữ phong cách định hướng kết quả, có thể làm mẫu, và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả việc học của bản thân.

Vai trò người huấn luyện (Coach): Các hành vi của giáo viên có chức năng giúp học sinh thực hiện các hoạt động đánh giá, điều chỉnh. Giáo viên sử dụng các hoạt động về thử nghiệm tích cực và kinh nghiệm cụ thể để giúp học sinh tự đánh giá giá và điều chỉnh kinh nghiệm cho bản thân, từ đó thay đổi về hành động đạo đức, tình cảm đạo đức đối với đời sống đạo đức của cá nhân. Trong vai trò này, giáo viên nên giữ phong cách hợp tác và khích lệ, làm việc với từng cá nhân để giúp học sinh rèn luyện các hành vi đạo đức đúng đắn và họ sẽ nhận được những phản hồi tích cực từ đời sống đạo đức của chính họ.

Việc giáo viên xác định đúng vai trò của mình trong hoạt động giáo dục HS có ý nghĩa rất quan trọng, nó sẽ định hướng cách giáo viên giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình giáo dục. Những tình huống đó thường nảy sinh từ mâu thuẫn giữa hai yếu tố là kinh nghiệm nền tảng của học sinh và những yêu cầu đặt ra của chủ đề bài học đạo đức. Giáo viên không nên dồn sự tập trung quá nhiều vào một yếu tố nào mà phải cân bằng giữa cả hai yếu tố đó. Để thực hiện được điều đó, đòi hỏi giáo viên luôn phải nỗ lực cố gắng giữ đúng vai trò dạy học của mình tương ứng với từng hoạt động trải nghiệm của học sinh.

Trong số giáo viên, người GVCN có một vai trò rất quan trọng. GVCN lớp là người thay mặt HT chịu trách nhiệm chính về quản lý và giáo dục toàn diện học sinh một lớp học. Do đó, người HT cần ý thức tầm quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp, am hiểu, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nội dung công tác chủ nhiệm lớp để có kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm phát huy tính tích cực của đội ngũ này. Để thực hiện tốt vai trò này thì người giáo viên, cán bộ Đoàn muốn thực hiện tốt nhiệm vụ GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS, thì cần phải có những năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS. Năng lực này của GV theo chúng tôi được thể hiện ở việc nắm vững tri thức và vận dụng thành thạo các kỹ năng sau:

i. Kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục đạo đức; kiến thức nội dung, chương trình; phương pháp, hình thức hoạt động trải nghiệm ở trường THPT.

ii. Các kỹ năng:

- Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động gồm:
 - + Kỹ năng đặt tên cho hoạt động.
 - + Kỹ năng xác định mục tiêu hoạt động.
 - + Kỹ năng xây dựng nội dung hoạt động.
 - + Kỹ năng lựa chọn phương pháp, phương tiện tổ chức hoạt động.
 - + Kỹ năng xác định hình thức tổ chức hoạt động.
- Kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động gồm:

- + Kỹ năng giao việc.
- + Kỹ năng hướng dẫn.
- + Kỹ năng thúc đẩy.
- + Kỹ năng điều khiển, điều chỉnh.
- Kỹ năng ứng xử, xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động.
- Kỹ năng thuyết phục, động viên học sinh.
- Kỹ năng giám sát, đánh giá hoạt động.

* Vai trò của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh là lực lượng giáo dục trong nhà trường thu hút đông đảo học sinh tham gia nhằm giúp đỡ các em phát huy năng lực trong học tập, lao động, vui chơi. Đây là lực lượng quan trọng trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh. Đặc biệt, trong hoạt động của Đoàn thì nội dung, phương thức, hình thức tổ chức quyết định chất lượng hoạt động của tổ chức này. Do đó, người HT cần tư vấn, định hướng, chỉ đạo lựa chọn về nội dung, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục, tạo điều kiện hỗ trợ tốt nhất để hoạt động giáo dục đạt hiệu quả. HT cần có sự thường xuyên giữ thông tin hai chiều, yêu cầu Bí thư Đoàn trường báo cáo việc thực hiện kế hoạch và kết quả của các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh.

1.4. Nội dung quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

Nội dung quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông được xác định dựa theo tiếp cận theo các chức năng của quản lý. Chức năng quản lý là một thể thống nhất những hoạt động tất yếu của chủ thể quản lý nảy sinh từ sự phân công lao động, chuyên môn hóa trong hoạt động quản lý, nhằm thực hiện được mục tiêu đặt ra. Có nhiều cách phân loại về các chức năng quản lý, trong nghiên cứu quản lý giáo dục có thể phân loại 4 chức năng sau đây: Lập kế hoạch; Tổ chức; Chỉ đạo và Kiểm tra, đánh giá các hoạt động [52].

1.4.1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

Lập kế hoạch là một chức năng cơ bản của quản lý, trong đó phải xác định những vấn đề như nhận dạng và phân tích tình hình, bối cảnh; Dự báo các khả năng; Lựa chọn và xác định các mục tiêu, mục đích và hoạch định con đường, cách thức, biện pháp để đạt được mục tiêu, mục đích của quá trình. Trong mỗi kế hoạch thường bao gồm các nội dung như xác định hình thành mục tiêu, xác định và đảm bảo về các điều kiện, nguồn lực của tổ chức để đạt được mục tiêu và cuối cùng là quyết định xem hoạt động nào là cần thiết tiến hành để đạt được mục tiêu đặt ra.

Lập kế hoạch trong GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh có vai trò rất quan trọng, giúp cho hoạt động quản lý của Hiệu trưởng và cho hoạt động giáo dục học

sinh của nhà trường theo trình tự, hoạt động của giáo viên và HS sẽ hướng tới kết quả một cách chủ động và tích cực hơn. *Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh được xây dựng cụ thể, chi tiết mục tiêu và biện pháp thực hiện đánh giá phù hợp với tình hình thực tế của trường sẽ giúp việc thực hiện kế hoạch dễ dàng và mang lại hiệu quả cao.* Hơn nữa, khi lập kế hoạch GDĐĐ tốt thì sẽ thuận lợi trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả mục tiêu của hoạt động. Đây còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lí.

Nội dung của một kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh được xây dựng gồm có:

- Phân tích, đánh giá thực trạng đạo đức và giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường.
- Xác định mục tiêu GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, mục tiêu giáo dục đạo đức, mục tiêu hoạt động trải nghiệm nói riêng.
- Xác định nội dung GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh khoa học, hợp lí, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện với thực tế nhà trường và có tính khả thi.
- Xác định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cụ thể, hợp lí từ khâu tổ chức thực hiện đến kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động.
- Xác định lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, thiết lập các điều kiện bảo đảm cho kế hoạch được thực hiện.
- Hướng dẫn các tập thể, cá nhân xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh theo từng thời gian cụ thể, từng loại hình hoạt động, chủ đề giáo dục.

Cấp trường THPT:

Cùng với kế hoạch năm học, Hiệu trưởng xây dựng các kế hoạch giáo dục, kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh; Phổ biến quán triệt nâng cao nhận thức cho GV về ý nghĩa tầm quan trọng của GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh, nâng cao nhận thức cho HS về nội quy học tập và rèn luyện đạo đức. Kế hoạch này hướng vào các mạch hoạt động trải nghiệm cho học sinh: hướng đến xã hội; hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp; được thể hiện thông qua các loại hình hoạt động: Sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ đề; sinh hoạt câu lạc bộ. Ngoài những nội dung chung cho cả trường, có những HĐTN theo chủ đề cho từng khối học sinh.

Ngoài ra, để xây dựng kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh, Hiệu trưởng xác lập các chỉ tiêu phấn đấu về nhận thức, thái độ, hành vi (thể hiện cả ở kết quả đánh giá xếp loại hạnh kiểm của HS) thông qua việc HS tham gia vào quá HĐTN; Xây dựng các chỉ tiêu về gương mẫu điển hình trong các hoạt động giáo dục cũng như

gương mẫu về hành vi ứng xử; Xây dựng kế hoạch nhân sự (giám thị, GVCN cho từng khối lớp) để tham gia quản lý giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS.

GVCN và thành phần liên quan khác:

Trên cơ sở chung về kế hoạch của nhà trường, GVCN sẽ phối hợp với GVBM, giám thị và tổ chức Đoàn Thanh niên, căn cứ vào đặc điểm tình hình của lớp xây dựng kế hoạch về GDĐĐ thông qua HĐTN riêng cho từng lớp của mình; Kế hoạch của lớp GDĐĐ thông qua HĐTN được cụ thể ở các hình thức tham gia sinh hoạt dưới cờ (theo kế hoạch của nhà trường); Kế hoạch tổ chức sinh hoạt lớp (theo tuần, 1 tuần/1 tiết); kế hoạch sinh hoạt theo chủ đề (của Trường, và riêng phạm vi lớp); kế hoạch sinh hoạt câu lạc bộ (của trường và riêng của lớp).

Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh nằm trong kế hoạch giáo dục tổng thể của nhà trường vì vậy kế hoạch phải đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu GDĐĐ với mục tiêu giáo dục trong trường THPT; phải đảm bảo phối hợp hữu cơ với kế hoạch dạy học trên lớp; phải đảm bảo lựa chọn nội dung, hình thức phù hợp với hoạt động tâm sinh lý học sinh để đạt hiệu quả giáo dục cao.

1.4.2. Tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

1.4.2.1. Tổ chức lực lượng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Tổ chức lực lượng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN là việc lựa chọn, xác định đơn vị/cá nhân chủ trì, các đơn vị/cá nhân phối hợp triển khai các hoạt động theo quy định phân cấp quản lý và cơ chế phối hợp.

Tổ chức là quá trình hình thành các quan hệ và cấu trúc các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong nhà trường nhằm tạo cơ chế đảm bảo sự phối hợp, điều phối tốt các nguồn lực, các điều kiện cho việc hiện thực hoá mục tiêu đã đề ra của kế hoạch.

Tổ chức thực hiện GDĐĐ cho HS sau khi đã lập xong kế hoạch, đó là lúc cần phải chuyển hóa những ý tưởng thành hiện thực. Tổ chức thực hiện GDĐĐ cho HS là quá trình hình thành nên cấu trúc các quan hệ giữa các thành viên, giữa các bộ phận trong nhà trường để giúp họ thực hiện thành công các kế hoạch và đạt được mục tiêu tổng thể của nhà trường về GDĐĐ cho học sinh. Vì vậy các thành viên và các bộ phận cần được giải thích mục tiêu, yêu cầu của kế hoạch GDĐĐ; thảo luận biện pháp thực hiện kế hoạch; sắp xếp bố trí nhân sự, phân công trách nhiệm QL, huy động cơ sở vật chất, tài chính; định rõ tiến trình, tiến độ thực hiện, thời gian bắt đầu, thời hạn kết thúc.

Các lực lượng giáo dục đạo đức cho HS THPT bao gồm các lực lượng bên trong và ngoài nhà trường (đã trình bày rõ ở mục 1.3.6). Để tổ chức việc thực hiện GDĐĐ cho HS, Hiệu trưởng sẽ tiến hành phân công, quy định nhiệm vụ cho các lực lượng trong trường thực hiện GDĐĐ theo năm học, học kì, tháng, tuần theo mục tiêu,

nội dung đã đề ra, muốn vậy. HT cần xác định vai trò đúng của các lực lượng tham gia GDĐĐ cho HS, để có sự phân công, chỉ đạo phù hợp.

1.4.2.2. Tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài nhà trường

Mỗi lực lượng giáo dục bên trong và bên ngoài nhà trường đều có vai trò, chức năng, nhiệm vụ đặc thù riêng của mình. Chất lượng và hiệu quả giáo dục của học phụ sinh thuộc rất lớn vào sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài nhà trường.

Quản lý nội dung này, HT cần có nghệ thuật sử dụng và phối kết hợp các lực lượng nhằm phát huy những ưu điểm của từng lực lượng nhằm tổ chức các lực lượng thành một khối đoàn kết thống nhất để có tác động mạnh mẽ nhất đến hoạt động GDĐĐ cho HS tránh các tác động rời rạc, tùy tiện, vô hiệu hóa lẫn nhau; cần tổ chức, trao đổi, bàn bạc thống nhất, cải tiến về kế hoạch, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp, kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh toàn trường.

1.4.2.3. Tổ chức xây dựng môi trường GD, các điều kiện phục vụ hoạt động GDĐĐ cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm

HT tổ chức đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh.

Xây dựng, cải tạo khuôn viên nhà trường, xanh sạch, đẹp. Xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực trong nhà trường: xây dựng nền nếp, trật tự, vệ sinh, ngăn nắp; dư luận tập thể lành mạnh, xây dựng văn hoá giao tiếp, ứng xử giữa các thành viên trong nhà trường, mối quan hệ tốt giữa thầy trò, thầy và thầy, học sinh với nhau, ủng hộ cái tốt, phê phán cái xấu, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi,

Như vậy, trách nhiệm GDĐĐ cho HS trong nhà trường thuộc về tất cả cán bộ, giáo viên, gia đình và các lực lượng xã hội nhưng Hiệu trưởng vẫn giữ vai trò nòng cốt. Hiệu trưởng xác định nội dung, quyết định các hình thức, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhà trường. Hiệu trưởng còn là người trực tiếp tham gia GDĐĐ học sinh thông qua nhiều hoạt động. Để hoàn thành nhiệm vụ trên, người Hiệu trưởng phải tìm cho mình những biện pháp giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh. Khi phân công người phụ trách các hoạt động GDĐĐ, Hiệu trưởng cần lưu ý sự hợp lý, phù hợp với năng lực, sở trường, nguyện vọng của họ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, không chồng chéo, không lãng phí.

1.4.2.4. Tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm

Tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh THPT có thể được thực hiện thông qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm, cụ thể như sau:

- Tổ chức các hoạt động của câu lạc bộ;
- Tổ chức các trò chơi;
- Tổ chức các diễn đàn;
- Tổ chức sân khấu tương tác;

- Tổ chức tham quan, dã ngoại (tham quan các di tích lịch sử, về cội nguồn, Viện bảo tàng Lịch sử,...);
- Tổ chức các hội thi, các sự kiện, các hoạt động giao lưu;
- Tổ chức các chiến dịch (như chiến dịch giờ trái đất, chiến dịch làm sạch môi trường trong và ngoài trường, chiến dịch giờ trái đất, chiến dịch tình nguyện hè,...).
- Tổ chức các hoạt động từ thiện, nhân đạo; chăm sóc bệnh nhân, người già không nơi nương tựa;...

1.4.3. Chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

Chỉ đạo là chỉ huy, ra lệnh cho các bộ phận trong nhà trường thực hiện những nhiệm vụ để bảo đảm việc GDĐĐ diễn ra đúng hướng, đúng kế hoạch, tập hợp và phối hợp các lực lượng giáo dục sao cho đạt hiệu quả. Chức năng chỉ đạo trong quản lí hoạt động GDĐĐ là cơ sở để phát huy các động lực cho việc thực hiện các mục tiêu quản lí hoạt động giáo dục và góp phần tạo nên chất lượng, hiệu quả cao cho các hoạt động này. Chỉ đạo có vai trò cùng với chức năng tổ chức để hiện thực hóa mục tiêu của hoạt động GDĐĐ cho học sinh.

Để việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ cho HS trong nhà trường được hiệu quả, đáp ứng mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và hình thức của hoạt động giáo dục, Hiệu trưởng cần thực hiện một số công việc như:

- Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ CBQL, giáo viên, cho cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục khác, nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của mình trong GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh, từ đó giúp họ tự giác tham gia tổ chức hoạt động GDĐĐ và hỗ trợ nhà trường tổ chức hoạt động này; đảm bảo, thống nhất các nguyên tắc, hình thức và phương pháp giáo dục đạo đức;
- Chỉ đạo triển khai giáo dục GDĐĐ cho học sinh toàn trường theo kế hoạch đã xây dựng với các hình thức cụ thể: Sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ đề; câu lạc bộ.
- Chỉ đạo tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên nội dung, phương pháp giáo dục, kỹ năng tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN.
- Chỉ đạo GVCN thực hiện các nội dung công tác chủ nhiệm nhằm giáo dục đạo đức học sinh như: Xây dựng nội dung và tổ chức thực hiện GDĐĐ cho học sinh thông qua giờ sinh hoạt lớp, thông qua sinh hoạt theo các chủ đề; thông qua hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ của lớp.
- Chỉ đạo giáo viên bộ môn thực hiện lồng ghép hoạt động GDĐĐ qua các môn học và phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tham gia tổ chức các hoạt động GDĐĐ học sinh, nhằm làm cho hoạt động giáo dục phù hợp tâm sinh lí lứa tuổi, đáp ứng nhu cầu nguyện vọng của học sinh.
- Chỉ đạo hoạt động của tổ chức Đoàn TNCSHCM nhà trường: đặt ra yêu cầu, mục tiêu, định hướng các chương trình hoạt động trọng tâm của hoạt động Đoàn

nhằm GDĐĐ HS; đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ đạo xây dựng và tổ chức GDĐĐ cho học sinh theo các chủ đề hoạt động theo phạm vi toàn trường, theo khối, các nội dung hoạt động theo hình thức sinh hoạt dưới cờ.

- Chỉ đạo tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.

- Chỉ đạo phối hợp với gia đình và các lực lượng bên ngoài nhà trường GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh.

1.4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

Kiểm tra là một trong các chức năng của người làm quản lý, không phân biệt họ làm việc ở cấp nào trong bộ máy quản lý nói chung và trong bộ máy QL trường học nói riêng. Kiểm tra là chức năng cuối cùng của một quá trình quản lý đồng thời chuẩn bị cho một quá trình quản lý tiếp theo.

Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDĐĐ gắn liền với công việc của cán bộ quản lý, giáo viên ở trường phổ thông và thông thường theo một số hướng chủ yếu sau:

- Kiểm tra để theo dõi để cho hoạt động GDĐĐ phù hợp với nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục của nhà trường và sự phân công của cấp trên.

- Kiểm tra để quan sát, bảo đảm nhiệm vụ được giao có đủ điều kiện thực hiện, phù hợp với thực tế hay không. Kiểm tra để hướng dẫn và điều chỉnh hoạt động GDĐĐ kịp thời nhằm tăng hiệu quả công việc của từng bộ phận trong nhà trường.

- Kiểm tra kết quả cuối cùng, đánh giá hiệu quả thực tế của hoạt động GDĐĐ theo kế hoạch đặt ra.

Về mặt QL chung, kiểm tra hướng tới việc xem xét tính hợp lý hay không hợp lý của một chương trình công tác đã vạch ra, khả năng thực hiện trong thực tế. Ở nhà trường phổ thông, hoạt động kiểm tra sẽ hướng tới các tiêu chuẩn, các định mức nêu ra cho các loại công việc, các phương tiện được sử dụng, nguồn tài chính, con người...

Theo quan điểm hệ thống, cơ sở của kiểm tra là sự kết hợp chặt chẽ giữa các nhân tố khác nhau trong cùng một công việc. Để kiểm tra, người QL cần phải xây dựng các tiêu chuẩn, cần đo lường công việc và cuối cùng đều phải có sự điều chỉnh các tiêu chuẩn cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch đặt ra. Quá trình đó diễn ra mọi nơi và cho mọi đối tượng. Do vậy, các nhà QL còn gọi kiểm tra là một hệ thống liên hệ ngược. Nó được hiểu như một hệ thống phản hồi có mối liên hệ chặt chẽ đến các chức năng còn lại trong QL.

Trong QL hoạt động GDĐĐ cho HS, công tác kiểm tra có thể hiểu là hoạt động nghiệp vụ QL của người cán bộ quản lý nhằm điều tra, theo dõi, kiểm soát, phát hiện, xem xét sự diễn biến và đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục đó có phù hợp

với mục tiêu, kế hoạch, chuẩn mực, quy định đề ra hay không. Qua đó, kịp thời động viên mặt tốt, điều chỉnh, uốn nắn những mặt chưa đạt chuẩn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động GDĐĐ trong nhà trường.

Hiệu trưởng có thể tiến hành kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đột xuất, trực tiếp, hoặc gián tiếp để giúp học sinh hiểu rõ hơn về những hoạt động của mình, khẳng định được mình, từ đó hoạt động tích cực hơn, tự giác hơn, biết tự điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với yêu cầu chung của xã hội.

Một số hoạt động nhằm kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS ở nhà trường:

- Sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo từng học kì, tháng, tuần.
- Kiểm tra đánh giá giáo viên sau khi tham gia hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS.
- Đánh giá hoạt động GVCN qua kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN; qua dự giờ tổ chức sinh hoạt lớp; qua các hoạt động sinh hoạt theo chủ đề.
- Kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS của Đoàn thanh niên qua báo cáo, kiểm tra thực tế, và thông qua nhận xét, đánh giá của cấp trên.
- Kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất trong quá trình tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.
- Tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.
- Nhắc nhở, phê bình những cá nhân chưa thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo kế hoạch.
- Tham gia nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm thực hiện phối hợp các lực lượng giáo dục.

Hoạt động thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong GDĐĐ cho HS mang ý nghĩa quan trọng góp phần kích thích, thúc đẩy, điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức trong ứng xử của các em. Quản lý nội dung này, HT cần tư vấn, chỉ đạo các lực lượng giáo dục xây dựng các hoạt động thi đua, khen thưởng theo các chủ đề năm học, học kì và theo từng tháng sao cho phù hợp với thực tiễn nhà trường, thu hút được HS tham gia. HT cần xây dựng thống nhất các tiêu chí, chỉ tiêu cho các hoạt động thi đua, nắm bắt kịp thời tấm gương tốt để biểu dương; đề ra các quy định, nội quy để xây dựng nề nếp cho HS; chỉ đạo thống nhất các hình thức, phương pháp, mức tiến hành kỷ luật HS sao cho thể hiện tính giáo dục cao.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

1.5.1. Những yếu tố chủ quan

1.5.1.1. Phẩm chất và năng lực chỉ đạo của cán bộ quản lý

Mục tiêu của giáo dục được thể hiện chủ yếu trong các hoạt động của nhà trường, đội ngũ CBQL là lực lượng thực thi nòng cốt, là nhân tố cơ bản quyết định sự thành công hay thất bại trong việc hiện thực hóa các mục tiêu đề ra. Do vậy, nếu như các nhà lãnh đạo có trách nhiệm định hướng cho tổ chức mình thì các nhà quản lý cần có năng lực quản lý chuyên môn với các phương pháp, cách thức phù hợp với quy luật phát triển chung và tình hình cụ thể.

Sự phát triển của một tổ chức phụ thuộc vào phẩm chất đạo đức và năng lực điều hành của người đứng đầu trong tổ chức. Để thực hiện có hiệu quả hoạt động GDĐĐ cho học sinh đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý là người có phẩm chất đạo đức tốt, mẫu mực trong mọi hoạt động, năng lực nhận thức và triển khai những tư tưởng mới trong tổ chức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.

1.5.1.2. Phẩm chất và năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh của GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm lớp

Con người là yếu tố quan trọng nhất cho thành công của mọi công việc; Để quản lý GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS đạt hiệu quả cao thì mỗi người giáo viên trước tiên phải là một tấm gương về phẩm chất đạo đức. Bởi trên thực tế, những tác động trực tiếp từ thầy cô đến HS mang lại những ảnh hưởng rất lớn. Từ lời nói, việc làm, cách đối nhân xử thế của GV đều ảnh hưởng trực tiếp đến HS. Đối với HS THPT, các em đã có sự trưởng thành về nhận thức, vì vậy các em có khả năng nhận xét, đánh giá tương đối khách quan đối với sự vật hiện tượng xung quanh. Vì vậy việc giáo dục đạo đức cho học sinh bằng chính tấm gương của GV cũng là hình thức giáo dục mang lại hiệu quả. Bên cạnh phẩm chất đạo đức, thì năng lực của đội ngũ giáo viên, trực tiếp là giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp, giáo viên phụ trách tổ chức HĐTN cho HS sẽ là yếu tố quyết định.

HĐTN đa dạng, phong phú với nhiều chủ đề khác nhau và luôn ở trạng thái động từ nội dung đến hình thức do đó đòi hỏi người tổ chức phải có những kỹ năng đặc thù như: kỹ năng tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động, kỹ năng thu thập, tổng hợp thông tin, khả năng diễn đạt tốt, năng động, sáng tạo và luôn có ý thức tìm tòi cái mới, biết huy động và tập hợp học sinh tham gia hoạt động. Nếu năng lực của giáo viên, GV chủ nhiệm lớp, hạn chế thì sẽ khó có thể thu hút HS hứng thú tham gia hoạt động, hoạt động không thể đạt kết quả tốt.

1.5.1.3. Ý thức, thái độ tích cực hoạt động của học sinh

Giáo dục ĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT đóng vai trò lớn trong việc góp phần định hướng phát triển toàn diện nhân cách cho học sinh. Giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh được thực hiện trên bình diện tập thể và cá nhân. Tuy nhiên hiệu quả của giáo dục đạo đức cho học sinh lại phụ thuộc cơ bản là nhận thức và biến nhận thức thành hành động, thành “Nếp nghĩ”, “Nếp sống” được hình thành và thể hiện ở từng học sinh khác nhau. Chính điều này nên mức độ kết quả của giáo dục ĐĐ ở những học sinh đạt được là khác nhau tùy thuộc vào nhận thức ý nghĩa giá trị cũng như sự tu dưỡng, cố gắng rèn luyện của những học sinh khác nhau là không giống nhau.

Ý thức, thái độ, tính tích cực hoạt động của học sinh có vai trò quan trọng giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, sự trung thực, thẳng thắn chia sẻ những giá trị đạo đức của bản thân là điều không dễ dàng, khi mà học sinh còn có tâm lý dẫu kín, e ngại tỏ lộ với mọi người. Điều này càng đòi hỏi người giáo viên phải luôn ý thức được “vai trò - chức năng” của mình trong quá trình giáo dục nhằm tạo ra niềm tin cho học sinh. Tư duy của học sinh THPT đang dần phát triển lên mức độ cao, các em có khả năng thu thập thông tin ở các nguồn khác nhau làm giàu thêm vốn hiểu biết của bản thân. HĐTN nếu khơi dậy nhu cầu ham học hỏi, tự tìm tòi kiến thức, khám phá cái mới đồng thời giúp các em củng cố, trải nghiệm những kiến thức đã học ở trên lớp thì chắc chắn sẽ thu hút được các em tham gia hoạt động một cách tích cực. Nếu nội dung nghèo nàn, hình thức đơn điệu không phù hợp với lứa tuổi thì sẽ khó thu hút được học sinh tham gia một cách tích cực, kết quả hoạt động sẽ hạn chế.

Do đó, nắm vững đặc điểm tâm lý cá nhân của học sinh có một ý nghĩa đặc biệt trong quản lý giáo dục ĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

1.5.2. Các yếu tố khách quan

1.5.2.1. Môi trường kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương

Hiện nay đất nước ta đang tiến hành đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đổi mới kinh tế là trọng tâm. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, nó vừa có tính tích cực, vừa có tính tiêu cực đối với việc giáo dục đạo đức cho học sinh.

Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường hiện nay đối với giáo dục đạo đức cho mỗi cá nhân nói chung và thế hệ trẻ trong đó có học sinh THPT nói riêng là một hiện tượng phức tạp mang lại cả những yếu tố tích cực và tiêu cực:

Về mặt tích cực: Cơ chế thị trường kích thích sự phát triển kinh tế, nâng cao tổng công lợi xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển con người về mọi mặt, trong đó

có đạo đức. Con người tham gia vào hoạt động kinh tế thị trường về nhân cách được độc lập, tự do, có quyền bình đẳng trong cạnh tranh, giữ chữ tín trong trao đổi và tăng cường quan tâm phát triển lợi ích chung của toàn xã hội.

Tham gia vào kinh tế thị trường, con người có điều kiện phát triển nhân cách cá nhân: Tính quyết đoán, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tính năng động sáng tạo trong lập thân, lập nghiệp được khẳng định. Sự cạnh tranh khốc liệt giữa các cơ sở sản xuất với nhau mà yếu tố để đảm bảo thắng lợi trong cạnh tranh đó là uy tín và chất lượng. Uy tín của ngành nghề nào đó là do yếu tố về mặt đạo đức nghề nghiệp của người tham gia lao động trong lĩnh vực ngành nghề đó.

Về mặt tiêu cực: Bên cạnh những mặt tích cực nói trên, cơ chế thị trường cũng gây ra hàng loạt những hiện tượng tiêu cực đối với đạo đức và tiến bộ xã hội. Đó là, sự phân hoá giàu nghèo một cách sâu sắc, từ đó làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn xã hội. Kinh tế thị trường dễ nảy sinh những tệ nạn xã hội: tham nhũng, tội phạm, bạo lực. Đó là sự kích thích lòng tham lợi, dẫn đến khai thác cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên cũng như sức lực của người lao động. Kinh tế thị trường còn kích thích chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, lối sống chạy theo đồng tiền bất chấp đạo lý.

Trong nền kinh tế thị trường thì một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng lớn đến mục tiêu đào tạo của giáo dục nói chung và GDĐĐ cho học sinh THPT nói riêng.

Bên cạnh ảnh hưởng của nền kinh tế, thì truyền thống văn hoá, phong tục tập quán cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình giáo dục đạo đức và quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh THPT thông qua HĐTN.

Truyền thống văn hoá, phong tục tập quán là những thói quen đã được mọi người tuân thủ tại một địa phương trong một hoàn cảnh bắt buộc phải chấp nhận lễ thói ấy như là một phần luật của địa phương. Thực chất đó là những qui tắc xử sự mang tính cộng đồng, phản ánh nguyện vọng qua nhiều thế hệ của toàn thể dân cư trong cộng đồng tự quản, là một bộ phận cấu thành lên những giá trị đạo đức. Những qui tắc này ảnh hưởng đến tất cả các mặt của đời sống xã hội trong đó có giáo dục đạo đức cho thế hệ trẻ

Do đó, khi giáo dục đạo đức cho học sinh rất cần phải chú ý đến yếu tố truyền thống văn hoá, phong tục tập quán của địa phương.

1.5.1.4. Ảnh hưởng từ giáo dục gia đình

Gia đình - cái nôi sinh ra và gắn liền với cuộc sống của đứa HS từ khi sinh ra - có một ảnh hưởng đặc biệt quan trọng tới việc giáo dục HS nói chung và những giá trị đạo đức sau này nói riêng ở HS. Gia đình chính là nơi nuôi dưỡng và là môi trường giáo dục đầu tiên của HS là cội nguồn, ảnh hưởng đến sự hình thành, phát triển nhân cách HS. Ông bà, cha mẹ chính là những người thầy đầu tiên của HS, dạy cho các em từ cách nói năng, chào hỏi, đi đứng, gia đình còn là môi trường để HS

thực hành những điều đã học ở trường, rèn luyện hành vi... Ảnh hưởng giáo dục của gia đình đối với HS có ý nghĩa sâu sắc không chỉ khi còn bé mà ngay cả lúc trưởng thành. Môi trường giáo dục gia đình với truyền thống tốt đẹp, bầu không khí tâm lý hoà thuận, các thành viên trong gia đình luôn có sự tôn trọng, yêu thương, đùm bọc nhau, quan tâm, lo lắng, chia sẻ, sự hiếu thảo của con cháu với ông bà cha mẹ... tất cả những điều đó sẽ tác động trực tiếp đến mỗi HS, sẽ giúp HS có được nhận thức, thái độ hành vi, thói quen đạo đức tốt. HS sẽ biết quan tâm đến mọi người, biết yêu thương, kính trọng người lớn tuổi, biết cư xử phù hợp.

Ngược lại nếu HS không may mắn, sinh ra và lớn lên trong môi trường gia đình có sự bầu không khí tâm lý không tốt, luôn có những mâu thuẫn, xung đột giữa các thành viên trong gia đình, thiếu sự quan tâm, chăm sóc và tôn trọng nhau. Điều này cũng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển nhân cách của HS, ảnh hưởng đến quá trình giáo dục đạo đức HS của nhà trường.

Xác định rõ những giá trị đạo đức mong muốn đạt được ở mỗi học sinh cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong việc giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho các em là đặc biệt cần thiết, qua đó thông tin hai chiều giữa nhà trường và gia đình thường xuyên được chia sẻ sẽ giúp định hướng cũng như điều chỉnh, uốn nắn khi cần thiết để có thể đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra. Do đó, quản lý sự kết hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc giáo dục đạo đức là cần thiết để tạo giúp quá trình GD ĐĐ cho học sinh có hiệu quả trong nhà trường. Muốn là được điều này, nhà trường cần giúp cho mỗi phụ huynh học sinh nhận thức đúng vai trò quan trọng của môi trường giáo dục gia đình đối với sự phát triển nhân cách của HS, để xây dựng môi trường gia đình hạnh phúc, văn hoá.

1.5.2.3. Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh

Việc giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện các phẩm chất đạo đức và năng lực nhằm giúp người học phát triển nhân cách một cách toàn diện là một quá trình lâu dài liên tục, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp.

Trong sự phát triển nguồn nhân lực cho đất nước đang đổi mới hiện nay, rõ ràng nổi lên yêu cầu cấp bách là nâng cao chất lượng người lao động, đào tạo con người có nhân cách, có kỷ luật lao động. Để có được những con người đảm bảo yêu cầu của đổi mới xã hội cần có sự kết hợp nhịp nhàng đồng bộ và hỗ trợ giữa ba môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường và các tổ chức xã hội, tác động mạnh vào việc phát triển nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ - sinh viên. Nhà trường sẽ là vai trò trung tâm, tổ chức phối hợp dẫn dắt nội dung, phương pháp giáo dục của gia đình và các lực lượng trong xã hội. Bởi lẽ nhà trường là một tổ chức chuyên biệt đối với công tác giáo dục, được sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng và nhà nước, nắm vững quan điểm,

đường lối, mục tiêu bồi dưỡng đào tạo con người xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, nhà trường luôn luôn có đội ngũ thầy cô giáo có trình độ, năng lực, nhiệt tình, tâm huyết, đã được đào tạo có hệ thống. Giáo dục nhà trường trong mọi thời đại có chức năng cơ bản là truyền thụ tri thức văn hóa đã được rút kết từ các tinh hoa của nhân loại, mở mang trí tuệ cho người học. Nhờ nắm vững những tri thức văn hóa cơ bản này mà nhân cách của học sinh được hình thành và phát triển một cách vững vàng.

HĐTN là các hoạt động được tổ chức trong nhà trường, ngoài xã hội. Vì vậy nhà trường cần phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường như: Các đoàn thể chính trị xã hội ở địa phương; tổ chức chính quyền địa phương; các đơn vị kinh tế xã hội; hội cha mẹ học sinh...

Nếu nhà trường biết cách phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường và phát huy sức mạnh của những lực lượng này, không những đảm bảo được sự phối hợp thống nhất giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục đạo đức cho HS mà còn nâng cao hơn nữa trách nhiệm của gia đình, các lực lượng xã hội trong việc phối hợp, giúp đỡ nhà trường quản lý, giáo dục con em mình, đồng thời tạo những thuận lợi cho nhà trường trong việc tổ chức các HĐTN. Vì vậy thực hiện có hiệu quả, sẽ tạo được sức mạnh tổng hợp, tạo điều kiện để các em được giáo dục ở mọi lúc, mọi nơi. Ngoài ra, việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường, xã hội làm cho quá trình giáo dục đạo đức học sinh ở trường THPT trở lên thống nhất, hài hòa và đạt hiệu quả, đồng thời vừa làm cho giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và xã hội được cộng hưởng, tạo điều kiện khép kín quá trình giáo dục, tác động đồng bộ đến nhân cách.

Kết luận chương 1

GDĐĐ cho học sinh THPT là một bộ phận quan trọng có tính chất nền tảng của quá trình giáo dục toàn diện ở các nhà trường. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu và phân tích một số khái niệm cơ bản như đạo đức, giáo dục đạo đức; hoạt động trải nghiệm; giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT luận án đã làm sáng tỏ quan niệm về Quản lý giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT. Muốn thực hiện GDĐĐ cho học sinh đạt được chất lượng và hiệu quả, nhà trường phổ thông cần xác định được một cách đúng đắn, đầy đủ mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.

Quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở các trường là rất khó khăn và phức tạp, đòi hỏi người CBQL phải có sự hiểu biết sâu sắc về các nội dung quản lý GDĐĐ ở trường phổ thông, các yếu tố ảnh hưởng chủ quan (phẩm chất, năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên; ý thức, thái độ của học sinh), khách quan (môi trường kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương; môi trường giáo dục gia đình; sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài nhà trường) ảnh hưởng đến hoạt động GDĐĐ. Quản lý GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT theo tiếp cận chức năng của hoạt động quản lý được thể hiện qua các nội dung: Lập kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh; tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT THPT, chỉ đạo triển khai GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT THPT, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch hoạt động GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT theo qui trình khoa học, làm cho nhà trường vận hành theo đúng qui luật khách quan, thực hiện được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích khảo sát

Đánh giá thực trạng giáo dục đạo đức và quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường phổ thông liên cấp tiểu học, THCS & THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường phổ thông liên cấp tiểu học, THCS & THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức HS THPT, góp phần phát triển toàn diện nhân cách HS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

2.1.2. Đối tượng khảo sát

- Cán bộ quản lý: 50 người (Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn).
- Giáo viên THPT: 450 người (trong đó bao gồm 165 GV làm công tác chủ nhiệm lớp và Giáo viên bộ môn).
- Học sinh THPT: 900 em (mỗi trường 100 em).

2.1.3. Nội dung

- Đánh giá về thực trạng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- Những yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2.1.4. Phương pháp khảo sát

Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Tác giả xây dựng 01 mẫu phiếu khảo sát dành cho đối tượng là CBQL, 01 mẫu phiếu khảo sát dành cho GV; 01 mẫu phiếu dành cho học sinh.

Phương pháp quan sát: Quan sát học sinh trong quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm.

Phương pháp phỏng vấn: Trao đổi trực tiếp với một số CBQL, GV, học sinh THPT các trường phổ thông liên cấp nhằm tìm hiểu thêm, làm rõ một số khía cạnh về thực trạng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

2.1.5. Cách thức xử lý kết quả khảo sát và thang điểm đánh giá

Sử dụng phần mềm thống kê để tính và kiểm tra số liệu khi thu thập thông tin. Bao gồm các mức độ đánh giá:

* Đối với mức độ thực hiện: Được đánh giá theo 3 mức độ: thường xuyên (3 điểm), thi thoảng (2 điểm), không bao giờ (1 điểm).

Đối với mức độ đáp ứng: Được đánh giá theo 3 mức độ: đáp ứng tốt (3 điểm), đáp ứng một phần (2 điểm), không đáp ứng (1 điểm).

Để xác định thang đo, chúng tôi tính điểm của thang đo bằng công thức: (Điểm tối đa - Điểm tối thiểu): Số mức độ.

Khoảng cách giữa các mức độ của thang đo là: $(3 - 1) : 3 = 0,67$ điểm.

Điểm số tối thiểu của mức độ 1 là 1 điểm

Điểm số tối thiểu của mức độ 2 là: $1 + 0,67 = 1,67$ điểm

Điểm số tối thiểu của mức độ 3 là: $1,67 + 0,67 = 2,34$ điểm

Vậy 3 mức độ của thang đo như sau:

Mức độ thấp: Từ 1 đến dưới 1,67.

Mức độ trung bình: Từ 1,67 đến 2,34.

Mức độ cao: Từ 2,34 đến 3.

* Đối với kết quả thực hiện: được đánh giá theo 4 mức độ: tốt (4 điểm), Khá (3 điểm), TB (2 điểm), Yếu (1 điểm).

Đối với mức độ ảnh hưởng: được đánh giá theo 4 mức độ: rất ảnh hưởng; Rất quan trọng (4 điểm), ảnh hưởng; quan trọng (3 điểm), ít ảnh hưởng; ít quan trọng (2 điểm), không ảnh hưởng; không quan trọng (1 điểm).

Để xác định thang đo, chúng tôi tính điểm của thang đo như sau:

(Điểm tối đa - Điểm tối thiểu): Số mức độ

Khoảng cách giữa các mức độ của thang đo là: $(4 - 1) : 4 = 0,75$ điểm.

Điểm số tối thiểu của mức độ 1 là 1 điểm.

Điểm số tối thiểu của mức độ 2 là: $1 + 0,75 = 1,75$ điểm.

Điểm số tối thiểu của mức độ 3 là: $1,75 + 0,75 = 2,5$ điểm.

Điểm số tối thiểu của mức độ 4 là: $2,5 + 0,75 = 3,25$ điểm.

Vậy 4 mức độ của thang đo như sau:

- Mức độ thấp: Từ 1 đến dưới 1,75.

- Mức độ trung bình: Từ 1,75 đến dưới 2,5.

- Mức độ khá: Từ 2,5 đến dưới 3,25.

- Mức độ cao: Từ 3,25 đến 4.0.

2.2. Khái quát về khách thể và địa bàn nghiên cứu

2.2.1. Khái quát về vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Vùng KTTĐPN gồm 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là: TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An và Tiền Giang với tổng diện tích tự nhiên 30.583 km², chiếm 9,2% diện tích cả nước. Dân số toàn vùng năm 2011 là 18,022 triệu người, chiếm gần 20,52% dân số cả nước.

Phía Tây và Tây Nam của vùng KTTĐPN tiếp giáp với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); phía Đông và Đông Bắc giáp các tỉnh phía Nam vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và biển Đông; phía Bắc và Tây Bắc giáp Campuchia qua đường biên giới dài 618 km với các cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, Xa Mát (Tây Ninh), Hoa Lư (Bình Phước), Bình Hiệp (Long An) [42].

Vùng KTTĐPN có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của cả nước; hội tụ phần lớn các điều kiện và lợi thế nổi trội để phát triển công nghiệp, dịch vụ đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH; đặc biệt phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp điện tử, tin học, công nghiệp dầu khí và sản phẩm hóa dầu; phát triển dịch vụ cao cấp, dịch vụ du lịch, dịch vụ viễn thông, tài chính, ngân hàng; nghiên cứu, ứng dụng và triển khai khoa học và công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao,...

Vùng KTTĐPN có TP. Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao thông và giao lưu quốc tế lớn nhất cả nước, có Vũng Tàu là TP cảng, trung tâm dịch vụ, công nghiệp và du lịch biển lớn của quốc gia, nằm ở “Mặt tiền Duyên hải” phía Nam, là cầu nối và cửa ngõ lớn giao thương kinh tế với thế giới; các tỉnh Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Phước và Bình Dương, gần với quốc lộ 51, 14, 22 có điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp, có trục đường Xuyên Á chạy qua. Các tỉnh Long An, Tiền Giang có dư địa lớn để mở rộng, phát triển thêm các KCN, khu đô thị mới, tạo điều kiện giải tỏa mật độ tập trung cao tại khu vực hạt nhân của vùng, đồng thời phát huy tác động lan tỏa đô thị hóa và công nghiệp hóa của vùng hạt nhân sang các tỉnh lân cận.

Vùng KTTĐPN là khu vực phát triển kinh tế năng động với mức tăng trưởng cao, nơi tập trung nhiều trung tâm kinh tế, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, khoa học kỹ thuật, đầu mối giao thông và giao lưu quốc tế, có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, có nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ; có hệ thống đô thị phát triển, các khu công nghiệp phát triển mạnh, trở thành trung tâm và đầu mối giao lưu của các tỉnh phía Nam với cả nước và quốc tế, được gắn kết bằng đường

bộ, đường biển, đường hàng không, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội trong vùng cũng như mở rộng các quan hệ kinh tế liên vùng và quốc tế.

Vùng KTTĐPN nằm gần tuyến đường biển quốc tế quan trọng, điểm trung chuyển của tuyến đường hàng không quốc tế từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây, trên tuyến đường Xuyên Á nối liền các nước Đông Nam Á; đồng thời nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động của châu Á với các trung tâm lớn như Bangkok, Singapore, Kuala Lumpur,... vì thế, vùng có lợi thế lớn trong thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, khai thác các cảng trung chuyển quốc tế...để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội [42]..

Vùng KTTĐPN có vị thế địa chính trị và an ninh quốc phòng đặc biệt quan trọng ở khu vực phía Nam Việt Nam. Vùng có nguồn nhân lực dồi dào, đồng thời lại có trình độ cao hơn mặt bằng chung và cao hơn hầu hết các khu vực khác của cả nước nhờ hệ thống đào tạo nghề, đào tạo đại học và sau đại học thuộc quy mô lớn nhất trong cả nước. Vùng có 89 trường đại học và cao đẳng cùng gần 65 trường trung cấp chuyên nghiệp. Số sinh viên đại học cao đẳng trên 1 vạn dân là 340, gấp 1,36 lần mức chung của cả nước. Bên cạnh đó, số lượng cán bộ khoa học có trình độ cao tập trung đông ở thành phố Hồ Chí Minh, tạo ra lợi thế so sánh cho vùng và là điều kiện để phát huy tác động lan tỏa (nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, đào tạo cán bộ cho vùng khác) cung cấp nguồn nhân lực có trình độ cao cho các vùng khác trong cả nước.

Tốc độ phát triển nhanh về kinh tế - xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có ảnh hưởng đến vấn đề đạo đức học sinh, và công tác giáo dục đạo đức trong nhà trường, phải làm thế nào để giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống cũng như xây dựng hệ giá trị đạo đức mới cho học sinh. Cần phải dựa vào những đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng để lựa chọn các vấn đề đạo đức và tổ chức hoạt động trải nghiệm thích hợp cho học sinh. Sự phát triển kinh tế - xã hội của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có thể đặt ra một số vấn đề đạo đức như sự đấu tranh giữa giá trị tiến bộ với lạc hậu; giữa lối sống lành mạnh trung thực với lối sống ích kỉ, thực dụng; những cái tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế xã hội đang ảnh hưởng đến đạo đức, lối sống của con người, đặc biệt là giới trẻ, học sinh; tình trạng giới trẻ sống buông thả, không có lí tưởng, bạo lực học đường, vô lễ với thầy cô giáo; sự tiêm nhiễm những tư tưởng xấu do tiếp cận sai với internet, điện thoại di động, phim đồ trụy; lao vào các trò chơi (game online) vô bổ trong thế giới ảo... Đó là những chủ đề cho hoạt động trải nghiệm rất hữu ích với học sinh trong quá trình giáo dục đạo đức. Giáo viên có thể khai thác các chủ đề này để thiết kế thành các dự án học tập nhỏ để học sinh tìm hiểu khám phá bằng những trải nghiệm trong chính đời sống hàng ngày của họ, từ đó kiến tạo ra những giá trị đạo đức cho bản thân.

2.2.2. *Khái quát về các trường khảo sát*

Đề tài tiến hành khảo sát trên 9 trường thuộc địa bàn có tính đại diện điển hình ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Thành phố Hồ Chí Minh gồm: Trường THCS&THPT Tân Phú; Trường Tiểu học, THCS&THPT Trương Vĩnh Ký; Trường Tiểu học, THCS&THPT Hồng Hà; Trường THCS&THPT Trí Đức; Trường THCS&THPT Quang Trung Nguyễn Huệ),

Tỉnh Đồng Nai gồm: Trường THCS&THPT Lê Quý Đôn; Trường THCS & THPT Bùi Thị Xuân.

Tỉnh Bình Dương gồm: Trường Tiểu học, THCS&THPT Ngô Thời Nhiệm; Trường THCS&THPT Việt Anh.

Đây là các trường tư thực có nhiều cấp học (còn gọi là trường phổ thông liên cấp) nằm trong các doanh nghiệp tư nhân. Từ đây trở đi luận án thống nhất gọi tắt là các trường phổ thông liên cấp để chỉ các trường đề tài tiến hành điều tra khảo sát.

Mô hình trường phổ thông liên cấp nằm trong doanh nghiệp có những đặc trưng như sau [33]:

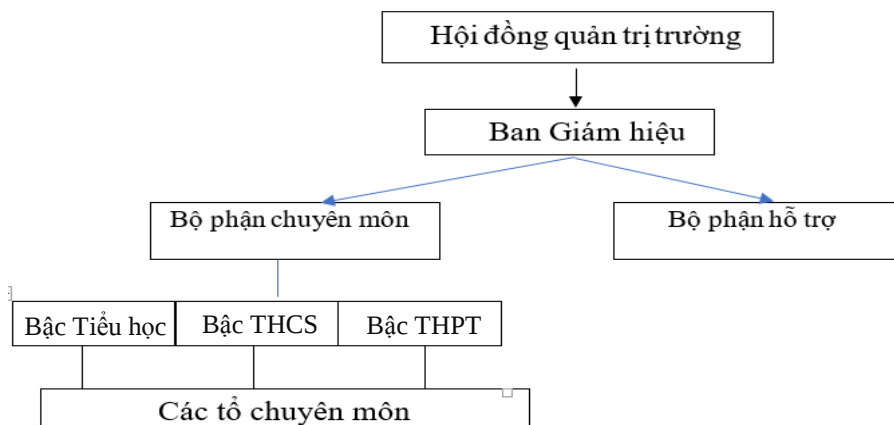
1. Mục tiêu của nhà trường

- Thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước;
- Đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của xã hội phát triển, theo kịp các xu hướng quốc tế; Xây dựng Nhà trường thành một đơn vị giáo dục phát triển theo hình thức dịch vụ cao, chất lượng cao.

- Thực hiện công tác hoạt động giáo dục đúng theo quy định chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường Liên cấp.

2. Quản lý nhà trường và tổ chức bộ máy

Nhà trường được quyền tự chủ về nhân sự, tài chính và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục. Sơ đồ tổ chức bộ máy chia làm 2 khối chuyên môn và hỗ trợ vận hành tương đối độc lập và hỗ trợ lẫn nhau như mô tả tại hình sau:



Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị trường là tổ chức đại diện quyền sở hữu của nhà trường, có trách nhiệm và quyền chủ động quyết định những vấn đề quan trọng về quy hoạch phát triển tổ chức nhân sự và nhân sự, tài chính, tài sản của Trường.

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Nhà nước và pháp luật về các quyết định của Hội đồng quản trị; chủ trì các hoạt động của Hội đồng quản trị, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị và kiểm soát việc điều hành của Hiệu trưởng.

Ban Giám Hiệu: Trường có Hiệu trưởng và một số phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Pháp luật về việc xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường để thực hiện các hoạt động chuyên môn dạy và học, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; quản lý phát triển giáo viên, nhân viên; quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh nhằm đạt các mục tiêu giáo dục chung của nhà trường.

1. Nội dung giáo dục

- Các trường PTLC trong doanh nghiệp tư nhân có mục tiêu đáp ứng nhu cầu giáo dục đa dạng của xã hội nên thường bổ sung các cấu phần kỹ năng sống, giáo dục thể chất, giáo dục ngoại ngữ, giáo dục thẩm mỹ trên nền tảng chương trình chuẩn của hệ giáo dục quốc dân.

- Bên cạnh đó, một số trường còn tổ chức liên kết đào tạo với nước ngoài và thiết kế chương trình giáo dục tích hợp, giúp học sinh có thể song song tiếp cận với những nội dung ưu việt của cả chương trình giáo dục quốc dân và cả chương trình giáo dục quốc tế.

2. Phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục

- Các trường PTLC trong doanh nghiệp tư nhân thường duy trì sĩ số lớp học thấp, vì vậy họ có thể áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, chủ động. Hình thức tổ chức giáo dục đa dạng: cá nhân và hợp tác nhóm; trong lớp, ngoài lớp; trong trường, ngoài nhà trường; chính khóa, ngoại khóa; thực tập, thực hành, tham quan, câu lạc bộ,...

- Thời lượng học tập trong nhà trường thường được kéo dài cả ngày và phân bổ hợp lý cho các tiết học và các hoạt động giáo dục khác đảm bảo phù hợp đặc điểm tính chất của nội dung môn học, hoạt động giáo dục và đặc điểm nhà trường, địa phương.

3. Đánh giá chất lượng giáo dục

Học sinh được đánh giá theo quá trình. Nhà trường tổ chức kiểm tra, giá định kỳ và hướng vào tiến bộ trong năng lực học sinh.

4. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng: Được đào tạo về khoa học quản lý giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, là tấm gương tốt cho giáo viên, là trung tâm đoàn kết của nhà trường; có năng lực lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo thực hiện và kiểm tra, đánh giá mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường; có năng lực lôi cuốn tập thể giáo viên, các lực lượng ngoài xã hội tham gia vào quá trình giáo dục học sinh.

Đội ngũ giáo viên: Đủ số lượng, loại hình giáo viên và nhân viên hỗ trợ. Mỗi giáo viên là một nhà giáo dục, có phẩm chất nhân cách và năng lực nghề nghiệp. Các giáo viên đa phần đều phải trải qua chương trình đào tạo chuẩn hóa năng lực sư phạm trước khi đứng lớp.

5. Cơ sở vật chất - thiết bị dạy học

- Có đủ không gian sư phạm với cơ sở hạ tầng phù hợp đảm bảo cho việc thực hiện có hiệu quả giáo dục toàn diện.

- Có đủ thiết bị dạy học có chất lượng và các phương tiện kỹ thuật khác. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học.

- Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn.

6. Nguồn đầu tư

Nguồn lực tài chính theo hướng đa phương hoá, 100 % được huy động, đảm bảo bằng hình thức xã hội hóa giáo dục và có thể được phân loại như sau:

- Nguồn vốn của doanh nghiệp là chủ đầu tư;
- Nguồn đóng góp của cha mẹ học sinh và người học.
- Nguồn đóng góp của các nhà từ thiện, các nhà hảo tâm.
- Nguồn đóng góp từ các hiệp hội thông qua các quỹ học bổng.
- Nguồn vốn vay ngân hàng hoặc các tổ chức tín dụng.

Hoạt động của nhà trường có khả năng tạo nguồn thu cho ngân sách.

Nhà nước trực tiếp và gián tiếp. Nhà trường sẽ trực tiếp nộp các loại thuế liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhà trường, thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao. Nhà trường còn gián tiếp nộp thuế thông qua việc sử dụng một số dịch vụ và hàng hóa khác, tạo thêm nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Như vậy mô hình trường phổ thông liên cấp trong các doanh nghiệp tư nhân là phương thức triển khai hai nội dung quan trọng của công cuộc xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, đó là đa dạng hóa các mô hình giáo dục và đa phương hóa các nguồn lực cho giáo dục.

Bên cạnh những đặc trưng trên thì các trường phổ thông liên cấp Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam còn có đối tượng tuyển sinh đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau. Không giống như các trường công lập với hỗ trợ học phí cũng như chính sách của nhà nước cho giáo dục, hệ thống các trường tư thục nói chung vừa chịu áp lực của việc nâng cao chất lượng, thương hiệu của nhà trường trong xã hội, vừa chịu áp lực về mặt tuyển sinh nhằm duy trì hoạt động của nhà trường. Trước hết, các nhà trường sẽ phải ưu tiên cho việc tuyển sinh đủ số lượng chỉ tiêu hàng năm. Mặc dù nhận thức xã hội về hệ thống trường tư thục dần dần có những thay đổi tích cực, tuy nhiên bên cạnh đó điều kiện kinh tế của đa số người dân vẫn còn hạn chế nên việc lựa chọn trường công để theo học vẫn là lựa chọn tối ưu hơn khi so sánh với mức học phí khá cao của trường tư. Do đó, đối tượng tuyển sinh của các trường tư ở Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam thường gồm ba nhóm đối tượng học sinh: (1) học sinh thuộc địa phương có nguyện vọng thích học tập trong môi trường trải nghiệm của trường tư; (2) học sinh từ các địa phương khác muốn vào học tập nội trú; (3) học sinh có hộ khẩu tại địa phương nhưng thi vào trường công lập không đậu nên vào trường tư thục.

Sự giao thoa văn hóa từ nhiều vùng miền khác nhau cũng là đặc điểm nổi bật của học sinh trường tư thục. Không giống như đa phần hệ thống các trường công lập thường tuyển sinh gắn với những địa bàn nhất định. Học sinh các trường tư thục được đến từ nhiều vùng khác nhau, với những sắc thái văn hóa vùng miền khác biệt. Do đó, tổ chức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm sẽ tạo ra môi trường thuận lợi để học sinh có thể chia sẻ giá trị văn hóa riêng trong một cộng đồng học tập chung, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau trên nguyên tắc bình đẳng, hiểu và tôn trọng nhau hơn trên nền tảng những giá trị riêng.

Xu hướng dân chủ hóa đang gia tăng mạnh mẽ trong các trường tư thục so với trường công lập cũng đang tạo ra những thách thức không nhỏ đối với công tác giáo dục đạo đức cho học sinh. Các trường tư thường do doanh nghiệp thành lập (dù hoạt động theo hình thức vì lợi nhuận hoặc không vì lợi nhuận) cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi quy luật "cung - cầu", và "mối quan hệ khách hàng". Trường học học giống như một nơi cung cấp dịch vụ giáo dục chất lượng cao, trong khi học sinh trở thành khách hàng thừa hưởng dịch vụ. Mối quan hệ giữa nhu cầu đòi hỏi của khách hàng có thể khiến cho xu hướng "dân chủ hóa" được gia tăng mạnh mẽ trong các trường tư thục. Nếu không có các giải pháp quản lý giáo dục thích hợp, xu hướng này có thể ảnh hưởng đáng kể đến đạo đức của học sinh bởi sự giao thoa văn hóa "Đông - Tây". Mặc dù xu hướng dân chủ hóa vẫn đang phát triển tất yếu, tuy nhiên, nếu không giáo dục giá trị đạo đức phát triển theo có thể khiến học sinh gặp phải những rắc rối không nhỏ về sự mâu thuẫn giữa đạo

đức truyền thống và đạo đức mới. Do đó, quản lý giáo dục đạo đức trong trường tư thực càng trở lên cấp thiết, và tổ chức hoạt động trải nghiệm chính là một giải pháp hữu hiệu để tạo lập môi trường giao thoa giữa những giá trị đạo đức truyền thống và những giá trị đạo đức mới đối với học sinh.

2.3. Thực trạng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

2.3.1. Thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Xác định mức độ thực hiện các mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS chúng tôi sử dụng câu hỏi 1 (Phụ lục 1 và 2) điều tra trên đội ngũ CBQL và GV các trường PT liên cấp Vùng KTTĐPN kết quả thu được ở bảng 2.1.

Bảng 2.1. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT Vùng KTTĐPN

Stt	Mục tiêu	CBQL (Số ý kiến) Mẫu = 50			Giáo viên (Số ý kiến) Mẫu = 450			ĐTB		
		Đáp ứng tốt	Đáp ứng 1 phần	Không đáp ứng	Đáp ứng tốt	Đáp ứng 1 phần	Không đáp ứng	CBQL	GV	Chung
1	Cung cấp cho học sinh tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức	2	29	19	20	308	122	2,34	2,23	2,24
2	Giúp học sinh THPT có xúc cảm tình cảm tích cực, thái độ phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay...	1	32	17	20	329	101	2,32	2,18	2,19
3	Hình thành và phát triển ở học sinh hành vi đạo đức, thói quen đạo đức, phù hợp với các chuẩn mực xã hội	5	38	7	36	412	2	2,04	1,92	1,94

Kết quả bảng 2.1 cho thấy việc thực hiện mục tiêu GDĐĐ cho học sinh của các nhà trường đều có cùng chung kết quả đánh giá ở mức trung bình so với mục tiêu đã đề ra. Tỷ lệ đánh giá ở mức độ “đáp ứng được một phần” là cao hơn cả. Mục tiêu “Cung cấp cho học sinh các tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức...” có điểm số trung bình = 2,24 điểm; mục tiêu Hình thành và phát

triển ở học sinh hành vi đạo đức, thói quen đạo đức, phù hợp với các chuẩn mực xã hội điểm trung bình là 1,94. Nhìn vào kết quả này có thể thấy đa số giáo viên và CBQL các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đều đánh giá, mục tiêu giáo dục đạo đức cho HS THPT mới chỉ dừng lại giúp học sinh có nhận thức đúng về các chuẩn mực đạo đức là tốt hơn cả, còn từ việc biến nhận thức đúng thành tình cảm và hành vi, thói quen đạo đức tốt thì hiệu quả chưa cao.

Chúng ta đều biết, bản chất của quá trình giáo dục đạo đức, là quá trình tổ chức cuộc sống, tổ chức hoạt động và giao lưu cho đối tượng giáo dục, thực chất của quá trình này chính là quá trình chuyển hóa yêu cầu về việc thực hiện các chuẩn mực xã hội thành nhu cầu thể hiện hành vi, thói quen phù hợp với các chuẩn mực xã hội đó.

Đi sâu vào tìm hiểu chúng tôi thấy kết quả đánh giá theo nhóm khách thể, nhóm khách thể CBQL đánh giá cao hơn so với kết quả đánh giá của GV. Hỏi chuyện cô giáo Nguyễn M.H giáo viên trường Trường Tiểu học, THCS&THPT Ngô Thời Nhiệm cô cho biết “Bản thân tôi là giáo viên chủ nhiệm, tôi tiếp xúc và làm việc trực tiếp với học sinh nhiều. Tôi và các thầy cô giáo khác trong nhà trường luôn có ý thức giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua tất cả các hoạt động trong nhà trường. Chúng tôi cũng giúp học sinh hiểu về việc chấp hành đầy đủ các quy định, quy chế của nhà trường, thực hiện các hành vi giao tiếp, ứng xử với thầy cô, bạn bè, người thân, giáo dục cho các em có tinh thần trách nhiệm, tương thân tương ái, tinh thần đoàn kết, tự giác... tuy nhiên vẫn còn nhiều học sinh trong trường chưa thực hiện tốt, và chưa thói quen, tự giác thực hiện”.

Vì vậy, với kết quả như trên nên các khách thể cho rằng việc mục tiêu GDĐĐ cho HS THPT ở các trường PT liên cấp vùng KTTĐPN chưa thực sự đạt hiệu cao điều là điều phù hợp.

2.3.2. Thực trạng nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi tiến hành điều tra trên cả 3 đối tượng, CBQL; GV, và HS kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.2. Thực trạng thực hiện nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh
THPT vùng KTTĐPN**

TT	Nội dung giáo dục	Cán bộ quản lí, GV (mẫu = 500)								Học sinh (Mẫu = 900)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Lòng tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.	431	86,2	69	13,8	0	0,0	2,56	1	368	81,7	150	16,7	14	1,6	2,80	1
2	Biết thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước.	417	83,4	83	16,6	0	0,0	2,47	2	345	76,7	201	23,3	0	0,0	2,77	3
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.	315	63,0	185	37,0	0	0,0	2,37	7	330	73,3	210	23,3	15	3,4	2,70	6
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người.	408	81,6	92	18,4	0	0,0	2,38	6	345	76,7	201	23,3	0	0,0	2,77	3
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện.	413	82,5	88	17,5	0	0,0	2,35	9	285	63,3	330	36,7	0	0,0	2,63	13
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	336	67,1	158	31,5	7	1,4	2,34	10	255	56,7	390	43,3	0	0,0	2,57	14
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh	329	65,8	171	34,2	0	0,0	2,30	16	556	61,7	172	38,3	0	0,0	2,38	16
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.	379	75,8	111	20,1	21	4,1	2,26	20	690	76,7	90	20,0	30	3,3	2,17	20

TT	Nội dung giáo dục	Cán bộ quản lý, GV (mẫu = 500)								Học sinh (Mẫu = 900)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động	415	83,0	78	15,6	7	1,4	2,34	10	315	70,0	270	30,0	0	0,0	2,70	6
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai	379	75,8	121	24,2	0	0,0	2,34	10	450	50,0	217	48,3	16	1,7	2,47	15
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải	350	69,9	151	30,1	0	0,0	2,30	15	307	68,3	270	30,0	16	1,7	2,67	8
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.	402	80,3	71	14,2	28	5,5	2,29	17	614	68,3	135	30,0	16	1,7	2,28	19
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	397	79,3	90	47,9	14	2,8	2,47	2	330	73,3	226	25,0	16	1,7	2,72	5
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.	374	74,8	119	23,8	7	1,4	2,42	5	368	81,7	150	16,7	14	1,6	2,80	1
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân	299	59,7	181	36,2	21	4,1	2,36	8	307	68,3	270	30,0	16	1,7	2,67	8
16	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.	322	64,4	171	34,2	7	1,4	2,33	13	307	68,3	270	30,0	16	1,7	2,67	8
17	Quan tâm bản bạc với người thân, xây	395	78,9	95	19,0	10	2,0	2,31	14	300	66,7	286	31,7	14	1,6	2,65	12

TT	Nội dung giáo dục	Cán bộ quản lý, GV (mẫu = 500)								Học sinh (Mẫu = 900)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
	dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.																
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật	395	78,9	85	17,0	21	4,1	2,29	17	395	78,9	85	17,0	21	4,1	2,33	17
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật.	395	78,9	100	20	5	1,0	2,31	14	307	68,3	270	30,0	16	1,7	2,67	8
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên	402	80,3	71	14,2	28	5,5	2,29	17	614	68,3	135	30,0	16	1,7	2,28	18
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	329	65,8	121	24,2	50	10,0	2,13	21	690	76,7	90	20,0	30	3,3	2,17	20

Kết quả bảng trên cho thấy việc thực hiện nội dung “*Lòng tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước*” và “*Biết thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước*” là 2 nội dung giáo dục được cả cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh đánh giá là thực hiện với mức độ thường xuyên là cao hơn cả (86,2% đối với CBQL; 83,4% đối với HS, xếp thứ bậc 1 và 81,7% đối với CBQL xếp thứ bậc 2; 76,7% đối với HS, xếp thứ bậc 3). Hai nội dung này thuộc nhóm nội dung giáo dục về lòng yêu nước cho học sinh, chính là phẩm chất đạo đức được xếp thứ tự đầu tiên trong 5 phẩm chất đạo đức cần hình thành cho học sinh theo chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông.

Nội dung giáo dục này cũng được xếp vị trí hàng đầu trong số các nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTYTĐPN. Kết quả này theo chúng tôi là hoàn toàn phù hợp, bởi giá trị đạo đức cao nhất, phẩm chất đạo đức hàng đầu của mỗi người công dân đó chính là lòng yêu nước. Có lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mỗi cá nhân mới thấy hết được ý nghĩa của cuộc sống độc lập tự do mà mình có được ngày hôm nay. Có lòng yêu nước, lòng tự hào về truyền thống của quê hương đất nước, mỗi cá nhân mới có ý thức, có trách nhiệm để bảo vệ, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Nội dung giáo dục được HS đánh giá là quan trọng và được thực hiện thường xuyên với mức độ cao nhất cùng với GD lòng yêu nước đó chính là *giáo dục tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân* (xếp thứ bậc 1 theo đánh giá của HS) và thứ bậc 5 theo đánh giá của CBQL, GV). Đối với nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh thuộc nhóm phẩm chất đạo đức về giáo dục lòng nhân ái cũng được coi trọng. Kết quả đánh giá của cán bộ quản lý và giáo viên là với mức độ thường xuyên là tương đối cao.

Cụ thể “*biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người*” là 81.6% CBQL, GV và 76,7% HS đánh giá là thường xuyên thực hiện, không có ý kiến nào cho là chưa bao giờ thực hiện. Nội dung *Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện* 82.5% CBQL, GV và 63.3 % HS đánh giá ở mức độ là thường xuyên. Nội dung *biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người và biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh* cũng được quan tâm thực hiện với mức độ đánh giá thường xuyên là trên 60% cả ở CBQL, GV và HS.

Nội dung giáo dục CBQL, GV và HS đánh giá ở mức độ thấp nhất trong số 21 nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh THPT vùng KTTTĐPN là *Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững*. (kết quả đánh giá CBQL, GV Xếp thứ bậc 21; HS xếp thứ bậc 20). Đây là nội dung giáo dục thuộc về nhóm nội dung giáo dục tính trách nhiệm, cụ thể là trách nhiệm với môi trường sống cho học sinh.

So sánh kết quả đánh giá ở các khách thể, cho thấy, nhìn chung sự đánh giá ở CBQL, GV với học sinh ở hầu hết các nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua HĐTN là tương đối đồng đều nhau (nội dung 1 cùng xếp thứ bậc 1; nội dung 7 cùng xếp thứ bậc 16; nội dung 8 cùng xếp thứ bậc 20; nội dung 15 cùng xếp thứ bậc 8; nội dung 18 cùng xếp thứ bậc 17. Một số nội dung khác sự chênh lệch thứ bậc chỉ là 1).

Tuy nhiên cũng có 1 số nội dung GDĐĐ cho HS, sự đánh giá giữa CBQL, GV và HS có sự khác biệt nhiều hơn ở như:

Nội dung *tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân* (xếp thứ bậc 1 theo đánh giá của HS; và thứ bậc 5 theo đánh giá của CBQL, GV). Nội dung *Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải* đánh giá của CBQL, GV xếp thứ bậc 15, HS thứ bậc 8. Nội dung giáo dục *có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai* nhóm CBQL, GV đánh giá kết quả thực hiện xếp thứ bậc 10; ở HS lại là thứ bậc 15.

Sự khác biệt này cũng là điều dễ hiểu, bởi theo cách tiếp cận ở những vị trí khác nhau, với vai trò khác nhau, cách nhìn nhận và đánh giá khác nhau. Ở góc độ CBQL, GV với tư cách là nhà giáo dục, là chủ thể trong quá trình tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thông qua đó giáo dục đạo đức cho học sinh. Với vai trò chủ thể tiến hành cách hoạt động giáo dục, CBQL, GV tiến hành lựa chọn, nội dung, phương pháp giáo dục bao giờ cũng tính đến sự phù hợp với đặc điểm tâm lý, lứa tuổi học sinh, vì vậy với HS THPT, các em đã có sự trưởng thành về tâm lý, sinh lý, nhận thức cũng đã phát triển, có vốn tri thức và kinh nghiệm sống nhất định, ở lứa tuổi này tự ý thức của các em đã phát triển, chính vì vậy nội dung giáo dục đạo đức hướng vào việc giúp các em *tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân* không được đặt lên vị trí hàng đầu, nhưng với HS thì

các em lại cho rằng đây là nội dung giáo dục các thầy cô thường xuyên giáo dục và xếp thứ bậc 1.

Đứng ở góc độ nhà giáo dục, với học sinh THPT, CBQL, GV cho rằng, ở lứa tuổi này, cần giúp các em *có định hướng nghề nghiệp rõ ràng*. Từ định hướng nghề nghiệp phù hợp với HS, sẽ giúp HS biết tự xây dựng kế hoạch nghề nghiệp cho mình, trên cơ sở đó giúp các em *tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai*. Bởi, các em đang đứng trước “ngưỡng cửa cuộc đời”, chọn nghề chính là “chọn hướng đi cho suốt cuộc đời”. *Cần phải định hướng, giúp đỡ các em, biết chọn nghề phù hợp dựa trên cơ sở khoa học, đồng thời giáo dục cho các em thái độ đúng đắn đối với lao động và ngành nghề*. Đây cũng là một nội dung giáo dục quan trọng được CBQL, GV quan tâm thực hiện trong quá trình GDĐĐ cho HS thông qua HĐTN (xếp thứ bậc 10). Nhưng đối với HS, có lẽ nhận thức của các em về tầm quan trọng của việc chọn nghề nên các em cho rằng việc thực nội dung ít hơn so với CBQL, GV (xếp thứ bậc 15).

Như vậy, kết quả đánh giá việc thực hiện các nội dung giáo dục các phẩm chất ĐĐ cho HS theo mẫu chung chủ yếu ở mức trung bình. Theo các loại khách thể thì, nhóm khách thể CBQL đánh giá kết quả thực hiện việc thực hiện các nội dung này ở nhà trường vượt trội so với kết quả đánh giá của các nhóm khách thể là HS. Tuy nhiên, phần lớn kết quả đánh giá các nội dung chủ yếu ở mức khá. Điều đó cho thấy kết quả thực hiện các nội dung giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT vùng KTTĐPN đã được quan tâm thực hiện, tuy nhiên mức độ thực hiện thường xuyên ở các nội dung là không đồng đều.

2.3.3. Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi tiếp tục điều tra trên CBQL, GV, và học sinh THPT các trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.3. Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng KTTĐPN

Stt	Các phương pháp giáo dục đạo đức	CBQL (Số ý kiến) Mẫu = 50			Giáo viên (Số ý kiến) Mẫu = 450			Học sinh (Số ý kiến) Mẫu = 900			Điểm trung bình chung		
		Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	CBQL	GV	HS
1.	Giảng giải	2	34	14	18	321	111	45	636	219	2,24	2,21	2,19
2.	Nêu gương	0	36	14	7	270	173	22	680	198	2,28	2,37	2,20
3.	Giao việc	0	32	18	18	250	182	34	610	256	2,36	2,36	2,20
4.	Luyện tập	0	25	25	15	245	190	21	530	349	2,50	2,39	2,36
5.	Rèn luyện	0	42	8	15	382	53	43	770	87	2,16	2,08	2,05
6.	Trách phạt	5	42	3	88	302	60	120	770	10	1,96	1,94	1,88
7.	Khen thưởng	0	27	23	15	235	200	20	530	350	2,46	2,41	2,37
8.	Thi đua	0	26	24	5	246	199	5	432	463	2,48	2,43	2,51

Qua bảng trên thấy: Phương pháp Giao việc; luyện tập; thi đua; khen thưởng là các phương pháp được đánh giá kết quả thực hiện đều ở mức cao. Điều này là hoàn toàn phù hợp, bởi thông qua hoạt động trải nghiệm, học sinh được trực tiếp tham gia vào các hoạt động, nếu quá trình hoạt động, nhà giáo dục không giao việc cụ thể, rõ ràng, không tạo điều kiện cho học sinh được thực hành, được luyện tập thì rất khó có cơ hội để học sinh được trải nghiệm, chính thông qua việc học sinh được trải nghiệm bởi các nhiệm vụ cụ thể trong quá trình hoạt động, học sinh sẽ hình thành những xúc cảm, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực XH. Đồng thời trong quá trình giáo dục, để khuyến khích học sinh tích cực tham gia và thực hiện các hoạt động có kết quả, nhà giáo dục sử dụng phương pháp thi đua, giúp HS cùng nhau cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thành công việc được giao, đó cũng chính là giáo dục cho học sinh tinh thần trách nhiệm, tính ham học, chăm chỉ, lòng quyết tâm, vượt qua khó khăn để cùng vươn lên đạt kết quả tốt.

Phương pháp khen thưởng cũng là phương pháp được CBQL, GV và HS đánh giá ở mức độ sử dụng với mức độ thường xuyên tương đối cao. Còn lại các phương pháp khác đều đánh giá ở mức trung bình.

Đánh giá hiệu quả thực hiện ở phương pháp trách phạt ở mức thấp nhất với kết quả TB là 1,88 đến 1,96 điểm theo đánh giá của CBQL, GV và HS. Đây là một điều rất đáng hoan nghênh, bởi trong giáo dục học sinh việc nhà giáo dục sử dụng phương pháp trách phạt chỉ là tình huống bắt buộc. Phương pháp này ít sử dụng, chứng tỏ việc giáo dục đạo đức cho học sinh mang lại những hiệu quả tốt, học sinh ít vi phạm các chuẩn mực đạo đức, nội quy, quy chế của trường.

- CBQL đánh giá cao kết quả thực hiện các phương pháp: thứ 3, 4, 7 và 8. Các phương pháp trên được nhà trường thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở trong các cuộc họp cũng như trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, nên CBQL đánh giá kết quả ở mức cao là hoàn toàn phù hợp với thực tiễn giáo dục của nhà trường hiện nay. Nhóm khách thể CBQL cũng thừa nhận việc thực hiện phương pháp trách phạt ít thực hiện hơn cả, với kết quả đánh giá thấp nhất $\bar{X} = 1,96$ điểm. Đồng thời kết quả thực hiện phương pháp này của các nhóm khách thể khác cũng với kết quả thấp nhất.

- Nhóm khách thể là GV: đánh giá kết quả thực hiện các phương pháp trên ở mức điểm cao tương đồng với ý kiến đánh giá của nhóm CBQL. Ngoài ra, nhóm khách thể giáo viên còn đánh giá cao kết quả thực hiện phương pháp nêu gương với $\bar{X} = 2,37$ điểm. Sở dĩ giáo viên đánh giá cao kết quả thực hiện nội dung này vì phương pháp này được các giáo viên thường sử dụng trong các hoạt động giáo dục, đặc biệt là GVCN lớp, trong quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh, thông qua các

hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm, nhà giáo dục sử dụng những tấm gương người thực, việc thực để khuyến khích học sinh học tập và làm theo. Hơn nữa, trong nhà trường các thầy cô giáo luôn là những tấm gương tốt cho các em học sinh, nhà trường luôn thực hiện tốt việc thi đua, khen thưởng có tác dụng thúc đẩy rất lớn đến việc GDĐĐ cho các em.

- Nhóm khách thể HS đánh giá cao kết quả thực hiện phương pháp “thứ 8” với $\bar{X} = 2,51$ điểm. Các phương pháp khác, các em đều đánh giá kết quả thực hiện ở mức trung bình.

Đi sâu vào tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi tiến hành trò chuyện với với một số CBQL, GV và HS ở các trường PT liên cấp khu vực vùng KTTĐPN.

Ông Nguyễn T. H. cán bộ quản lý trường THCS&THPT Lê Quý Đôn tỉnh Đồng Nai cho rằng: *Chúng tôi phải thường xuyên nhắc nhở, chỉ đạo giáo viên trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục cho HS phải sử dụng linh hoạt các phương pháp cho phù hợp với từng tình huống cụ thể. Bởi các em học sinh THPT đều đã trưởng thành, các em không thích các thầy cô giảng giải nhiều, coi chúng như học sinh tiểu học, mà chúng muốn được chủ động, muốn có những hoạt động phù hợp. Chính vì vậy lựa chọn và cần tổ chức các hoạt động phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của học sinh, sau đó giao việc cho phù hợp, phân công cụ thể cho các em, kiểm tra, nhắc nhở, động viên khuyến khích, như vậy hiệu quả giáo dục sẽ cao hơn rất nhiều.*

Khi hỏi HS về việc các em thích trong quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm, các thầy cô sử dụng phương pháp nào? Em Phan Thị H lớp trưởng 11M học sinh trường Trương Vĩnh Ký cho rằng: *Lớp em có đông HS, nhiều khi mỗi nhóm có 1 quan điểm, cách nhìn nhận đánh giá sự việc các nhau nên ý thức tham gia vào công việc cũng khác nhau. Nhưng đa số các bạn vẫn thích nếu là việc chung, hoạt động chung thì phải có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, thưởng, phạt công minh. Có như vậy các bạn mới tích cực, ý thức tham gia hoạt động.*

Có thể thấy, trong quá trình giáo dục đạo đức cho HS THPT ở các trường phổ thông liên cấp khu vực vùng KTTĐPN, CBQL, GV đã biết cách lựa chọn và sử dụng những phương pháp giáo dục phù hợp với đối tượng học sinh, phù hợp với nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh. Vì vậy kết quả được đánh giá đều ở mức cao và trung bình.

2.3.4. Thực trạng các hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

2.3.4.1. Thực trạng hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.4. Thực trạng các hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Stt	Các hình thức giáo dục đạo đức	CBQL (Số ý kiến) Mẫu = 50			Giáo viên (Số ý kiến) Mẫu = 450			Học sinh (Số ý kiến) Mẫu = 900			Điểm trung bình chung		
		Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Không bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	CBQL	GV	HS
1.	Hình thức có tính khám phá												
1.1	<i>Tham quan, dã ngoại</i>	0	20	30	0	177	273	0	472	428	2.60	2.60	2.47
1.2	<i>Trải nghiệm thực địa</i>	0	42	8	0	380	70	50	750	100	2.16	2.15	2.05
2	Hình thức có tính thể nghiệm tương tác												
2.1	<i>Tổ chức trò chơi;</i>	0	26	24	0	238	212	0	448	452	2.48	2.47	2.50
2.2	<i>Tổ chức diễn đàn</i>	0	32	18	0	270	180	32	481	387	2.36	2.40	2.39
2.3	<i>Sân khấu tương tác</i>	0	24	26	0	240	210	0	503	397	2.52	2.46	2.39
2.4	<i>Hội thi/cuộc thi</i>	0	22	28	0	300	150	0	497	403	2.56	2.33	2.44
2.5	<i>Tổ chức sự kiện</i>	0	30	20	0	350	100	72	604	224	2.40	2.22	2.16
2.6	<i>Hoạt động giao lưu</i>	0	39	11	0	394	31	60	830	10	2.22	1.95	1.92
3	Hình thức có tính chất cống hiến												
3.1	<i>Hoạt động chiến dịch, tình nguyện</i>	0	28	22	0	275	175	0	543	357	2.44	2.38	2.39
3.2	<i>Hoạt động nhân đạo, từ thiện</i>	0	25	25	0	254	196	21	530	349	2.50	2.43	2.36
4	Hình thức có tính nghiên cứu												
4.1	<i>Hoạt động câu lạc bộ</i>	2	27	23	0	230	202	34	497	369	2.46	2.36	2.37
4.2	<i>Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật</i>	0	44	6	0	354	96	52	787	161	2.12	2.21	2.34

Kết quả bảng trên cho thấy tất cả các hình thức giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh đều được các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN quan tâm tổ chức cho HS (tất cả CBQL và GV không có ý kiến nào cho rằng chưa thực hiện các hình thức này). Tuy nhiên mức độ thực hiện các hình thức này là không đồng đều.

Hình thức được CBQL, GV và HS cho rằng thực hiện với mức độ thường xuyên nhiều nhất là hoạt động *Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; sân khấu tương tác; nhân đạo, từ thiện*. Như vậy có thể thấy các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đã quan tâm và thực hiện tốt các nội dung này. Vì vậy, đánh giá của các nhóm khách thể về các hình thức này ở mức cao.

Có thể thấy những hình thức này tương đối phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh THPT, với đặc điểm lứa tuổi thanh niên, các em luôn thích được trải nghiệm tới những địa điểm mới, được khám phá những miền đất lạ. Ở lứa tuổi này, hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo, tuy nhiên nhu cầu được vui chơi, được tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, tham gia các cuộc thi, hội thi, các hoạt động tập thể cũng là một nhu cầu lớn đối với các em. Thông qua những hoạt động vui chơi, những hội thi, cuộc thi phù hợp với các em, giúp các em vừa được rèn luyện thân thể, đồng thời các em được trải nghiệm. Trải nghiệm hành vi với những hoạt động cụ thể, trải nghiệm cảm xúc vui vẻ, thoải mái khi tham gia các trò chơi, hội họp, lo lắng, phấn khởi, thậm chí có cả buồn khi tham gia các cuộc thi... Chính qua sự trải nghiệm đó, giúp các em có nhận thức đúng, biết đánh giá đúng bản chất của sự vật, hiện tượng... qua những hoạt động đó cũng giáo dục cho HS có tinh thần tập thể, đoàn kết, biết sống mình vì mọi người, tinh thần trách nhiệm với tập thể, cộng đồng, xã hội. Ngoài ra rèn cho học sinh một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, tổ chức, giao tiếp... Với những ý nghĩa giáo dục đó nên hầu hết các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đều hay tổ chức các HĐTN này cho HS.

Hình thức hoạt động trải nghiệm theo đánh giá của CBQL, GV và HS các trường cho rằng thỉnh thoảng mới tổ chức, thậm chí có nhiều học sinh cho rằng không thực hiện đó là *Trải nghiệm thực địa và Hoạt động giao lưu, hoạt động nghiên cứu khoa học*.

So sánh kết quả đánh giá theo nhóm các khách thể khảo sát.

Nhóm CBQL đánh giá hầu hết các hình thức tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS tương đối tương đồng đều (từ 2.12 đến 2.60) so với kết quả đánh giá của nhóm GV và HS. Kết quả đánh giá phần lớn việc thực hiện các hình thức trên với điểm trung bình ở mức cao (tỉ lệ thường xuyên và thỉnh thoảng).

GV đánh giá kết quả thực hiện các hình thức so với CBQL kết quả điểm trung bình thấp hơn. Tuy nhiên sự đánh giá của CBQL và GV có sự tương đồng nhau ở các hình thức tổ chức thường xuyên và hình thức ít tổ chức thực hiện như: “Tổ chức các hoạt động giao lưu” và “Hoạt động trải nghiệm thực địa; hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật”... Điều này khẳng định thêm thực trạng việc tổ chức các HĐTN để giáo dục HS ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN luôn có sự phối hợp, thống nhất giữa lãnh đạo nhà trường với đội ngũ giáo viên.

Trao đổi vấn đề này với một số CBQL, GV chúng tôi được Thầy P.V.V trường Trương Vĩnh Ký chia sẻ: “Đối với trường chúng tôi là loại hình trường tư thục, vì vậy chúng tôi tự chủ về tài chính và các hoạt động. Để tồn tại, phát triển, chúng tôi luôn xác định, chương trình giáo dục của nhà trường phải hướng vào đáp ứng nhu cầu cho HS. Trong bối cảnh hiện nay, chúng tôi hướng nhiều đến việc phát triển năng lực cho HS. Vì vậy chúng tôi luôn khảo sát, tìm hiểu mong muốn của HS, thậm chí cả phụ huynh HS. Đa số các em rất mong muốn được đi tham quan, được tham gia các hoạt động vui chơi, các hoạt động có tính chất tập thể”.

Cô N. T. Ng trường THCS&THPT Bùi Thị Xuân tỉnh Đồng Nai thì cho rằng “Chúng tôi cũng biết rằng tổ chức tham quan, hoạt động ngoại khoá nhiều cho học sinh, giúp HS được trải nghiệm và thông qua đó giáo dục đạo đức sẽ có hiệu quả nhất, mặc dù mỗi lần cho HS đi tham quan, hay tổ chức các cuộc thi, sân khấu hoá là 1 lần chúng tôi rất vất vả, thậm chí lo lắng cả về vật chất cũng như sự an toàn của các em, nhưng ở trường chúng tôi phụ huynh HS luôn ủng hộ việc tổ chức cho HS các các hoạt động trải nghiệm, bản thân các em lại rất hứng thú, vì thế hàng năm chúng tôi thường tổ chức nhiều lần các hoạt động tham quan, dã ngoại, các cuộc thi, hội thi cho các em cho HS, đặc biệt vào các ngày lễ lớn, hay các sự kiện”.

Thầy B. X. H. cán bộ đoàn trường THCS&THPT Việt An tỉnh Bình Dương cho rằng: Trường tôi chủ trương tăng cường tổ chức các hoạt động vui chơi, hoạt động văn nghệ, TDTT, tổ chức giải bóng đá mini cả nam và nữ giữa các chi đoàn, thời gian tổ chức giải tuy kéo dài nhưng đó là hình thức rất tốt để HS thể hiện tinh thần đồng đội và để các em tránh xa các tệ nạn.

- HS đánh giá kết quả thực hiện các hình thức cơ bản cùng mức với kết quả đánh giá của nhóm CBQL, nhóm GV. Kết quả đó cho thấy có sự tương đồng giữa đánh giá các nhóm khách thể, điều này tạo nên hiệu quả phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ quản lí, giáo viên và HS trong giáo dục đạo đức cho HS.

2.3.5. Thực trạng các lực lượng tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.5. Đánh giá của CBQL, GV về vai trò của các lực lượng tham gia GDDD thông HĐTN cho HS THPT

TT	Các lực lượng	Mức độ đánh giá (Mẫu = 500)								ĐTB	Thứ bậc
		Rất Quan trọng		Quan trọng		Ít quan trọng		Không quan trọng			
		Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %	Số ý kiến	Tỷ lệ %		
I	Các lượng lượng bên trong nhà trường										
1	Cán bộ quản lý	208	41.6	292	58.4	0	0	0	0	3.41	3
2	GV chủ nhiệm	473	94.5	21	4.1	0	0	7	1.4	3,92	1
3	GV bộ môn	161	32.1	322	64.4	18	3.5	0	0	3.29	5
4	Đoàn thanh niên CSHCM	165	32.9	336	67.1	0	0	0	0	3.33	4
5	Hội phụ huynh	158	31.5	151	30.1	185	37	7	1.4	2.92	6
II	Các lực lượng bên ngoài nhà trường										
6	Gia đình	274	54.8	226	45.2	0	0	0	0	3.55	2
7	Hội cựu chiến binh	89	17.8	110	21.9	233	46.6	69	13.7	2.44	9
8	Hội khuyến học	117	23.3	137	27.4	206	41.1	41	8.2	2.66	7
9	Hội phụ nữ	103	20.5	110	21.9	240	47.9	49	9.7	2.53	8
10	Cấp uỷ, chính quyền địa phương	88	17.5	110	21.9	233	46.6	70	14	2.43	10
11	Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất	103	20.5	89	17.8	219	43.8	90	17.9	2.41	11

Từ kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 2.5 chúng ta thấy:

Các CBQL, GV đều khẳng định tất cả các lực lượng giáo dục nêu trên đều tham gia vào quá trình GDĐĐ cho HS THPT, tuy nhiên với các mức độ ảnh hưởng và vai trò khác nhau. Đây là cơ sở quan trọng cho việc tổ chức, thực hiện quá trình GDĐĐ cho HS THPT, bởi lẽ, khi mỗi chủ thể giáo dục xác định được một cách đầy đủ, đúng đắn vai trò và trách nhiệm của mình sẽ giúp cho cán bộ quản lý nhà trường phân công, phân định một cách cụ thể những nhiệm vụ giáo dục cho từng chủ thể theo đúng chức năng, nhiệm vụ của họ, qua đó phát huy tinh thần chủ động, tích cực của từng chủ thể, đảm bảo việc thực hiện quá trình GDĐĐ cho HS THPT có thể đạt được những kết quả mong muốn. Cụ thể:

Với ĐTB là 3,92 “GVCN” được đánh giá là lực lượng giữ vai trò quan trọng nhất đối với quá trình GDĐĐ cho HS THPT. Kết quả đánh giá này là hoàn toàn hợp lý, bởi lẽ, đối với HS THPT, đội ngũ GVCN là những người luôn dành nhiều thời gian, tâm sức cho công tác giáo dục HS. Hơn thế nữa, họ lại là những người được đào tạo chuyên sâu về chuyên môn, nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong công tác giáo dục, dễ dàng tìm hiểu thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức của HS, từ đó có những biện pháp đúng đắn, phù hợp, kịp thời để giúp HS ngày càng tiến bộ hơn, phát huy những ưu điểm, khắc phục những nhược điểm ở học sinh.

Giữ vai trò quan trọng thứ hai là “Gia đình” với ĐTB là 3,55. Điều này phù hợp với thực tế, bởi, những người thân trong gia đình, ông bà, cha mẹ là những người có mối quan hệ huyết thống, gắn bó sâu sắc với HS. Những người thường xuyên gần gũi quan tâm, chăm sóc và giáo dục HS, luôn động viên các em cố gắng vươn lên, vượt qua mọi khó khăn thử thách để trở thành người có ích cho xã hội. Tác động giáo dục từ gia đình là những tác động mang tính thường xuyên, liên tục và mang lại nhiều hiệu quả tích cực.

Đứng ở vị trí thứ ba là “Cán bộ quản lý” với ĐTB là 3,33. Có thể thấy, đội ngũ CBQL, đặc biệt là Ban Giám hiệu trong nhà trường có vai trò hết sức quan trọng trong việc GDĐĐ cho HS THPT bởi lẽ, CBQL trước tiên cũng là giáo viên, là nhà giáo dục, họ cũng thực hiện chức năng nhiệm vụ của một người GV trong công tác giáo dục học sinh. Họ luôn gương mẫu, giữ gìn uy tín, phẩm chất và năng lực của mình trước GV và HS. Bên cạnh đó, với trách nhiệm của người cán bộ quản lý, họ còn trực tiếp xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động trải nghiệm phong phú, đa dạng cho HS. Đồng thời, CBQL cũng là người chủ động trong việc phối hợp với các lực lượng khác, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho GV và HS tham gia hoạt động trải nghiệm, là người kiểm tra, đánh giá, điều

chỉnh hoạt động GD đạo đức cho học sinh của đội ngũ giáo viên. Chính vì vậy, để có những ảnh hưởng tác động tích cực từ các lực lượng thì trong quá trình quản lý, chỉ đạo CBQL nhà trường cần có những biện pháp để xây dựng tập thể nhà trường thành tập thể vững mạnh, đồng thời biết phối hợp, khai thác các thế mạnh của các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường trong công tác GDĐĐ cho HS một cách hiệu quả.

Ngoài ra, các lực lượng giáo dục như: Đoàn thanh niên CSHCM nhà trường và đội ngũ GV bộ môn cũng có ảnh hưởng lớn đến quá trình giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm, với ĐTB được đánh giá ở mức độ từ 3,27 đến 3,30.

Các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường thể hiện vai trò của mình chưa thực sự nổi bật với ĐTB dao động từ 2,41 đến 2,93. Thực tế hiện nay, các LLGD này còn ít quan tâm đến quá trình rèn luyện và học tập của HS trong các nhà trường, hoặc nếu có quan tâm nhưng còn thiếu cơ chế để khẳng định vị trí, vai trò của họ. Cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương nơi trường đóng chưa được đánh giá cao trong việc phối hợp tham gia vào quá trình giáo dục, rèn luyện đạo đức cho HS.

Từ những thực trạng trên có thể thấy: Mặc dù có rất nhiều lực lượng tham gia vào quá trình GDĐĐ cho HS THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN. Lực lượng giáo dục trong nhà trường và gia đình là thể hiện tốt vai trò của mình, các lực lượng khác ở bên ngoài nhà trường lại chưa thể hiện tốt được ưu thế của mình trong công tác giáo dục HS. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ CBQL, GV chưa đánh giá được một cách chính xác về vai trò của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường đối với công tác giáo dục. Thực trạng này là một khó khăn cho công tác phối hợp các lực lượng giáo dục (gia đình, nhà trường và xã hội) trong GDĐĐ cho HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Đi sâu vào tìm hiểu vai trò của các chủ thể trong giáo dục đạo đức cho HS, đặc biệt là của vai trò của lực lượng giáo viên trong nhà trường. Chúng tôi tìm hiểu thêm về thực trạng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT của đội ngũ GV, bởi với vai trò quan trọng, nhưng nếu CBQL, GV năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS chưa tốt, thì hiệu quả giáo dục cũng không được như mong muốn.

Với câu hỏi “Thầy/cô hãy đánh giá/tự đánh giá về năng lực tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS” (Câu hỏi số 6 Phụ lục 1), Với tiêu chí “đáp ứng tốt” là GV nắm chắc nội dung kiến thức, rất thành thạo kỹ năng đó và có được sự thành công trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục cho HS; “Đáp ứng một phần” là GV đã có kiến thức, kỹ năng tuy nhiên trong quá trình tổ chức hoạt động có những chủ đề, có những loại hình hoạt động chưa thật sự thành công; “Chưa

đáp ứng” là GV nắm kiến thức chưa tốt, là hiểu cách làm nhưng chưa biết cách tổ chức chưa đạt hiệu quả. chúng tôi thu được kết quả như sau:

Bảng 2.6a. Đánh giá của CBQL về thực trạng kiến thức, kỹ năng GDDĐ thông qua HĐTN cho HS THPT của GV các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN
(mẫu khách thể 50)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá						Điểm TB	Thứ bậc
		Đáp ứng tốt		Đáp ứng một phần		Chưa đáp ứng			
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
1	Kiến thức								
1.1.	Kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho HS	15	30	25	50	10	20	2.1	3
1.2.	Kiến thức về nội dung, chương trình; phương pháp, hình thức hoạt động trải nghiệm ở trường THPT	5	10	30	60	15	30	1.8	7
2	Kỹ năng								
2.1.	Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động (Kỹ năng đặt tên cho hoạt động; xác định mục tiêu hoạt động; xây dựng nội dung hoạt động; lựa chọn phương pháp, phương tiện; hình thức tổ chức hoạt động)	10	20	30	60	10	20	2.0	4
2.2	Kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động gồm: KN giao việc; hướng dẫn; thúc đẩy; điều khiển, điều chỉnh	15	30	30	60	10	20	2.3	2
2.3.	Kỹ năng ứng xử, xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động	7	17	33	66	10	20	1.94	6
2.4	Kỹ năng thuyết phục, động viên học sinh.	15	30	35	70	5	10	2.4	1
2.5	Kỹ năng giám sát, đánh giá hoạt động	10	20	30	60	10	20	2.0	4

Bảng 2.6b. Tự đánh giá của GV về năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT của bản thân (mẫu khách thể 450)

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá						Điểm TB	Thứ bậc
		Đáp ứng tốt		Đáp ứng một phần		Chưa đáp ứng			
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %		
1	Kiến thức								
1.1.	Kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho HS	85	18.88	300	66.66	65	14.44	2.04	2
1.2.	Kiến thức về nội dung, chương trình; phương pháp, hình thức hoạt động trải nghiệm ở trường THPT	47	10.44	208	46.22	195	43.33	1.67	7
2	Kỹ năng								
2.1.	Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động (<i>Kỹ năng đặt tên cho hoạt động; xác định mục tiêu hoạt động; xây dựng nội dung hoạt động; lựa chọn phương pháp, phương tiện; hình thức tổ chức hoạt động</i>)	52	11.55	298	66.22	100	22.22	1.89	6
2.2	Kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động gồm: KN giao việc; hướng dẫn; thúc đẩy; điều khiển, điều chỉnh	73	16.22	297	66.0	80	17.77	1.98	3
2.3.	Kỹ năng ứng xử, xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động	62	13.77	305	67.77	83	18.44	1.95	4
2.4	Kỹ năng thuyết phục, động viên học sinh.	105	23.33	305	67.77	40	8.88	2.14	1
2.5	Kỹ năng giám sát, đánh giá hoạt động	62	13.77	303	67.33	85	18.88	1.94	5

Kết quả bảng 2.6a và 2.6b. cho thấy nhìn chung đánh giá của CBQL và tự đánh giá của GV các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN về mức độ đáp ứng yêu cầu về kiến thức và kỹ năng GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT ở mức độ

đáp ứng tốt với tỉ lệ không cao (tất cả các nội dung đều dưới 30%). Đa số CBQL và GV tự cho rằng mình mới chỉ đáp ứng được một phần về kiến thức, kỹ năng để có thể tổ chức tốt hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS (trên 60%). Điểm trung bình từ 1,67 đến 2.14 theo đánh giá của GV; và từ 1.8 đến 2.4 theo đánh giá của CBQL.

Đi sâu vào từng nội dung có thể thấy, về mức độ kiến thức, theo đánh giá của CBQL và GV thì GV nắm chắc kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh tốt hơn là đối với kiến thức về nội dung, chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN cho HS. Về kỹ năng thì KN lập kế hoạch tổ chức hoạt động và KN giám sát, đánh giá kết quả HĐ là thấp nhất.

Theo chúng tôi điều này có thể hiểu, GD đạo đức cho HS nói chung và HS THPT nói riêng là nhiệm vụ quan trọng, có tính chất nền tảng trong nhà trường PT. Bởi, trong nhà trường, song song với việc cung cấp cho HS hệ thống tri thức, thì còn thực hiện việc giáo dục cho HS có hành vi, thói quen đạo đức phù hợp với chuẩn mực xã hội, nên tất cả GV đều nhận thức được điều này. Tuy nhiên GD đạo đức cho HS có thể thực hiện bằng nhiều con đường, GD thông qua HĐTN là 1 con đường mang lại nhiều hiệu quả, tuy nhiên để thực hiện tốt thì đòi hỏi GV phải có cả kiến thức về HĐTN cho HS. Nhưng thực tế, thì đa số GV đều còn thiếu kiến thức và kỹ năng về tổ chức HĐTN cho HS.

Chính vì vậy, kết quả chung ở mức độ trung bình, chỉ đáp ứng được một phần. Mức độ đánh giá tương đối đồng đều nhau giữa CBQL và tự đánh giá của GV. Kết quả này đặt ra yêu cầu đối với lãnh đạo các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN là cần bồi dưỡng nâng cao năng lực GD đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh cho đội ngũ GV.

2.3.6. Thực trạng kết quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Kết quả giáo dục đạo đức cho học sinh là tổng hợp của nhiều yếu tố, tuy nhiên kết quả cuối cùng chính là thể hiện ở những hành vi cụ thể của học sinh. Trong phạm vi luận án, chúng tôi tìm hiểu kết quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng KTTĐPN thông qua sự đánh giá của những người thường xuyên gần gũi với các em hàng ngày đó là CBQL, GV và chính cha mẹ các em. Sự đánh giá ở các biểu hiện về hành vi đạo đức của các em và thể hiện ở kết quả xếp loại hạnh kiểm cuối năm của các em.

a) Các biểu hiện về hành vi đạo đức của HS THPT

Khảo sát về các hành vi đúng chuẩn mực đạo đức của HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, chúng tôi tiến hành khảo sát trên CBQL, GV và phụ huynh học sinh bằng câu hỏi số 7 trong Phụ lục 1 và câu hỏi 4 trong Phụ lục 2, đã cho chúng tôi kết quả được thể hiện trong bảng 2.7.

Bảng 2.7. Đánh giá của CBQL, GV và phụ huynh HS về những biểu hiện đạo đức của HS THPT vùng KTTĐPN

TT	Biểu hiện đạo đức	Cán bộ quản lí, GV (mẫu = 500)								Phụ huynh học sinh (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.	470	94.0	30	6.0	0	0	2.94	1	436	96.9	14	3.1	0	0.0	2.97	1
2	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước.	454	90.8	46	9.2	0	0	2.91	2	425	94.4	25	5.6	0	0.0	2.94	2
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	134	26.8	248	49.6	118	23.6	2.03	16	134	29.8	210	46.7	156	34.7	2.17	13
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người,	445	89.0	52	10.4	3	0.6	2.88	3	368	81.8	82	18.2	0	0.0	2.82	5
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện.	85	17.0	269	53.8	146	29.2	1.88	19	102	22.7	223	49.6	125	27.8	1.95	19
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	412	82.4	71	14.2	17	3.4	2.79	5	234	52.0	124	27.6	92	20.4	2.32	12
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh	357	71.4	112	22.4	31	6.2	2.65	8	378	84.0	67	14.9	5	1.1	2.83	4
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận	232	46.4	165	33.0	103	20.6	2.26	10	213	47.3	204	45.3	33	7.3	2.40	11

TT	Biểu hiện đạo đức	Cán bộ quản lí, GV (mẫu = 500)								Phụ huynh học sinh (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc
	lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.																
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động	215	43.0	178	35.6	107	21.4	2.22	12	160	35.6	207	46.0	83	18.4	2.17	14
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai	208	41.6	205	41.0	87	17.4	2.24	11	245	54.4	221	49.1	34	7.6	2.69	7
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải	390	78.0	110	22.0	0	0	2.78	6	345	76.7	93	20.7	12	2.7	2.74	6
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.	142	28.4	276	55.2	82	16.4	2.12	13	217	48.2	227	50.4	56	12.4	2.58	9
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.	93	18.6	301	60.2	106	21.2	1.97	17	156	34.7	199	44.2	95	21.1	2.14	16
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.	380	76.0	97	19.4	23	4.6	2.71	7	280	62.2	95	21.1	75	16.7	2.46	10
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân	323	64.6	120	24.0	57	11.4	2.53	9	308	68.4	99	22.0	43	9.6	2.59	8

TT	Biểu hiện đạo đức	Cán bộ quản lí, GV (mẫu = 500)								Phụ huynh học sinh (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Mức độ %	Thỉnh thoảng	Mức độ %	Chưa bao giờ	Mức độ %	ĐTB	Thứ bậc
16	Hiểu và biết làm tròn bốn phần với người thân và gia đình.	405	81.0	90	18.0	5	1	2.80	4	397	88.2	34	7.6	19	4.2	2.84	3
17	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.	67	13.4	176	35.2	257	51.4	1.62	21	67	14.9	179	39.8	204	45.3	1.70	21
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật	120	24.0	293	58.6	87	17.4	2.07	14	106	23.6	224	49.8	120	26.7	1.97	18
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.	85	17.0	285	57.0	130	26	1.91	18	127	28.2	234	52.0	89	19.8	2.08	17
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên	109	21.8	304	60.8	87	17.4	2.04	15	150	33.3	224	49.8	76	16.9	2.16	15
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	74	14.8	234	46.8	192	38.4	1.76	20	94	20.9	174	38.7	182	40.4	1.80	20

Kết quả nghiên cứu thu được ở bảng 2.7 cho thấy:

Nhìn chung, quá trình GDĐĐ cho HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã mang lại những kết quả nhất định. Kết quả của quá trình này bước đầu đã hình thành cho HS những hành vi đạo đức tích cực. Theo đánh giá của các CBQL, GV và PHHS tham gia khảo sát, HS THPT đã thực hiện các hành vi đạo đức trong cuộc sống và hoạt động của mình. Tuy nhiên, mức độ thực hiện các hành vi đạo đức của các em không đồng đều. Cụ thể:

Hành vi đạo đức được trên 90% ý kiến của CBQL, GV và phụ huynh HS đánh giá ở mức độ thường xuyên của các em là “Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước”; “Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước”. Đây là điều rất đáng mừng, bởi lòng yêu nước là phẩm chất đạo đức hàng đầu của mỗi người công dân, là phẩm chất đạo đức cách mạng. HS ở cuối lứa tuổi THPT, các em sắp đủ 18 tuổi, đủ tuổi trở thành công dân, có trách nhiệm nghĩa vụ với tổ quốc, với xã hội. Để thực hiện được trách nhiệm nghĩa vụ của người công dân với tổ quốc, trước hết các em phải hiểu về đất nước của mình, và phải có lòng yêu nước. Khi có lòng yêu nước, đó sẽ là điều căn cốt, là động lực giúp các em có thể vượt qua mọi khó khăn, biết sống có trách nhiệm, làm việc có ích cho gia đình, xã hội. Đồng thời các em cũng thấy được giá trị của việc được sống trong một xã hội yên bình như ngày hôm nay là nhờ công sức của biết bao người đã hy sinh vì tổ quốc. Các em cần biết quý trọng, biết ơn những người có công với đất nước. Và điều này các em đã nhận thức được, đã có được biểu hiện bởi những hành vi đúng.

Biểu hiện tiếp theo của các em được CBQL, GV và cha mẹ đánh giá với mức độ thường xuyên chiếm tỉ lệ trên 81% là “Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người” 89% CBQL, GV và 81.8% phụ huynh HS; “Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình” có 81% cán bộ quản lý, GV và 88,2% phụ huynh HS. Đối với 2 hành vi đạo đức này, mức độ đánh giá ở phụ huynh HS và CBQL, GV có sự trái ngược nhau về kết quả khi xếp thứ bậc. CBQL, GV đánh giá biểu hiện “Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người” là xếp thứ bậc 3, còn phụ huynh HS đánh giá biểu hiện “Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình” xếp thứ bậc 3. Điều này là phù hợp với thực tế quan sát của các chủ thể đánh giá. CBQL, GV thường xuyên tiếp xúc với các em ở trường. Qua quá trình tiếp xúc với các em, qua quan sát

các em khi tham gia vào các hoạt động giao tiếp, học tập với thầy cô, bạn bè ở trường nên có thể dễ dàng đánh giá được những biểu hiện, hành vi của các em với mọi người xung quanh, đặc biệt là trong môi trường bạn bè. Phụ huynh HS, tiếp xúc trực tiếp với các em khi ở nhà, những biểu hiện của HS trong gia đình chính là thể hiện bổn phận trách nhiệm của người con, cháu. Vậy các em cần phải biết cư xử cho phù hợp với bổn phận, trách của mình.

Hành vi đạo đức các em đã có nhưng thực hiện ở mức độ chưa thường xuyên theo đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ các em đó là “Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình” Xếp thứ bậc 21

Bên cạnh đó các em cũng chưa “Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững” (kết quả đánh giá xếp thứ bậc 20). Có lẽ với các em, vấn đề chăm sóc bảo vệ thiên nhiên và ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững, sự hiểu biết của các em chưa nhiều, cũng chính vì thế nên sự quan tâm và thể hiện hành vi với lĩnh vực này còn hạn chế. Đa số các em mới chỉ dừng lại ở việc có ý thức bảo vệ thiên nhiên là giữ vệ sinh môi trường xung quanh.

Với những nội dung đạo đức khác các em cũng đã có những biểu hiện hành vi đúng, tuy nhiên mức độ thường xuyên chưa nhiều (đa số ở khoảng điểm trung bình từ 1,67 đến 2,34); mức độ cao (trong khoảng từ 2,34 đến 3.0) còn ít.

So sánh kết quả đánh giá giữa CBQL, GV với phụ huynh HS ở các biểu hiện của các em, chung tôi nhận thấy đánh giá của phụ huynh HS ở hầu hết các biểu hiện đều có điểm trung bình cao hơn so với CBQL, GV. Thậm chí có những hành vi mức độ chênh lệch tương đối lớn. Như biểu hiện hành vi đạo đức thể hiện trách nhiệm của HS đối với bản thân “Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai” theo đánh giá của CBQL, GV với điểm trung bình là 2.24, ở phụ huynh HS là 2.69, với biểu hiện “Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt” đánh giá ở CBQL, GV là 2.12, ở phụ huynh là 2.58. Đi sâu trò chuyện với một số phụ huynh HS về vấn đề này, chung tôi hỏi ông Ng. V. H phụ huynh em Ng. T. N lớp 12A trường phổ thông liên cấp Trương Vĩnh Ký, thành phố Hồ Chí Minh. Với câu hỏi “Bác thấy con bác thường xuyên có biểu hiện nào thể hiện việc chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai?” thì ông cho biết “Tôi thấy cháu nói năm

nay cuối cấp, học vất vả lắm, cháu đi học suốt cả tuần. Lại còn học thêm nữa, như vậy là cũng đã ý thức cho việc chuẩn bị nghề rồi”.

Trò chuyện với bà Lê T. N phụ huynh em Huỳnh V.S lớp 12C trường phổ thông liên cấp Trương Vĩnh Ký về biểu hiện hành vi đạo đức thể hiện “Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt” của con mình. Bà cho biết “Cháu nhà tôi biết phân biệt phải trái, trắng đen rất rõ ràng. Nó rất ghét những người không thật thà, và hay giúp đỡ người nghèo”.

Như vậy, chúng ta dễ dàng nhận thấy, có sự chênh lệch đáng kể trong đánh giá giữa các CBQL, GV và PHHS về mức độ thực hiện các hành vi đạo đức tích cực của HS. Theo nhà nghiên cứu, về vấn đề này, đánh giá của các CBQL, GV khách quan, đúng đắn hơn so với đánh giá của PHHS. Bởi lẽ, các CBQL, GV là những nhà giáo dục có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, họ đưa ra những đánh giá của mình dựa trên nhiều thông tin thu được từ thực tiễn hoạt động của HS, việc đánh giá dựa trên những tiêu chí được xây dựng đảm bảo những yêu cầu cần thiết, do đó, kết quả đánh giá là khách quan, công bằng. Còn đối với các bậc PHHS, có thể do những nhận thức chưa thật toàn diện hoặc do tâm lý thiên vị con em mình nên họ đưa ra những đánh giá có phần chủ quan, chưa phản ánh được một cách chính xác mức độ biểu hiện hành vi đạo đức của con em mình.

Bởi có rất nhiều HS, biểu hiện hành vi đạo đức của các em khi ở trường và ở nhà có sự khác biệt. Nên nếu căn cứ vào những biểu hiện đấy, thì sự đánh giá khác nhau là điều tất yếu. Kết quả nghiên cứu trên một số HS đã cung cấp thêm cho chúng tôi những thông tin khách quan về vấn đề này. Cụ thể:

Em Ng. A. M (HS của trường Tiểu học, THCS, THPT Trương Vĩnh Ký) là một trong những HS cá biệt. Theo đánh giá của GVCN, các GV bộ môn và bạn bè trong lớp của HS này, M thường xuyên không tuân thủ nội quy của lớp học, thờ ơ với các hoạt động chung của tập thể, hay nói tục, chửi thề khi không có mặt GV, thỉnh thoảng bắt nạt các bạn trong lớp, trong trường...

Tuy nhiên, khi trao đổi với phụ huynh của M, chúng tôi được biết, ở nhà M là người ít nói, cục tính và thỉnh thoảng có nói tục, nhưng em rất hiếu thảo với ông bà. cha mẹ, chăm chỉ giúp đỡ bố mẹ việc gia đình. Sẵn sàng giúp đỡ những người xung quanh khi cần thiết.

Em N.V.T (HS của trường THCS & THPT Việt Anh tỉnh Bình Dương) là một HS cá biệt. Các GV cho biết em T thường ít tham gia vào các hoạt động học tập trên lớp và nhiều khi không hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao, hay vi phạm nội quy nhà trường (đi học muộn, bỏ tiết, hút thuốc lá...), ít tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp; theo các HS trong lớp, T hay nói tục, chửi bậy... Phụ huynh của T cho biết, ngoài giờ học ở trường, khi về nhà T cũng không hay tự tập, chơi với bạn bè, T chịu khó giúp đỡ ông bà, cha mẹ những công việc trong gia đình, bà con hàng xóm thường khen em ngoan.

Như vậy có thể thấy, bên cạnh những hành vi đạo đức tốt, vẫn còn có những HS có những hành vi vi phạm nội quy, quy chế nhà trường, vi phạm chuẩn mực đạo đức xã hội. Những biểu hiện không tốt của HS ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay cũng rất phức tạp. Điều này do nhiều nguyên nhân, một trong số nguyên nhân, theo chúng tôi cũng do ảnh hưởng của môi trường xã hội. Với đặc thù vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp, sự giao lưu hội nhập kinh tế diễn ra trên bình diện rộng, cũng diễn ra cả sự giao thoa các luồng văn hoá. Với môi trường như vậy nên có ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của HS.

Thực trạng này đòi hỏi lãnh đạo các trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cần nghiên cứu, triển khai một cách hiệu quả các biện pháp tăng cường công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình HS trong GDĐĐ cho HS THPT, cần quan tâm sâu sát hơn nữa đến HS, phát hiện và uốn nắn kịp thời cả về nhận thức lẫn hành động của các em học sinh.

Để tìm hiểu xem bản thân các em tự đánh giá về mình ra sao, với kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN. Chúng tôi sử dụng câu hỏi 6 Phụ lục 3. Kết quả thu được ở bảng 2.8.

Bảng 2.8. Tự đánh giá của học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam về những biểu hiện đạo đức của bản thân

TT	Biểu hiện về đạo đức	Học sinh(mẫu = 900)							
		Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ (%)	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ (%)	Chưa bao giờ	Tỉ lệ (%)	ĐTB	Thứ bậc
1	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước	867	96.3	33	3.7	0	0.0	2.96	1
2	Biết thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước	842	93.6	58	6.4	0	0.0	2.94	2
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	356	39.6	413	45.9	131	14.6	2.25	16
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người	827	91.9	73	8.1	0	0.0	2.92	4
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện	251	27.9	504	56.0	145	16.1	2.12	18
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người	780	86.7	99	11.0	21	2.3	2.84	7
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh	815	90.6	85	9.4	0	0.0	2.91	5
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập	534	59.3	261	29.0	105	11.7	2.48	11
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động	426	47.3	361	40.1	113	12.6	2.35	12
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai	485	53.9	383	42.6	32	3.6	2.50	10
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải	843	93.7	57	6.3	0	0.0	2.94	2
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt	320	35.6	545	60.6	35	3.9	2.32	14
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống	355	39.4	443	49.2	102	11.3	2.28	15
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân	682	75.8	184	20.4	34	3.8	2.72	8
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân	530	58.9	302	33.6	68	7.6	2.51	9
16	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình	812	90.2	75	8.3	13	1.4	2.89	6
17	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình	119	13.2	535	59.4	246	27.3	1.86	21
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật	292	32.4	516	57.3	92	10.2	2.22	17
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật	225	25.0	521	57.9	154	17.1	2.08	19
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên	382	42.4	433	48.1	85	9.4	2.33	13
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	213	23.7	542	60.2	145	16.1	2.08	19

Kết quả tự đánh giá của các em cho thấy những hành vi đạo đức các em tự tin khẳng định mình thường xuyên có biểu hiện, và được xếp điểm trung bình ở mức độ cao là “Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước” điểm TB = 2.96 xếp thứ bậc 1; “Biết thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước” điểm TB = 2.94 xếp thứ bậc 2; “Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải” điểm TB = 2.94 xếp thứ bậc 2; “Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người” điểm TB = 2.92 xếp thứ bậc 4; “Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh” điểm TB = 2.91 xếp thứ bậc 5.

Những biểu hiện hành vi đạo đức này thể hiện lòng yêu nước, lòng nhân ái và tính trung thực của các em. Kết quả này cũng tương đồng với ý kiến đánh giá của CBQL, GV và cha mẹ các em. Ở mức độ đánh giá ít thường xuyên hơn so với những hành vi đạo đức trên, những vẫn ở trong khoảng thứ hạng cao là “Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người” điểm TB 2.84 “Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình” điểm TB 2,89. Điều này thật đáng mừng, bởi các em bước đầu đã biết thể hiện trách nhiệm của mình với vai trò là người con trong gia đình. Đã biết tôn trọng sự khác biệt của mọi người xung quanh. Điều này chứng tỏ các em đã có sự thay đổi về nhận thức, đã trưởng thành hơn.

Bên cạnh những biểu hiện hành vi đạo đức tích cực được thể hiện thường xuyên với mức độ cao, thì những hành vi đạo đức thể hiện tính chăm chỉ (chăm học chăm làm), tinh thần trách nhiệm của các em đối với bản thân, xã hội, môi trường sống cũng đã được các em thể hiện, tuy nhiên đa số ở mức không thường xuyên, thậm chí có một số những hành vi có nhiều em chưa bao giờ thực hiện. Như việc “Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình” có tới 246 HS cho rằng mình chưa bao giờ làm việc này hay có biểu hiện này, mặc dù các em có cho rằng mình có “Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình”.

Với kết quả này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đi sâu vào tìm hiểu và trò chuyện với phụ huynh HS và HS. Chúng tôi nhận thấy mặc dù lứa tuổi này các em đã có sự trưởng thành hơn rất nhiều so với giai đoạn HS THCS, nhưng các em còn là HS, các em sống cùng gia đình, kinh tế còn phụ thuộc vào gia đình. Ở lứa tuổi này,

hoạt động chủ đạo của các em vẫn là hoạt động học tập. Trong các gia đình, điều cha mẹ mong muốn ở các em đều là chăm học, học tốt, ngoài giờ học thì phụ giúp, đỡ đần cha mẹ những công việc trong gia đình, phù hợp với khả năng và sức khỏe. Khi cần đến tiền phải chi tiêu cho việc học tập hay sinh hoạt cá nhân thì các em đều xin từ cha mẹ. Chính vì thế nên hầu hết, cha mẹ, cũng như đa số các em chưa quan tâm đến việc cần phải bàn bạc với cha mẹ và có kế hoạch chi tiêu ra sao cho phù hợp, đây là hành vi các em ít biểu hiện nhất.

Ngoài ra, hành vi đạo đức các em có sự biểu hiện cũng chưa thường xuyên chiếm tỉ lệ lớn là “Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững” và “Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỷ luật, vi phạm pháp luật” đều có điểm TB = 2.08; “Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện” điểm TB = 2.12. Những nội dung khác có điểm TB chung trong khoảng thang đánh giá ở mức độ trung bình (từ 1,67 đến 2,34).

Từ những kết quả nghiên cứu trên, có thể khẳng định, quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đã giúp cho đa số HS phát triển tốt về mặt nhận thức được những đạo đức, tuy nhiên việc hình thành hành vi, thói quen đạo đức thường xuyên cho HS THPT chưa đồng đều, mức độ đánh giá đa số trong khoảng xếp loại trung bình. Nói cách khác, quá trình GDĐĐ cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN hiện nay, chưa tương ứng giữa nhận thức và hành vi trong kết quả giáo dục. Thực trạng này đòi hỏi, các nhà quản lý giáo dục, các cán bộ đảm trách công tác giáo dục cần tiếp tục nghiên cứu, cải tiến quá trình GDĐĐ cho HS THPT một cách hiệu quả hơn, từng bước đáp ứng tốt những yêu cầu mới giáo dục nói chung và đổi mới quá trình GDĐĐ cho HS THPT ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói riêng.

b) Kết quả xếp loại hạnh kiểm

Bảng 2.9. Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh các trường trong 3 năm học

TT	Năm học	Xếp loại hạnh kiểm			
		Tốt (%)	Khá (%)	TB (%)	Yếu (%)
1	2016- 2017	86.4	13.4	0.3	0.0
2	2017- 2018	88.6	11.0	0.4	0.0
3	2018- 2019	87.3	12.1	0.6	0.0

Qua thống kê kết quả về xếp loại hạnh kiểm của ba năm gần đây, hạnh kiểm tốt tỷ lệ cao đều trên 80%, tuy nhiên vẫn còn HS xếp loại hạnh kiểm ở mức trung bình.

Số học sinh xếp hạnh kiểm trung bình từ (0,3 đến 6%) là những HS có những biểu hiện vi phạm nội quy, quy chế đến mức phải chịu hình thức kỷ luật (phê bình, cảnh cáo...). Dù tỉ lệ số học sinh xếp loại trung bình không nhiều nhưng điều này cho thấy hoạt động giáo dục đạo đức cho HS THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN chưa thật đạt hiệu quả cao, vẫn còn những HS chưa ngoan, vi phạm chuẩn mực đạo đức. Vì vậy cần có những biện pháp giáo dục hiệu quả hơn nữa, khắc phục những tồn tại, hạn chế này.

2.4. Thực trạng quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

2.4.1. Thực trạng lập kế hoạch quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi tiến hành điều tra trên CBQL và GV các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Kết quả được trình bày ở bảng 2.10.

Bảng 2.10. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý (mẫu = 50)								Giáo viên (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Phân tích, đánh giá thực trạng đạo đức và giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường	45	90.0	5	10.0	0	0.0	2.90	1	416	92.4	30	6.7	4	0.9	2.92	1
2	Xác định mục tiêu GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, mục tiêu giáo dục đạo đức, mục tiêu hoạt động trải nghiệm nói riêng.	32	64.0	18	36.0	0	0.0	2.64	4	322	71.6	104	23.1	24	5.3	2.66	2
3	Xác định nội dung GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện với thực tế nhà trường và có tính khả thi.	42	84.0	8	16.0	0	0.0	2.84	3	303	67.3	137	30.4	10	2.2	2.65	3
4	Xác định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục	33	66.0	15	30.0	2	4.0	2.62	6	130	28.9	275	61.1	45	10.0	2.19	9
5	Xác định lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, thiết lập các điều kiện bảo đảm cho kế hoạch được thực hiện.	43	86.0	7	14.0	0	0.0	2.86	2	305	67.8	132	29.3	13	2.9	2.65	4
6	Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS toàn trường	15	30.0	30	60.0	5	10.0	2.20	9	206	45.8	166	36.9	78	17.3	2.28	8
7	Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo đơn vị khối, lớp	24	48.0	21	42.0	5	10.0	2.38	8	217	48.2	177	39.3	56	12.4	2.36	7
8	Kế hoạch GDĐĐ cho HS tổ chức theo chủ đề	32	64.0	18	36.0	0	0.0	2.64	4	314	69.8	89	19.8	47	10.4	2.59	5
9	Kế hoạch GDĐĐ cho HS thông qua hình thức sinh hoạt dưới cờ	30	60.0	20	40.0	0	0.0	2.60	7	269	59.8	129	28.7	52	11.6	2.48	6
10	Kế hoạch GDĐĐ cho HS thông qua hình thức tổ chức Câu lạc bộ	5	10.0	26	52.0	19	38.0	1.72	10	52	11.6	127	28.2	271	60.2	1.51	10

Kết quả nghiên cứu ở bảng 2.10 cho thấy: Trong tất cả 10 nội dung cần thực hiện trong việc lập kế hoạch giáo dục đạo đức cho HS thông qua HĐTN, hầu hết CBQL, GV đều đánh giá nhà trường đã thực hiện với mức độ thường xuyên tương đối cao. Xếp vị trí cao nhất, thứ bậc 1 với điểm TB theo đánh giá của CBQL = 2.9; GV = 2.92 là nội dung *“Phân tích, đánh giá thực trạng đạo đức và giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường”*. Có thể thấy tất cả CBQL, GV trong các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN khi được hỏi đều đã nhận thức được, muốn tiến hành bắt tay vào thực hiện bất kỳ 1 hoạt động nào thì việc đầu tiên chính là phải biết thực trạng đang ở mức độ nào, nên cả CBQL, GV trước khi xác định các nội dung, phương pháp, hình thức GD đạo đức cho HS, thì đều quan tâm đến việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng đạo đức HS trong trường, lớp hiện ra sao, hoạt động giáo dục đạo đức cho HS trong thời gian qua như thế nào? Những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế. Để trên cơ sở đó mới tiến hành những nội dung tiếp theo *“Xác định mục tiêu GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, mục tiêu giáo dục đạo đức, mục tiêu hoạt động trải nghiệm nói riêng”* điểm TB 2.64 đối với CBQL và 2.66 đối với GV. Từ xác định mục tiêu, đi đến *“Xác định nội dung GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện với thực tế nhà trường và có tính khả thi”* và lựa chọn *“Xác định lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, thiết lập các điều kiện bảo đảm cho kế hoạch được thực hiện”*.

Khi xây dựng kế hoạch quản lý GD đạo đức cho HS thông qua HĐTN, lãnh đạo các trường đã quan tâm đến chương trình HĐTN của HS vì vậy trong các kế hoạch đều có nội dung gắn với phạm vi toàn trường, khối học, lớp (kế hoạch tổ chức hoạt động phạm vi toàn trường; kế hoạch hoạt động theo khối, và chỉ đạo GV xây dựng kế hoạch hoạt động theo đơn vị lớp). Gắn với phạm vi tổ chức là các loại hình hoạt động như sinh hoạt dưới cờ; hoạt động theo chủ đề; hoạt động theo hình thức câu lạc bộ.

Trong 10 nội dung thực hiện khi xây dựng kế hoạch, chỉ duy nhất nội dung *“Kế hoạch GDĐĐ cho HS thông qua hình thức tổ chức Câu lạc bộ”* là CBQL, GV đánh giá việc thực hiện ở mức độ thường xuyên thấp (điểm TB = 1.72 và 1.51), thậm

chỉ có nhiều CBQL, GV cho rằng chưa thực hiện (38% CBQL; 60.2% GV). Những nội dung khác đa số (8/10 nội dung đều đánh giá mức độ thường xuyên cao (điểm TB đều trong khoảng mức độ cao (từ 2.36 - 2.92).

Điều này thể hiện việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS đã được Hiệu trưởng các trường quan tâm và thực hiện tốt.

Qua tìm hiểu một số bản kế hoạch năm học của các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN, chúng tôi nhận thấy đa số kế hoạch hoạt động GDĐĐ cho HS đều được đề cập đến, có trường xây dựng có sự lồng ghép vào các hoạt động, có trường tách thành hoạt động riêng biệt với các nội dung cụ thể, các biện pháp QL được đề ra khá chi tiết phù hợp với đặc điểm riêng của từng trường. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số ít kế hoạch thiếu nội dung, biện pháp QL sơ sài còn chung chung nên tính khả thi không cao.

Như vậy, việc xây dựng kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nói chung được đánh giá mức thường xuyên cao. Trên thực tế có thể thấy, một kế hoạch tốt sẽ là cơ sở cho việc thực hiện hoạt động tốt. Chính vì vậy chúng tôi cho rằng Hiệu trưởng các trường cần tiếp tục phát huy những ưu điểm, đồng thời khi xây dựng kế hoạch cần quan tâm nhiều hơn đến việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức cho học sinh, tăng cường kế hoạch hóa hoạt động giáo dục đạo đức để nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục đạo đức cho HS.

2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Kết quả điều tra thực trạng tổ chức việc thực hiện GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh được trình bày ở bảng 2.11.

Bảng 2.11. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý (mẫu = 50)								Giáo viên (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Lựa chọn, xác định đơn vị/cá nhân chủ trì, các đơn vị/cá nhân phối hợp triển khai hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo quy định	47	94.0	3	6.0	0	0.0	2.94	2	385	85.6	58	12.9	7	1.6	2.84	1
2	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho tập thể/cá nhân thực hiện nhiệm vụ GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS, phân cấp quản lý và quy định cơ chế phối hợp	48	96.0	3	6.0	0	0.0	3.00	1	382	84.9	50	11.1	18	4.0	2.81	2
3	Tổ chức huy động các nguồn lực để thực hiện đầu tư phương tiện hỗ trợ GDĐĐ HS thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	32	64.0	15	30.0	3	6.0	2.58	5	213	47.3	181	40.2	56	12.4	2.35	5
4	Xây dựng môi trường tâm lý nhà trường thân thiện, lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS	39	78.0	11	22.0	0	0.0	2.78	4	312	69.3	102	22.7	36	8.0	2.61	4
5	Mời báo cáo viên thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cho GV nội dung, cách thức tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.	4	8.0	24	48.0	22	44.0	1.64	6	39	8.7	286	63.6	125	27.8	1.81	6
6	Xác định cụ thể các loại hình tổ chức HĐTN để GD đạo đức cho HS	43	86.0	7	14.0	0	0.0	2.86	3	360	80.0	77	17.1	13	2.9	2.77	3

Kết quả đánh giá của đa số CBQL và GV ở bảng 2.11 cho thấy HT các trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Việc đầu tiên trong quá trình tổ chức thực hiện là Hiệu trưởng *“Lựa chọn, xác định đơn vị/cá nhân chủ trì, các đơn vị/cá nhân phối hợp triển khai hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo quy định”* sau đó tiến hành *“Phân công nhiệm vụ cụ thể cho tập thể/cá nhân thực hiện nhiệm vụ GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS, phân cấp quản lý và quy định cơ chế phối hợp”* đây là 2 nội dung được CBQL, GV đánh giá với mức độ thường xuyên cao, điểm TB theo đánh giá của GV là 2.84 và 8.21; theo đánh giá của CBQL là 2.94 và 3.0.

Kết quả này cho thấy hầu hết CBQL và GV đều biết rõ công tác tổ chức việc thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho học sinh của Hiệu trưởng, và biết được nhiệm vụ của từng GV, từng lực lượng giáo dục trong nhà trường. Đây là một điều hết sức cần thiết giúp GV và các lực lượng trong nhà trường định hướng được hoạt động của mình, đồng thời biết cách phối hợp với nhau trong hoạt động GDĐĐ để nâng cao hiệu quả của hoạt động này tại các trường.

Bên cạnh những nội dung trên, kết quả ở bảng 2.11 cũng cho thấy trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho HS, CBQL và GV luôn *“Xác định cụ thể các loại hình tổ chức HĐTN để GD đạo đức cho HS”* cho phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của các em, cũng như điều kiện thực tiễn của nhà trường (điểm TB 2.86 và 2.77 theo đánh giá của CBQL và GV); đồng thời quan tâm đến việc *“Xây dựng môi trường tâm lý nhà trường thân thiện, lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS”*.

Nội dung ít được các trường quan tâm thường xuyên hơn trong khi tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức cho HS thông qua HĐTN là *“Mời báo cáo viên thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cho GV nội dung, cách thức tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS”*. Thậm chí có nhiều ý kiến cho rằng chưa khi nào thực hiện nội dung này (44% CBQL và 27.8.% GV).

Như vậy, để tổ chức việc thực hiện GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT, Hiệu trưởng ở các trường đã tiến hành phân công, quy định nhiệm vụ cho các lực lượng giáo dục trong trường thực hiện kế hoạch GDĐĐ đã đề ra. Nội dung hoạt động này bước đầu được sự quan tâm của CBQL và GV nhưng chưa đồng đều và được đánh giá có hiệu quả cao. Việc tổ chức thực hiện kế hoạch có ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường phổ thông. Đây là cơ sở quan trọng để hiện thực hóa kế hoạch, mục tiêu giáo dục đã đề ra và nếu HT phân công trách nhiệm quyền hạn rõ ràng thì việc kiểm tra của HT bớt khó khăn hơn.

2.4.3. Thực trạng chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT huyện vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Bảng 2.12. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT vùng KTTĐ

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý (mẫu = 50)								Giáo viên (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ CBQL, GV, cha mẹ HS và các lực lượng GD khác, nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của mình trong GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS	22	44.0	28	56.0	0	0.0	2.44	6	205	45.6	228	50.7	17	3.8	2.42	5
2	Chỉ đạo triển khai giáo dục GDĐĐ cho HS toàn trường theo kế hoạch đã xây dựng với các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ đề; câu lạc bộ	34	68.0	17	34.0	0	0.0	2.72	2	316	70.2	121	26.9	13	2.9	2.67	1
3	Chỉ đạo GVCN thực hiện các nội dung GDĐĐ thông qua giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt theo chủ đề; thông qua hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ của lớp.	35	70.0	15	30.0	0	0.0	2.70	3	312	69.3	115	25.6	23	5.1	2.64	3
4	Chỉ đạo GV bộ môn thực hiện lồng ghép hoạt động GDĐĐ qua các môn học và phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tham gia tổ chức các hoạt động GDĐĐ	32	64.0	18	36.0	0	0.0	2.64	4	223	49.6	158	35.1	69	15.3	2.34	6
5	Chỉ đạo hoạt động của Đoàn TNCSHCM tổ chức GDĐĐ cho HS theo các chủ đề hoạt động, theo phạm vi toàn trường, theo khối, các nội dung hoạt động theo hình thức sinh hoạt dưới cờ	37	74.0	13	26.0	0	0.0	2.74	1	350	77.8	42	9.3	58	12.9	2.65	2
6	Chỉ đạo tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS	21	42.0	27	54.0	2	4.0	2.38	7	215	47.8	150	33.3	85	18.9	2.29	7
7	Chỉ đạo phối hợp với gia đình và các lực lượng bên ngoài nhà trường GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh.	32	64	18	36	0	0	2.64	4	312	69.3	45	10	93	20.7	2.49	4

Kết quả ở bảng 2.12, cho thấy:

Đa số CBQL và GV ở các trường đều xác nhận hiệu trưởng nhà trường có thực hiện các nội dung chỉ đạo cho các bộ phận trong nhà trường thực hiện những nhiệm vụ GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS. Nội dung chỉ đạo thực hiện được đánh giá cao nhất là *“Chỉ đạo triển khai giáo dục GDĐĐ cho HS toàn trường theo kế hoạch đã xây dựng với các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ đề; câu lạc bộ”* và *“Chỉ đạo hoạt động của Đoàn TNCSHCM tổ chức GDĐĐ cho HS theo các chủ đề hoạt động, theo phạm vi toàn trường, theo khối, các nội dung hoạt động theo hình thức sinh hoạt dưới cờ”* với kết quả đánh giá mức độ thường xuyên trên 70%, điểm trung bình từ 2.67 đến 2.74 xếp thứ bậc 1, và 2, theo ý kiến của CBQL, GV các trường. Như vậy có thể thấy, các trường đã quan tâm đến hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh, đã nắm được các loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm và có chỉ đạo phân công việc tổ chức các loại hình theo phạm vi phù hợp. Bởi với loại hình tổ chức sinh hoạt dưới cờ, các trường đều tổ chức vào sáng thứ 2 đầu tuần. Đây là hình thức giáo dục đạo đức cho HS với phạm vi toàn trường, vì vậy các nhà trường đều chỉ đạo, giao cho Đoàn TNCSHCM chủ trì phối hợp với các chi đoàn học sinh, GVCN để cùng tổ chức các hoạt động trong thời gian sinh hoạt dưới cờ.

Trao đổi với ông N.V.B cán bộ quản lý trường phổ thông liên cấp tỉnh Bình Dương ông cho biết: *“Trước đây, buổi sinh hoạt dưới cờ, trường chúng tôi thường chỉ đánh giá những việc đã làm trong tuần qua, và triển khai công việc trong tuần tới, đọc kết quả xếp loại, đánh giá thi đua của các lớp trong tuần. Sau đó khen ngợi những lớp đạt kết quả xếp loại tốt, học sinh tiêu biểu. Phê bình, nhắc nhở những lớp xếp loại bậc thấp, những học sinh vi phạm quy chế. Nhưng chúng tôi nhận thấy, làm như vậy những lớp xếp loại chưa tốt, những HS chưa ngoan sang tuần sau cũng vẫn như vậy, sự tiến bộ không nhiều. Bên cạnh đó, giữa HS các lớp với nhau, có sự ganh ghét. GVCN các lớp kết quả xếp loại chưa tốt thì sau đó rất căng thẳng với HS trong lớp mình. Hiệu quả của buổi sinh hoạt dưới cờ không cao. Qua nghiên cứu, trao đổi và thăm dò, chúng tôi đã có sự thay đổi bằng cách giao cho Đoàn TN, phối hợp với các chi đoàn, mỗi buổi sinh hoạt dưới cờ sẽ tổ chức nói chuyện về 1 chủ đề, hoặc cho các em tự báo cáo kết quả hoạt động trong tuần dưới hình thức các hoạt động sinh động. Còn các công việc triển khai, hay đánh giá, xếp loại thi đua trong tuần thì gửi trực tiếp cho GVCN, và thông báo trên trang web của trường. Buổi sinh hoạt dưới cờ như vậy, chúng tôi thấy HS cảm thấy vui vẻ, phấn khởi, và hiệu quả việc chấp hành nội quy lại tốt hơn”*.

Nội dung chỉ đạo tiếp theo được thực hiện mức độ khá thường xuyên là “Chỉ đạo GVCN thực hiện các nội dung GDĐĐ thông qua giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt theo chủ đề; thông qua hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ của lớp”, xếp thứ bậc 3. Đây là hoạt động được thực hiện ở đơn vị lớp, GVCN là người chịu trách nhiệm tổ chức các buổi sinh hoạt lớp, theo quy định bắt buộc mỗi tuần 1 tiết, chính vì vậy việc này luôn được CBQL nhà trường và đội ngũ GVCN quan tâm thực hiện, kết quả đánh giá điểm trung bình là 2.64 đối với GV và 2.70 đối với CBQL.

Trong số 7 nội dung chỉ đạo triển khai thực hiện, theo kết quả điều tra, nội dung xếp thứ bậc 7 là *“Chỉ đạo tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS”*, nhưng mức độ thường xuyên chỉ đạo thực hiện theo ý kiến của CBQL là 42%, GV là 47.8%, điểm trung bình là 2.38 vẫn nằm trong khoảng xếp loại mức cao.

Nội dung “Chỉ đạo phối hợp với gia đình và các lực lượng bên ngoài nhà trường GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh” xếp thứ bậc 4. Với mức độ thường xuyên chỉ đạo thực hiện 64% đối với CBQL và 69.3% đối với GV. Hai nội dung còn lại, kết quả đánh giá cùng xếp loại trong khoảng mức độ cao.

Qua đây cho thấy các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đều đã quan tâm thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức cho HS THPT. CBQL và GV đều có sự đánh giá ở mức cao về các nội dung chỉ đạo triển khai thực hiện hoạt động. Đây là điều đáng mừng, cho thấy sự quan tâm sát sao của CBQL trong việc đôn đốc, quan tâm, theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ từng học kì, hàng tháng, hàng tuần; trong việc yêu cầu, nhắc nhở GV trong việc đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ đạo lựa chọn các chủ đề hoạt động sinh hoạt dưới cờ.

Tuy nhiên, trên thực tế hiệu quả giáo dục đạo đức cho HS lại phụ thuộc nhiều vào yếu tố chủ thể HS. Chính vì vậy, việc giúp HS nhận thức đúng để tự giác, tích cực tự tu dưỡng, tự rèn luyện là việc làm quan trọng và cần thiết nhất.

2.4.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng, kinh tế trọng điểm phía Nam

Kết quả điều tra thực trạng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện GDĐĐ cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm được trình bày ở bảng 2.13.

Bảng 2.13. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT

TT	Nội dung	Cán bộ quản lý (mẫu = 50)								Giáo viên (Mẫu = 450)							
		Số ý kiến								Số ý kiến							
		Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc	Thường xuyên	Tỉ lệ %	Thỉnh thoảng	Tỉ lệ %	Chưa bao giờ	Tỉ lệ %	ĐTB	Thứ bậc
1	Sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo từng học kì, tháng, tuần	28	56.0	22	44.0	0	0.0	2.56	1	320	71.1	115	25.6	15	3.3	2.68	1
2	Kiểm tra đánh giá GV sau khi tham gia HĐ bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS	16	32.0	34	68.0	0	0.0	2.32	6	198	44.0	234	52.0	18	4.0	2.40	5
3	Đánh giá hoạt động GVCN qua kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN; qua dự giờ tổ chức sinh hoạt lớp; qua các hoạt động sinh hoạt theo chủ đề	24	48.0	24	48.0	2	4.0	2.44	3	302	67.1	72	16.0	76	16.9	2.50	2
4	Kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS của Đoàn thanh niên qua báo cáo, kiểm tra thực tế, và thông qua nhận xét, đánh giá của cấp trên	21	42.0	27	54.0	2	4.0	2.38	5	276	61.3	123	27.3	51	11.3	2.50	3
5	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất trong quá trình tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.	18	36.0	27	54.0	5	10.0	2.26	8	145	32.2	183	40.7	122	27.1	2.05	8
6	Tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.	21	42.0	28	56.0	1	2.0	2.40	4	280	62.2	115	25.6	55	12.2	2.50	3
7	Nhắc nhở, phê bình những cá nhân chưa thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo kế hoạch	25	50.0	23	46.0	2	4.0	2.46	2	214	47.6	141	31.3	95	21.1	2.26	6
8	Tham gia nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm thực hiện phối hợp các lực lượng giáo dục.	17	34.0	30	60.0	3	6.0	2.28	7	127	28.2	273	60.7	50	11.1	2.17	7

Qua kết quả điều tra ở bảng 2.13 cho thấy:

Đa số CBQL và GV ở các trường đều đánh giá việc thực hiện kiểm tra, đánh giá hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN được thực hiện. Tuy nhiên mức độ thường xuyên đánh giá với các hình thức là không giống nhau. Nội dung được đánh giá cao là kiểm tra, đánh giá thông qua các buổi *“Sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo từng học kì, tháng, tuần”* với kết quả đánh giá mức độ thực hiện thường xuyên ở CBQL là 56%; GV là 71.1%, với điểm trung bình là 2.56 và 2.68 xếp thứ bậc 1. Như vậy có thể thấy, các nhà trường sau khi tổ chức mỗi hoạt động trải nghiệm cho HS đã có sự nhìn nhận lại kết quả hoạt động trên HS, để từ đó có sự đánh giá, và rút kinh nghiệm thực hiện cho những lần sau. Đây là việc làm cần thiết, bởi khi nhìn nhận, đánh giá để thấy được những điều đã đạt được và nghiên túc chỉ ra những tồn tại, hạn chế để từ đó rút kinh nghiệm thì những hoạt động lần sau sẽ mang lại hiệu quả cao hơn.

Nội dung đứng ở vị trí thứ 2 được GV đánh giá ở mức độ thường xuyên thực hiện là *“Đánh giá hoạt động GVCN qua kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN; qua dự giờ tổ chức sinh hoạt lớp; qua các hoạt động sinh hoạt theo chủ đề”*, điểm trung bình 2.5 nhưng nội dung này CBQL đánh giá mức độ xếp loại thứ 3 với điểm TB 2.44.

So sánh kết quả đánh giá giữa 2 nhóm chủ thể, có thể thấy sự chênh lệch nhau ở một số nội dung đánh giá. Với nội dung *“Đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS của Đoàn thanh niên qua báo cáo, kiểm tra thực tế, và thông qua nhận xét, đánh giá của cấp trên”* GV xếp thứ bậc 3, nhưng CBQL xếp thứ bậc 5. Nhưng ở nội dung *“Nhắc nhở, phê bình những cá nhân chưa thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS”* CBQL xếp thứ bậc 2, nhưng GV lại xếp thứ bậc 6. Đối với nội dung *“Tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS”* kết quả đánh giá ở GV xếp thứ bậc 3 nhưng CBQL xếp thứ bậc 4.

Kết quả này cho thấy, đứng ở mỗi vai trò khác nhau, thì cách quản lý sẽ có sự khác nhau. Đối với CBQL (Hiệu trưởng, Hiệu phó), với cương vị quản lý cấp trường, cách kiểm tra đánh giá cần thực hiện đến tất cả GV và HS. Phương pháp, công cụ để quản lý là phương pháp Hành chính (thực hiện theo đúng quy định có tính chất pháp

lý; khen thưởng, phê bình, kỷ luật), nhưng bên cạnh đó CBQL còn sử dụng phương pháp tâm lý, giáo dục. Đối với GV khi thực hiện giáo dục cho HS, với tư cách là chủ thể quản lý HS, mức độ vận dụng những phương pháp quản lý của GV đối với HS có sự khác biệt so với CBQL. GV sẽ phải sử dụng phương pháp tâm lý giáo dục nhiều hơn là phương pháp hành chính. Bởi đối tượng của GV là HS mới lớn, việc tác động đến tư tưởng, tình cảm của học sinh bằng sự động viên, khích lệ, bằng sự khuyến khích và thể hiện sự tin tưởng ở HS sẽ mang lại hiệu quả cao hơn rất nhiều so với việc sử dụng các nội quy, quy chế có tính chất pháp lý. Chính vì điều này, nên việc nhìn nhận đánh giá của GV và CBQL có sự khác biệt theo mức độ ưu tiên ở các nội dung khác nhau.

Như vậy có thể thấy các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã coi trọng kiểm tra, đánh giá việc thực hiện GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Tuy nhiên các nội dung đánh giá với các mức độ thường xuyên khác nhau. Một số nội dung được thực hiện với mức độ thường xuyên cao đều gắn với hoạt động trực tiếp của GVCN như qua kế hoạch, dự giờ; kiểm tra, đánh giá thông qua báo cáo, kiểm tra thực tế, kết quả đạt được của Đoàn và thông qua nhận xét, đánh giá của cấp trên. Nội dung ít thực hiện là kiểm tra hiệu quả sử dụng thiết bị hỗ trợ hoạt động GDĐĐ. Bên cạnh đó việc tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt hoạt động GDĐĐ cho HS còn hạn chế, chưa đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Đây là hạn chế của chung quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường.

2.5. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Tìm hiểu nội dung này chúng tôi thu được kết quả thu được như sau:

Bảng 2.14. Đánh giá của CBQL, GV về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Cán bộ quản lí (mẫu = 50)						Giáo viên (Mẫu = 450)					
		Số ý kiến						Số ý kiến					
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	ĐTB	Thứ bậc	Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng	ĐTB	Thứ bậc
1	Phẩm chất và năng lực chỉ đạo của cán bộ quản lý	36	14	0	0	3.72	4	385	65	0	0	3.86	4
2	Phẩm chất và năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh của GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm lớp	45	5	0	0	3.90	2	425	25	0	0	3.94	1
3	Ý thức, thái độ tích cực hoạt động của học sinh	48	2	0	0	3.96	1	392	58	0	0	3.87	3
4	Môi trường kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương	32	18	0	0	3.64	6	245	171	34	0	3.47	6
5	Ảnh hưởng từ giáo dục gia đình	42	8	0	0	3.84	3	412	38	0	0	3.92	2
6	Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh	34	16	0	0	3.68	5	320	115	15	0	3.68	5

Từ kết quả khảo sát trên cho thấy: Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS THPT, trong đó yếu tố về phẩm chất và năng lực của GVCN lớp được coi là yếu tố ảnh hưởng xếp thứ nhất với điểm trung bình 3.9 theo đánh giá của CBQL; và 3.94 theo đánh giá của GV. Có thể thấy, đối với giáo dục học sinh nói chung và giáo dục đạo đức cho HS nói riêng thì tấm gương đạo đức từ chính các thầy cô có ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến các em. Các em sẽ thực hiện tốt mọi yêu cầu của thầy cô, sẽ làm theo sự chỉ bảo của thầy cô nếu các em yêu mến, nể phục và tin tưởng ở thầy, cô. Còn ngược lại, nếu vì một lý do nào đó, các em mất niềm tin ở thầy/cô hoặc còn có sự nghi ngờ ở thầy/cô thì những tác động giáo dục của thầy/cô sẽ không có nhiều hiệu quả đối với các em, đặc biệt là với lứa tuổi HS THPT, khi các em đã có sự hiểu biết nhiều hơn, tình cảm mang tính chất lý trí hơn so với các lứa tuổi trước. Tuy nhiên, GD đạo đức cho HS chỉ dừng lại ở việc giảng giải hay cung cấp kiến thức lý luận suông, đối với các em cũng sẽ không hiệu quả nhiều, vì vậy cần phải tổ chức nhiều hoạt động cho các em trải nghiệm. Muốn tổ chức HĐTN thành công thì kiên thức, kỹ năng về HĐTN đòi hỏi GV cần nắm vững, đây chính là một khó khăn, hạn chế đối với một số GV, đặc biệt là những GV trẻ mới vào nghề.

Qua hỏi trao đổi với GV và CBQL cho thấy, hiện nay chương trình sách giáo khoa mới đã và đang được quan tâm với nhiều nội dung thay đổi và đang được tuyên truyền phổ biến rộng rãi. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều GV và CBQL còn tỏ ra lúng túng khi được hỏi về hoạt động trải nghiệm trong trường PT. Như vậy cùng với chương trình giáo dục phổ thông mới ban hành thì đòi hỏi các cấp quản lý phải có văn bản hướng dẫn thực hiện cho các trường PT và GV và bồi dưỡng cho GV năng lực tổ chức HĐTN. Bởi năng lực tổ chức hoạt động của GV sẽ quyết định nhiều đến hiệu quả của hoạt động.

Yếu tố thứ 2 theo đánh giá của CBQL và GV có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS chính là môi trường gia đình của HS. Gia đình môi trường giáo dục đầu tiên của HS, tác động đến các em hàng ngày, hàng giờ bởi quan hệ huyết thống. HS sẽ có sự phát triển tốt nếu có môi trường gia đình tốt, nhận được sự chăm sóc, giáo dục tốt từ gia đình. Ngược lại, môi trường gia đình không hoàn hảo, bầu không khí gia đình không hoà thuận, sự chăm sóc, phương pháp giáo dục của gia đình không phù hợp, sẽ mang lại những hậu quả không tốt đối với HS. Chính điều này đặt ra cho đội ngũ CBQL và GV trong các trường phổ thông liên cấp cần chú ý đến việc phối hợp với gia đình trong công tác giáo dục đạo đức cho HS.

Yếu tố về “ý thức, thái độ tích cực hoạt động của học sinh” xếp thứ 3.

Bên cạnh đó yếu tố về điều kiện kinh tế chính trị, văn hoá - xã hội của địa phương thì cũng ảnh hưởng đến hoạt động GD đạo đức cho HS, nhưng không phải là yếu tố quyết định đến quản lý GD ĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm, trong nghiên cứu yếu tố này xếp thứ 6.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

Từ kết quả nghiên cứu các thực trạng với các phương pháp nghiên cứu thực tiễn trên các nhóm đối tượng CBQL, GV và HS, chúng tôi có thể đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam như sau:

2.6.1. Kết quả đạt được

- CBQL, GV và HS đều nhận thức được ý nghĩa tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS.

- Nội dung giáo dục đạo đức cho HS hướng vào giáo dục cho các em lòng yêu nước, lòng nhân ái, tính trung thực, và giáo dục tính trách nhiệm (trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội và môi trường sống). Để giáo dục đạo đức cho HS, các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đã sử dụng các phương pháp và hình thức giáo dục khác nhau, bước đầu được quan tâm áp dụng đạt được những hiệu quả nhất định, HS đã có những biểu hiện hành vi đạo đức tốt. Một số hình thức giáo dục được sử dụng và đánh giá cao như: giáo dục qua tiết sinh hoạt dưới cờ, qua sinh hoạt lớp,

- Công tác lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh được đánh giá thực hiện tốt với các kế hoạch như: kế hoạch GDĐĐ cho HS trong tiết sinh hoạt lớp, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục theo chủ đề, kế hoạch cho hoạt động Đoàn.

Để tổ chức việc thực hiện kế hoạch quản lý GDĐĐ cho HS, Hiệu trưởng ở các trường đã tiến hành phân công, quy định nhiệm vụ cho các lực lượng giáo dục trong trường thực hiện kế hoạch GDĐĐ đã đề ra.

- Công tác chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS có những ưu điểm trong việc đôn đốc, quan tâm, theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch GDĐĐ từng học kì, hàng tháng, hàng tuần; trong việc yêu cầu, trong việc đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ đạo lựa chọn các chủ đề hoạt động sinh hoạt dưới cờ.

- Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS của Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt.

2.6.2. Tồn tại, hạn chế

- Một bộ phận nhỏ các em vẫn còn thái độ chưa đúng và chưa rõ ràng, thiếu niềm tin vào các giá trị, quan niệm đạo đức đúng đắn, vẫn còn hành vi vi phạm chuẩn mực, nội quy, quy chế của nhà trường.

- Mức độ vi phạm nội qui của học sinh còn tương đối cao, biểu hiện ở những lỗi như: nói chuyện làm mất trật tự trong giờ học; mặc đồng phục không đúng quy định; đi học trễ giờ; nói tục, chửi thề.

- Mức độ sử dụng các hình thức và phương pháp GDĐĐ cho HS ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam chưa thật đồng bộ, chỉ tập trung vào một số hình thức và phương pháp.

- Hiệu trưởng còn hạn chế trong xây dựng kế hoạch phối hợp các lực lượng giáo dục; trong xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho GV nội dung, phương pháp giáo dục, kỹ năng tổ chức các hoạt động nhằm GDĐĐ cho HS.

- Trong việc thực hiện chức năng chỉ đạo, Hiệu trưởng còn hạn chế trong chỉ đạo bồi dưỡng, báo cáo đánh giá, sự huy động nguồn tài trợ cho hoạt động GDĐĐ. Đây là hạn chế của chung quản lý hoạt động GDĐĐ cho HS ở các trường phổ thông.

2.6.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Kết quả khảo sát học sinh và các LLGD, cho thấy một số yếu tố chủ yếu tác động trực tiếp tác động đến giáo dục đạo đức cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Từ những yếu tố trên đã tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến giáo dục đạo đức cho học sinh và ở các mức độ ảnh hưởng khác nhau, có thể đưa ra một số nguyên nhân ảnh hưởng đến giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học cơ sở.

Nguyên nhân thứ nhất: là những nguyên nhân mang tính chủ quan như: Sự biến đổi tâm sinh lý lứa tuổi, đó là sự thiếu ý thức, thiếu tự chủ hay bị cám dỗ lôi kéo từ các phần tử không tiến bộ. Điều này chứng tỏ đa số học sinh trường THPT đang ở lứa tuổi thành niên, lứa tuổi mới lớn, thích tìm tòi cái mới lạ nên hay bị sa ngã trước ma lực của những tệ nạn xã hội. Hơn nữa có những học sinh sống trong gia đình chưa được hưởng nền giáo dục tốt tạo cho họ có những thói quen không tốt, không tự giác rèn luyện bản thân.

Nguyên nhân thứ hai: là những nguyên nhân mang tính khách quan như: Tác động tiêu cực của cơ chế thị trường và ảnh hưởng của xã hội; sự bùng nổ của thông tin văn hóa; đời sống hiện nay còn nhiều khó khăn,... đã ảnh hưởng đến học sinh rất nhiều. Thực tế, do sự phát triển của xã hội, do quá trình mở cửa và hội nhập, nên có nhiều luồng văn hóa xâm nhập vào nước ta, với tâm lý học sinh là thích cái mới, hay

học hỏi đua đòi, vì vậy một bộ phận học sinh chạy theo cái mới một cách mù quáng mà không có nhận thức và sự hướng dẫn nhận thức đúng đắn. Với sự phát triển công nghệ thông tin như hiện nay thì những luồng văn hóa tiêu cực, không lành mạnh sẽ ảnh hưởng đến học sinh một cách dễ dàng. Vì vậy vấn đề đặt ra ở chỗ phải giáo dục ý thức tự giác, biết nhận thức một vấn đề một cách đúng đắn. Vì khi nhận thức đúng thì hành động mới chuẩn xác.

Nguyên nhân thứ ba: Là những nguyên nhân thuộc về quản lý xã hội và quản lý giáo dục. Trong các trường THPT chất lượng GDĐĐ và quản lý GDĐĐ chưa cao, các bộ phận chức năng trong nhà trường hoạt động chưa đồng đều. Bên cạnh đó các lực lượng xã hội cũng chưa dành sự quan tâm đúng mức cho hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các nguyên nhân chủ quan và khách quan. Bởi nếu trong môi trường xã hội và trong trường trung học cơ sở có các giải pháp hữu hiệu thì sẽ có tác động tích cực tới tâm lý của học sinh, giúp cho họ nhận thức đúng đắn cái đúng, ngăn chặn được những tác động tiêu cực của xã hội đồng thời phát huy được những mặt tốt, tích cực trong học sinh.

Kết luận chương 2

Các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đã coi trọng hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh nhà trường; phát động, chỉ đạo các lực lượng giáo dục trong nhà trường như GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn, Đoàn thanh niên, phối hợp với công đoàn, CMHS và các ban ngành ở địa phương tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh nhà trường. Những nỗ lực đó bước đầu cũng tạo được sự chuyển biến về nhận thức cho GV, HS, CMHS trong công tác giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh và kết quả GD đạo đức cho HSTHPT ở các trường được nghiên cứu đạt mức độ khá và tốt, điều này cho thấy những biểu hiện về hành vi đạo đức tích cực của HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam tương đối phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Tuy nhiên quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT của các nhà trường còn hạn chế như: chưa xây dựng được kế hoạch chi tiết cụ thể cho hoạt động, cũng như chưa có những giải pháp tích cực trong việc quản lý, tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Chưa xây dựng được các tiêu chí kiểm tra đánh giá, chưa có kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động, việc kiểm tra đánh giá chưa thường xuyên; chưa động viên khen thưởng kịp thời. Đội ngũ giáo viên trong các nhà trường chưa được tập huấn nâng cao trình độ tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm; một số cán bộ, giáo viên trẻ còn thiếu kiến thức, kinh nghiệm khi tổ chức hoạt động cho HS.

Sự phối kết hợp giữa các giáo viên, giữa GVCN và GV văn hóa ở một số đơn vị trường không cao. Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường chưa chặt chẽ, chưa phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục.

Những tồn tại hạn chế trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ quan từ cán bộ quản lý và GV (về phẩm chất và năng lực), nguyên nhân từ chính ý thức thái độ của bản thân học sinh. Bên cạnh đó còn có nguyên nhân mang tính khách quan do môi trường kinh tế, chính trị văn hoá xã hội địa phương và cơ sở vật chất, trang thiết bị tổ chức hoạt động giáo dục.

Thực trạng này chính là cơ sở thực tiễn để chúng tôi đề xuất các biện pháp chương 3

Chương 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA NAM

3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo mục tiêu giáo dục trung học phổ thông

Nguyên tắc này đòi hỏi tất cả các hoạt động giáo dục nói chung và hoạt động giáo dục đạo đức, quản lý hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS nói riêng của các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN đều nhằm thực hiện mục tiêu GD THPT.

Từ mục tiêu giáo dục THPT khi thiết kế các hoạt động giáo dục, nhà giáo dục sẽ việc xác định nội dung, lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động... cho từng loại hình hoạt động giáo dục cụ thể phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh và điều kiện thực tiễn của nhà trường, địa phương.

Đối với giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh cũng vậy, khi thiết kế, lựa chọn các loại hình hoạt động (hoạt động theo hình thức khám phá, hay trải nghiệm, tương tác; hình thức có tính công hiến; nghiên cứu, tìm tòi...), thì việc xác định mục tiêu cho từng hoạt động giáo dục cần phải cân nhắc kỹ lưỡng, vừa phù hợp với nội dung, với mục tiêu chung, vừa phải phù hợp với trình độ được giáo dục của học sinh. Trong việc giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN cần có sự gắn kết chặt chẽ với hoạt động dạy học, bởi hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục là 2 hoạt động cơ bản trong nhà trường, hai hoạt động này có luôn có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau, cùng hướng vào thực hiện mục tiêu chung của giáo dục phổ thông, hướng vào hình thành, phát triển các phẩm chất và năng lực cho học sinh, đáp ứng các yêu cầu mục tiêu giáo dục.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính đồng bộ

Các biện pháp giáo dục đạo đức học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phải tạo sự đồng bộ, nhất quán, tránh được sự chồng chéo trong cách thức tổ chức thực hiện.

Việc thực hiện các biện pháp sẽ phát huy được tính mới trong hệ thống đảm bảo thực hiện có hiệu quả mục tiêu đề ra. Mỗi biện pháp là một mắt xích trong chuỗi hệ thống, có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ để tạo nên tính đồng bộ và hiệu quả cho công tác giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Hệ thống quản lý của nhà trường được hình thành từ các bộ phận chức năng: ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, tổ hành chính, Công đoàn, Đoàn thanh niên, hội phụ huynh... Do đó, khi nghiên cứu, đề xuất các biện pháp quản lý phải luôn có tính đồng bộ trong mọi hoạt động.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với vùng, miền

Đảm bảo phù hợp với vùng miền hay còn gọi là đảm bảo tính thực tiễn, là một trong những yếu tố quan trọng để đánh giá được tính hiệu quả của một biện pháp giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Để đảm bảo tính vùng miền đòi hỏi sự phù hợp với điều kiện thực tiễn về đặc điểm kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội của Vùng KTTĐPN, giúp cho việc áp dụng các biện pháp vào thực tế các nhà trường một cách thuận lợi, có hiệu quả.

Các biện pháp đề xuất cần dựa trên cơ sở các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước, phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của vùng KTTĐPN, phát huy ưu điểm của vùng kinh tế trọng điểm, khắc phục hạn chế, ảnh hưởng của vùng kinh tế trong việc giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường phổ thông liên cấp. Các biện pháp phải xây dựng theo quy trình, đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp đối tượng, điều kiện thực tế của địa phương để chắc chắn có thể thực hiện được và thực hiện thành công.

Để đảm bảo tính vùng miền của biện pháp cần tránh đưa ra các biện pháp xa rời thực tiễn, tránh áp đặt các ý kiến chủ quan, phải căn cứ vào tình hình cụ thể, căn cứ vào các mục tiêu cụ thể của nhà trường để tiến hành đề xuất các biện pháp.

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Nguyên tắc này đòi hỏi, khi xây dựng các biện pháp giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT vùng KTTĐPN cần đáp ứng được mục tiêu của giáo dục THPT và yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, phù hợp với điều kiện thực tế của vùng KTTĐPN. Đồng thời phải phù hợp với các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các trường phổ thông liên cấp, thẩm quyền của nhà giáo trong hoạt động giáo dục.

Đảm bảo tính khả thi là đảm bảo khả năng thực hiện mục tiêu, nội dung của từng biện pháp trong thực tiễn với nhiều các yếu tố ràng buộc, tác động ảnh hưởng đến kết quả và quá trình tiến hành trong thực tế của các nhà trường. Nguyên tắc này yêu cầu phải xác định đúng mục tiêu, nội dung phải cụ thể, thiết thực, rõ ràng và dễ thực hiện; các bước thực hiện phải đơn giản, dễ triển khai trong các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN. Cần xác định cụ thể cả nhân lực thực hiện biện pháp; thời gian và không gian thực hiện; các nguồn lực cần khai thác, huy động; các rào cản, các truyền thống, phong tục tập quán của địa phương...

3.1.5. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Các biện pháp đề xuất phải đảm bảo hiệu quả cao về mặt giáo dục nhưng có sự đầu tư ít nhất. Việc sử dụng các nguồn lực (CBQL; GV; Phụ huynh học sinh và các lực lượng giáo dục khác), tài lực, vật lực trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT các trường liên cấp vùng KTTĐPN cần được tính toán cẩn thận, tránh gây lãng phí, thất thoát...

Bên cạnh đó, hiệu quả của công tác quản lý giáo dục đạo đức học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm còn phải đảm bảo hiệu quả về mục tiêu giáo dục. Cụ thể kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT phải được xét trên Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh (đặc biệt là xếp loại hạnh kiểm) và các chuẩn mực đạo đức của xã hội, nó biểu hiện ở nhận thức, thái độ và đặc biệt là hành vi, thói quen đạo đức của HS phù hợp với các chuẩn mực xã hội quy định. Thước đo của hiệu quả chính là những học sinh tốt nghiệp THPT có đầy đủ các phẩm chất, năng lực theo mục tiêu giáo dục phổ thông trong Luật giáo dục đã quy định.

3.2. Biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

3.2.1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

3.2.1.1. Mục tiêu

Nhằm xây dựng được kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trường phổ thông liên cấp với các nội dung cụ thể phù hợp với điều kiện thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, đặc điểm, nhu cầu của học sinh. Đồng thời, biết xác định được chủ đề giáo dục cụ thể, hướng dẫn cách thực hiện hỗ trợ giáo viên trong tổ chức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Hiệu trưởng thành lập Tổ giáo dục - chủ nhiệm: Thành phần gồm Đoàn TN nhà trường, GVCN lớp, đại diện Ban phụ huynh HS, đại diện công đoàn trường. Có thể giao Bí thư Đoàn TN nhà trường làm tổ trưởng, hoặc 1 giáo viên có kinh nghiệm làm công tác chủ nhiệm, công tác đoàn thể.

Nhiệm vụ của Tổ giáo dục - chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN, xác định các chủ đề và tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS. Thực hiện tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo yêu cầu của Hiệu trưởng. Để xây dựng được các chủ đề giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và địa phương, đáp ứng nhu cầu của HS. Mỗi GV cần nắm được các nội dung giáo dục đạo đức cho HS THPT với 5 nội dung chính hướng đến hình thành ở HS 5 phẩm chất theo Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông mới: Giáo dục lòng yêu nước; Giáo dục lòng nhân ái; Giáo dục tính chăm chỉ; Giáo dục tính trách nhiệm (trách nhiệm với bản thân; gia đình; xã hội và môi trường). Đồng thời GV phải nghiên cứu kỹ chương trình HĐTN, hướng nghiệp bậc THPT, xác định các hình thức trải nghiệm: Trải nghiệm có tính chất khám phá; trải nghiệm có tính thể nghiệm tương tác; trải nghiệm có tính

ngiên cứu. Gắn với các mạch nội dung hoạt động hướng vào bản thân; hướng đến xã hội; hướng đến tự nhiên; hướng nghiệp.

Từ nội dung giáo dục đạo đức, với đặc điểm, điều kiện thực tiễn của các trường phổ thông liên cấp cùng KTTĐPN, có thể xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN phù hợp với HS.

Để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, có thể thực hiện theo quy trình sau:

- Bước 1: Phân tích nhu cầu trải nghiệm của học sinh

Nhà giáo dục phải hiểu được đặc điểm tâm sinh lí của học sinh, hoàn cảnh cuộc sống, đời sống cộng đồng, địa phương sinh sống của học sinh tham gia trải nghiệm. Căn cứ vào điều kiện thực tiễn của nhà trường, của địa phương và kế hoạch năm học của nhà trường, căn cứ vào mục tiêu và nội dung giáo dục đạo đức để xây dựng kế hoạch và hình thành ý tưởng cho chủ đề trải nghiệm phù hợp với học sinh.

Nhà giáo dục có thể áp dụng các phương pháp nghiên cứu như: điều tra, quan sát, phỏng vấn, trao đổi với phụ huynh, học sinh. Ý tưởng tốt cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức và lựa chọn một chủ đề trải nghiệm cần đảm bảo các tiêu chí sau:

- + Gắn với đời sống cộng đồng của học sinh;
- + Kích thích sự tò mò, hứng thú và mối quan tâm của học sinh;
- + Trải nghiệm trong môi trường an toàn;
- + Tăng cường sự hợp tác giữa giáo viên quản lí hoạt động trải nghiệm của nhà trường với các lực lượng xã hội tại địa phương.

Sau khi nắm chắc nhu cầu trải nghiệm của học sinh, tình hình thực tế của địa phương, gia đình học sinh, giáo viên sẽ xác định được phạm vi tổ chức hoạt động trải nghiệm, tiến hành các công việc tiếp theo để lựa chọn chủ đề trải nghiệm.

- Bước 2: Lựa chọn chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Một chủ đề trải nghiệm được lựa chọn tốt thì phải trả lời được ba câu hỏi: cái gì (what?), tại sao (why?) và bằng cách nào (how?). “Cái gì” là trải nghiệm nào sẽ khơi gợi về lí trí, tình cảm và niềm tin đạo đức mà nhà giáo dục muốn tạo ra cho học sinh. “Tại sao” là những lợi ích, giá trị đạo đức của trải nghiệm mang lại cho học sinh. “Bằng cách nào” là phương thức chuyển tải những trải nghiệm đến học sinh. Từ đó, giáo viên đặt tên cho chủ đề trải nghiệm, tên của chủ đề cũng phải tạo ra được sự

tò mò, lôi cuốn, hấp dẫn và ấn tượng ban đầu của học sinh. Giáo viên cũng có thể lựa chọn các chủ đề trải nghiệm khác ngoài các hoạt động đã được gợi ý trong kế hoạch của nhà trường, nhưng cần bám sát mục tiêu, nội dung đạo đức theo phân phối chương trình sách giáo khoa và phù hợp với hoàn cảnh riêng của mỗi lớp học. Mỗi chủ đề trải nghiệm có thể tích hợp nhiều bài học đạo đức trong sách giáo khoa.

Để biết chủ đề trải nghiệm dự định lựa chọn có phù hợp với các tiêu chí đề ra hay không, giáo viên cần tiến hành các công việc:

+ Thu thập các thông tin về thực địa trải nghiệm (địa chỉ, thời gian, lực lượng xã hội tham gia...) và các thông tin liên quan đến việc tổ chức như thời khóa biểu học tập, kinh phí tổ chức (nếu có), nguồn lực vật chất hỗ trợ...

+ Điều tra mối quan tâm của sinh viên về chủ đề trải nghiệm là gì. Để thực hiện công việc này, giáo viên có thể áp dụng “mô hình truy vấn của Dewey” (Dewey's Pattern of Inquiry (Dewey, 1938) [28]

+ Tham chiếu với các nguồn lực vật chất, năng lực của giáo viên, điều kiện của nhà trường để dự kiến những nội dung và nhiệm vụ trải nghiệm cho học sinh, từ đó đặt tên cho chủ đề trải nghiệm.

- Bước 3: Xác định nội dung và hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm

Căn cứ vào chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm, mục tiêu chủ đề, bối cảnh cụ thể của lớp học, của nhà trường, của đời sống cộng đồng của học sinh để xác định các nội dung và nhiệm vụ cần thực hiện trong các hoạt động trải nghiệm. Cần phải mô tả chi tiết các nhiệm vụ mà học sinh cần thực hiện, gồm 3 nhóm nhiệm vụ: 1/ Các nhiệm vụ để phát triển tri thức đạo đức; 2/ Các nhiệm vụ để phát triển hành vi đạo đức; 3/ Các nhiệm vụ để phát triển tình cảm đạo đức. Các nội dung trải nghiệm có thể được biểu đạt dưới nhiều hoạt động trải nghiệm khác nhau như: ghi nhật kí học tập, phỏng vấn, tham quan - chuyển đi thực địa, làm sách - báo - tập san - áp phích, diễn kịch, trò chơi, thuyết trình về sự kiện, phục vụ cộng đồng...

Từ các nhiệm vụ học sinh cần thực hiện, giáo viên có thể xác định được hình thức trải nghiệm tương ứng. Một chủ đề giáo dục đạo đức có thể kết hợp nhiều hình thức trải nghiệm khác nhau để giúp học sinh hoàn thành các nhiệm vụ học tập, tuy nhiên thường có một hình thức trải nghiệm là chủ đạo, các hình thức còn lại là phụ

trợ. Ví dụ trong chủ đề “Tình bạn”, nên chọn hình thức thảo luận về tình bạn hoặc giao lưu kết bạn giữa các lớp là chủ đạo, kết hợp với các hình thức khác như trò chơi, văn nghệ để làm tăng tính hấp dẫn cho buổi giao lưu.

- Bước 4: Lập kế hoạch chi tiết hoạt động trải nghiệm

Lập kế hoạch giúp GV định hướng cụ thể cho hoạt động, đi đến một quyết định trước xem học sinh sẽ trải nghiệm cái gì, như thế nào, khi nào để hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể. Ngoài ra, lập kế hoạch giúp giáo viên, nhà trường dự kiến và sắp xếp trước những yếu tố về nhân lực, tài lực và vật lực cho các hoạt động trải nghiệm sắp diễn ra trong tương lai để đạt được những mục tiêu giáo dục. Trong quá trình lập kế hoạch, giáo viên, nhà trường phải tìm ra phương án trải nghiệm tối ưu cho việc đạt được mục tiêu với chi phí thấp nhất. Điều mà bất cứ nhà quản lý nào cũng mong muốn giáo viên cố gắng đạt được. Công việc lập kế hoạch chi tiết đòi hỏi giáo viên cân đối và phân bổ đều các nguồn lực cho việc thực hiện các nhiệm vụ học tập của học sinh.

Khi lập kế hoạch chi tiết hoạt động trải nghiệm, giáo viên cần phải xác định được các nội dung gồm:

- Các nhiệm vụ cụ thể mà học sinh cần thực hiện?
- Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm?
- Vai trò - chức năng của giáo viên?
- Địa điểm thực hiện?
- Thời gian cần thiết cho mỗi nhiệm vụ?
- Các lực lượng xã hội tham gia thực hiện?
- Các phương tiện, nguồn lực cần thiết?
- Chi phí thực hiện?
- Kết quả (hoặc sản phẩm) của mỗi nhiệm vụ?

Vấn đề cuối cùng trong việc lập kế hoạch chi tiết thông qua trải nghiệm nhấn mạnh vào đánh giá sự phát triển trong nhận thức, thái độ và hành vi của HS. Đánh giá phải giúp học sinh nhận ra điều thiếu sót và thấy được sự tiến bộ của bản thân, sự thay đổi về nhận thức, thái độ, hành vi của HS trong cuộc sống, học tập, giao tiếp...

Các lực lượng tổ chức xã hội tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm có thể là: Hội phụ huynh học sinh, đoàn TNCSHCM trường, giáo viên chủ nhiệm, gia đình học sinh hoặc các tổ chức xã hội khác.

Giáo viên có thể lập kế hoạch chi tiết cho các nội dung này theo biểu mẫu gợi ý

TÊN CHỦ ĐỀ:..... MỤC TIÊU <i>Sau khi tham gia HĐTN học sinh có được:</i> - Về nhận thức:..... - Về hành vi đạo đức:..... - Về tình cảm đạo đức:..... 								
TT	Các nhiệm vụ	Hình thức trải nghiệm	Vai trò giáo viên	Địa điểm	Thời gian	Lực lượng xã hội	Phương tiện, chi phí	Kết quả
1	Nhiệm vụ 1							
2	Nhiệm vụ 2							
3	Nhiệm vụ 2							
4	...							
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP								
Kết quả		Tiêu chí thực hiện (mức độ thể hiện sự nhận thức, thái độ, hành vi của HS với hoạt động trải nghiệm)					Các biểu hiện cụ thể của học sinh	
1. Tri thức đạo đức		1.1. 1.2.						
2. Tình cảm đạo đức		2.1. 2.2.						
3. Hành vi đạo đức		3.1. 3.2.						
Ban giám hiệu/ tổ trưởng (Kí/ họ tên)				Giáo viên/ Người lập kế hoạch (Kí/ họ tên)				

Sau khi hoàn thiện kế hoạch chi tiết, giáo viên có thể thảo luận với đồng nghiệp, chuyên gia để chỉnh sửa hoàn thiện chương trình; có thể đến thực địa để quan sát thực tế; từ đó dự kiến trước những tình huống có thể phát sinh trong quá trình trải nghiệm và dự kiến trước phương án xử lý.

2.2.1.3. Điều kiện thực hiện

Để xây dựng và tổ chức các chủ đề giáo dục giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm có tính khả thi cần:

- Nắm vững đặc điểm tâm sinh lý, nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của HS trong trường.
- Nắm vững điều kiện tự nhiên, xã hội, truyền thống, văn hoá của địa phương nơi tiến hành HĐTN.
- Xác định rõ những thuận lợi và khó khăn khi tổ chức thực hiện chủ đề HĐTN.
- Huy động được sự tham gia phối hợp của các lực lượng giáo dục bên trong và ngoài nhà trường.
- Ban Giám hiệu ngoài việc thường xuyên kiểm tra, giám sát, động viên, khích lệ giáo viên thực hiện, còn phải tổ chức, lập kế hoạch hợp lý giữa các hoạt động giáo dục với hoạt động dạy học.

2.2.2. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường phổ thông liên cấp

2.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm giúp cho CBQL, GV có được nhận thức đầy đủ và đúng đắn về tầm quan trọng cũng như những kiến thức, kỹ năng cần thiết về GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trên cơ sở đó, giúp họ có thái độ phù hợp và tích cực, có kiến thức, kỹ năng để chủ động tham gia hiệu quả vào quá trình GDĐĐ cho học sinh, mang lại những tác động tổng hợp góp phần thực hiện quá trình GDĐĐ cho học sinh đạt được chất lượng và hiệu quả.

2.2.2.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

* Khảo sát, đánh giá thực trạng kiến thức, kỹ năng của CBQL, GV về GDĐĐ thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT. Cụ thể:

- Thiết kế kế hoạch khảo sát, đánh giá nhận thức của CBQL, GV về ý nghĩa, vai trò của GDĐĐ. Kiến thức hiểu biết về giáo dục đạo đức, về hoạt động trải nghiệm, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT ở các trường phổ thông. Trong bản kế hoạch cần xác định rõ ràng và cụ thể những nội dung sau:

- + Mục tiêu khảo sát, đánh giá.
- + Nội dung khảo sát, đánh giá.
- + Phương pháp khảo sát, đánh giá.
- + Chủ thể khảo sát.
- + Khách thể khảo sát.
- + Thời gian và phạm vi thực hiện.
- + Cách thức xử lý kết quả khảo sát.

- Tiến hành khảo sát của CBQL, GV về GDĐĐ cho học sinh THPT theo đúng kế hoạch đã xác định. Cụ thể:

- + Triển khai quá trình khảo sát trong thời gian quy định.
- + Khảo sát các khách thể thuộc các lực lượng đã xác định.

- Tiến hành xử lý thông tin khảo sát và nhận xét đánh giá dựa vào những kết quả xử lý thông tin. Cụ thể:

- + Xử lý thông tin thu thập từ quá trình khảo sát bằng các phương pháp phù hợp.
- + Nhận xét, đánh giá dựa trên những kết quả xử lý thông tin khảo sát cả về mặt định tính và định lượng.

* Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho CBQL, GV về GDĐĐ cho học sinh THPT.

Trong bản kế hoạch bồi dưỡng cần làm rõ những nội dung cơ bản sau:

- Mục tiêu bồi dưỡng, nội dung bồi dưỡng
- Chủ thể bồi dưỡng và đối tượng bồi dưỡng.
- Các lực lượng phối hợp trong quá trình bồi dưỡng.
- Phương pháp và hình thức bồi dưỡng.
- Các điều kiện cần thiết cho quá trình bồi dưỡng.
- Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng.

* Triển khai kế hoạch bồi dưỡng cho CBQL, GV về GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

Căn cứ vào kế hoạch khảo sát, lãnh đạo nhà trường, phối hợp với lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cùng triển khai kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với thù của mỗi đơn vị và đặc điểm của mỗi nhóm đối tượng. Cụ thể:

i. Về nội dung bồi dưỡng:

- Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các loại văn kiện của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về GDĐĐ học sinh đến CBQL, GV, nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm và nhiệm vụ của từng cá nhân, tập thể vai trò, chức năng của GV trong hoạt động giáo dục và rèn luyện đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh như:

+ Đối với CBQL: nắm rõ và có hiểu biết đúng đắn về mục tiêu giáo dục của Đảng, về đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định, chỉ thị của Bộ Giáo dục, của Sở Giáo dục và Đào tạo về hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục chính trị tư tưởng nói chung và hoạt động quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh nói riêng.

+ Đối với GVCN: phải nắm vững được mục tiêu giáo dục đào tạo để giáo dục nhân cách cho học sinh, nắm vững được hoàn cảnh gia đình, năng lực từng học sinh, học sinh có hoàn cảnh khó khăn... đến việc xử lý tình huống để có phương pháp giáo dục thích hợp. Giáo dục đạo đức học sinh là một công việc đòi hỏi sự kiên trì, cần phải có tâm huyết với nghề, có phương pháp chủ nhiệm tốt với một kế hoạch toàn diện, hợp. GVCN phải xây dựng hình ảnh, là tấm gương tốt cho học sinh noi theo.

+ Đối với giáo viên bộ môn: nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh thông qua các bài giảng, các buổi thăm quan, thực tế các buổi giao lưu, tiếp xúc với học sinh. Mỗi một giáo viên bộ môn cần phấn đấu dạy tốt môn học của mình, chú ý đến mọi đối tượng học sinh, để tận tình giúp đỡ các em tiếp thu tốt nhất kiến thức mình truyền đạt, chú trọng yêu cầu hiệu quả việc lồng ghép nội dung giáo dục đạo đức học sinh trong môn học, giờ học..

+ Đối với tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: tăng cường vai trò của tổ chức Đoàn trong tuyên truyền các nghị quyết của Đoàn, tổ chức thực hiện “Nền nếp - kỷ cương”; các phong trào thi đua trong học tập - sinh hoạt; các hoạt động ngoại khoá; các hoạt động “đền ơn đáp nghĩa - uống nước nhớ nguồn”... nhằm thu hút học sinh đến tập thể, đến những hoạt động bổ ích.

+ Đối với cha mẹ học sinh: phải xác định được vai trò trách nhiệm của Ban đại diện cha mẹ học sinh, của gia đình trong việc GDĐĐ cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm. Nâng cao nhận thức cho gia đình về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức học sinh, nội dung, hình thức, biện pháp giáo dục đạo đức, sự cần thiết phải quan tâm đến những biểu hiện hành vi của con em mình. Có trách nhiệm chủ động phối hợp với GVCN, với nhà trường, tránh tư tưởng khoán trắng cho nhà trường để giáo dục đạo đức cho con em mình.

+ Đối với chính quyền, đoàn thể địa phương: thấy rõ trách nhiệm, quyền hạn của mình, tích cực tham gia quản lý giáo dục đạo đức học sinh cùng với nhà trường và gia đình, không để học sinh vi phạm khuyết điểm, vi phạm nội qui học sinh, vi phạm pháp luật,... Cần chú trọng xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với gia đình học sinh, nhân dân khối phố, công an khu vực và chính quyền địa phương nơi trường đóng.

- Kiến thức về giáo dục đạo đức cho HS, về hoạt động trải nghiệm (các yêu cầu về nội dung giáo dục đạo đức cho HS THPT trong giai đoạn hiện nay; lý thuyết về hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới, lý thuyết về học tập trải nghiệm; quy trình tổ chức giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS...).

- Kỹ năng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN: kỹ năng thiết kế kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS, kỹ năng phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho HS; kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động tu dưỡng, rèn luyện của học sinh...

ii. Hình thức bồi dưỡng

- Thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, trao đổi, thảo luận về các nội dung, kiến thức, cũng như cách thức tổ chức hoạt động GD đạo đức thông qua HĐTN. Xử lý tình huống cụ thể hoặc giả định trong quá trình tổ chức HĐTN cho HS...

- Cung cấp tài liệu về GD đạo đức, về HĐTN trong chương trình giáo dục phổ thông mới, về cách xử lý các tình huống trong giáo dục... cho giáo viên tự học, tự nghiên cứu.

- Mời chuyên gia bồi dưỡng trực tiếp: Có thể bồi dưỡng về kỹ năng xây dựng kế hoạch, quy trình xây dựng và tổ chức chủ đề giáo dục đạo đức thông hoạt động trải nghiệm; hướng dẫn phương pháp tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm; kỹ năng đánh giá kết quả hoạt động giáo dục đạo đức học

sinh thông qua HĐTN... bồi dưỡng kỹ năng, phương pháp phối hợp GDĐĐ giữa GV bộ môn, GV chủ nhiệm, tổ chức Đoàn TNCSHCM, cha mẹ học sinh... Bồi dưỡng kỹ năng ứng xử cho giáo viên trong các tình huống sư phạm với học sinh.

Ví dụ về Bồi dưỡng trực tiếp cho đội ngũ GV chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cán bộ Đoàn TNCSHCM lớp nội dung *“Qui trình xây dựng và tổ chức một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm”*.

Chất lượng bồi dưỡng về qui trình xây dựng và tổ chức một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm sẽ có hiệu quả và giá trị cao nếu hoạt động bồi dưỡng cho giáo viên được thực hiện theo đúng triết lí của giáo dục trải nghiệm. Muốn vậy, khóa bồi dưỡng cũng phải bao gồm hai dạng hoạt động cơ bản là hoạt động trải nghiệm trong lớp học và hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học.

Trước khi tiến hành bồi dưỡng bắt đầu, Ban Giám hiệu và Tổ trưởng tổ môn cần chuẩn bị các tài liệu, biểu mẫu lập kế hoạch hoạt động trải nghiệm và phát cho giáo viên.

+ Nội dung 1: Nghiên cứu về “Lí thuyết học tập trải nghiệm”, “giáo dục đạo đức thông qua mô hình học tập trải nghiệm của Kolb”, “vai trò của giáo viên trong hoạt động trải nghiệm” để giúp cán bộ giáo viên nắm chắc về khái niệm, bản chất, nguyên tắc, mô hình học tập trải nghiệm của Kolb, giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm. Bên cạnh đó, giáo viên nắm được vai trò dạy học của mình trong học tập trải nghiệm.

+ Nội dung 2: Thảo luận về “Qui trình xây dựng và tổ chức một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm”. Sau đó giáo viên sẽ áp dụng qui trình để lập kế hoạch một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cụ thể.

+ Nội dung 3: Các giáo viên báo cáo ý tưởng và sản phẩm của một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm. Các chuyên gia và các thành viên tham dự sẽ nhận xét, góp ý, đánh giá về chủ đề.

*** Đánh giá kết quả của quá trình bồi dưỡng**

Khi đánh giá nhà quản lý cần căn cứ vào sản phẩm của hoạt động bồi dưỡng là kết quả về nhận thức của GV thể hiện thông qua những kiến thức hiểu biết về có được về giáo dục đạo đức, về tổ chức HĐTN cho HS. Những kỹ năng của GV thể hiện thông

qua các bản kế hoạch về chủ đề giáo dục đạo đức thông qua HĐTN hoặc chính là những hoạt động trải nghiệm giáo viên trực tiếp tổ chức cho HS.

2.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Để biện pháp này có thể được thực hiện hiệu quả cần đảm bảo một số điều kiện cơ bản sau:

Cần có nội dung tuyên truyền/bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục về GDĐĐ cho học sinh THPT mang tính thống nhất và hoàn thiện.

Cần có sự ủng hộ và đóng góp tích cực của lãnh đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể đối với hoạt động tuyên truyền/bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục về GDĐĐ cho học sinh THPT.

Cần có đội ngũ cán bộ đảm trách hoạt động tuyên truyền/bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục về GDĐĐ cho học sinh THPT có năng lực công tác và có tinh thần trách nhiệm cao.

Cần thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động tuyên truyền/ bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho các lực lượng giáo dục về GDĐĐ cho học sinh THPT một cách thường xuyên.

2.2.3. Phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông

2.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

- Phát huy vai trò trung tâm của nhà trường, vai trò chủ động, định hướng trong việc phối hợp và phát huy trách nhiệm, sức mạnh tổng hợp của gia đình, nhà trường, xã hội, cộng đồng trong việc chăm lo giáo dục đạo đức cho học sinh; phát huy tiềm năng phong phú của xã hội tham gia vào việc giáo dục học sinh.

- Xác định vai trò, nhiệm vụ, chức năng của gia đình, nhà trường, xã hội; tăng cường phát huy mặt tích cực của sự tác động qua lại giữa các lực lượng tham gia giáo dục học sinh, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh.

2.2.3.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

*Về nội dung:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT. Cụ thể:

Nghiên cứu các văn bản có liên quan, trên cơ sở đó bước đầu xây dựng dự thảo cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh.

Đề trình bản dự thảo cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh lên lãnh đạo cấp trên xem xét, phê duyệt.

Phổ biến cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh THPT đã được lãnh đạo cấp trên phê duyệt đến các lực lượng giáo dục ở trong và ngoài nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh trong cộng đồng. Các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh của nhà trường trong cộng đồng bao gồm: tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động tình nguyện, hoạt động từ thiện, hoạt động văn hóa- xã hội, hoạt động chính trị- xã hội... Thông qua quá trình tham gia các hoạt động đó, giáo dục cho học sinh ý thức cộng đồng, lòng nhân ái và các kỹ năng xã hội cần thiết.

- Tăng cường vai trò chủ đạo của các nhà trường trong giáo dục học sinh THPT và hoạt động phối hợp các lực lượng tham gia vào quá trình GDĐĐ cho học sinh. Cụ thể:

Phát huy vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch GDĐĐ cho học sinh; tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đã xây dựng; thực hiện kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh.

- Giúp cho các lực lượng giáo dục ý thức được một cách đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với công tác giáo dục thế hệ trẻ nói chung và GDĐĐ cho học sinh THPT nói riêng; trên cơ sở đó, tạo điều kiện thuận lợi để các lực lượng tích cực thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội của mình đối với công tác giáo dục học sinh.

- Giúp cho các lực lượng nhận thấy được ý nghĩa của hoạt động phối hợp các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh ở phương diện xã hội và cá nhân, từ đó, tích cực tham gia và hoàn thiện hoạt động phối hợp.

- Tổ chức đánh giá và tiếp tục hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT.

* Về cách thức thực hiện: Để thực hiện được các nội dung trên, khi triển khai Hiệu trưởng cần:

Phát huy vai trò chủ đạo của mình trong tổ chức chỉ đạo hoạt động khảo sát, đánh giá thực trạng cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh hiện nay. Tổng hợp các cơ chế, chính sách hiện hành có liên quan đến quá trình GDĐĐ cho học sinh cũng như hệ thống cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh. Chỉ đạo phối hợp các lực lượng tham gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT.

Dựa trên những kết quả giáo dục đạo đức cho HS đã đạt được Hiệu trưởng chỉ đạo phối hợp với Hội phụ huynh học sinh, cán bộ các cơ quan, ban, ngành có liên quan tham gia thảo luận, xây dựng cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục (nhà trường, gia đình và xã hội) trong quá trình GDĐĐ cho học sinh theo hướng phù hợp với bối cảnh mới của sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và đổi mới giáo dục.

Căn cứ vào cơ chế phối hợp các lực lượng giáo dục ở trong và ngoài nhà trường trong quá trình GDĐĐ cho học sinh, HT chỉ đạo phối hợp với các lực lượng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc triển khai cơ chế đó đến các bên có liên quan một cách hiệu quả nhất. Điều đó giúp cho các lực lượng thấy được vị trí, vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong hoạt động phối hợp các lực lượng thực hiện quá trình GDĐĐ cho học sinh.

- Nhà trường phối hợp với gia đình

Thông qua sự phối hợp của Ban Giám hiệu, thông qua GVCN nhà trường phổ biến kế hoạch giáo dục đạo đức cho cha mẹ học sinh, thống nhất xây dựng cơ chế phối hợp giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường, với GVCN, với hoạt động của Đội và các lực lượng xã hội khác trong việc mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, tổ chức giáo dục đạo đức cho học sinh.

Nhà trường chủ động bằng các hoạt động cụ thể như:

+ Họp cha mẹ học sinh các lớp thường kì và đột xuất; mời cha mẹ học sinh đến khi học sinh vi phạm kỉ luật.

+ Thăm gia đình học sinh.

+ Trao đổi thông tin qua phiếu liên lạc.

+ Cung cấp tài liệu, tổ chức tọa đàm, hội nghị, trao đổi... chỉ cho các bậc cha mẹ học sinh những khả năng, ưu thế của giáo dục gia đình, cung cấp kiến thức, những thông tin để họ hiểu biết tâm lý của con cái mình.

Nhà trường và gia đình có vai trò quan trọng đặc biệt ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của học sinh. Việc phối hợp này là một đòi hỏi cấp thiết và nhà trường phải giữ vai trò chủ đạo, là hạt nhân, cầu nối trong sự phối hợp này.

- Nhà trường phối hợp với xã hội

Nhà trường cần chủ động tạo mối quan hệ giữa chặt chẽ, thường xuyên với các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các cơ quan ban ngành đoàn thể và tổ chức xã hội liên quan để quản lý và giáo dục học sinh, đặc biệt là chính quyền nơi học sinh cư trú.

Nhà trường thông báo về địa phương những học sinh cá biệt vi phạm đạo đức, phối hợp với địa phương, gia đình cùng giáo dục các em một cách hiệu quả. Nhà trường cần có sự phối kết hợp chặt chẽ với công an để góp phần ngăn chặn những hành vi vi phạm đạo đức và pháp luật của học sinh.

Hiệu trưởng cần có sự phân công các thành viên trong Ban Giám hiệu cùng đại diện cha mẹ học sinh tham dự hội nghị giáo dục của địa phương hàng năm để thực hiện tốt hơn công tác xã hội hoá việc quản lý giáo dục đạo đức học sinh.

Nhà trường cùng địa phương tổ chức bàn giao học sinh về sinh hoạt hè. Nhà trường cử giáo viên về thực tế phối hợp thực hiện.

Hiệu trưởng cần quan tâm, chỉ đạo, cần có kế hoạch phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội, cùng tuyên truyền vận động mọi tầng lớp nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, tạo môi trường sống lành mạnh góp đẩy lùi các tác động tiêu cực làm ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách của học sinh.

2.2.3.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Để biện pháp này có thể được thực hiện hiệu quả cần đảm bảo một số điều kiện cơ bản sau:

Sự quan tâm, chỉ đạo của lãnh đạo cán cấp uỷ Đảng, chính quyền, lãnh đạo ngành GD&ĐT đối với hoạt động GDĐĐ cho học sinh THPT đặc biệt là việc hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong GDĐĐ cho học sinh.

Công tác thông tin, tuyên truyền về cơ chế phối hợp giữa các lực lượng tham gia vào quá trình GDĐĐ cho học sinh cần được thực hiện thường xuyên, rộng rãi và hiệu quả.

Công tác xã hội hóa GDĐĐ cho học sinh THPT cần được tăng cường cả về mức độ thực hiện và hiệu quả của công tác này. Điều đó giúp cho tất cả các lực lượng giáo dục ở trong và ngoài nhà trường trên cơ sở nhận thức được đầy đủ về tầm quan trọng của quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT, mỗi lực lượng sẽ đóng góp tích cực vào quá trình này.

- CBQL các trường cần có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm cao và luôn thể hiện được vai trò chủ đạo của mình.

2.2.4. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT

2.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Biện pháp này nhằm hướng đến xây dựng nhà trường, đẩy mạnh việc phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của nhà trường, huy động và phối hợp thống nhất giữa trường và các cơ quan, đoàn thể, chính quyền, hội để tạo nền tảng cần thiết cho việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh thực sự mang lại hiệu quả.

3.2.4.2. Nội dung và cách thức tổ chức thực hiện

- Ngay từ đầu năm học, nhà trường tổ chức họp Hội đồng giáo dục của trường để thống nhất, đồng thuận trong việc tích cực thực hiện xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, toàn diện trong trường.

- Xây dựng môi trường tâm lý - xã hội: xây dựng và phát triển mối quan hệ liên nhân cách tích cực giữa các thành viên trong nhà trường: giữa Ban Giám hiệu.

- Giáo viên, Nhân viên - Học sinh, mối quan hệ giữa Giáo viên - Giáo viên, mối quan hệ giữa học sinh với nhau, xây dựng bầu không khí lớp học tích cực trong các lớp với các quan hệ tốt giữa Giáo viên - Học sinh.

- Nhà trường phát động, lan toả phong trào thi đua xây dựng môi trường thân thiện trong đội ngũ giáo viên của trường, tập thể học sinh các lớp, giữa các lớp của toàn trường, trong các Chi đoàn.

- Tổ chức Đoàn Thanh niên của trường phối hợp cùng nhà trường phát động trong chi đoàn các phong trào thi đua “Người tốt - Việc tốt”, hướng tới các ngày kỷ niệm Ngày nhà giáo Việt Nam 20.11, Ngày Thành lập Đoàn 26-3...; tổ chức các buổi tọa đàm trao đổi về ý nghĩa các giá trị đạo đức trong thực tiễn cuộc sống, học tập, trong xu thế hội nhập như: lòng yêu nước, lòng nhân ái, trung thực, tính trách nhiệm. Từ đó, tạo điều kiện để học sinh nâng cao nhận thức về các chuẩn mực đạo đức; có ý thức, trách nhiệm trong việc tự giáo dục, tu dưỡng cho bản thân; tự biết điều chỉnh thái độ, hành vi của mình trong các mối quan hệ và giao tiếp cho phù hợp.

Trường tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi về các chủ đề gắn với giáo dục đạo đức như “Tiên học lễ - Hậu học văn”, để nâng cao nhận thức cho học sinh: tiên học lễ không phải là sự nghe lời, phục tùng một cách thiếu hiểu biết mà ý nghĩa được mở rộng hơn nhiều bởi đó là giáo dục lòng kính trọng đối với ông bà, cha mẹ, thầy cô giáo; sự tôn trọng đối với người khác và đối với chính bản thân mình; sự trân trọng những giá trị tốt đẹp; đó là giáo dục ý thức cộng đồng, giáo dục lòng hiếu thảo, vị tha, tương thân - tương ái. Đây chính là những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tạo nên bản sắc dân tộc, cần được phát huy, lồng ghép trong các giá trị đạo đức, trong thời đại toàn cầu hóa.

- Phối hợp chặt chẽ cùng Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thông qua Ban đại diện cha mẹ HS các lớp tham gia các hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh, liên hệ cung cấp thông tin phản hồi thường xuyên để nhà trường kịp thời điều chỉnh, điều chỉnh hoạt động giáo dục cho phù hợp.

Tạo điều kiện để các nhóm, tổ chức chính trị, xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường một cách phù hợp (như tọa đàm, trao đổi các chủ đề về học tập, lao động, tình bạn - tình yêu ở lứa tuổi đầu thanh niên), tạo điều kiện để học sinh có thêm cơ hội giao lưu, mở rộng hiểu biết về ý nghĩa của những giá trị đạo đức trong một xã hội rộng mở.

- Kết hợp chính quyền địa phương xây dựng và duy trì môi trường giáo dục lành mạnh xung quanh phạm vi trường, tạo điều kiện để học sinh được học trong khung cảnh nhà trường sư phạm thân thiện, lành mạnh, tích cực.

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện

- Nhà trường xây dựng được mối quan hệ liên nhân cách tích cực trong phạm vi nhà trường (giữa Ban Giám hiệu nhà trường - Giáo viên, cán bộ của trường - học sinh) và kết hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng, duy trì môi trường giáo dục lành mạnh xung quanh phạm vi trường.

- Tổ chức xây dựng, ban hành, cam kết và giám sát thường xuyên việc thực hiện các quy định đối với giáo viên và học sinh của trường, nhằm góp phần tích cực vào việc xây dựng môi trường giáo dục đạo đức lành mạnh cho học sinh.

- Trong phạm vi nhà trường, trong các lớp chú trọng quan tâm tới nội dung và vị trí đặt các pano, biểu ngữ,... để củng cố, giúp thêm giáo viên và học sinh luôn nhận thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh.

2.2.5. Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh trung học phổ thông

2.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Nhằm giúp cho học sinh THPT trên cơ sở nhận thức đầy đủ, đúng đắn về tầm quan trọng đạo đức (ý thức đạo đức, hành vi, thói quen đạo đức), từ đó tự giác, tích cực, chủ động tự rèn luyện, tự tu dưỡng đạo đức, từng bước hoàn thiện nhân cách của bản thân.

2.2.5.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

** Về nội dung*

- Khảo sát đánh giá thực trạng nhận thức của học sinh THPT về quá trình tự giáo dục; năng lực tự giáo dục của học sinh và hiện trạng tính tích cực của học sinh THPT trong quá trình tự giáo dục.

- Chỉ đạo GV chủ nhiệm lớp xây dựng và hoàn thiện kế hoạch bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh. Cụ thể:

+ Xác định mục tiêu của hoạt động bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh như về kiến thức, về kĩ năng và về thái độ.

+ Xác định nội dung cần bồi dưỡng phát triển năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh như tầm quan trọng của quá trình tự giáo dục, cách thức tiến hành và tự kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục.

+ Xác định các phương pháp bồi dưỡng phát triển năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh như phương pháp giảng giải, phương pháp nêu gương, phương pháp đàm thoại, phương pháp đòi hỏi sự phạm, phương pháp tập luyện, phương pháp rèn luyện...

+ Xác định chủ thể bồi dưỡng năng lực tự giáo dục cho học sinh.

+ Xác định các điều kiện phục vụ cho quá trình tự giáo dục của học sinh.

+ Xác định phương pháp, công cụ đánh giá kết quả bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh.

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh.

- Xây dựng và hoàn thiện môi trường tích cực ở trong và ngoài nhà trường cho quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh.

- Kiểm tra, đánh giá kết quả tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh tại nhà trường một cách thường xuyên.

- Biểu dương, khen thưởng những tấm gương học sinh điển hình trong quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện.

** Về cách thức thực hiện biện pháp*

- Hiệu trưởng nhà trường chủ trì tổ chức phối hợp giữa các lực lượng giáo dục xây dựng và triển khai kế hoạch khảo sát, đánh giá năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh.

- Trên cơ sở nắm bắt được thực trạng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh, các lực lượng giáo dục cùng bàn bạc, xác định và chỉ đạo GV chủ nhiệm triển khai những nội dung cần bồi dưỡng phát triển năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho học sinh, cụ thể:

Tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của tự giáo dục đối với quá trình hoàn thiện phẩm chất nhân cách của học sinh bằng cách tổ chức tốt các hoạt động thông tin tuyên truyền các nội dung có liên quan đến đạo đức và rèn luyện đạo đức.

Hình thành và phát triển cho học sinh những kỹ năng tổ chức quá trình tự giáo dục, kỹ năng huy động, sử dụng các nguồn lực phục vụ quá trình tự giáo dục.

Hình thành và phát triển thái độ tích cực của học sinh đối với quá trình tự giáo dục.

- Hiệu trưởng chỉ đạo GV chủ nhiệm cùng các lực lượng giáo dục trong nhà trường phối hợp xây dựng và hoàn thiện môi trường tích cực cho quá trình tự giáo

dục của học sinh. Tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, thu hút sự tham gia hoạt động, rèn luyện của học sinh, thường xuyên kích thích nhu cầu và hứng thú đối với các hoạt động giáo dục.

- Hiệu trưởng chỉ đạo thực công tác phối hợp các lực lượng giáo dục ở trong và ngoài nhà trường tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả tự giáo dục, tự rèn luyện của học sinh một cách thường xuyên.

- Tiến hành biểu dương, khen thưởng những tấm gương học sinh điển hình trong quá trình tự giáo dục.

2.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Để thực hiện biện pháp này một cách hiệu quả cần có những điều kiện sau:

- Sự quan tâm thường xuyên của các lực lượng giáo dục mà trực tiếp là Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, cán bộ Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, cán bộ các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đến quá trình hoạt động nói chung và quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện, tự tu dưỡng của học sinh nói riêng.

- Những tấm gương tốt của giáo viên và những người lớn gia đình, trong xã hội, cùng với những tấm gương học sinh tiêu biểu.

- Trình độ nhận thức, mức độ phát triển trí tuệ của học sinh.

- Tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh.

- Môi trường giáo dục tích cực ở trong gia đình, Nhà trường và xã hội.

2.2.6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

2.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Biện pháp này nhằm giúp cho các cán bộ đảm trách quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam thu thập những thông tin về thực trạng hoạt động và chất lượng GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh, trên cơ sở đó, phân tích, đánh giá, chỉ ra những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại, từ đó có những biện pháp nhằm giải quyết hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh.

2.2.5.2. Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp

* Về nội dung:

- Xây dựng kế hoạch cho hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT, trong đó, xác định rõ những vấn đề sau:

+ Mục tiêu của hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT ở các trường phổ thông.

+ Nội dung kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT ở trường phổ thông.

+ Chủ thể thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT ở trường phổ thông.

+ Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT, đồng thời xác định công cụ và thang đo phù hợp.

+ Các nguồn lực phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT.

- Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT theo kế hoạch đã được xác định. Cụ thể:

+ Kiểm tra, đánh giá thực trạng thực hiện kế hoạch GDĐĐ cho học sinh THPT.

+ Kiểm tra, đánh giá thực trạng thực hiện nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Kiểm tra, đánh giá về năng lực giáo dục của các lực lượng tham gia GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Kiểm tra, đánh giá về thực trạng các nguồn lực phục vụ GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Kiểm tra, đánh giá về môi trường GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Kiểm tra, đánh giá về kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Công khai kết quả kiểm tra, đánh giá.

- Tổ chức các hội nghị chuyên đề đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT, đồng thời nghiên cứu và áp dụng các biện pháp nhằm hoàn thiện hoạt động này.

- Khen thưởng những tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quá trình GDĐĐ cho học sinh và biểu dương những tập thể, cá nhân học sinh có nhiều tiến bộ về đạo đức.

** Về cách thức thực hiện biện pháp*

Để thực hiện có hiệu quả biện pháp trên, các cán bộ đảm trách quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT cần thực hiện những hoạt động cụ thể sau:

- Hiệu trưởng tổ chức thành lập Ban kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT. Trưởng Ban là một đồng chí Phó Hiệu trưởng, các thành viên bao gồm Tổ trưởng chuyên môn, GV có năng lực, kinh nghiệm và lãnh đạo của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

- Các thành viên của Ban KT, ĐG kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT chủ động thảo luận và xây dựng kế hoạch KT, ĐG kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT. Trong bản kế hoạch cần xác định một cách cụ thể những vấn đề sau:

+ Các nguyên tắc cơ bản mà hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh ở các nhà trường cần quán triệt là: Đảm bảo tính mục đích; đảm bảo tính khách quan; đảm bảo tính toàn diện; đảm bảo tính công bằng; đảm bảo tính công khai; đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng ở trong và ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động đánh giá.

+ Các mục tiêu kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT bao gồm: Thu thập những thông tin về quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT; xác định được mức độ kết quả đạt được trong thực tế của quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT; xác định được những vấn đề còn tồn tại của quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT; xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

+ Các nội dung cần đánh giá bao gồm: Mức độ và kết quả thực hiện các thành tố của quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN học sinh THPT.

- Trưởng Ban KT, ĐG kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT đệ trình kế hoạch KT, ĐG lên Ban Giám hiệu nhà trường xem xét, phê duyệt.

- Trưởng Ban KT, ĐG chỉ đạo các thành viên trong Ban tổ chức thực hiện hoạt động KT, ĐG theo kế hoạch đã xác định.

- Các thành viên trong Ban KT, ĐG xử lý những thông tin thu được từ hoạt động KT, ĐG, viết báo cáo tổng hợp và gửi lên Ban Giám hiệu.

- Hiệu trưởng phối hợp với các cơ quan có liên quan đảm bảo mọi điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện KT, ĐG kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT.

Hiệu trưởng chủ trì tổ chức Hội nghị với sự tham gia của nhiều lực lượng (trong và ngoài nhà trường) đánh giá hiệu quả của hoạt động KT, ĐG, trong đó cần chỉ rõ những vấn đề sau:

- + Những kết quả đạt được của hoạt động KT, ĐG.
- + Những vấn đề còn tồn tại của hoạt động KT, ĐG..
- + Nguyên nhân của những tồn tại trong hoạt động KT, ĐG.
- + Đề xuất, bình xét, khen thưởng những tổ chức, cá nhân đạt được những thành tích nổi bật trong quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT; bình xét, tuyên dương những tập thể, cá nhân học sinh có nhiều thành tích trong quá trình rèn luyện, tu dưỡng đạo đức.

- Ban Giám hiệu chỉ đạo Ban KT, ĐG công bố kết quả KT, ĐG với các bên có liên quan.

2.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Để biện pháp này có thể được thực hiện thuận lợi và hiệu quả cần có những điều kiện cơ bản sau:

- Cần có cơ chế chính sách hoàn thiện và các văn bản có liên quan đến quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT và hoạt động KT, ĐG quá trình này.
- Kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT được xây dựng một cách đầy đủ, chi tiết, phù hợp.
- Hệ thống các nguyên tắc kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ cho học sinh THPT mang tính phù hợp, đồng bộ.
- Ban KT, ĐG với các thành viên có năng lực kiểm tra, đánh giá và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động này.
- Cần có sự ủng hộ và tích cực tham gia của các lực lượng giáo dục ở trong và ngoài nhà trường.
- Các cơ chế thi đua khen thưởng liên quan đến quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT.
- Đảm bảo hệ thống cơ sở vật chất và nguồn kinh phí phục vụ cho quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT.

3.3. Mỗi quan hệ giữa các biện pháp

06 biện pháp GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong bối cảnh hiện nay là một hệ thống đa dạng và linh hoạt, không có biện pháp nào mang tính vạn năng, khi giải quyết một nhiệm vụ cụ thể, các cán bộ quản lý thường phải phối hợp nhiều biện pháp để quá trình GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT ngày càng đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, cán bộ quản lý lựa chọn hoặc kết hợp các biện pháp mang tính phù hợp. Mỗi biện pháp GDĐĐ cho học sinh THPT đều có chức năng, vai trò, tác dụng riêng về một mặt nào đó nhưng giữa chúng có mối liên hệ biện chứng chặt chẽ với nhau.

Trong các biện pháp được đề xuất, biện pháp thứ nhất *“Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với điều kiện thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam”* và biện pháp thứ 2 *“Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp”* là tiền đề cho tất cả các biện pháp khác, nó có tác dụng thúc đẩy các biện pháp tiếp theo đạt hiệu quả hơn. Bởi lẽ, trong bất cứ một quá trình hoạt động nào, kế hoạch được xây dựng một cách khoa học, phù hợp cộng với chủ thể thực hiện có năng lực họ sẽ có kiến thức, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về ý nghĩa của hoạt động thì sẽ nỗ lực hết mình trong việc thực hiện hoạt động đạt được chất lượng và hiệu quả tối ưu. Trong quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT cũng vậy, với việc các lực lượng giáo dục kiến thức, có nhận thức đầy đủ, đúng đắn về ý nghĩa và tầm quan trọng của GDĐĐ cho học sinh THPT, có năng lực tổ chức hoạt động sẽ là cơ sở giúp cho họ chủ động, tích cực tham gia vào quá trình này, tạo sức mạnh tổng thể cho quá trình này được thực hiện một cách thuận lợi và mang lại kết quả tốt.

Trên cơ sở có được năng lực tổ chức hoạt động, các lực lượng đảm nhiệm quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT cần tăng cường phát huy tính tích cực trong quá trình tự giáo dục của học sinh Trung học phổ thông.

Để thực hiện hiệu quả quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT, các trường phổ thông cần phát huy tốt vai trò chủ đạo của mình trong việc tổ chức phối hợp hiệu quả các lực lượng giáo dục trong GDĐĐ cho học sinh THPT.

Sau mỗi giai đoạn thực hiện GDĐĐ cho học sinh THPT, để có thể nắm bắt được những thông tin về kết quả của quá trình này, các lực lượng giáo dục cần phối hợp với nhau thực hiện một cách toàn diện, thường xuyên quá trình kiểm tra, đánh giá, xác định rõ những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn ở của quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT, trên cơ sở đó, nghiên cứu, áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm nâng cao chất lượng của quá trình GDĐĐ cho học sinh THPT ở những giai đoạn tiếp theo.

3.4. Khảo nghiệm tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp đề xuất

* Mục đích khảo nghiệm: Nhằm khẳng định tính cấp thiết và mức độ khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở các trường phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

* Đối tượng khảo nghiệm

Chúng tôi đã tiến hành xin ý kiến đánh giá các biện pháp đề xuất trên 135 người, bao gồm 45 CBQL, 90 GV của 9 trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm tỉnh Đồng Nai, Bình Dương thành phố Hồ Chí Minh.

* Nội dung khảo nghiệm

Tính cấp thiết và tính khả thi của 6 biện pháp quản lý hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

* Phương pháp khảo nghiệm

Khảo nghiệm được tiến hành thông qua phiếu hỏi. Sau đó, chúng tôi tiến hành tổng hợp các ý kiến thu được.

* Cách tính điểm

- Cấp thiết/Khả thi: 3 điểm.
- Ít cấp thiết/Ít khả thi: 2 điểm.
- Không cấp thiết/Không khả thi: 1 điểm.

Kết quả khảo nghiệm

Kết quả khảo sát về tính cấp thiết của các biện pháp được trình bày ở bảng 3.1. về mức độ khả thi của các biện pháp được trình bày ở bảng 3.2.

**Bảng 3.1. Đánh giá về tính cấp thiết của các biện pháp quản lý GDĐĐ
thông qua HĐTN cho HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

Biện pháp	Nhóm đánh giá	Tính cấp thiết					
		Không cấp thiết		Ít cấp thiết		Cấp thiết	
		SL	%	SL	%	SL	%
1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CBQL	0	0.0	9	20	36	80
	GV	0	0.0	15	16.66	75	83.33
2. Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp	CBQL	0	0.0	3	6.66	42	93.33
	GV	0	0.0	5	5.55	85	94.44
3. Phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT	CBQL	0	0.0	5	11.11	40	88.88
	GV	0	0.0	13	14.44	77	85.55
4. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	CBQL	0	0.0	8	17.77	37	82.22
	GV	0	0.0	12	13.33	78	86.66
5. Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho HS THPT	CBQL	0	0.0	7	15.55	38	84.44
	GV	0	0.0	12	13.33	78	86.66
6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT	CBQL	0	0.0	10	22.22	35	77.77
	GV	0	0.0	20	22.22	70	77.77

**Bảng 3.2. Đánh giá về mức độ khả thi của các biện pháp quản lý GDĐĐ
thông qua HĐTN cho HS THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam**

Biện pháp	Nhóm đánh giá	Mức độ khả thi					
		Không khả thi		Ít khả thi		Khả thi	
		SL	%	SL	%	SL	%
1. Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	CBQL	0	0.0	5	11.11	40	88.88
	GV	0	0.0	10	11.11	80	88.88
2. Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp	CBQL	0	0.0	0	0	45	100
	GV	0	0.0	8	8.88	82	91.11
3. Phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT	CBQL	0	0.0	8	17.77	37	82.22
	GV	0	0.0	15	16.66	75	83.33
4. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT	CBQL	0	0.0	7	15.55	38	84.44
	GV	0	0.0	15	16.66	75	83.33
5. Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho HS THPT	CBQL	0	0.0	10	22.22	35	77.77
	GV	0	0.0	20	22.22	70	77.77
6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT	CBQL	0	0.0	9	20	36	80
	GV	0	0.0	22	24.44	68	75.55

Kết quả khảo sát ở bảng 3.1 và 3.2 như sau:

Hầu hết các biện pháp luận án đề xuất đều được trên 80% cán bộ quản lý, GV đánh giá ở mức độ cấp thiết và có tính khả thi. Tuy nhiên sự đánh giá ở từng biện pháp có sự khác biệt. Cụ thể:

Đứng ở vị trí số 1 là biện pháp 2: “*Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp*”, có 93.33% CBQL và 94,44% GV đánh giá cấp thiết và 100% CBQL và 91,11% GV đánh giá là khả thi.

Kết quả này cho thấy việc tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực GD đạo đức thông qua HĐTN cho đội ngũ CBQL, GV các nhà trường là điều quan trọng, nó quyết định tới chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục đạo đức cho HS. Bởi, nếu đội ngũ CBQL, GV kiến thức và kỹ năng tổ chức HĐTN hạn chế, thì sẽ khó khăn trong việc thiết kế các hoạt động, lựa chọn chủ đề và cách thức tổ chức cho thể không phù hợp với HS và điều kiện thực tiễn của địa phương, hình thức hoạt động đơn điệu, hoạt động sẽ không mang lại hiệu quả cao.

Thực tế hiện nay, theo chương trình giáo dục phổ thông mới, “hoạt động trải nghiệm” là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12. Thời điểm hiện tại, hầu hết các trường phổ thông đều quan tâm đến việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Thế nhưng hầu hết các trường phổ thông đều cảm thấy bị động, bối rối và gặp khó khăn khi thực hiện. Các giáo viên hầu như chưa được đào tạo để thực hiện tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS một cách khoa học. Do đó, việc xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn giáo viên làm công tác giáo dục đạo đức để họ nắm chắc mục đích, ý nghĩa, các yêu cầu và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm là yếu tố cốt lõi trong giai đoạn hiện nay là vô cùng quan trọng. Chính vì nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động này, nên CBQL, GV các trường PT liên cấp vùng KTTĐPN đều đánh giá cao tính cấp thiết và khả thi của biện pháp này.

Đứng ở vị trí thứ 2 là biện pháp 1 và biện pháp 3: Ở biện pháp 1 “*Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam*”, có 80% CBQL và 83,33% GV đánh giá là cấp thiết và 88.88 % CBQL. GV đánh giá khả thi. Có thể thấy việc lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cũng có vai trò quan trọng trong việc xác định cụ thể hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN. CBQL, GV đều cho rằng, nếu nắm được kế hoạch đầy đủ và cách thức xây dựng chủ đề giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS thì sẽ giúp cho việc lựa chọn hình thức và tổ chức HĐTN

cho HS hiệu quả. Vì thế CBQL và GV đều đánh giá cao tính cấp thiết và khả thi của biện pháp này. Chúng tôi cũng cho rằng, việc đề xuất biện pháp lập kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT phù hợp với điều kiện thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam hiện nay là rất quan trọng và cần thiết và biện pháp này có tính khả thi. Với biện pháp 3: “Tổ chức phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT”, có 88.88 % CBQL và 85.55% GV đánh giá là cấp thiết và 82.22% CBQL, 83.33% GV cho là có tính khả thi.

Kết quả trên chứng tỏ biện pháp xây dựng cơ chế tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục cùng tham gia và điều hành hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh là biện pháp cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS trong nhà trường và biện pháp này có tính khả thi.

Biện pháp CBQL, GV cho rằng mức độ cấp thiết thấp nhất trong số 6 biện pháp đề xuất là biện pháp 6: “Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS”, với 77.77% CBQL, GV đánh giá về tính cấp thiết và 80% CBQL, 75.55% GV cho rằng có tính khả thi.

Có thể thấy kiểm tra, đánh giá trong quản lý có vai trò rất quan trọng trong thu thập thông tin phản hồi để điều chỉnh hoạt động nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trong gia đoạn tiếp theo. Trong quản lý giáo dục đạo đức thông qua HĐTN thì hoạt động này cũng được đánh giá là cấp thiết và khả thi, nhưng so với các nội dung khác thì nội dung này mức độ đánh giá thấp hơn.

3.5. Thử nghiệm sư phạm biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

3.5.1. Mục đích thử nghiệm

Nhằm đánh giá hiệu quả, sự hợp lý và khả thi của biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh trung học phổ thông ở các trường phổ thông liên cấp vùng KTTĐPN mà luận án đề xuất.

Tuy nhiên do điều kiện về thời gian nên trong phạm vi đề tài luận án chúng tôi chỉ tiến hành thử nghiệm biện pháp 2 “Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp”. Đây là biện pháp kết quả khảo nghiệm được CBQL, GV đánh giá mức độ cấp thiết và tính khả thi cao nhất trong 6 biện pháp tác giả luận án đề xuất.

3.5.2. Đối tượng và địa bàn

Thực nghiệm đã được tiến hành tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Trương Vĩnh Ký, Thành phố Hồ Chí Minh, Đối tượng thử nghiệm gồm cán bộ quản lý (tổ trưởng chuyên môn; tổ giáo dục - chủ nhiệm); cán bộ đoàn TNCSHCM và giáo viên chủ nhiệm lớp khối Trung học phổ thông, tổng số 35 người.

3.5.3. Nội dung thực nghiệm

Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp. Với biện pháp này cụ thể gồm các nội dung:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng kiến thức, kỹ năng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS của đội ngũ CBQL, GV.
- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng.
- Triển khai hoạt động bồi dưỡng.
- Đánh giá kết quả bồi dưỡng.

3.5.4. Thời gian tiến hành thử nghiệm: Từ tháng từ ngày 15 tháng 8 đến ngày 25 tháng 12 năm 2018.

3.5.5. Tiến hành thử nghiệm

Tác giả luận án làm việc với Ban Giám hiệu trường Tiểu học, THCS, THPT Trương Vĩnh Ký, thành phố Hồ Chí Minh đề xuất việc tiến hành thử nghiệm biện pháp của luận án (cụ thể tiến hành bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV nhà trường). Sau khi được sự đồng ý của BGH, tác giả luận án thống nhất với BGH nhà trường về nội dung và đối tượng, thời gian thử nghiệm.

- Tiến hành khảo sát đánh giá mức độ kiến thức, kỹ năng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN của đối tượng thử nghiệm.

- Xác định các hình thức bồi dưỡng bao gồm:

+ Tự bồi dưỡng: Bằng cách cung cấp tài liệu cho đối tượng thử nghiệm, yêu cầu tự đọc, tự nghiên cứu (từ 15/8 đến 15/9/2018).

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn: Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 01 buổi/tuần với nhóm đối tượng thử nghiệm với nội dung về các kiến thức và kỹ năng về giáo dục đạo đức, về tổ chức HĐTN cho học sinh, thông qua các nội dung cụ thể với từng buổi sinh hoạt (từ 15/9 đến 30/11), tổng số 10 buổi.

+ Mời chuyên gia tập huấn trực tiếp (03 ngày) với các nội dung cụ thể

Bảng 3.3. Kế hoạch tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS dành CBQL, GV trường tiểu học, THCS, THPT

Trương Vĩnh Ký

Thời gian	Công việc	Nội dung
Ngày 1 (20/12/2018).	Bồi dưỡng nâng cao nhận thức của CBQL, GV về tầm quan trọng của GDĐĐ cho HS, vai trò, chức năng của GV trong giáo dục đức cho HS - Bồi dưỡng kiến thức về giáo dục đạo đức, về hoạt động trải nghiệm.	- Các văn bản của Đảng nhà nước, luật, điều lệ nói về nhiệm vụ giáo dục đạo đức HS. - Vai trò của CBQL, GVCN giáo viên, các lực lượng giáo dục khác trong GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS. - Lí thuyết học tập trải nghiệm. - Giáo dục đạo đức thông qua mô hình học tập trải nghiệm của Kolb.
Ngày 2 (21/12/2018)	Kỹ năng giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh	- Quy trình xây dựng và tổ chức chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. - Kỹ năng tổ chức hoạt động GD đạo đức thông qua HĐ trải nghiệm. - Kỹ năng xử lý tình huống trong GD đạo đức cho HS. - KN đánh giá học sinh, đánh giá kết quả hoạt động.
Ngày 3 (22/12/2018)	Thực hành thiết kế và tổ chức chủ đề giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS	Chia nhóm thực hành với các nội dung: - Thiết kế 1 chủ đề GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS. - Thực hành tổ chức 1 chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. - Trao đổi, thảo luận, đánh giá.

Công cụ đo lường kết quả

Để đánh giá tác động của các biện pháp quản lí giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm là thể hiện qua việc so sánh kết quả bồi dưỡng giáo viên trước và sau thử nghiệm. Sản phẩm chính của khóa bồi dưỡng chính là nhận thức, thái độ của CBQL, Giáo viên về vai trò của giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS. Bản kế hoạch tổ chức một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Chính vì vậy, nghiên cứu này tiến hành chấm bản kế hoạch trước và sau thử nghiệm của từng giáo viên để đánh giá hiệu quả của các biện pháp tác động. Xem nội dung bài kiểm tra trước và sau thử nghiệm trong của luận án này. Sau thử nghiệm, chuyên gia bồi dưỡng đã tổ chức các giáo viên đánh giá chéo giáo án của nhau và chấm theo thang điểm 10. Mỗi giáo viên chấm hai kế hoạch (một trước thử nghiệm và một sau thử nghiệm) của một giáo viên khác. Để đảm bảo độ tin cậy và khách quan, tất cả các bản kế hoạch của giáo viên được ẩn danh bằng cách chỉ ghi số báo danh lên bản kế hoạch để chuyên gia có thể nhận diện.

Để đánh giá tác động của các biện pháp quản lí giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm đến quá trình tham gia bồi dưỡng của các giáo viên, nghiên cứu đã xây dựng một phiếu hỏi để khảo sát, đánh giá nhận xét của giáo viên (

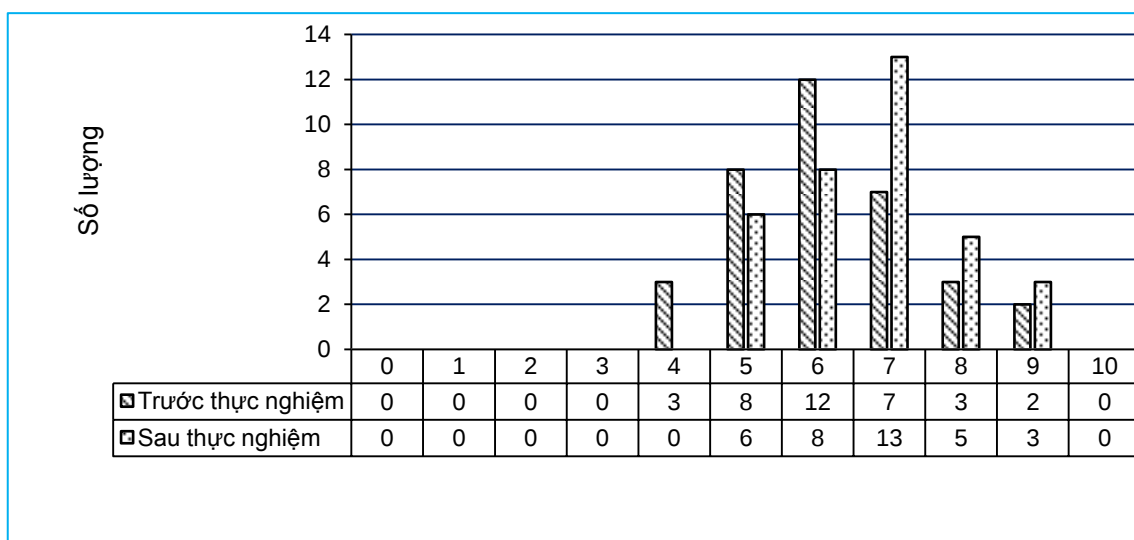
Phụ lục). Các câu hỏi được xây dựng theo thang Likert với 5 mức độ. Bộ câu hỏi được ẩn danh để đảm bảo độ tin cậy của dữ liệu thu thập.

Tất cả các phân tích dữ liệu diễn ra sau đó đã được thực hiện bằng phần mềm SPSS 22.0.

3.5.6. Kết quả thử nghiệm và thảo luận

3.5.6.1. Về kết quả

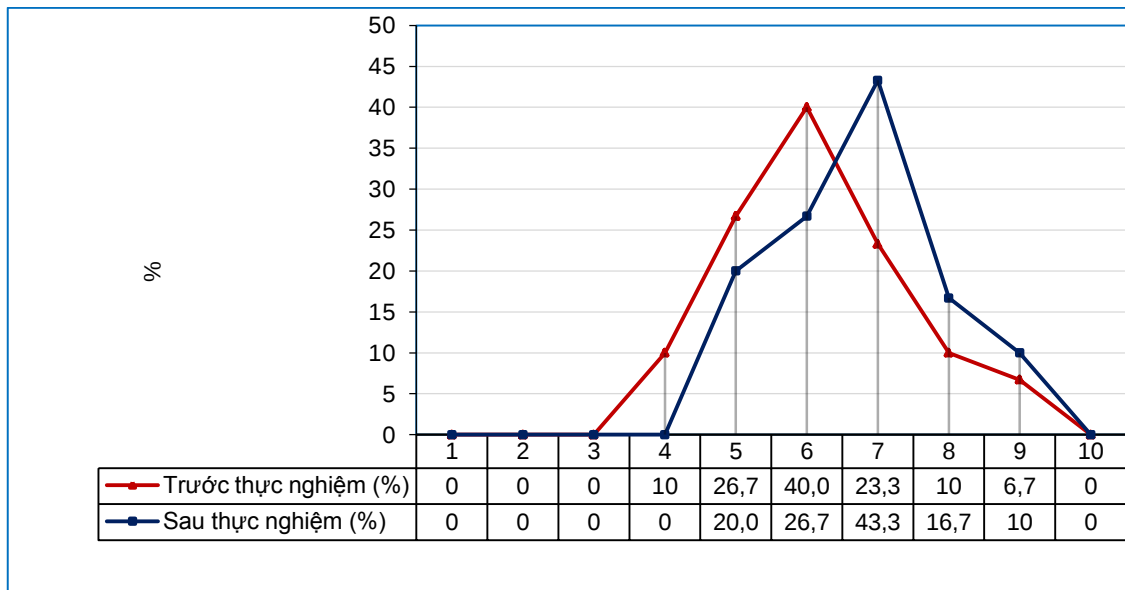
Sau khi tiến hành tập huấn bồi dưỡng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm, kết quả chấm điểm kế hoạch 01 chủ đề giáo dục đạo đức thông qua HĐTN của giáo viên được thể hiện trên biểu đồ 3.1.



Biểu đồ 3.1. Kết quả chấm điểm kế hoạch một chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS

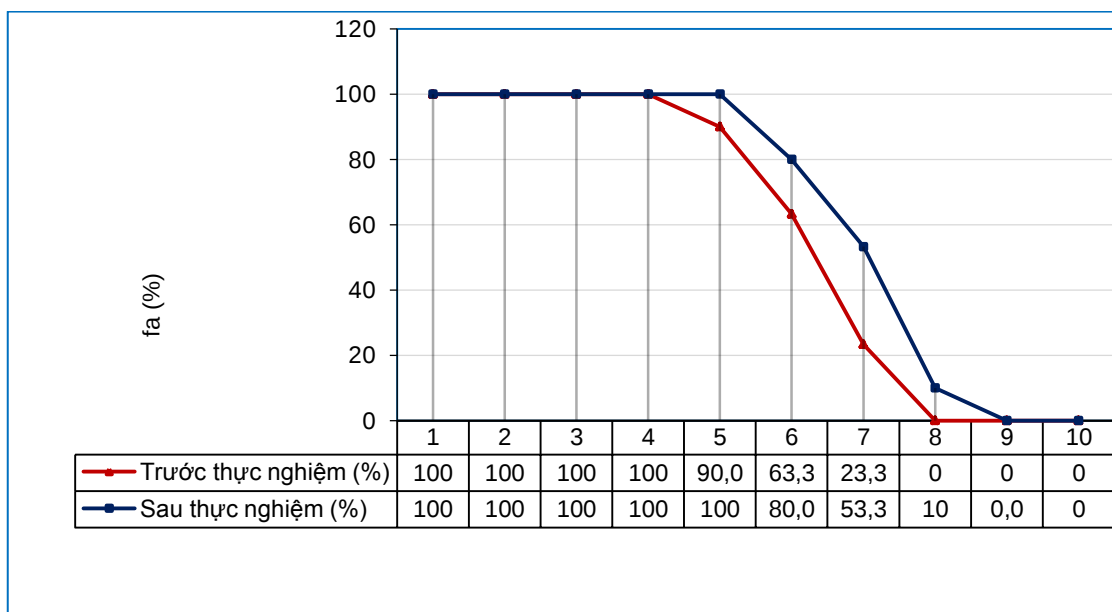
Kết quả biểu đồ 3.1 cho thấy, kết quả dữ liệu sau thử nghiệm (xét cho các điểm giỏi từ 7 trở lên) có tỉ lệ số lượng cao hơn hẳn so với nhóm đối chứng. Điểm trung vị (median) của dữ liệu sau thử nghiệm là 7, trong khi trung vị của dữ liệu trước thực nghiệm là 6. Như vậy, biện pháp thử nghiệm đã tác động tích cực đến kỹ năng thiết kế xây dựng chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS của giáo viên.

Biểu đồ tần suất f_i :



Biểu đồ 3.2. Đồ thị tần suất kết quả trước - sau thực nghiệm

Biểu đồ tần suất hội tụ tiến f_a :



Biểu đồ 3.3. Đồ thị tần suất hội tụ tiến kết quả trước - sau thực nghiệm

Theo đồ thị tần suất (biểu đồ 3.3), đường tần suất của dữ liệu sau thử nghiệm (từ điểm 7 trở lên) đều nằm phía trên, bên phải đường tần suất của dữ liệu trước thử nghiệm. Theo đồ thị tần suất hội tụ tiến (biểu đồ 3.3), đường tần suất hội tụ tiến của dữ liệu sau thử nghiệm cũng luôn nằm bên trên và phía phải đường tần suất hội tụ tiến của dữ liệu trước thử nghiệm. Điều đó cho thấy, kết quả điểm số của giáo viên

sau thử nghiệm cao hơn trước thử nghiệm. Tỷ lệ điểm khá, giỏi (từ 7 trở lên) sau thử nghiệm (53.3%) cao hơn so với lớp đối chứng (23.3%).

Một bài kiểm định “T-test” trong SPSS đã được thực hiện nhằm kiểm định giả thuyết về ý nghĩa giá trị trung bình của dữ liệu trước thử nghiệm và sau thử nghiệm. Giả thuyết H_0 là không có sự khác nhau về phương sai của hai tổng thể. Kết quả cho thấy, điểm số trung bình sau thử nghiệm (6.74 điểm) là cao hơn trước thử nghiệm (6.14 điểm). Độ lệch chuẩn của hai nhóm dữ liệu gần tương đương nhau cho thấy ý nghĩa của điểm trung bình.

Bảng 3.4. Kiểm định “T-test” về giá trị điểm trung bình trước - sau thử nghiệm**T-Test****Group Statistics**

	Mẫu	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean
Giáo án	Trước thực nghiệm	35	6.1429	1.28665	.21748
	Sau thực nghiệm	35	6.7429	1.17180	.19807

Independent Samples Test

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means				
		F	Sig.	t	df	Sig. (2-tailed)	95% Confidence Interval of the Difference	
							Lower	Upper
Giáo án	Equal variances assumed	.080	.778	-2.040	68	.045	-1.1869	-.01301
	Equal variances not assumed			-2.040	67.414	.045	-1.1870	-.01292

Trong kiểm định T-test, chúng ta cần dựa vào kết quả kiểm định sự bằng nhau của hai phương sai tổng thể bằng kiểm định Levene (Levene's Test for Equality of Variances). Phương sai diễn tả mức độ đồng đều hoặc không đồng đều (độ phân tán) của dữ liệu quan sát.

Kết quả kiểm định Levene cho thấy, giá trị “Sig. = 0.778 > 0.05” nên giả thuyết H_0 được chấp nhận, tức là không có sự khác nhau về phương sai của hai tổng thể. Do đó, chúng ta sử dụng kết quả “t-test for Equality of Means” ở dòng “Equal variances assumed”.

Kết quả của “Equal variances assumed” cho thấy, giá trị “Sig. = 0.045 < 0.05” là có sự khác biệt về giá trị trung bình của hai tổng thể mẫu.

Từ kết quả kiểm định trên có thể khẳng định hiệu quả của những tác động thử nghiệm là có ý nghĩa thống kê.

3.5.6.2. Về quá trình học tập

Những dữ liệu trả lời bảng hỏi “

Phụ lục ” của đã được kiểm nghiệm bằng phần mềm SPSS. Kết quả thống kê mô tả được thực hiện để đánh giá về sự phù hợp của các nội dung bồi dưỡng cho giáo viên.

**Bảng 3.5. Đánh giá về nội dung bồi dưỡng giáo dục đạo đức
thông qua hoạt động trải nghiệm**

Các nội dung bồi dưỡng	N	Mean	Std. Deviation
1. Phổ biến văn bản quy định về GD ĐĐ; Luật giáo dục; điều lệ nhà trường...Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông. Vị trí, vai trò của HĐTN trong phổ thông mới	35	4.00	0.87
2. Lí thuyết học tập trải nghiệm; Giáo dục đạo đức thông qua mô hình học tập trải nghiệm của Kolb; Chương trình HĐTN - hướng nghiệp đối với bậc THPT trong CT giáo dục phổ thông mới	35	3.94	0.84
3. Các vai trò, chức năng của CBQL, giáo viên, GVCN lớp trong GD ĐĐ thông qua HĐTN cho HS	35	4.03	0.79
4. Qui trình xây dựng và tổ chức chủ đề giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	35	4.17	0.66
5. Kỹ năng tổ chức hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN	35	4.00	0.73
6. Kỹ năng phối hợp các lực lượng trong GD đạo đức cho HS; KN xử lý tình huống trong GD đạo đức	35	3.94	0.80
7. Kỹ năng đánh giá kết quả GD đạo đức HS, đánh giá kết quả hoạt động	35	3.89	0.80

Với thang đo Likert 5 mức độ, điểm trung bình (mean) của tất cả các biến đều lớn hơn “3.4” (mức điểm phù hợp trở lên), độ lệch chuẩn không quá 1.00 điểm. Điều đó cho thấy những nội dung tác động được triển khai là rất phù hợp với các giáo viên làm công tác giáo dục đạo đức.

Một bài kiểm định Friedman đã được thực hiện để kiểm tra sự khác nhau về giá trị trung bình của các dữ liệu đánh giá quá trình bồi dưỡng giáo viên về một số biện pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm. Giả thuyết H_0 của kiểm định

Friedman là “giá trị trung bình của dữ liệu về những khó khăn hay thách thức khi quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm là không khác biệt”. Kết quả kiểm định Friedman Test cho thấy, giá trị “Sig. = 0.442” ($p > 0.05$) nên giả thuyết H_0 được chấp nhận, cho thấy không có sự khác nhau về điểm trung bình giữa các biến.

Bảng 3.6. Bảng Rank của kiểm định Friedman về điểm trung bình cho các nội dung bồi dưỡng giáo viên năng lực giáo dục đạo đức

Ranks	
Các nội dung bồi dưỡng	Mean Rank
1. Phổ biến văn bản quy định về GD ĐĐ; Luật giáo dục; điều lệ nhà trường... Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông. Vị trí, vai trò của HĐTN trong phổ thông mới	4.09
2. Lí thuyết học tập trải nghiệm; Giáo dục đạo đức thông qua mô hình học tập trải nghiệm của Kolb; Chương trình HĐTN - hướng nghiệp đối với bậc THPT trong CT giáo dục phổ thông mới	3.86
3. Các vai trò, chức năng của CBQL, giáo viên, GVCN lớp trong GD ĐĐ thông qua HĐTN cho HS	4.11
4. Quy trình giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	4.59
5. Kỹ năng tổ chức hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN	3.97
6. Kỹ năng phối hợp các lực lượng trong GD đạo đức cho HS; KN xử lý tình huống trong GD đạo đức	3.76
7. Kỹ năng đánh giá kết quả GD đạo đức HS, đánh giá kết quả hoạt động	3.63
Friedman Test: p-value = 0.442, Chi-Square = 5.832 (N = 35)	

Kết quả kiểm định Friedman cho thấy, các nội dung bồi dưỡng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm là có tác động như nhau (đồng đều) đến kết quả học tập của giáo viên.

Kết quả nhận định chung của giáo viên.

Bảng 3.7. Nhận định chung về kết quả bồi dưỡng

Nhận định chung về hoạt động bồi dưỡng					
		Frequency	Percent	Mean	Std. Deviation
Valid	Có thể áp dụng	9	25.7	4.09	0.78
	Hài lòng	14	40.0		

	Rất hài lòng	12	34.3		
	Total	35	100.0		

Tất cả các giáo viên tham gia hoạt động bồi dưỡng đều cho thấy sự hài lòng (mean = 4.09). Có 74.3% các ý kiến trả lời từ mức “Hài lòng” trở lên. Không có ý kiến nào “Không hài lòng” về hoạt động bồi dưỡng. Điều đó cho thấy sự hiệu quả của biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm đã được tiến hành thử nghiệm.

Để khẳng định thêm hiệu quả của hoạt động bồi dưỡng, chúng tôi tiến hành điều tra kết quả thông qua tự đánh giá của CBQL, GV về mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ trước và sau khi tham gia bồi dưỡng. Kết quả thu được như sau:

Bảng 3.8. Tự đánh giá của CBQL, GV về kết quả bồi dưỡng

Các tiêu chí đánh giá thử nghiệm	Tự đánh giá của giáo viên, %		Độ chênh lệch
	Trước BD	Sau BD	
<i>Nâng cao năng lực đội ngũ CBQL và GV thực hiện GD đạo đức thông qua HĐTN</i>			
+ Nhận thức về việc tham gia hoạt động giáo dục đạo đức cho HS là trách nhiệm của mọi CB, GV trong trường	71,6	96	24.4
+ Nhận thức về vai trò của giáo dục đạo đức trong việc phát triển toàn diện nhân cách học sinh	75,4	88,6	13.2
+ Nhận thức về giáo dục đạo đức có vai trò thúc đẩy các nhân phát triển	77,3	92,4	15.1
+ CB, GV có khả năng tự xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện GD đạo đức cho HS thông qua hoạt động trải nghiệm	56,6	90,5	33.9
+ GVCN chủ động phối hợp với gia đình, xã hội để GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS	66	88,6	22.6
+ Cán bộ các đoàn thể trong trường nắm bắt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, của chính quyền, của nhà trường về việc GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS.	73,5	100	26.5
<i>Năng lực sư phạm</i>			
+ Giáo viên có năng lực tổ chức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh	68	90,5	22.5
+ Giáo viên có năng lực thiết kế chủ đề giáo dục đạo đức qua hoạt động trải nghiệm cho HS	49	92,4	43.4
+ GV có năng lực ứng xử các tình huống trong giáo dục	68	85	17

Các tiêu chí đánh giá thử nghiệm	Tự đánh giá của giáo viên, %		Độ chênh lệch
	Trước BD	Sau BD	
đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.			
<i>Năng lực chuyên môn</i>			
+ Giáo viên có kiến thức khoa học về GD đạo đức và các kiến thức liên quan để lồng ghép GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh	60,3	86,7	26.4
+ Giáo viên có phương pháp tổ chức hoạt động GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	56,6	85	28.4
+ Giáo viên có tinh thần sáng tạo, khả năng đúc rút và phổ biến kinh nghiệm GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm	56,6	83	26.4
+ Giáo viên có khả năng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho mình và đồng nghiệp.	54,7	88,6	33.9
+ Giáo viên có khả năng nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục của mình	70	86,6	16.6
+ Giáo viên có khả năng nắm bắt đặc điểm tâm lý của HS, hiểu mục tiêu giáo dục đạo đức, hoạt động trải nghiệm có đủ và vững vàng kiến thức để thực hiện GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các khối lớp	73,5	90	16,5

Kết quả thử nghiệm ở bảng 3.8 đã cho thấy hiệu quả của việc áp dụng biện pháp quản lý *Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho CBQL và GV trường phổ thông liên cấp*. Sau khi thử nghiệm, kết quả của các tiêu chí đều tăng lên một cách rõ rệt. Mức độ chênh lệch thấp nhất là 13,2% và cao nhất là 43,4%.

Kết luận chương 3

Để khắc phục những bất cập và hạn chế trong việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở các trường phổ thông liên cấp vùng trọng điểm kinh tế phía Nam, luận án đã xây dựng các biện pháp quản lý nhằm khắc phục các bất cập và hạn chế đó. Các biện pháp tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến: Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với điều kiện thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam; Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp; Phối hợp các lực lượng trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT; Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT; Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho HS THPT; Chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS.

Các biện pháp đề xuất có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ nhau trong quản lý hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh THPT ở vùng trọng điểm kinh tế phía Nam có hiệu quả. Các biện pháp đề xuất cũng được tác giả luận án tổ chức khảo nghiệm về tính cấp thiết và mức độ khả thi và triển khai thử nghiệm biện pháp “Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp”;. Kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm cho thấy các biện pháp đề xuất là cấp thiết, khả thi và có tác động rất lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Giáo dục đạo đức là nhiệm vụ quan trọng của giáo dục ở trường phổ thông, góp phần hình thành phát triển toàn diện nhân cách cho học sinh, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

Nhiều công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước đã nghiên cứu về giáo dục đạo đức, GD đạo đức thông qua HĐTN và quản lý hoạt động giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh; về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục đạo đức; về nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức. Từ kết quả tổng hợp các nghiên cứu lí luận về giáo dục đạo đức luận án đã xây dựng những khái niệm khoa học về “hoạt động trải nghiệm”, “giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm”, “quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm”, phát triển mở rộng một số lí luận cơ bản để làm sáng tỏ về quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông.

Luận án xác định nội dung quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT bao gồm: Lập kế hoạch GDĐĐ thông hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT; Tổ chức thực hiện GDĐĐ thông hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT; Chỉ đạo triển khai GDĐĐ thông hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT; Kiểm tra, đánh giá GDĐĐ thông hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.

Đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng chủ quan và khách quan đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT như: (1) nhận thức của CBQL, GV về vai trò của GDĐĐ TN học sinh; (2) Năng lực chỉ đạo, quản lý của cán bộ quản lý; Năng lực tổ chức hoạt động GDĐĐ thông hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT của GV; ý thức thái độ của học sinh khi tham gia hoạt động; sự phối hợp các lực lượng giáo dục trong quá trình GD đạo đức cho HS. Môi trường giáo dục; xu thế hội nhập quốc tế...

Nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở 09 trường phổ thông liên cấp vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cho thấy: Hầu hết các trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Cán bộ quản lý nhà trường đã tổ chức triển khai có hiệu quả từ việc xây dựng bộ máy và phân công nhiệm vụ cho giáo viên, đến việc huy động cơ sở vật chất và tạo môi trường từ các

lực lượng giáo dục tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Tuy vậy, vẫn còn những tồn tại như: Đội ngũ giáo viên còn hạn chế về phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh; chưa xây dựng được kế hoạch chi tiết cụ thể cho hoạt động, cũng như chưa có những biện pháp tích cực trong việc quản lý, tổ chức, chỉ đạo hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh. Chưa xây dựng được các tiêu chí kiểm tra đánh giá, chưa có kế hoạch kiểm tra đánh giá hoạt động, việc kiểm tra đánh giá chưa thường xuyên; chưa động viên khen thưởng kịp thời. Đội ngũ giáo viên trong các nhà trường chưa được tập huấn nâng cao năng lực tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm; một số cán bộ, giáo viên còn thiếu trách nhiệm, thiếu sự nhiệt tình, khi thực hiện còn mang tính đối phó. Sự phối kết hợp giữa các giáo viên, giữa GVCN và GV bộ môn, Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường chưa chặt chẽ, chưa phát huy được tiềm năng của các lực lượng giáo dục.

Từ thực trạng Luận án đã đề xuất được 6 biện pháp bao gồm:

Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng KTTĐPN.

Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV trường phổ thông liên cấp.

Phối hợp các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT.

Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh, tích cực tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho HS.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT.

Các biện pháp đề xuất được tác giả luận án tổ chức khảo nghiệm về tính cấp thiết và mức độ khả thi và triển khai thử nghiệm biện pháp “Tổ chức bồi dưỡng năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp”. Kết quả khảo nghiệm và thử nghiệm cho thấy các biện pháp đề xuất là cấp thiết và khả thi góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Rà soát lại đề ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho bậc THPT một cách cụ thể.
- Xây dựng các quy định nội dung nghiệp vụ tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm là một trong những nội dung bồi dưỡng thường xuyên đối với đội ngũ GV.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

- Hàng năm chỉ đạo và cấp kinh phí bồi dưỡng để tập huấn cho các trường phổ thông nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và phương pháp cách thức tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT.
- Tăng cường công tác kiểm tra và xây dựng tiêu chí đánh giá hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh của các nhà trường.
- Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ quản lý, GV các nhà trường về tầm quan trọng của hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm trong việc hình thành nhân cách học sinh.
- Tổ chức hội thảo bàn về các vấn đề liên quan đến giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm. Nghe báo cáo kinh nghiệm của các đơn vị làm tốt.

2.3. Đối với BGH các trường phổ thông

- Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, đội ngũ giáo viên có đủ năng lực, trình độ tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.
- Nâng cao nhận thức cho cán bộ, GV, HS về vị trí và vai trò của hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm trong việc hình thành và phát triển toàn diện nhân cách HS.
- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm, lựa chọn nội dung phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.
- Đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, sách báo tài liệu cần thiết cho hoạt động giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS. Có chế độ hợp lý cho người phụ trách chính công tác này.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp, quan tâm đến công tác thi đua khen thưởng.

Chủ động kết nối với các tổ chức xã hội tại địa phương nơi trường đóng để phối hợp tổ chức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ

1. Mai Đức Thắng, Nguyễn Văn Hạnh (2017), “Moral Education through experience at high school in Ho Chi Minh city: a expert based evaluation (Giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm ở các trường phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh, một đánh giá dựa vào chuyên gia)", *Kỷ yếu hội thảo Quốc tế về đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông và giảng viên sư phạm*, tháng 11/2017.
2. Mai Đức Thắng (2018), "Management measures for moral education through experience for high school students at ho chi minh city in the current context: an expert based evaluation (Các biện pháp quản lý giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm cho học sinh phổ thông tại thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hiện nay: Một đánh giá dựa vào chuyên gia)", *Kỷ yếu hội thảo Quốc tế về những xu thế mới trong giáo dục*, tháng 07/2018.
3. Mai Đức Thắng (2019) “Một số vấn đề lý luận về quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh thông qua hoạt động trải nghiệm”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số kỳ 2 - tháng 09/2019.
4. Mai Đức Thắng (2019) “Những thách thức trong quản lý giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh phổ thông hiện nay”, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, số kỳ đặc biệt - tháng 10/2019.
5. Mai Đức Thắng (2019) “Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm trong nhà trường phổ thông tiếp cận từ vai trò nhà giáo dục”, *Tạp chí khoa học quản lý Giáo dục - Trường cán bộ quản lý giáo dục Tp.HCM*, số kỳ 3 (23) - tháng 09/2019.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Doãn Ngọc Anh (2015), “Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm của David A. Kolb vào dạy học môn Giáo dục học ở trường đại học sư phạm”, *Tạp chí Giáo dục*, số 360 tr. 53-55.
2. Nguyễn Thị Hoàng Anh (2011), *Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm trong giai đoạn hiện nay* với luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Lê Trọng Ân (2004), “Quan điểm của V.I.Lênin về đạo đức và văn hóa của giai cấp công nhân”, *Tạp chí Triết học*, số 6 (157).
4. A. G. Covaliop. NALialin (1969) *Cơ sở tâm lý học của đức dục*, NXB Giáo dục.
5. Đỗ Tuyết Bảo (2001), *Giáo dục đạo đức cho học sinh trường THCS tại thành phố Hồ Chí Minh trong điều kiện đổi mới hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 206tr.
6. Nguyễn Văn Bảy (2015), *Dạy học trải nghiệm và vận dụng trong đào tạo nghề Điện dân dụng cho lực lượng lao động nông thôn*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 210 tr.
7. Nguyễn Thanh Bình (2008), “Giáo dục kỹ năng sống dựa vào trải nghiệm”, *Tạp chí Giáo dục*, số 203 tr. 18-19, 15.
8. Bùi Ngọc Diệp (2015), “Hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông”, *Tạp chí Khoa học giáo dục* số 113, tr. 37.
9. Bộ giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT về Ban hành qui định chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông*, ngày 22 tháng 10 năm 2009.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT về Ban hành điều lệ trường THCS, trường THPT và trường THPT có nhiều cấp học*, ngày 28/3/2011.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT về Ban hành Qui chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và học sinh THPT*, ngày 12/12/2011.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.

14. Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Phúc (Đồng chủ biên) (2003), *Mấy vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Dewey, J. (1938, 1998 by Kappa Delta Pi), *Kinh nghiệm và giáo dục: The 60th Anniversary Edition*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn, NXB Trẻ năm 2011, Tp. Hồ Chí Minh.
16. Trần Minh Đoàn (2002), *Giáo dục đạo đức cho thanh niên học sinh theo tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học, Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 168tr.
17. Phạm Minh Hạc - Thái Duy Tuyên (Chủ biên), (11/2011), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
18. Phạm Minh Hạc (2011), “Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc đúc kết, xây dựng hệ tư tưởng giá trị chung của người Việt Nam”, *Tạp chí giáo dục* 63/2011, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Hữu Hợp, Nguyễn Thị Cúc (2014), *Bản chất và các mô hình của học tập dựa trên kinh nghiệm*, tạp chí Khoa học, trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Vol. 59, số 6, tr. 149-158.
20. Nguyễn Văn Hạnh (2017), *Dạy học Nghiệp vụ sư phạm dựa vào học tập trải nghiệm cho sinh viên đại học ngành Sư phạm kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 154tr + 36tr phụ lục.
21. Nguyễn Văn Hạnh (2015), “Triết lý giáo dục của John Dewey và vận dụng dạy học nghiệp vụ sư phạm trong bối cảnh giáo dục Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục và Xã hội của Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam*, số đặc biệt tháng 11/2015, tr. 13-16.
22. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại: lí luận - Biện pháp - Kỹ thuật*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
23. Đặng Thành Hưng (2010), “Bản chất của quản lí giáo dục”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 60 tháng 9, tr 6-9, Hà Nội.
24. Đặng Thành Hưng (2012), “Quan niệm đạo đức và giáo dục đạo đức trong nhà trường hiện đại”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 84 tháng 9/2012, tr. 6-11, Hà Nội.
25. Trần Minh Huế (2009), *Giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc cho sinh viên thông qua tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, *Tạp chí giáo dục* số 220, Tr 19, 20, 21.

26. Phan Quốc Huy (2011), “GDĐĐ cách mạng cho sinh viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Giáo dục*, (253), Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Hương (2012), “Từ lí thuyết kiến tạo đến mô hình học tập trải nghiệm và khả năng ứng dụng trong dạy học môn Giáo dục học”, *Tạp chí Giáo dục*, Số 291, tr. 27.
28. Trần Lưu Hoa (2018), *Quản lý hoạt động giáo dục kĩ năng sống thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học thành phố Hà Nội trong bối cảnh hiện nay*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục. Học viện Quản lý giáo dục.
29. Nguyễn Tùng Lâm (2003), *Phối hợp các phương pháp giáo dục nhằm khắc phục tình trạng yếu kém về đạo đức của học sinh THPT Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội, 176tr.
30. *Luật Giáo dục năm 2019*, của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
31. Phan Thanh Long (chủ biên) (2007), *Lí luận giáo dục*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
32. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Sĩ Thư (2012), *Quản lý giáo dục một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
33. Lê Mai Lan (2019), *Quản lý trường phổ thông liên cấp trong các doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục.
34. Hà Thị Kim Linh (2012), *Sử dụng trò chơi dân gian nhằm giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học miền núi Đông Bắc*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, 147tr.
35. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ quản lý giáo dục Trung ương I, Hà Nội, tr.31.
36. Bùi Văn Quân (2006), *Giáo trình quản lí giáo dục*, NXB ĐHSP Hà Nội
37. Hồ Chí Minh (1993), *Về đạo đức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. *Hồ Chí Minh về vấn đề giáo dục* (1990), NXB Giáo dục.
39. Võ Trung Minh (2015), *Giáo dục môi trường dựa vào trải nghiệm trong dạy học môn Khoa học ở tiểu học*, Luận án Tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
40. Phạm Sỹ Nam (2012), “Tổ chức hoạt động học tập trải nghiệm của học sinh - khâu then chốt trong tiến trình vận dụng lí thuyết kiến tạo vào dạy học ở trường phổ thông”, *Tạp chí khoa học giáo dục*, số 78, tr. 14-17.

41. Phan Duy Nghĩa (2014), “Dạy học buổi 2 theo hướng trải nghiệm, khám phá bài "Luyện tập về phép chia cho số có 2 chữ số" (Toán 4)”, *Tạp chí Giáo dục* Số 338 tr. 47-48.
42. Quyết định số 492/QĐ-TTG ngày 16/4/2009 về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội Vùng Kinh tế trọng điểm Phía Nam.
43. Phạm Thị Lệ Nhân (2015), *Quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo hướng xã hội hóa ở trường THPT Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
44. Nguyễn Minh Nguyệt (2012), “Giáo dục trải nghiệm di sản ở nhà trường phổ thông - hướng tiếp cận mới trong giáo dục truyền thống”, *Tạp chí Giáo dục*, số 297. tr. 28-30.
45. Phạm Thị Nga (2016), *Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh các trường Trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
46. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1998), *Giáo dục học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
47. Nguyễn Thị Hoàng Oanh (2011), *Xây dựng mô hình quản lý công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên trong các trường đại học sư phạm trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội, 212tr.
48. Trần Thị Tuyết Oanh (2011), *Giáo trình giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
49. Nguyễn Thanh Phú (2015), *Quản lý giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên trường cao đẳng sư phạm miền Đông Nam bộ*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
50. Hoàng Phê (chủ biên), (1988), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội - 1988.
51. Nguyễn Thế Kiệt (2012), *Mấy vấn đề về đạo đức học mác xít và xây dựng đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
52. Phan Văn Kha (2007), *Quản lý nhà nước về giáo dục*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
53. Reginald D. Chambault biên tập (1974), *John Dewey về giáo dục (John Dewey on Education)*, bản dịch của Phạm Anh Tuấn, NXB Trẻ năm 2012, tp. Hồ Chí Minh.

54. SDC, Helvetas Vietnam, Swisscontact (2002), *Sổ tay phương pháp luận dạy học của Chương trình Hỗ trợ LNXH*, Việt Nam.
55. Phan Thị Phương Thảo (2014), “Dạy học môn Toán ở trường phổ thông trên cơ sở tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá và phát hiện để học sinh tự lực tiếp cận kiến thức”, *Tạp chí Giáo dục* Số 345 tr. 44-45.
56. Nguyễn Xuân Thanh (2009), *Giáo dục lòng nhân nghĩa cho học sinh THPT trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 226tr.
57. Nguyễn Thị Thành, *Các biện pháp tổ chức HĐGDNG cho học sinh THPT; Luận án tiến sĩ giáo dục học*, 2005.
58. Lê Thị Thủy (2000), *Vai trò của đạo đức đối với sự hình thành nhân cách của HS ở các Trung tâm GDNN - GDTX Việt Nam trong điều kiện đổi mới hiện nay*, Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
59. Nguyễn Thị Thi (2017), *Quản lý giáo dục đạo đức cho học sinh trường trung học cơ sở Thành phố Hà Nội trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, Luận án Tiến sĩ Quản lý Giáo dục, Học viện Quản lý Giáo dục, 167tr + 48tr Phụ lục.
60. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 252/QĐ-TTg về Phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, ngày 13/2/2014, Hà Nội.
61. Lưu Thu Thủy (1995), *Qui trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh các lớp 4, 5 trường tiểu học*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Sư phạm - Tâm lý, Viện khoa học Giáo dục, 134tr, Hà Nội.
62. Nguyễn Thị Thủy (2015), “Vấn đề giáo dục đạo đức mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lí luận chính trị và Truyền thông của Học viện Báo chí và Tuyên Truyền*, số 3, ISSN: 1859-1485.
63. Đinh Thị Kim Thoa, *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường trung học*. Bộ Giáo dục - Tài liệu tập huấn 2015.
64. Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2019), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học Sư phạm.
65. K. Marx và Anghen, Toàn tập, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.34.
66. Thái Duy Tuyên (2009) *Tìm hiểu tư tưởng và phương pháp luận của Chủ tịch HCM*, Tạp chí giáo dục, số 205/2009, Hà Nội.
67. Từ điển Triết học (1986), NXB Tiến bộ Mát-xcơ-va.

68. Từ điển Bách khoa Việt Nam (2011), NXB Bách Khoa.
69. Viện khoa học giáo dục (1999), *Xã hội hóa giáo dục - nhận thức và hành động*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
70. Vũ Minh Tuấn (2012), *Giáo dục hành vi đạo đức cho học sinh các lớp 4 và 5 qua hoạt động ngoại khóa*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
71. Nguyễn Anh Tuấn (2008), *Những biện pháp giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam*. Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
72. Ilina. T. A (1979), *Giáo dục học (tập 1, 2 và 3)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
73. Hà Nhật Thăng (2005), *Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
74. Nguyễn Thị Thọ, Trần Đăng Sinh, (Đồng chủ biên) (2008), *Giáo trình đạo đức học*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
75. Hoàng Thị Tuyết (2012), “Đào tạo - dạy học theo quan điểm tích hợp: Chúng ta đang ở đâu?”, *Cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*.
76. Phạm Việt Vượng (2008), *Giáo dục học*, NXB Hà Nội, tr.206.
77. Phạm Thị Vui (2018), *Giáo dục đạo đức cho học sinh THPT ở các Trung tâm GDNN-GDTX trên địa bàn thành phố Hà Nội*, Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
78. Phan Thị Hồng Vinh, Trần Thị Tuyết Oanh, Từ Đức Văn, Vũ Lệ Hoa, Nguyễn Thị Tình, Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng (2017), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

Tiếng Anh

79. Baker, A.C., Jensen, P.J. and Kolb, D.A. (2002), *Conversational learning: an experiential approach to knowledge creation*, Greenwood Publishing Group.
80. Beard, C. and Wilson, J.P. (eds) (2002), *The power of experiential learning: a handbook for trainers and educators*, Kogan Page, London.
81. Catherine A. Broom, Ph.D. & Heesoon Bai, Ph.D. (2011), Exploring Deweyian Experiential Learning Pedagogy as Citizenship Development, *Journal of Global Citizenship & Equity Education*, Volume 1 Number 1.

82. Daugherty, J. (2015). Impact of Service-Learning Experiences in Culinary Arts and Nutrition Science. *Journal of Public Scholarship in Higher Education*, 5, 61-78.
83. Dawson, T. (1994). "Moral education: A review of constructivist theory and research". *Unpublished position paper, University of California at Berkeley, Berkeley, CA.*
84. Devine, S. (2006). What is moral education. *Information for Social Change*, (23).
85. Dewey, J. (1999). *Logic: The Theory of Inquiry*, 1938.
86. Gang, L. I. U., & Qing, L. I. U. (2016). "On the Management of Ideological and Moral Education of Middle School Students". *DEStech Transactions on Social Science, Education and Human Science*, (icaem).
87. Itin, C.M. (1999), "Reasserting the philosophy of experiential education as a vehicle for change in the 21st century", *Journal of Experiential Education*, 22(2), pp. 91-98.
88. Jacoby, B. (1996). Service-learning in today's higher education. *Service-learning in higher education: Concepts and practices*, 3-25. Jossey-Bass.
89. Jenkins, A., & Sheehey, P. (2011). A checklist for implementing service-learning in higher education. *Journal of Community Engagement and scholarship*, 4(2), 52.
90. Kolb, D.A. (1984), *Experiential learning: experience as the source of learning and Development*, Englewood Cliffs, New Jersey: Prentice-Hall.
91. Kolb, D. A., Boyatzis, R., & Mainemelis, C. (2001), *Experiential learning theory: Previous research and new directions*. In R. Sternberg & L. Zhang (Eds.), *Perspectives on cognitive learning, and thinking styles*: 228-247. Mahwah, NJ: Erlbaum.
92. Kolb, D. A & A. Y (2005), "Learning Styles and Learning Spaces: Enhancing Experiential Learning in Higher Education", *Academy of Management Learning & Education*, Vol. 4, No. 2 (Jun., 2005), pp. 193-212.
93. Kolb, A. Y., Kolb, D. A., Passarelli, A., & Sharma, G. (2014). "On Becoming an Experiential Educator The Educator Role Profile". *Simulation & Gaming*, 45(2), 204-234.
94. Ma, Z. (2010). "Exploration into Construction of Moral Education in Colleges and Universities in a New Period". *Asian Social Science*, 6(7), 65.

95. Maisarah Mohamed Saat (2014), "Using Experiential Learning in Teaching Business Ethics Course", *The Clute Institute International Academic Conference*, Munich, Germany.
96. Malinen, A. (2000), *Towards the Essence of Adult Experiential Learning: A Reading of the Theories of Knowles, Kolb, Mezirow, Revans and Schon*, University of Jyväskylä, Finland.
97. Markie, P. (2004), "Rationalism vs. Empiricism", *Stanford Encyclopedia of Philosophy*, Retrieved from <https://plato.stanford.edu/entries/rationalism-empiricism>.
98. Mary Breunig (2005), "Turning Experiential Education and Critical Pedagogy Theory into Praxis", *Journal of Experiential Education*, Volume 28, No.2, pp.106-122.
99. Nord, W. A., & Haynes, C. C. (1998). *Taking religion seriously across the curriculum*. ASCD. <http://www.ascd.org/publications/books/198190/chapters/Moral-Education.aspx>
100. Passarelli, A. M., & Kolb, D. A. (2012). Using experiential learning theory to promote student learning and development in programs of education abroad. *Student learning abroad: What our students are learning, what they're not, and what we can do about it*, 137-161.
101. Piaget, J. (2000). Piaget's theory of cognitive development. *Childhood cognitive development: The essential readings*, 33-47.
102. RMC Research Corporation for Learn and Serve America's National Service-Learning Clearinghouse (2009). "*K-12 Service-Learning Project Planning Toolkit*". Retrieved from (04/09/2017): https://www.ffa.org/sitecollectiondocuments/lts_servicelearningtoolkit.pdf
103. Ryan, K., Bohlin, K. E., & Thayer, J. O. (1996). "Character education manifesto". *Center for the Advancement of Ethics and Character, Boston University School of Education*.
104. Strain, C. R. (2005). Pedagogy and practice: Service-learning and students' moral development. *New Directions for Teaching and Learning*, 2005(103), 61-72.
105. Study skills advice sheet - University of Worcester, revised 2016. Retrieved from http://www.worcester.ac.uk/studyskills/documents/Le-arning_Journals_2016.pdf

106. Svinick, M. D., & Dixon, N. M. (1987), "The Kolb Model modified for classroom activities", *College Teaching*, Vol. 35, No. 4, pp. 141-146.
107. UNESCO (2002). *Teaching and Learning for a Sustainable Future*. Paris, France: United Nations Educational, Scientific, Cultural Organization. Educating for a Sustainable Future. Prepared for UNESCO by Griffith University, Australia. Retrieved from <http://unesdoc.unesco.org/images/0014/001410/141019e.pdf>.
108. Watson, M. (2008). Developmental discipline and moral education. *Handbook of moral and character education*, 175-203.
109. Wilson, J. (2000). Methodology and moral education. *Oxford Review of Education*, 26(2), 255-262.
110. Yamazaki, Y., Murphy, V., & Puerta, M. (2002), *Learning styles and learning skills in higher education: An empirical study of their relationship using Kolb's experiential learning theory*, Working paper, Department of Organizational Behavior, Case Western Reserve University.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên trường phổ thông liên cấp)

Với mong muốn tìm hiểu thực trạng việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường phổ thông liên cấp hiện nay, xin Thầy (Cô) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những câu hỏi dưới đây.

Những ý kiến đóng góp của Thầy (Cô) chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học, không sử dụng vào mục đích khác.

=====***=====

I. THÔNG TIN CHUNG

- Chức vụ công tác?

- Có tham gia công tác chủ nhiệm lớp không? ☐ Có ☐ Không

II. THÔNG TIN ĐIỀU TRA

Câu 1: Thầy cô hãy đánh giá việc mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nơi trường Thầy/ cô công tác

Stt	Mục tiêu	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Cung cấp cho học sinh tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức			
2	Giúp học sinh THPT có xúc cảm tình cảm tích cực, thái độ phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay...			
3	Hình thành và phát triển ở học sinh hành vi đạo đức, thói quen đạo đức, phù hợp với các chuẩn mực xã hội			

Câu 2. Thầy cô hãy đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.			
2.	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3.	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
4.	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người			
5.	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiện nguyện			
6.	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7.	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8.	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập			
9.	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10.	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11.	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			
12.	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt			
13.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống			
14.	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân			
15.	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			
16.	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình			
17.	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình			
18.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19.	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật			
20.	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên			

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
	nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21.	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 3: Thầy cô hãy đánh giá mức độ sử dụng phương pháp giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nơi trường Thầy/ cô công tác

Stt	Phương pháp	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Giảng giải			
2	Nêu gương			
3	Giao việc			
4	Luyện tập			
5	Rèn luyện			
6	Trách phạt			
7	Khen thưởng			
8	Thi đua			

Câu 4: Thầy cô hãy đánh giá việc mức độ thực hiện các hình thức giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nơi trường Thầy/ cô công tác

Stt	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Hình thức có tính khám phá			
1.1	<i>Tham quan, dã ngoại</i>			
1.2	<i>Trải nghiệm thực địa</i>			
2	Hình thức có tính thể nghiệm tương tác			
2.1	<i>Tổ chức trò chơi;</i>			
2.2	<i>Tổ chức diễn đàn</i>			
2.3	<i>Sân khấu tương tác</i>			

Stt	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
2.4	Hội thi/cuộc thi			
2.5	Tổ chức sự kiện			
2.6	Hoạt động giao lưu			
3	Hình thức có tính chất công hiến			
3.1	Hoạt động chiến dịch, tình nguyện			
3.2	Hoạt động nhân đạo, từ thiện			
4	Hình thức có tính nghiên cứu			
4.1	Hoạt động câu lạc bộ			
4.2	Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật			

Câu 5. Thầy cô hãy đánh giá tầm quan trọng của các lực lượng tham gia GDDĐ thông HDTN cho HS THPT

TT	Các lực lượng	Mức độ đánh giá (%)			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
I	Các lực lượng bên trong nhà trường				
1	Cán bộ quản lý				
2	GV chủ nhiệm				
3	GV bộ môn				
4	Đoàn thanh niên CSHCM				
5	Hội phụ huynh				
II	Các lực lượng bên ngoài nhà trường				
6	Gia đình				
7	Hội cựu chiến binh				
8	Hội khuyến học				
9	Hội phụ nữ				
10	Cấp uỷ, chính quyền địa phương				
11	Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất				

Câu 6: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng kiến thức, kỹ năng GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS THPT của GV trường nơi Thầy/Cô công tác

TT	Nội dung	Mức độ đánh giá		
		Đáp ứng tốt	Đáp ứng một phần	Chưa đáp ứng
1	Kiến thức			
1.1.	Kiến thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục đạo đức cho HS			
1.2.	Kiến thức về nội dung, chương trình; phương pháp, hình thức hoạt động trải nghiệm ở trường THPT			
2	Kỹ năng			
2.1.	Kỹ năng lập kế hoạch tổ chức hoạt động (<i>Kỹ năng đặt tên cho hoạt động; xác định mục tiêu hoạt động; xây dựng nội dung hoạt động; lựa chọn phương pháp, phương tiện; hình thức tổ chức hoạt động</i>).			
2.2	Kỹ năng tổ chức thực hiện hoạt động gồm: KN giao việc; hướng dẫn; thúc đẩy; điều khiển, điều chỉnh			
2.3.	Kỹ năng ứng xử, xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động			
2.4	Kỹ năng thuyết phục, động viên học sinh.			
2.5	Kỹ năng giám sát, đánh giá hoạt động			

Câu 7: Qua theo dõi, thầy (cô) nhận thấy học sinh THPT ở trường thầy/ cô đã có những biểu hiện/ hành vi nào dưới

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.			
2	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người			
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nhiên.			

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.			
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.			
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.			
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.			
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			
16	Hiểu và biết làm tròn bốn phận với người thân và gia đình.			
17	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.			
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi kỷ luật, vi phạm pháp luật.			
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 8. Đánh giá Thầy/Cô về thực trạng lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường Thầy/Cô công tác

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Phân tích, đánh giá thực trạng đạo đức và giáo dục đạo đức học sinh của nhà trường.			
2	Xác định mục tiêu GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, mục tiêu giáo dục đạo đức, mục tiêu hoạt động trải nghiệm nói riêng.			
3	Xác định nội dung GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội, đặc điểm tâm sinh lý học sinh, điều kiện với thực tế nhà trường và có tính khả thi.			
4	Xác định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục			
5	Xác định lực lượng tham gia giáo dục đạo đức cho học sinh, thiết lập các điều kiện bảo đảm cho kế hoạch được thực hiện.			
6	Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS toàn trường			
7	Kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo đơn vị khối, lớp			
8	Kế hoạch GDĐĐ cho HS tổ chức theo chủ đề			
9	Kế hoạch GDĐĐ cho HS thông qua hình thức sinh hoạt dưới cờ			
10	Kế hoạch GDĐĐ cho HS thông qua hình thức tổ chức Câu lạc bộ			

Câu 9: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng tổ chức thực hiện GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh THPT ở trường Thầy/Cô công tác

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Lựa chọn, xác định đơn vị/cá nhân chủ trì, các đơn vị/cá nhân phối hợp triển khai hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo quy định			
2	Phân công nhiệm vụ cụ thể cho tập thể/cá nhân thực hiện nhiệm vụ GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS, phân cấp quản lý và quy định cơ chế phối hợp.			
3	Tổ chức huy động các nguồn lực để thực hiện đầu tư phương tiện hỗ trợ GDĐĐ HS thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS			
4	Xây dựng môi trường tâm lý nhà trường thân thiện, lành mạnh tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động GD đạo đức thông qua HĐTN cho HS			
5	Mời báo cáo viên thực hiện kế hoạch bồi dưỡng cho GV nội dung, cách thức tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.			
6	Xác định cụ thể các loại hình tổ chức HĐTN để GD đạo đức cho HS			

Câu 10: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng chỉ đạo triển khai giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT nơi trường Thầy/Cô công tác

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Chỉ đạo tổ chức tuyên truyền cho đội ngũ CBQL, GV, cha mẹ HS và các lực lượng GD khác, nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của mình trong GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS			
2	Chỉ đạo triển khai giáo dục GDĐĐ cho HS toàn trường theo kế hoạch đã xây dựng với các hình thức: Sinh hoạt dưới cờ; sinh hoạt theo chủ đề; câu lạc bộ			

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
3	Chỉ đạo GVCN thực hiện các nội dung GD Đ Đ thông qua giờ sinh hoạt lớp, sinh hoạt theo chủ đề; thông qua hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ của lớp.			
4	Chỉ đạo GV bộ môn thực hiện lồng ghép hoạt động GDĐĐ qua các môn học và phối hợp với GV chủ nhiệm lớp tham gia tổ chức các hoạt động GDĐĐ			
5	Chỉ đạo hoạt động của Đoàn TNCSHCM tổ chức GDĐĐ cho HS theo các chủ đề hoạt động, theo phạm vi toàn trường, theo khối, các nội dung hoạt động theo hình thức sinh hoạt dưới cờ.			
6	Chỉ đạo tăng cường khai thác, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trong tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS			
7	Chỉ đạo phối hợp với gia đình và các lực lượng bên ngoài nhà trường GDĐĐ thông qua HĐTN cho học sinh			

Câu 11: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh THPT ở trường nơi Thầy/Cô công tác

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch hoạt động theo từng học kì, tháng, tuần.			
2	Kiểm tra đánh giá GV sau khi tham gia HĐ bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS			
3	Đánh giá hoạt động GVCN qua kế hoạch GDĐĐ thông qua HĐTN; qua dự giờ tổ chức sinh hoạt lớp; qua các hoạt động sinh hoạt theo chủ đề			
4	Kiểm tra, đánh giá kết quả GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS của Đoàn thanh niên qua báo cáo, kiểm tra thực tế, và thông qua nhận xét, đánh giá của cấp trên			
5	Kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất trong quá trình tổ chức GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.			

TT	Nội dung	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
6	Tuyên dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS.			
7	Nhắc nhở, phê bình những cá nhân chưa thực hiện tốt GDĐĐ thông qua HĐTN cho HS theo kế hoạch			
8	Tham gia nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm thực hiện phối hợp các lực lượng giáo dục.			

Câu 112: Đánh giá của Thầy/Cô về thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nơi trường Thầy/Cô công tác

TT	Các yếu tố ảnh hưởng	Mức độ			
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Chất lượng và năng lực chỉ đạo của cán bộ quản lý				
2	Chất lượng và năng lực giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh của GV, đặc biệt là GV chủ nhiệm lớp				
3	Ý thức, thái độ tích cực hoạt động của học sinh				
4	Môi trường kinh tế, văn hóa - xã hội của địa phương				
5	Ảnh hưởng từ giáo dục gia đình				
6	Sự phối kết hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường trong giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh				

Xin chân thành cảm ơn Thầy/Cô!

Phụ lục 2:

PHIẾU ĐIỀU TRA
(Dành cho phụ huynh học sinh)

Với mong muốn tìm hiểu thực trạng việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường phổ thông liên cấp hiện nay, xin Ông (Bà) vui lòng cho biết ý kiến của mình về những câu hỏi dưới đây.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên
- Nghề nghiệp
- Là phụ huynh học sinh lớp Trường

II. THÔNG TIN ĐIỀU TRA

Câu 1: Theo Ông/Bà mục tiêu giáo dục đạo đức cho con mình là gì, ông bà có thường thực hiện những mục tiêu dưới đây không?

Stt	Mục tiêu	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Cung cấp cho học sinh tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức			
2	Giúp học sinh THPT có xúc cảm tình cảm tích cực, thái độ phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay...			
3	Hình thành và phát triển ở học sinh hành vi đạo đức, thói quen đạo đức, phù hợp với các chuẩn mực xã hội			

Câu 2. Ông/Bà có thường xuyên giáo dục cho con mình những nội dung dưới đây không (đánh dấu vào mức độ phù hợp với Ông/Bà)

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.			
2.	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3.	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
4.	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người			
5.	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện			
6.	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7.	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8.	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.			
9.	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10.	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11.	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			
12.	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.			
13.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.			
14.	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.			
15.	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			
16.	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.			
17.	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.			
18.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19.	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.			
20.	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21.	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 3: Khi tiến hành giáo dục đạo đức cho con mình, ông bà thường sử dụng những phương pháp nào, mức độ thực hiện

Stt	Phương pháp	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Giảng giải			
2	Nêu gương			
3	Giao việc			
4	Luyện tập			
5	Rèn luyện			
6	Trách phạt			
7	Khen thưởng			
8	Thi đua			

Câu 4: Qua theo dõi, Ông/Bà nhận thấy con mình đã có những biểu hiện/ hành vi nào dưới

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.			
2	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người,			
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện.			
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.			
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt.			
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống.			
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân.			
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			
16	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình.			
17	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình.			
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.			
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 5: Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho học sinh, theo Ông, bà gia đình, nhà trường, xã hội cần làm gì?

Gia đình.....

Nhà trường.....

Xã hội....

Xin chân thành cảm ơn Ông/Bà!

Phụ lục 3

PHIẾU ĐIỀU TRA

(Dành cho học sinh trung học phổ thông)

Với mong muốn tìm hiểu thực trạng việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT ở trường phổ thông hiện nay, xin Mong em vui lòng cho biết ý kiến của mình về những câu hỏi dưới đây.

I. THÔNG TIN CHUNG

- Họ và tên

- Học sinh lớp

Trường

II. THÔNG TIN ĐIỀU TRA

Câu 1: Em hãy đánh giá việc mức độ thực hiện mục tiêu giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT nơi trường em đang học

Stt	Mục tiêu	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Cung cấp cho học sinh tri thức về các chuẩn mực đạo đức, qui tắc đạo đức, lí tưởng đạo đức			
2	Giúp học sinh THPT có xúc cảm tình cảm tích cực, thái độ phù hợp với yêu cầu của các chuẩn mực đạo đức xã hội hiện nay...			
3	Hình thành và phát triển ở học sinh hành vi đạo đức, thói quen đạo đức, phù hợp với các chuẩn mực xã hội			

Câu 2: Em hãy đánh giá mức độ thực hiện nội dung giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh nơi trường em đang theo học

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.			
2.	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3.	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			

Stt	Nội dung giáo dục đạo đức	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
4.	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người			
5.	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiện nguyện.			
6.	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7.	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8.	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.			
9.	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10.	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11.	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			
12.	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt			
13.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống			
14.	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân			
15.	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			
16.	Hiểu và biết làm tròn bổn phận với người thân và gia đình			
17.	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình			
18.	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19.	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vi phạm pháp luật.			
20.	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21.	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 3: Trong quá trình giáo dục đạo đức cho HS, em thấy Thầy/Cô thường sử dụng những phương pháp nào dưới đây, mức độ thực hiện

Stt	Phương pháp	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1	Giảng giải			
2	Nêu gương			
3	Giao việc			
4	Luyện tập			
5	Rèn luyện			
6	Trách phạt			
7	Khen thưởng			
8	Thi đua			

Câu 4: Trong quá trình giáo dục đạo đức cho HS, em thấy Thầy/Cô thường thông qua những hình thức nào dưới đây, mức độ thực hiện

Stt	Hình thức giáo dục	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
1.	Hình thức có tính khám phá			
1.1	<i>Tham quan, dã ngoại</i>			
1.2	<i>Trải nghiệm thực địa</i>			
2	Hình thức có tính thể nghiệm tương tác			
2.1	<i>Tổ chức trò chơi;</i>			
2.2	<i>Tổ chức diễn đàn</i>			
2.3	<i>Sân khấu tương tác</i>			
2.4	<i>Hội thi/cuộc thi</i>			
2.5	<i>Tổ chức sự kiện</i>			
2.6	<i>Hoạt động giao lưu</i>			
3	Hình thức có tính chất cống hiến			
3.1	<i>Hoạt động chiến dịch, tình nguyện</i>			
3.2	<i>Hoạt động nhân đạo, từ thiện</i>			
4	Hình thức có tính nghiên cứu			
4.1	<i>Hoạt động câu lạc bộ</i>			
4.2	<i>Hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật</i>			

Câu 5. Em hãy đánh giá tầm quan trọng của các lực lượng tham gia GDDĐ thông HDTN cho HS dưới đây

TT	Các lực lượng	Mức độ đánh giá			
		Rất quan trọng	Quan trọng	Ít quan trọng	Không quan trọng
I	Các lực lượng bên trong nhà trường				
1	Cán bộ quản lý				
2	GV chủ nhiệm				
3	GV bộ môn				
4	Đoàn thanh niên CSHCM				
5	Hội phụ huynh				
II	Các lực lượng bên ngoài nhà trường				
6	Gia đình				
7	Hội cựu chiến binh				
8	Hội khuyến học				
9	Hội phụ nữ				
10	Cấp uỷ, chính quyền địa phương				
11	Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất				

Câu 6: Em hãy tự đánh giá về mức độ thực hiện những hành vi đạo đức dưới đây của bản thân em

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
1	Luôn tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước			
2	Có thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước			
3	Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước; các hoạt động xây dựng, bảo vệ Tổ quốc			
4	Biết yêu quý, cư xử hoà đồng với mọi người			
5	Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, các hoạt động thiên nguyện			
6	Biết tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người			
7	Biết cảm thông, chia sẻ, độ lượng với người xung quanh			
8	Biết đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, thuận lợi, khó khăn trong học tập để xây dựng kế hoạch học tập.			
9	Có ý chí vượt khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập, trong lao động			
10	Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai			
11	Biết nhận thức đúng và hành động theo lẽ phải			
12	Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt			
13	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống			
14	Tích cực, tự giác và nghiêm túc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức của bản thân			
15	Sẵn sàng chịu trách nhiệm về những lời nói và hành động của bản thân			

TT	Biểu hiện đạo đức	Mức độ		
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Chưa bao giờ
16	Hiểu và biết làm tròn bốn phận với người thân và gia đình			
17	Quan tâm bàn bạc với người thân, xây dựng và thực hiện kế hoạch chi tiêu hợp lý trong gia đình			
18	Tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động công ích, các hoạt động tuyên truyền pháp luật			
19	Đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỷ luật, vi phạm pháp luật.			
20	Hiểu và có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên			
21	Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững			

Câu 7: Để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh, theo em gia đình, nhà trường, xã hội cần làm gì?

Gia đình.....

Nhà trường.....

Xã hội....

Xin chân thành cảm ơn Em!

Phụ lục 4

**PHIẾU KHẢO NGHIỆM CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

Xin Ông/Bà đánh giá về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm bằng cách đánh dấu “X” vào ô tương ứng với mức điểm mà chuyên gia cảm thấy phù hợp nhất.

Tính cấp thiết:

1- Không cấp thiết; 2- Ít cấp thiết; 3- Cấp thiết;

Mức độ khả thi:

1- Không khả thi 2- Ít khả thi 3- Khả thi;

Các biện pháp	Tính cấp thiết			Mức độ khả thi		
	1	2	3	1	2	3
1 Lập kế hoạch giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT các trường phổ thông liên cấp phù hợp với thực tiễn vùng kinh tế trọng điểm phía Nam						
2. Tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho CBQL, GV các trường phổ thông liên cấp						
3. Phối hợp các lực lượng trong q giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT						
4. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực trong nhà trường tạo điều kiện thuận lợi thực hiện giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT						
5. Chỉ đạo giáo viên bồi dưỡng năng lực tự giáo dục, tự rèn luyện cho HS THPT						
6. Đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục đạo đức thông qua HĐTN cho HS THPT						

Xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ông/Bà!

Phụ lục 5.1

**Phiếu chuyên gia đánh về giá thiết kế hoạt động đạo đức
thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh THPT**

**TIÊU CHÍ CHO ĐÁNH GIÁ VỀ THIẾT KẾ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC
THÔNG QUA TRẢI NGHIỆM**

I. Các thông tin chung

- Giới tính? ☐ Nam ☐ Nữ
- Thâm niên dạy học? ☐ Dưới 5 năm, ☐ Từ 5 đến 15 năm,
☐ Trên 15 năm

II. Các thông tin đánh giá

Các giá trị của giáo dục đạo đức	Các tiêu chí cho đánh giá thiết kế chủ đề	Mức độ tham gia trực tiếp của học sinh				
		Thấp	=====>	Cao		
		1	2	3	4	5
1. Phát triển lí trí đạo đức	Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.					
	Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.					
2. Phát triển hành vi đạo đức	Thực hành xử lí các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.					
	Học sinh có những quan sát, ghi chép các sự kiện của cuộc sống thường ngày.					
3. Phát triển tình cảm đạo đức	Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.					
	Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.					

Phân tích SPSS về dữ liệu chuyên gia đánh giá về thực trạng thiết kế hoạt động giáo dục đạo đức thông qua trải nghiệm cho học sinh

Test Statistics ^a						
	Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	Thực hành xử lí các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.
Mann-Whitney U	6.000	7.000	9.000	10.000	5.000	11.000
Wilcoxon W	84.000	85.000	87.000	13.000	83.000	89.000
Z	-1.377	-1.072	-.601	-.461	-1.389	-.212
Asymp. Sig. (2-tailed)	.169	.284	.548	.645	.165	.832
Exact Sig. [2*(1-tailed Sig.)]	.352 ^b	.440 ^b	.659 ^b	.791 ^b	.264 ^b	.923 ^b
a. Grouping Variable: Male or female?						
b. Not corrected for ties.						

Test Statistics ^{a,b}						
	Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	Thực hành xử lí các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.
Chi-Square	5.107	4.674	5.711	.945	2.282	1.128
df	2	2	2	2	2	2
Asymp. Sig.	.078	.097	.058	.624	.320	.569
a. Kruskal Wallis Test						
b. Grouping Variable: Field trip experience						

3. Kiểm định Cronbach Alpha

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
.881	6

Item-Total Statistics				
	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	13.14	6.593	.756	.852
Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	13.07	6.533	.681	.862
Thực hành xử lý các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	14.93	6.071	.724	.855
Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	15.00	7.385	.477	.891
Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	14.86	5.209	.840	.836
Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.	14.71	6.835	.728	.858

4. Kiểm định EFA

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.743
Approx. Chi-Square		41.864
Bartlett's Test of Sphericity	df	15
	Sig.	.000

Communalities		
	Initial	Extraction
Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	1.000	.703
Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	1.000	.601
Thực hành xử lí các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	1.000	.687
Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	1.000	.354
Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	1.000	.824
Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.	1.000	.663
Extraction Method: Principal Component Analysis.		

Total Variance Explained						
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	3.832	63.864	63.864	3.832	63.864	63.864
2	.895	14.917	78.781			
3	.589	9.812	88.593			
4	.332	5.526	94.120			
5	.259	4.315	98.435			
6	.094	1.565	100.000			
Extraction Method: Principal Component Analysis.						

Component Matrix ^a	
	Component
	1
Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	.908
Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	.839
Thực hành xử lý các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	.829
Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.	.814
Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	.776
Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	.595
Extraction Method: Principal Component Analysis.	
a. 1 components extracted.	

5. Kiểm định Friedman

Descriptive Statistics								
	N	Mean	Std. Deviation	Minimum	Maximum	Percentiles		
						25th	50th (Median)	75th
Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	14	4.00	.555	3	5	4.00	4.00	4.00
Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	14	4.07	.616	3	5	4.00	4.00	4.25
Thực hành xử lý các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	14	2.21	.699	1	3	2.00	2.00	3.00
Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	14	2.14	.535	1	3	2.00	2.00	2.25
Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	14	2.29	.825	1	3	1.75	2.50	3.00
Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.	14	2.43	.514	2	3	2.00	2.00	3.00

Ranks	
	Mean Rank
Thảo luận và suy nghĩ về các chuẩn mực, qui tắc đạo đức.	5.46
Kết nối các qui tắc đạo đức đến các tình huống, vấn đề đạo đức thường ngày ở địa phương.	5.54
Thực hành xử lý các vấn đề đạo đức gắn với tình hình thực tế ở địa phương.	2.43
Giám sát tham gia của học sinh trong các sự kiện của cuộc sống thường ngày.	2.21
Sự tham gia phản ánh ý nghĩa của kinh nghiệm trong đời sống cộng đồng.	2.54
Sự tham gia xây dựng lớp học trở thành một cộng đồng học tập yêu thương, chăm sóc của học sinh.	2.82

Test Statistics^a

N	14
Chi-Square	60.050
df	5
Asymp. Sig.	.000

a. Friedman Test

Phụ lục 6

PHIẾU ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP

(Dành cho giáo viên tham gia chương trình bồi dưỡng)

Thầy/cô sẽ mất chừng 10 phút để trả lời các câu hỏi này. Ý kiến trả lời của thầy/ cô sẽ được ẩn danh, do vậy xin hãy trả lời thật trung thực về ý kiến của mình

1. Cảm nhận của thầy cô về các chuyên đề bồi dưỡng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm?

Nội dung bồi dưỡng	Rất phù hợp	Phù hợp	Có thể áp dụng	Không phù hợp	Rất không phù hợp
1. Phổ biến văn bản quy định về GD ĐĐ; Luật giáo dục; điều lệ nhà trường... Chuẩn đầu ra của chương trình giáo dục phổ thông. Vị trí, vai trò của HĐTN trong phổ thông mới					
2. Lí thuyết học tập trải nghiệm; Giáo dục đạo đức thông qua mô hình học tập trải nghiệm của Kolb; Chương trình HĐTN - hướng nghiệp đối với bậc THPT trong CT giáo dục phổ thông mới					
3. Các vai trò, chức năng của CBQL, giáo viên, GVCN lớp trong GD ĐĐ thông qua HĐTN cho HS					
4. Quy trình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS					
5. Kỹ năng tổ chức hoạt động GDĐĐ thông qua HĐTN					
6. Kỹ năng phối hợp các lực lượng trong GD đạo đức cho HS; KN xử lý tình huống trong GD đạo đức					
7. Kỹ năng đánh giá kết quả GD đạo đức HS, đánh giá kết quả hoạt động					

2. Nhìn chung, thầy cô cảm nhận như thế nào về toàn bộ khóa bồi dưỡng?

☐ Rất hài lòng

☐ Hài lòng

☐ Có thể chấp nhận được

☐ Không hài lòng

☐ Rất không hài lòng

Xin cảm ơn thầy cô!

PHỤ LỤC 7

**PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC VIÊN VỀ VIỆC HIỆU QUẢ
CỦA HOẠT ĐỘNG BỒI DƯỠNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC THÔNG QUA
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH THPT**

TT	Các tiêu chí đánh giá thử nghiệm	Tự đánh giá của học viên	
		Trước BD	Sau BD
2	Nâng cao năng lực đội ngũ thực hiện GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông		
	- Nhận thức của CB, GV:		
	+ Nhận thức được việc tham gia giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS là trách nhiệm của mọi CB, GV trong trường		
	+ Nhận thức được vai trò của đạo đức trong việc phát triển nhân cách học sinh		
	+ Nhận thức được đạo đức có vai trò thúc đẩy các nhân phát triển		
	+ CB, GV có khả năng tự xây dựng kế hoạch thực hiện		
	+ GVCN chủ động phối hợp với gia đình, xã hội để GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho HS		
	+ Cán bộ các đoàn thể trong trường nắm bắt mọi		
	chủ trương, đường lối của Đảng, của chính quyền, của nhà trường về việc GD đạo đức cho HS.		
	- Bồi dưỡng năng lực tổ chức các GD đạo đức		
	<i>Năng lực sư phạm</i>		
	+ Giáo viên có năng lực tổ chức hoạt động		

TT	Các tiêu chí đánh giá thử nghiệm	Tự đánh giá của giáo viên	
		Trước bồi dưỡng	Sau bồi dưỡng
	Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm		
	+ Giáo viên có năng lực thiết kế		
	Giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh		
	+ Các LLGD có năng lực ứng xử các tình huống trong giảng dạy và giáo dục theo định hướng giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh		

TT	Các tiêu chí đánh giá thử nghiệm	Tự đánh giá của giáo viên	
		Trước bồi dưỡng	Sau bồi dưỡng
	<i>Năng lực chuyên môn</i>		
	+ Giáo viên có kiến thức khoa học về GD đạo đức, hoạt động trải nghiệm và các kiến thức liên quan		
	+ Giáo viên có phương pháp tổ chức GD đạo đức thông qua HĐTN cho học sinh		
	+ Giáo viên có tinh thần sáng tạo, khả năng đúc rút và phổ biến kinh nghiệm GD đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm.		
	+ Giáo viên có khả năng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về việc giáo dục đạo đức thông qua hoạt động trải nghiệm cho mình và đồng nghiệp.		
	+ Giáo viên có khả năng nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh		
	+ Giáo viên có khả năng nắm bắt mục đích yêu cầu mục tiêu giáo dục đạo đức; có đủ kiến thức, kỹ năng để tổ chức tốt hoạt động GD đạo đức cho học sinh		